

FAUJÉRY

Saint - Jims

# Ở NGƯỜI TA

Terre des Hommes

Bản dịch  
Bùi Giáng



Tên nhà in III



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

**Cõi người ta**

Tác giả: Antoine de Saint-Exupéry

Dịch giả: Bùi Giáng

Nguyên tác: *Terre Des Hommes*

Nhà xuất bản: Văn nghệ

Năm xuất bản: 2005

Số trang: 252

Thực hiện ebook: hiepsiga

Ngày hoàn thành: 20/11/2010

Nguồn: <http://www.e-thuvien.com/>

----**TVE**----

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

## TIỂU SỬ SAINT – EXUPÉRY



*Saint – Exupéry sinh năm 1900, mất năm 1944 (ông lớn hơn Albert Camus 16 tuổi). Nhà – văn – phi – công đại tài, trở thành trứ danh với cuốn Bay đêm (Vol De Nuit), giải thưởng Fémina, 1931; trước đó đã có ra Tàu Thợ về Nam (Courrier Sud). Tiếp theo sau là Phi công thời chiến (Pilote de Guerre), Hoàng tử bé (Petit Prince), Cõi người ta (Terre Des Hommes)...*

Những kỉ niệm của ông trong cuộc sống ở Sahara làm phấn phát tinh thần ông, linh cảm ông, và xui ông chọn lựa sa mạc như là chỗ đồng nhất quy lai của cái chốn, cái nơi ông đi về.

Quy tụ toàn thể tự niệm tư tưởng suốt bình sinh – một bình sinh chịu tử diệt để hồi sinh giúp đồng bào thiên hạ nhận thấy đâu là chốn đi về của mọi hoạt thể lao tứ, lao tâm. – “Gia đình, nhà cửa, nghề nghiệp, lao động, cuộc hòa đồng của nhân loại, và cuộc gắng gỏi vô cùng tận để đạt tới một sự đồng cảm vượt xa cuộc hì hục bình sinh của mỗi cá nhân...”

Tính cách nhân bản lạ lùng của ông đã giúp cho mọi người trong “bốn biển một nhà” bằng linh cảm (dự cảm) của tâm linh, nhận ra đâu là cứu cách tuyệt đối của những “cánh hồng bay bổng tuyệt vời...”

Cuộc tán loạn lưu ly xã hội Âu Châu giữa trận hung tàn Đệ Nhị Thế Chiến, những khốc liệt mà ông đã chứng kiến ngay trên xứ sở ông, những biến cố kỳ lạ ông đã chứng giám ngay trên đất Huê Kỳ, đã có tác dụng

chuyển hướng những tư niệm của ông. Ông sang Huê Kỳ năm 1940 (tháng Chạp). Ông rời New York đầu năm 1941... đi về *California* chữa bệnh... Trở về New York... Ông tiếp tục làm việc – ghi vào trong Hoàng tử bé bằng một ngôn ngữ tượng trưng – thơ mộng vô cùng, và xa thẳm vô cùng – Tất cả cái tiếng Hót của con Thiên Nga trước khi lìa cõi đời vĩnh viễn... (Có lẽ, nếu hoàn cảnh cho phép, chúng ta sẽ gặp lại Saint – Exupéry trong một vài tác phẩm khác) – Những tài liệu trên đây đều góp nhặt từ nhà Gallimard.

Bùi Giáng

1995

## TỰA

Câu chuyện kể, là chuyện phi công và phi cơ.

Nhưng giọng người là giọng trần gian đi tìm linh hồn mình giữa non nước quanh.

Văn minh, văn hóa đương phiêu bồng đợi giờ thành tự. Những xế chiều ký niệm đương linh cảm sương vàng bình minh.

Saint-Exupéry đã đi mất từ lâu, nhưng tiếng ngân dài trong suốt vẫn xuyên vào trong giấc chiêm bao thương nhớ của những người ở lại.

Kẻ trước, người sau, xin “dịch” đi, dịch lại những lời... Dịch, biến làm chuyển dịch cho tương giao. Bất cứ nhìn ai cảm cú dịch Saint-Exupéry, ta hãy xem như đó là chuyện chung của những con người rủ nhau ghé vào bờ mộng. “Ở giữa lòng một vài đêm thâm lục nhạt, tôi đã nhìn những tia lửa băng trời thành một đường rẽ vút như một làn gió dài dàn rộng giữa muôn sao”.

### SAINT-EXUPÉRY

Theo dõi giấc mộng dài của Saint-Exupéry, lại gọi ngôn ngữ Việt Nam về hạ tứ, nhiều phen phải bàng hoàng: Chúng ta đứng trước mấy lần hiểm họa của màu sắc lục hồng cứ trùng điệp rủ nhau bay, tung lên và phủ xuống. “Phi hồng trường phát phi kiên. Ôi mùa tích lục phi tuyền lên cao”.

René Char còn bảo: “*Ne regardez qu’une fois la vague jeter l’ancre dans la mer. Hãy nhìn chỉ một lần thôi, làn sóng thả neo vào lòng biển*”.

Dịch văn – sao cứ gọi là dịch? – dịch văn biến thành câu chuyện: vừa bay lên, vừa lặn xuống, vừa nối liền hai bờ ngôn ngữ quá xa nhau. Thật vừa vui, vừa mệt mỏi.

Ngôn ngữ đa âm đòi hỏi lối phiên dịch như thế nào qua ngôn ngữ đơn âm? Đó là điều đáng xui chúng ta tư lự dăm chiêu.

Vì lẽ: tiết điệu đa âm có một phong thái dồi dào đương yêu cầu được tái hiện. Đây là trường hợp: ở bên kia từ ngữ, tiết nhịp của ngôn ngữ đương nói rất nhiều.

May sao, Việt ngữ đơn âm lại giàu sang âm vận. Nhưng không phải: ở mọi cơ hội, đều giản dị giàu sang. Do đó cần thêm một chút chuyển giao thỏa đáng, thì lời dịch sẽ tái lập được “cung bậc” gieo vàng của nguyên ngôn. Mà nguyên ngôn Saint-Exupéry lại chứa chan những thơ mộng khi u trầm, ngậm ngùi, lúc lộng lẫy. Cái điệu nói la cà điệu vợi, vừa chát chát vừa hắt hiu, lúc nhắc tình bạn hữu, lúc gọi tiếng U già, lúc chuyện trò với gái trên nhịp cầu hai cỏi hoang vu. “Tả nhi nữ tư tình, đấng khí hồi trường. Tả anh hùng sự tích, nghĩa bạc vân tiêu”.

Hai điệu xì gà của một ông bạn cho tôi hôm qua, tôi vừa hút xong hết cả. Vậy xin kết thúc.

**B.G.**

T.B. Trong bản dịch, có mấy chỗ tôi thêm vài lời, ấy là gắng đưa ngôn ngữ đơn âm đuổi theo tiết điệu ngôn ngữ đa âm. Thành thoảng lại bớt vài lời, ấy là bởi: Việt ngữ mang nhiều tính chất parataxique, trong khi Pháp ngữ lại triệt để là một ngôn ngữ Syntaxique.

## Mở Đầu

Đất dạy ta hiểu hơn mọi sách vở. Vì đất cưỡng kháng lại ta. Con người tự khám phá ra mình là lúc độ sức với trở ngại. Nhưng muốn đạt tới, cần phải có một dụng cụ. Cần một cái bào, hoặc một cái cày. Trong cuộc cày bừa, người nông dân dần dà cướp giật được của thiên nhiên một vài bí nhiệm, và chân lý anh tìm được cũng là chân lý suốt cõi muôn năm. Phi cơ cũng vậy: dụng cụ hàng không kia, cũng đặt con người trở lại trong những vấn đề cũ.

Trước nhãn quan của mình, tôi luôn nhìn thấy lại chuyển bay đêm lần đầu tại Argentine, một đêm tăm tối, nhìn xuống bình nguyên chỉ thấy một vài ánh sáng cô đơn lấp lánh thưa thớt như những vì sao.

Trong bóng tối bao la mờ mịt, mỗi ánh đèn báo hiệu mỗi hiện diện huyền diệu của mỗi tâm linh. Chỗ này, người ta đang xem sách, người ta đang suy tưởng, người ta đang thổ lộ tâm tư. Nơi kia có lẽ người ta đang dò dẫm không gian, người ta đang mồi mòn trước những con số, tính toán mãi về tinh vân Andromède. Chỗ nọ, người ta đang yêu đương. Đó đây, lác đác trên cánh đồng, những ánh lửa đang đòi hỏi được nuôi dưỡng, giữ gìn. Cho đến cả những ánh đèn kín đáo nhất, của nhà thơ, của nhà giáo, của người thợ mộc. Nhưng giữa đám sao ràn rạt sống động kia còn biết bao cánh cửa kín bưng, biết bao tinh cầu tắt lịm, biết bao con người ngủ say.

Phải gắng làm sao tiếp ứng nhau.

Phải gắng thử tương giao với một vài đốm lửa đang thưa thớt cháy trong cánh đồng bình lặng dưới kia.

## I: DẶM ĐƯỜNG BAY

Thủa ấy, vào năm 1926. Tôi vừa được tuyển dụng làm tập sự phi công đường dài của hãng Latécoère. Hãng này, trước Air-France và Aéropostale, từng chuyên trách liên lạc hàng không giữa Toulouse và Dakar. Tôi học nghề tại đó. Cũng như mọi đồng nghiệp khác, đến lượt tôi phải chịu những đợt thử thách dành cho những phi công tập sự trước lúc nhận cái vinh dự lái những chuyến chở thư tín. Những cuộc tập dượt lái thử các kiểu phi cơ, những lần di chuyển giữa Toulouse và Perpignan, những bài học buồn thiu về khí tượng ở tận một căn phòng sâu hút trong một xưởng giá băng. Chúng tôi sống trong mối e ngại những dãy núi Tây Ban Nha mà mình chưa được biết, và sống trong niềm tin phục, tôn kính những bạn đồng nghiệp lão thành.

Các vị này, chúng tôi vẫn thường gặp lại trong tiệm ăn. Họ khó tính và cách biệt. Khuyên bảo đàn em với giọng điệu kẻ cả kiêu kỳ. Mỗi khi có một người trong bọn họ từ Alicante hoặc từ Casablanca về chậm, áo choàng da đẫm nước, nếu trong bọn chúng tôi có kẻ rụt rè hỏi thăm về chuyến bay ấy, thì những lời đáp cộc lốc của họ cùng với cảnh trời giông bão, đã tạo cho chúng tôi một thế giới hoang đường, một thế giới đầy những cạm bẫy hiểm nghèo, những gian nan bất trắc, những vách đá sừng sững đột ngột hiện ra, những cơn lốc cuồng loạn cơ hồ muốn lật nhào cổ thụ, bật rễ từng bách như chơi. Thế giới của những con hắc long khổng lồ đứng chặn lối vào thung lũng, của những tròng chớp động vây bọc đầu non. Các bạn kỳ cựu kia đã khéo nuôi dưỡng lòng kính phục của chúng tôi. Và thỉnh thoảng trong đám người ấy có một kẻ bay đi không thấy trở về, thì ông trở thành thiên thu khả kính.

Cùng với những kỷ niệm kia, tôi nhớ lại chuyến trở về của Bury, người mà về sau sẽ tử nạn tại Corbières. Anh phi công lão thành này vừa ngồi vào giữa bọn chúng tôi và đang mệt nhọc dùng bữa, không nói một lời, hai vai còn nặng trĩu những cố gắng đã chịu đựng trong chuyến bay. Đó là vào tối một ngày trời xấu, một trong những ngày mà suốt con đường hàng không trời mây đen kịt tối sầm, núi rừng trùng điệp trước mắt phi công cùng theo



nhau cuộn cuộn trôi trong một màu mực đen ngòm, giống như những khâu thần công đứt mấu âm ỹ lẫn lông lốc trên boong chiếc tàu buồm thuở xưa.

Tôi nhìn Bury, tôi nuốt nước bọt, và cuối cùng đánh bạo xin hỏi liệu xem cho biết chuyến bay của anh vừa rồi có phải gian nan lắm không.

Bury dường như không nghe tiếng tôi hỏi, anh nhú trán, cúi gằm đầu trên đĩa ăn. Trên những chiếc máy bay trần, gặp trời xấu, người ta thò đầu ra ngoài kính cửa để nhìn cho rõ cảnh vật, thì gió lạnh tạt vào tai, rít lưng bùng trong đó mãi... Chợt Bury ngẩng đầu, như có vẻ đã nghe ra câu tôi hỏi, như có vẻ sức nhớ lại, và đột ngột buông tiếng cười rộ. Tiếng cười tuyệt diệu, Bury vốn rất ít khi cười, cái cười ngắn ngủi làm rạng ngời cơn nhọc mệt của anh. Anh không giải thích gì thêm nữa về sự đặc trưng của mình, anh nghiêng đầu lặng lẽ tiếp tục nhai. Nhưng trong phòng ăn xám xịt, ngòi giữa đám công chức nhỏ đang gặng gượng tìm cách quên đi những nhọc mệt rời rã ban ngày, thì người bạn có đôi vai nặng trĩu kia mang một vẻ cao nhã lạ thường. Qua cái bệ ngoài cục mịch, ta nhìn thấy rõ vị thiên thần ảo diệu đã nhiếp phục con rồng đen.

Rồi tới ngày đến lượt tôi được gọi vào phòng ông giám đốc.

Ông điềm nhiên bảo:

- Ngày mai anh đi.

Tôi đứng yên, chờ ông cho phép lui gót. Nhưng im lặng một lúc, ông nói thêm:

- Anh đã rõ các chỉ thị rồi chứ?

Máy bay thời đó không đảm bảo như máy bay ngày nay. Nhiều lúc tự nhiên phát-động-cơ đột ngột vỡ toang, loảng xoảng phá-liệt hết như tiếng chén đĩa bể. Mình lại đương đi về hướng vùng núi Tây Ban Nha, nơi không một chỗ hạ cánh tị nạn. “Ở đây, khi máy hỏng, thì phút chốc hỡi ôi! Phi cơ hỏng theo liền”, chúng tôi tự bảo mình như vậy. Nhưng một chiếc phi cơ hỏng, thay thế có khó gì. Điều cần yếu là đừng có đại đột mù quáng lao đầu bừa xuống núi. Vì thế cho nên mệnh lệnh ban ra nhất thiết cấm ngặt chúng tôi (nếu bất tuân, sẽ bị phạt rất nặng) không được bay qua các vùng biển

mây mù mịt vây phủ các vùng núi non. Lúc máy hỏng, nếu phi công đang len lỏi bay giữa những dải mây trắng xóa, thôi chỉ còn có thể đâm đầu vào núi mà không biết, không hay.

Thế nên chị đêm ấy, một giọng nói chậm rãi đã nhấn mạnh vào những mệnh lệnh phải theo.

- Cái việc dùng địa bàn mà bay, giữa những biển mây xứ Tây Ban Nha, hừ, bảnh thật. Nhưng...

Giọng nói càng chậm rãi hơn:

- ... Nhưng chớ nên quên rằng bên dưới những biển mây kia là ngàn năm ngủ mãi.

Bỗng dừng cái bình lặng phẳng lì đơn giản ta khám phá được mỗi khi nhô lên khỏi các tầng mây, bỗng dừng đối với tôi, cái thế giới đó đã mang một ý nghĩa lạ. Cái dịu dàng biến thành cạm bẫy. Tôi hình dung cái cạm bẫy bắt ngát trắng phau kia đương nằm dưới thân dàn trải ngay dưới bước chân mình; dưới kia, không như thiên hạ tưởng, dưới kia chẳng hề có nô nức của loài người, dập dìu của phố thị: dưới kia chỉ có lặng lẽ thiên thu, im lìm vạn thuở. Cái khoảnh tròn cuồn cuộn, trắng phau kia đã biến thành biên giới giữa hai cõi thực và hư, giữa hai bờ chân và ảo. Và tôi đã linh cảm một điều: một cảnh tượng chỉ có ý nghĩa nào là; được nhìn qua một nền văn minh, một nghề nghiệp, người dân miền núi cũng nhìn mãi những biển mây, nhưng họ không nhìn ra cái tấm màn hoang đường kỳ diệu kia trong đó.

Lúc ra khỏi phòng ông giám đốc, tôi cảm thấy một niềm kiêu hãnh thơ ngây. Tảng sáng ngày mai đây, tới lượt tôi lên đường, mang trách nhiệm về một số hành khách, mang trách nhiệm về chuyến thư tín sang Phi Châu, nhưng đồng thời cũng thấy tự thẹn. Tôi nhận ra quả thật mình chưa chuẩn bị được chu đáo. Tây Ban Nha không có nhiều nơi lánh nạn; gặp khi máy hỏng, biết tìm đâu một thửa ruộng để thoát thân. Trên bản đồ khô khan tôi cảm cúi tìm nhưng chẳng thấy một vài chỉ dẫn tôi đương cần. Lòng vừa ngại ngùng vừa kiêu hãnh, tôi tới phòng anh bạn Guillaumet để qua cái

đêm trầm trọng. Guillaumet đã quen đi lại con đường ấy trước tôi. Guillaumet hẳn là phải biết nhiều bí quyết để nắm lấy chìa khóa mở ngõ Tây Ban Nha, tôi cần gặp Guillaumet để xin thụ nghệ.

Vừa tới phòng anh, anh tươi cười hỏi:

- Tôi biết tin rồi. Anh hài lòng chứ?

Anh mở tủ lấy chai rượu mạnh và hai cái cốc quay lại, vẫn tươi cười:

- Ta uống rượu mừng. Anh biết đó nhé, mọi sự trôi chảy êm ru.

Anh ta gieo niềm tin tưởng hồn nhiên như đèn tỏa ánh sáng, anh chính là người về sau sẽ phá kỷ lục lái tàu thư tín tại vùng Codillère des Andes và Nam Đại Tây Dương. Tối hôm ấy, mặc sơ mi trần, khoanh tay mỉm cười dưới ánh đèn, cái nụ cười hiền hậu bao dung, anh bảo tôi mấy lời giản dị: “Bão táp, sương mù, tuyết lạnh, thỉnh thoảng chúng sẽ làm khổ thân anh. Hãy nghĩ tới những người trước anh đã từng gặp những chuyện ấy rồi, và hãy hân hoan tự nhủ: chuyện gì thiên hạ làm được, thì bao giờ ta cũng có thể làm nên”. Tuy nhiên, tôi vẫn mở địa đồ ra và nhờ anh dù sao cũng nên cùng tôi xét lại cuộc hành trình. Và nghiêng thân dưới ánh đèn, tựa lên vai người bạn, tôi sống lại một phút giây bình thản của đời sống học sinh ngày cũ.

Nhưng bài học địa dư tối hôm ấy quả là một bài học dị thường. Anh Guillaumet không dạy tôi học về Tây Ban Nha; anh biến Tây Ban Nha thành một người bạn thân ái của tôi. Anh không hề nói qua về những song ngòi, về dân chúng, về súc vật xứ này. Anh không nói đến thành Guadix, nhưng lại nói tới ba cây cam quanh một cánh đồng gần thành Guadix: “Anh phải lưu ý tới ba cây cam ấy, phải coi chừng, ghi chúng vào bản đồ đi...” Từ đó, ba cây cam kia chiếm nhiều chỗ trên tấm bản đồ hơn rặng núi Sierra Nevada. Anh Guillaumet không nói gì về thành Lorca, nhưng lại nói về một cái nông trại nhỏ ở gần Lorca. Một nông trại sống. Một nông trại linh hoạt. Và người chủ trại. Và vợ người chủ trại. Thế là bỗng dưng cặp vợ chồng này mang một ý nghĩa vô cùng hệ trọng đối với tôi – một cặp vợ chồng sống ở đâu đâu, cách biệt tôi một ngàn rưỡi cây số, lẫn bóng mơ hồ giữa

không gian. Sống yên ổn nơi sườn non biệt lập, giống như những kẻ coi giữ hải đăng, cặp vợ chồng này sẵn sàng chạy đi tiếp cứu mọi kẻ lâm nguy.

Bài học tối hôm đó đã đánh thức những gì? Từ cõi lãng quên, từ miền xa vắng, từ những xứ cách biệt nghìn trùng, chúng tôi đã lôi ra và dựng dậy những hình hài, những ủy khúc chi li mà không một nhà địa lý học nào ở khắp thế giới có thể biết ra. Đối với một nhà địa dư học, thì con sông Ebre mới là đáng chú ý, vì nó chảy qua nhiều vùng đô thị lớn. Họ lưu tâm làm gì tới cái khe nhỏ len lỏi giấu thân trong lá cỏ ở phía Tây thành Motril? Bất quá nó chỉ nuôi dưỡng được vài ba chục đóa hoa mà thôi. “Anh phải coi chừng cái khe còn con đó nhé. Cánh đồng mùm mím, chỉ tại nó mà trở nên đáng sợ... Ghi vào ngay bản đồ đi”. A! Tôi sẽ ghi nhớ nhiều ngày cái con rắn thành Motril! Nó lập lòe tí tẹo, trông chả ra cái dạng gì gì nhiều cho lắm, thì với tiếng nước chảy xè xè, nó mê hoặc say sưa vài con ếch ương ếch nhái, nhưng kỳ thật là tối ư nguy hiểm: nó giả vờ vô sự, nó duỗi thân thiu thiu ngủ, và nhắm mắt chỉ nửa con người. Giữa thiên đường cánh đồng tế độ vớt trâm luân, nó duỗi dài mình mây dưới cỏ hoa, nằm chờ tôi cách chỗ tôi ngồi đây ngót hai nghìn cây số. Chỉ gặp nó một lần! Thôi cũng đủ tan rã mất thịt xương...[\[1\]](#)

Tôi vẫn xin sẵn sàng chờ đợi những ba chục con cừu dàn trận sẵn nơi kia, bên sườn đồi sắp mở cuộc đánh úp: “Anh tưởng cánh đồng cỏ yên lành, vù một cái! Ba chục con cừu bỗng loạn cuồng tung vó ngay dưới bánh phi cơ...”. Và tôi chỉ đáp bằng một nụ cười đê mê kinh dị, trước sự hăm dọa hiểm ác kỳ tuyệt như thế kia.

Cứ từ từ như vậy, dưới ánh đèn chong, xứ Tây Ban Nha trong tấm bản đồ của tôi, cứ dần dà biến thành xứ sở của những chuyện thần tiên. Tôi vạch dấu chữ thập những nơi tị nạn, và những chỗ cạm bẫy. Tôi ghi dấu chỗ nông trại, chỗ ba mươi con cừu, chỗ dòng khe ẩn dạng. Tôi ghi thật đúng chỗ, cái vị trí của bà chủ trại, mà các nhà địa dư học đã bỏ qua.

Lúc từ già Guillaumet, tôi cảm thấy hai chân cần bước đi, trong cái đêm đông giá buốt này. Tôi kéo cổ áo choàng lên và giữa đám người qua lại vô tình, tôi triền miên nghe máu tim mình tươi vui vỗ nhịp. Len lỏi sát vách

những người không quen, tôi hân hoan với niềm riêng tâm sự. Họ không biết tôi, những người “du di man rợ” ấy, nhưng những ưu tư của họ, nhưng những hưng phấn ân tình của họ, chính tôi là kẻ được họ gửi gắm sớm hôm sau, lúc trời hồng dậy, tôi lên đường với những bọc thư tín mang theo. Chính trong tay tôi là chỗ của mộng đời họ ký thác. Cuộn thân mình trong chiếc áo choàng ấm áp, tôi bước đi theo nhịp bao dung của linh hồn lãnh tụ, nhưng nào họ có biết gì về tấm lòng tôi ân cần “hạ cố đến nhau” đâu.

Họ cũng chẳng hề lưu ý tới những lời nhắn gửi của đêm đông vì đâu mà hạ tứ gieo vàng cho riêng lòng lãnh tụ mộng ân. Vâng, cái đêm tĩnh mịch này có liên can tới thịt xương của tôi đó. Và cơn bão tố nào đương soạn sửa, và sẽ gây rối rắm cho cuộc viễn du thứ nhất này, nào ai biết tới đâu. Tinh tú mờ dần, lần lượt tắt đi, những người qua đường hồn nhiên dạo gót, làm sao mà nhìn thấy cho ra? Tôi một mình cùng ngàn sao tâm sự. Tôi một mình đón nhận những lời ban báo về vị trí quân thù, trước khi mở cuộc đấu tranh...

Tuy nhiên những khẩu lệnh trầm trọng liên can tới đời tôi, thật ra tôi đã thọ lãnh bên cạnh những tử gương sáng chiếu, rạng ngời những quà lễ Giáng Sinh. Trong những tử hàng kia, dường như đã phơi bày, trong một đêm mùa đông kỳ vọng, tất cả những kho tàng của mặt đất, và tôi đã đê mê hưởng thụ niềm thanh lạc của con người chực từ khước hết để ra đi. Tôi là một chiến binh đương bị hăm dọa: tôi lưu luyến làm gì những chuỗi hạt thủy tinh dùng để trang hoàng những buổi hội, tôi nặng tình chi nữa với những chụp đèn, với những quyển sách kia. Đứng tại đây, mà hình hài thể phách đã ký thác vào những mù sương vây phủ, những mây kéo tối sầm; đứng ở đây mà hồn phi công nghìn dặm đã nhấm thấy trước rồi, các vị chất những đêm bay.

Tôi được đánh thức dậy lúc ba giờ sáng. Tôi đẩy mạnh cánh cửa chớp, nhận thấy trời đang mưa trên phố, tôi trang nghiêm mặc áo quần.

Nửa giờ sau, ở vệ đường, ngồi bên chiếc va ly nhỏ, tôi chờ chiếc xe buýt đến. Biết bao bạn đồng nghiệp trước tôi, trong ngày được chuẩn nhận vào nghề, cũng đã từng ngóng đợi như tôi, lòng se se lại.

Từ góc đường, chiếc xe thời cũ đã nhô ra, tiếng kêu rầm rộ. Đến bây giờ tới lượt mình, tôi cũng như các bạn đồng nghiệp cũ, được quyền ngồi trên chiếc ghế băng dài, chen giữa một ông ký nhà đòan chưa tỉnh ngủ và một vài công chức khác. Chiếc xe hôi mùi mốc, là hình ảnh những công sở bụi bặm, những bàn giấy cũ mòn, những cuộc đời tàn lụi. Cứ khoảng năm trăm thước, chiếc xe lại dừng, để chở thêm một thầy ký, một nhà đòan, một ông thanh tra nào nữa. Kẻ mới bước lên, buông tiếng chào, xen vào ghế; kẻ đã ngồi từ trước, chớm ngủ thiu thiu, cắn nhả gù gật. Rồi mọi người cùng lần lượt lịm vào giấc thiu thiu. Trên các chặng đường trái đá gồ ghề phố Toulouse, chiếc xe đi, thật là điều ảo não... Và người phi công dậm trường ngồi chen trong đám công chức, thoát tiên, chẳng có gì phân biệt hết... Nhưng những cột đèn cứ nối tiếp chạy dài, nhưng phi trường cứ càng gần thêm mãi, và chiếc xe chở khách cũ kỹ lắt lay kia chỉ còn là cái kén mốc, và con người từ trong đó lột xác bước ra.

Mỗi bạn đồng nghiệp cũng từng đã như tôi, một sớm mai tương tự, đã từng cảm thấy tại thân mình, trong hình hài kẻ thuộc hạ dễ bị tổn thương, chịu quyền uy của viên thanh tra cau có, bất chợt nảy nở ra con người mang trách nhiệm chuyến tàu thư đi Tây Ban Nha và Phi châu; bất chợt nảy ra con người lát nữa, giữa loạn cuồng sấm chớp, sẽ đương đầu với rặng núi Hospitalet năm đen ngòm như một con hắc long... ba giờ sau, ấy thế; bốn giờ sau, lúc đã chiến thắng con rồng đen, người ấy sẽ hoàn toàn tự do tự mình định đoạt nên bay vòng eo biển hay nhào thẳng tới tấn công dãy núi Alcoy, đem gan liền ra thi tài đấu sức với bão tố, với biển rộng, rừng sâu.

Mỗi bạn đồng nghiệp lẫn lộn trong đám phi công vô danh dưới vòm trời đông đen kịt Toulouse, đã từng cảm thấy, dưới một buổi mai tương tự buổi mai này, cứ như lớn rộng mãi trong thân mình một vị chúa tối thượng năm giờ sau sẽ khởi sự tiện gió cất lìa dậm khơi, thả cánh bằng, nhằm phố Alicante mà hạ xuống, trong nắng hè chói rục ngày hạ huy hoàng, bỏ lại sau lưng cả một mùa đông phương Bắc, với mưa sâu tuyết hận phía sau...

Chiếc xe hàng cũ kỹ biến mất rồi, nhưng vẻ khắc khổ, điệu ì ạch gập ghềnh kia, tôi còn giữ nguyên trong kỷ niệm. Nó tượng trưng đầy đủ sự

chuẩn bị, rèn luyện cần thiết để thâm cảm một niềm vui trong khổ nhọc của nghề mình. Mọi sự trong nghề này đều đơn giản một cách hời hợt. Trong cõi đó, ba năm sau, tôi đã nhận được tin anh phi công Lécivain chết, mà lời trao đổi không quá hai câu; Lécivain, một trong số một trăm bạn đồng nghiệp trên một con đường bay, một ngày sương hoặc một đêm mù tối, đã đi vào cõi yên nghỉ thiên thu.

Lúc ấy vào khoảng ba giờ sáng, cũng canh chầy tỉnh mịch, bỗng nghe trong bóng tối vị giám đốc lên tiếng hỏi viên thanh tra:

- Tối nay Lécivain không thấy hạ cánh xuống Casablanca.

- A! Hả?

Và như sự tỉnh mộng dài, anh gắng cho tỉnh táo để tỏ lòng sốt sắng, anh hỏi thêm:

- A! Thế ư? Y không qua được? Y quay về?

Từ cuối chuyến xe khách, văng lên một lời đáp gọn lỏn: “Không”. Chúng tôi chờ nghe tiếp, nhưng không một tiếng nào thêm. Và giây khắc qua, giây khắc biến, càng rõ ràng cái tiếng “không” kia, là tuyệt-đối-tiếng-không; rằng không là không những Lécivain đã không hạ cánh xuống Casablanca, mà cũng không bao giờ anh sẽ còn hạ cánh xuống bất cứ một nơi nào được nữa.

Buổi mai đó, buổi mai mở màn chuyến bay đầu tiên của tôi, tôi cũng như các bạn đồng nghiệp, xin khuất mình nhận đủ các nghi tiết thiêng liêng của nghề nghiệp, và cảm thấy thiếu mất tự tin, lúc nhìn ra bên ngoài thấy con đường trải đá lấp loáng phản chiếu bóng đèn lồng. Trên đường, những vũng nước đọng, từng đợt gió bay qua làm lăn tăn mặt nước. Và tôi nghĩ: “Đây chuyến bay đầu... thật tình... ta không may mắn lắm.” Tôi ngẩng nhìn viên thanh tra: “Thế này có phải là xấu trời chăng?” Viên thanh tra mỗi một nhìn ra cửa kính: “Đâu có chắc gì?” Giọng ông cần nhắc. Tôi tự hỏi: bằng dấu hiệu nào mới biết được trời xấu? Tối hôm qua, riêng với một nụ cười, anh Guillaumet đã xóa hết mọi triệu chứng không hay mà các bạn kỳ cựu đã làm chúng tôi e sợ, nhưng bây giờ tôi nhớ hết: “Kẻ nào không thuộc đường

mình, thuộc từng đường sỏi, nếu y gặp một trận bão tuyết... thật đáng thương thay! A! Vâng! Thật đáng thương thay!...” Họ buộc lòng phải giữ thể diện với đàn em, họ lắc đầu nhìn chúng tôi chòng chọc với một lòng thương hại đáng bực phần nào, như chừng họ ái ngại nơi chúng tôi những lỗi lầm quá hồn nhiên đại dột.

Và thật vậy, đối với bao nhiêu kẻ trong chúng tôi, chuyến xe “buýt” này là nơi tị nạn cuối? Sáu mươi? Hay tám mươi người rồi? Cũng đã từng được chở đi do một tài xế lạng lẽ, một buổi mai mưa nhiều. Tôi nhìn quanh: lốm đốm sáng trong đêm, những chấm đỏ đầu điều thuốc như điểm nhịp hồn tư lự. Những tư lự nhỏ nhoi giản dị của những công chức về già. Với bao nhiêu người trong bọn tôi, những bạn đồng hành này đã đóng vai những kẻ tiền đưa lần cuối?

Tôi bắt gặp những câu tâm sự người ta thủ thủ trao nhau. Tâm sự về bệnh tật, tiền tài, về những quẩn quanh gia đình cơ cực. Chúng cho thấy những vách tường tù ngục tế lạnh vây hãm những tấm thân kia. Và bất thành hình hiện ra trước mắt tôi khuôn mặt định mệnh.

Hồi người công chức già, người bạn hiện diện nơi đây, chưa bao giờ có ai giúp anh lối thoát, anh cũng không chịu trách nhiệm gì về việc đó. Anh đã xây dựng cuộc sống bình thản của mình bằng cách trám kín mọi ngõ nhìn ra ánh sáng. Gió không thể đi về, vì mọi lối đều bị bít bởi xi măng. Anh giống như những con mối. Anh cuộn tròn trong ổn định túc mãn của anh, trong những tập tục cũ mòn, trong những thói lề ngọt nhạt của cuộc sống địa phương, anh dựng bức thành u tối che lấp lối đi về của gió rộng trùng khơi, của sương hồng tinh tú. Anh không muốn bận lòng vì những vấn đề trọng đại, anh đã khó nhọc nhiều mới quên lãng thân phận con người anh. Anh không phải là một người cư trú trên một tinh cầu xê dịch, anh không tự nêu ra với mình những câu hỏi oái oăm: anh là người trưởng giả trung lưu phố Toulouse. Không ai nắm lấy hai vai anh mà đẩy mạnh, khi còn kịp lúc. Đến bây giờ, thì đã muộn. Thể chất đã khô, nguồn tim đã cạn, xương khớp cứng rắn rồi; kể tự bây giờ, không ai còn có thể đánh thức dậy trong người anh, ấy hồn nhạc sĩ, ấy mộng thi nhân, ấy nhà thiên văn



học của thuở ban đầu, chắc chắn đã có lần từng cư trú trong con người của anh.

Tôi không phàn nàn gì về những cơn mưa nữa. Nghề nghiệp ảo diệu này mở rộng cho tôi một thế giới khác thường, và chỉ lát nữa thôi, tôi sẽ độ mặt với những con rồng đen, và những đầu non với những làn chớp xanh về vây quỵện. Vâng, một thế giới mà lúc đêm tối về, tôi được thoát ly và đọc thấy phương hướng mình trong ánh vàng tinh tú.

Chúng tôi vào nghề theo lối đó, và khởi sự viễn du. Những cuộc hành trình, thường thường chẳng xảy ra chuyện gì cho lắm. Chúng tôi tiến sâu dần, sâu mãi vào những tầng thâm viễn của lĩnh vực mình, cũng như những kẻ lặn nước lành nghề lao mình lặn sâu xuống biển. Ngày nay thì lĩnh vực đó được khai phá kỹ càng. Người phi công, người thợ máy, người chuyên môn vô tuyến, không còn là những kẻ mạo hiểm phiêu lưu; họ khếp mình ở trong phòng thí nghiệm. Họ tuân theo những trò xõa lộng của kim quay, họ không còn thuận theo tiết điệu linh hoạt phiêu bồng mở phôi trong nhịp hồn phong cảnh. Ở bên ngoài, núi non chìm trong tăm tối, nhưng chúng không còn là núi non nữa. Chúng trở thành những sức mạnh vô hình, cần phải được tính toán độ gần xa. Người chuyên vô tuyến, dưới bóng đèn, ngồi im ngoan ngoãn ghi những con số; người thợ máy dò hỏi bản đồ, người phi công sửa chữa lại tay lái cho đúng theo đường nếu những rặng núi xê xích, nếu những đỉnh núi nào anh đã định vượt qua bên phía sườn tả, bỗng chợt thấy hiện ra sừng sững trước mặt anh, trong lạng lẽ bí mật như một cuộc động binh quân sự. Còn những người chuyên vô tuyến canh phòng dưới đất, họ cũng ngoan ngoãn ghi chép trong cuốn sổ riêng, cũng trong phút giây ấy, chính những điều mà bạn đồng nghiệp trên phi cơ đọc ra: “Nửa đêm quá bốn mươi phút. Đường đi theo độ 230. Trên tàu yên ổn cả.”

Các đội phi hành ngày nay đều bay như vậy đó. Họ không có cảm giác là mình đang chuyển dịch. Như giữa biển ban đêm họ không dựa vào đâu để định hướng. Nhưng các máy móc đã đưa vào trần ngập gian phòng sáng trưng này một rung động đều đều làm biến thể bản chất của nó đi. Nhưng giờ phút quay. Nhưng cả một pháp thuật vô hình cứ liên tiếp diễn ra trên

các mặt kính, trong từng ngọn đèn vô tuyến, và trong các kim. Từng phút, từng giây, những cử chỉ ẩn mật, những tiếng nói chìm tắt, sự chú ý cẩn trọng kia, còn dọn đường đi cho huyền nhiệm tới. Và lúc giờ đã đến, người phi công hẳn nhiên là có thể dán đầu vào mặt kính mà đưa mắt nhìn ra. Từ hư vô, hoàng kim đã nảy hột; nó chói vàng rạng rỡ trong những ánh lửa nồng: trạm nghỉ tới rồi đây.

Ấy thế tuy nhiên chúng tôi ai cũng từng có biết những chuyến đi, mà bỗng dừng, dưới ánh sáng một quan điểm riêng biệt, lúc chỉ còn cách trạm nghỉ không xa, chúng tôi chợt thấy chơ vơ... còn đáng ngậm ngùi hơn thấy mình lạc loài đất xa xôi Ấn Độ. Như cả cuộc đời mất đi. Mong gì ngày trở lại.

Trường hợp đó, Mermoz đã gặp vào lần thứ nhất anh bay qua Nam Đại Tây Dương bằng thủy phi cơ. Chiều hôm đó, anh tiến vào vùng Pot-au-Noir. Anh nhìn thấy trước mặt những cơn gió biển từng trận nổi lên tung bão tố, từng vòi cứ quẩn siết chặt lại từng phút từng giây, như nhìn thấy một bức thành đương dựng lên, rồi bóng đêm phủ xuống che dấu mất. Một giờ sau, anh len lỏi bay qua những đám mây, và bước vào trong một cõi bờ huyền hoặc.

Những vòi nước biển dựng đứng lên, cơn bão dồn dập cuốn lấy, quẩn siết, đứng sừng sững như những cột trụ đen đũi khổng lồ của một điện đài. Chúng to ra ở hai đầu, chịu đựng sức nặng của vòm bão giông âm u thấp tịt đè xuống. Nhưng, xuyên qua những đường nứt nẻ của vòm đen giông gió, ánh sáng đổ xuống từng loạt long lanh, và vầng trăng tròn trịa bỗng sáng ngời lên giữa những cột trụ, vắng vặc soi trên mặt biển giá băng. Mermoz tiếp tục bay qua những đền đài hoang phế này, xuyên ngang, duỗi dọc, chệch chệch hướng từ đường ánh sáng này đến đường ánh sáng kia, vòng quanh những cột trụ khổng lồ, nghe hải triều cuồng nộ dấy lên ì ầm không dứt, anh bay suốt bốn giờ, dọc theo những lạch trắng lai láng, tìm hướng thoát ra khỏi điện đài. Cảnh tượng ấy đồ sộ hùng vĩ đến nỗi Mermoz khi thoát ra khỏi vùng Pot-au-Noir, mới chợt nhận thấy rằng, lúc còn lẩn lóc “cuộc chơi” mình quên cả sợ.

Tôi cũng nhớ lại một trong những giờ vượt biên thù cũ thực: những tin tức vô tuyến ở những trạm hàng không ven sa mạc Sahara, tối hôm ấy hoàn toàn sai bét cả, và gây nhầm lẫn một cách thật trầm trọng cho tôi và anh chuyên viên vô tuyến Néri. Cho đến lúc chợt nhìn thấy màu nước biển lấp lánh ở dưới kia, phía sau một hố sa mù, tôi vội bẻ lái quay về bờ đột ngột, mà chẳng rõ mình đã đâm đầu lạc nẻo ra biển khơi tự bao lâu.

Chúng tôi không còn dám chắc mình có thể vào kịp được bờ, rất có thể dầu xăng sẽ thiếu. Mà vào cập đất liền, cũng còn phải tìm lại trạm hàng không. Thật là bối rối. Mặt trăng lại tới giờ sắp lặn mất. Tin tức không có, không nghe được gì, chúng tôi chịu điếc, bây giờ sắp phải chịu đui. Vùng trăng tắt lịm hẳn, như một đốm lửa tàn chìm trong sa mù giống như một dải tuyết. Vòm trời, trên cao, tới lượt bị mây đen vây phủ, và từ đó chúng tôi đành phải bay giữa những đám mây sa mù, trên dưới mông mông, trong một cõi bờ mù mịt, không một ánh sáng, không một sắc hình...

Những trạm hàng không, đáp lại tiếng gọi của chúng tôi, chả chỉ dẫn cho chúng tôi được chút gì cả: “Không thể tường kê phương hướng...” bởi vì tiếng gọi của chúng tôi họ nghe từ khắp nơi tới, và chẳng biết thật chính tự chỗ nào.

Bất thành linh, lúc chúng tôi tuyệt vô hi vọng, bỗng thấy ló ra một chấm sáng ở chân trời, về phía tả. Một niềm vui tràn ngập, Néri nghiêng mình xuống bên tôi, và tôi nghe anh hát. Nhất định đó là trạm nghỉ, nhất định đó là ánh ngọn đèn pha, bởi vì bãi Sahara đêm tới thì tối mò mò, suốt xứ nằm chết lịm, làm gì có ánh sáng. Nhưng ánh sáng chỉ lấp lánh một tí, đã tắt ngay.

Hời ôi! Chúng tôi đã nhầm một vì sao mà bay tới. Một vì sao sắp lặn, nên thấy hiện ở chân trời, hiện ra chỉ trong vài phút, giữa mây mờ, sương bạc.

Rồi từ đó, chúng tôi cứ thấy lần lượt xuất hiện những đốm ánh sáng khác, lại cứ xoay hướng nhằm theo, khắc khoải trong mơ hồ hy vọng. Thấy đốm lửa sáng hơi lâu, liền thử xem có thật chẳng đó là lối sống. Néri gọi

trạm Cisneros: “Thấy lửa rồi; các bạn hãy tắt ngọn lửa pha đi và thả lại ba lần.”

Trạm Cisneros chớp ngọn lửa pha của họ ba lần, nhưng đốm ánh sáng chúng tôi đuổi theo thì vẫn cứ lừng lơ, không nháy; lại một vì sao, làm sao lung lạc được.

Xăng đã cạn, nhưng mỗi lúc thấy chiếc mồi vàng, chúng tôi lại đuổi theo mà đớp; mỗi lần thấy đích thị là trạm nghỉ chân, là con đường sống, rồi lại đành đích thị bỏ rơi và đuổi theo một vì sao khác.

Từ đó chúng tôi cảm thấy lạc lõng chìm ngập trong khoảng rộng liên hành tinh, chơi vơi giữa hàng trăm tinh cầu xa hút, biên biệt đuổi theo riêng một tinh cầu thiết thực, tinh cầu của riêng đời sống chúng tôi, chứa đựng những phong cảnh đầm ấm quen thân, những căn nhà bậu bạn, những luyến ái dịu dàng.

Của riêng một tinh cầu chứa đựng... Tôi sẽ nói cùng các anh về cái hình ảnh đã hiện ra trước mắt tôi, và có lẽ các anh sẽ xem là ngây dại. Nhưng nằm giữa lòng hiểm họa, con người ta vẫn còn mãi những đòi hỏi, những yêu sách của con người, và tôi thấy đói, và tôi thấy khát. Nếu tìm ra được Cisneros chúng tôi sẽ hạ cánh xuống lấy thêm xăng, và tiếp tục lên đường bay tới Casablanca, hạ cánh giữa cảnh bình minh mát mẻ. Tuy còn sớm, nhiều quán rượu cũng đã mở cửa rồi... Néri và tôi sẽ ngồi vào bàn, bình yên vui vẻ nhắc lại đêm qua mà cười thỏa thuê, trước những chiếc bánh nóng hổi và tách cà phê sữa thơm. Néri và tôi sẽ đón nhận tặng vật bình minh kia của cuộc sống. Bà già nhà quê chỉ gặp đấng Chí Cao của mình qua một hình ảnh vẽ, một chiếc mè đay, một tràng chuỗi hạt: chúng tôi cũng vậy, muốn được chúng tôi hiểu ra, thì thiên hạ hãy nói lên bằng ngôn ngữ đơn giản. Đối với tôi, niềm vui sống dồn tụ hết vào trong miếng ăn đầu tiên nọ, thơm tho nóng hổi, trong tách sữa pha cà phê bột mình do đó con người ta mới cảm thông được với những vườn cỏ yên lành, với những đồn điền xa lạ, với những ngày mùa nô nức, với mặt đất ưu tư... Giữa bao nhiêu tinh cầu, chỉ có một tinh cầu cung cấp cho chúng tôi cái bát thức ăn thơm tho buổi sáng.

Nhưng éo le thay những nghìn trùng nước thăm đương chông chất giữa con tàu chúng tôi và miền đất thân yêu đó. Tất cả của cải trần gian nằm gọn trong hột bụi lạc loài giữa hằng hà sa số ngôi sao. Và nhà thiên văn học Néri muốn tìm ra hột bụi đó, vẫn phải đành van khẩn mãi những vì sao.

Thình lình nắm tay anh chạm mạnh vào vai tôi. Trên tờ giấy anh trao, tôi đọc: “Mọi sự tốt đẹp, tôi vừa nhận được một điện tín huy hoàng...” Tim đập mạnh, tôi chờ anh chép xong năm sáu chữ sắp cứu thoát chúng tôi. Rồi tôi đón nhận tặng vật vô giá của nhà trời.

Từ Casablanca đánh tới, là nơi chúng tôi từ biệt đêm hôm qua. Vì tổng đạt chậm trễ, tới bây giờ bỗng đột ngột nó vào tay chúng tôi, đi xa hai nghìn cây số, giữa mây và mù, lạc lõng trên biển khơi. Điện tín đó do viên đại diện chính phủ tại phi trường Casablanca đánh tới. Tôi đọc: “Thưa ông Saint-Exupéry, tôi buộc lòng phải yêu cầu Ba Lê phạt ông, ông đã bay quá sát các nhà chứa, lúc khởi hành tại Casablanca.” Quả thật tôi có bay quá sát các nhà chứa. Quả thật nữa ấy là ông đại diện kia phàn nàn cũng chỉ do trách nhiệm nghề nghiệp. Nếu đứng tại phòng giấy một phi trường, ắt là tôi đã xấu hổ nghe lời quở trách đó. Nhưng nó lại tìm tới chúng tôi ở chính một nơi nó không có quyền tìm tới.

Nó lên điệu sai bét, cả giọng cả lời, giữa những ngôi sao quá lẻ tẻ, giữa sương mù giăng mắc, giữa những hương vị hải hùng của biển khơi. Chúng tôi nắm trong tay mình vận mệnh mình, vận mệnh chuyển thư và vận mệnh con tàu; cầm tay lái mà tìm phương hướng sống, kể cũng đã khổ nhọc lắm thay, thế mà kẻ kia còn đuổi theo trút hận! Nhưng chúng tôi không hề phát cáu, trái lại, Néri và tôi lại còn khoái chí vui cười hể hả khôn xiết. Ở đây chúng tôi là chúa tể, lời đe dọa kia vụt giúp chúng tôi khám phá ra điều ấy. Anh cai này há không biết rằng chúng tôi đã là đại úy hay sao? Anh ta phá rối giấc mơ của chúng tôi, giữa lúc chúng tôi còn bận bách bộ từ sao Bắc đẩu tới Nhân mã cung, giữa lúc cái việc duy nhất ngang tầm chúng tôi và xui chúng tôi bận bịu, là sự phản bội kia của vừng nguyệt...

Bốn phận cấp bách, bốn phận duy nhất của quả hành tinh nơi con người kia phát lộ, ấy là làm thế nào cung cấp cho chúng tôi những con số chính

xác giúp chúng tôi tính toán với các vì sao. Thế mà những con số kia lại sai bét cả. Ngoài việc ấy ra, tạm thời trái đất chỉ nên câm miệng. Và Néri viết: “Đã lẽ họ tìm cách dẫn ta về hơn là làm cái trò khi ấy”. “Họ” đối với Néri, tóm thâu mọi dân tộc địa cầu, với các thượng hạ nghị viện, với các đội hải lục quân và hoàng đế của họ. Và đọc lại bức điện tín của một tên cuồng muốn gây sự với chúng tôi, chúng tôi bẻ lái con tàu về phía sao Mercure.

Một ngẫu nhiên hết sức kỳ lạ bỗng cứu thoát chúng tôi: tới lúc không còn chút hy vọng tìm ra trạm Casneros, buộc lòng phải bay đâm ngang vào bờ biển, tôi đành quyết định giữ mãi hướng đó mà bay cho tới khi cạn hết xăng. Như vậy họa chẳng may ra có khỏi rơi chìm trong đáy biển. Tai hại thay, những ngọn đèn pha phình phờ đã lòi tôi tới đâu, có trời mà biết! Tai hại thay, sa mù dăng dặc buộc chúng tôi dẫn liền trong đêm tối căm căm, chắc gì sẽ cho phép chúng tôi hạ cánh vuông tròn nơi đất liền mà không tai nạn! Nhưng đến nước này còn nói chi nữa chuyện chọn lựa hơn thua.

Cảnh huống đã quá rõ rệt, tôi chỉ biết nhún vai lúc Néri chuyền cho tôi xem một điện tín, một điện tín nếu đến sớm một giờ, ắt đã cứu thoát chúng tôi: “Cisneros bây giờ mới chịu cho biết vị trí chúng ta. Cisneros chỉ: khoảng chừng hai trăm mười sáu khả nghi...” Cisneros không còn chìm trong tăm tối heo hút. Cisneros đã hiện ra rõ ràng, đích thực, ở phía tả của chúng tôi. Vâng, nhưng cách bao xa? Hai đứa chúng tôi trao đổi nhau vài tiếng. Chậm mất rồi. Cả hai cùng một ý: còn lo lắng tìm tới Cisneros, là còn làm trầm trọng thêm mỗi nguy cơ không vào kịp đất liền. Và Néri đáp: “Chỉ còn một giờ xăng bay, phải theo hướng chín mươi bốn.”

Trong khi đó, các trạm hàng không lần lượt thức giấc. Trong đối thoại giữa chúng tôi, giờ xen thêm những “giọng nói” của Agadir, của Casablanca, của Dakar. Đài vô tuyến của các thành phố đã báo tin cấp cứu cho các phi trường. Những giám đốc các phi trường đã báo tin cho anh em biết. Thế là lần lượt họ xúm quanh chúng tôi như quanh giường người bệnh. Sốt sảng vô ích rồi, dù sao cũng là sốt sảng. Ân cần khuyên bảo cũng hoài thôi, nhưng sao mà thân ái thế!

Bất thành linh Toulouse xen tới. Toulouse, đầu đường; Toulouse, khởi điểm; Toulouse, cách bốn nghìn cây số heo hút ở cuối trời. Toulouse vụt chen vào trong câu chuyện, không kèn không trống, hỏi ngay: “Máy của các anh có phải là chiếc F... (tôi quên số hiệu) – Đúng thế. – Vậy các anh còn đủ hai giờ xăng nữa. Bình chứa xăng này không phải là thứ thông thường. Bay về Cisneros đi.”

Thế đó, những cần thiết do nghề nghiệp nêu ra, đã biến dạng cho cõi đời chuyển hình, cho cuộc sống mỗi ngày càng phong phú thêm. Và đảo cùng, cũng chẳng cần chi tới những đêm bay đặc biệt như thế này mới mở ra trước nhãn giới phi công đường trường một ý nghĩa tân kỳ ở giữa lòng những cảnh tượng cũ. Cái phong cảnh thông thường đều đặn, không thay không đổi, vốn từng gây nhàm chán cho khách bộ hành, đối với đội phi công cũng đã biến hình khác hẳn. Cái khối mây bàng bạc chắn ngang chân trời, đối với phi công không còn là cảnh trí: nó sắp sửa liên can tới bắp thịt, khớp xương người lái máy, nó sắp nêu lên cho phi công nhiều vấn đề cần giải đáp. Phi công phải lưu ý tới tự ban đầu, phi công phải ước độ, cân nhắc; một ngôn ngữ riêng biệt đương kết buộc đôi bên. Này đây mồm núi, tuy đó còn xa: nó sắp mang khuôn mặt nào thế? Dưới trời trắng sáng, nó là cái mốc định phương hướng thuận tiện. Nhưng nếu phi công phải bay trong đêm tăm, giữa sa mù mây bọc, hướng sai đường mà khó chữa lại phương, mà hoang mang không rõ được vị trí mình, thì mồm núi kia lại biến thành thuốc nổ, suốt đêm dài hăm dọa, như hệt một quả mìn nằm ngâm trong nước biển trôi dạt bình bồng, biến biến khơi thành nguy cơ mọi nẻo.

Trùng khơi cũng thiên hình vạn trạng. Đối với hành khách ngồi im thu hình trên ghế, thì bão tố thế nào, họ có thấy ra đâu: từ trên cao chín tầng nhìn xuống, sóng trùng trùng phẳng phiu phớt phớt, lớp lớp mù sa bình yên bất động. Thấy gì chẳng nữa, là những đợt rộng màu nước trắng phau phau trải như những cánh quạt khổng lồ, với những đường gân mơ hồ khía bọc, như đông thành băng giá thế thôi. Đối với đội phi công, mọi sự khác hẳn. Họ nhận ra rằng những chồn đó là chỗ đất cấm ngăn, không bao giờ được

hạ cánh. Những tàn lá quạt kia không khác gì những cánh hoa chứa đầy nhựa độc.

Cho dầu hành trình sau trước vẫn bình yên, người phi công yên dậm bay nào đó, cũng không hề nhìn phong cảnh như ngắm cảnh tượng trước nhãn quan. Những sắc màu trên mây, những sắc màu dưới đất, những dấu vết gió đàn trên mặt biển, những bóng hoàng vân hoặc ráng đỏ chiều hôm, đâu có phải để cho mình thưởng ngoạn, chính là để cho người suy tưởng, ưu tư. Cũng như thế người nông dân đi xem xét ruộng đồng, còn phải chú ý đoán xem thời tiết, coi chừng qua trăm nghìn tiên triệu, nhịp động của xuân đi, xuân đến, của băng giá hăm dọa đương về, của mưa dầm đương tới, thì phi công cũng vậy, cũng phải xem dò dấu hiệu mà đo bước tuyết về, mù sa sắp phủ, hoặc đêm sắp tới sẽ hạnh phúc hồng vàng...

Máy móc ban sơ tưởng như chừng xui anh lia xa những vấn đề thiên nhiên lớn rộng, thật ra lại buộc người quy phục vào đó một cách nghiêm mật hơn. Một mình giữa tòa án mệnh mông mở ra một cơn bão dậy, người phi công phải bình vực khối thư tín của mình trước lời kết tội của ba hung thần sơ thủy: non ngàn, biển thăm và bão giông.



## II: BẠN ĐỒNG NGHIỆP

### 1

Vài người bạn anh em, có Mermoz trong đó, đã thiết lập con đường Pháp từ Casablanca tới Dakar, xuyên qua Sahara chưa quy phục. Máy thời đó không vững chắc, một lần máy hỏng, Mermoz lọt vào tay người Maures; họ do dự không giết anh, cầm tù anh mười lăm hôm, rồi cho chuộc tiền. Mermoz thoát nạn, lại tiếp tục lái máy bay thư tín ngang qua những khu vực cũ.

Khi con đường hàng không Mỹ mở ra, Mermoz luôn luôn tiên phong, được giao phó việc nghiên cứu quỹ đường từ Buenos-Aires tới Santiago, và con đường vượt Sahara, anh còn phải thiết lập một đường bay ngang dãy Andes. Người ta giao anh sử dụng một phi cơ chỉ bay tới độ cao năm ngàn hai trăm thước. Nhưng những ngọn Codilère lại cao tới bảy ngàn thước. Và cất cánh bay tìm những khoảng thấp khả dĩ cho phép phi cơ băng qua. Sau những ngày dạn dày sinh tử với cát, giờ tới lượt Mermoz phải liều thân thi gan với núi, với những mồm nhọn tung từng đợt tuyết trong gió bay, với những bóng mờ cảnh vật trước lúc bão giông, với những cơn lốc cuốn cờ ác liệt thổi cuồng giữa hai vách tường non giáp trổ, đụng độ một lần, là một lần rút dao nhọn xấp lá cà thập tử nhất sinh. Mermoz hồn nhiên lao mình vào những trận đấu ấy, chả cần biết chút gì về phía địch, chả cần ngẫm lại xem con người còn có thể sống còn, sau cuộc siết, cơn ôm.

Mermoz chỉ biết thử dọn đường giùm kẻ khác.

Rồi một bận, vì mê mãi dọn đường giùm, chàng bất chợt thấy mình làm tên tù cho dãy Andes vây hãm.

Hạ cánh trên một vùng cao bốn nghìn thước, bốn mặt tứ vi là thành đá dựng, suốt hai ngày liền, anh và người thợ máy cố tìm lối thoát thân. Nhưng vô hiệu. Mọi nẻo bí đường. Chỉ còn liều ván chót với rủi may chơi cái nước “nhứt chín nhì bù” với ngẫu nhĩ, thử lao phi cơ vào khoảng trống, cứ cho nó lăn trên mặt đất gồ ghề, lướt tới vực sâu mà lao bừa xuống.

Trong cơn lông lốc đó, phi cơ đạt tốc độ đủ để tuân theo tay lái điều khiển. Mermoz liền lật ngược hướng phi cơ lên đối diện với một mồm núi nhô, chạm vào, lướt qua, và bao nhiêu nước chảy ra đây ứ các ống dẫn, phi cơ sau bảy phút bay đã trở lại làm nung, nguy rồi, thì bỗng nhiên trước mắt Mermoz cánh đồng Chili dàn rộng dưới kia, man mác như bờ cõi Thiên đường.

Qua ngày hôm sau, Mermoz lại xoay chiều trở lại, khởi sự lần nữa liều lĩnh vẫy vùng.

Lúc dãy Andes đã hoàn toàn chịu khuất phục, khi những cồn cao, mô thấp đã được lướt qua, điếm lại, kỹ thuật của chữ, của nghề, trong ngoài bảy tám, đã nắm vững tỏ tường, thì Mermoz liền đem giao lại quãng đường tròn trịa trơn tru cho bạn Guillaumet, rồi lo tới việc khai phá lối đi những hoa nguyệt nãi nùng trong cách điệu bay đêm.

Những trạm hàng không thuở ấy chưa tổ chức hoàn hảo cách đốt đèn soi tỏ lối đi néo về cho lữ khách đi đêm, và ở các phi cảng u u, lúc khách biên đình Mermoz ghé lại, thường chỉ thấy lơ lảo vài ngọn lửa xăng gầy guộc đón người.

Tuy vậy, người vẫn chu toàn cho cuộc, và mở được con đường cho êm dịu giao hoan.

Lúc bờ cõi bóng đêm đã hoàn toàn quy thuận, Mermoz lại giũ áo lên đường ra biển gạ gẫm với trùng khơi. Nhờ đó mà lần đầu tiên năm 1931, thư tín đã dập dìu được chuyên chở trong bốn ngày, bay rộng cánh từ Toulouse tới Buenos-Aires. Chuyển trở về lần nọ, Mermoz bị hết xăng giữa Nam Đại Tây Dương, đành hạ cánh trên dậm khơi dậy sóng. Một con tàu thủy đến cứu anh, cứu bạn đồng đội, và thư tín vẹn toàn.

Thế đó, Mermoz đã lần lượt khai phá từ sa mạc, tới núi non, từ đêm tăm tới biển lộng. Hơn một lần rơi trên cát, trên non, trong bóng đêm và trên mặt biển. Và mỗi lúc thoát hiểm quay về, là mãi mãi để trở lại ra đi.

Sau mười hai năm nghề nghiệp ngang dọc, một lần nữa anh lại vượt qua Nam Đại Tây Dương, rồi một tin điện văn vùn đánh về, báo cho anh em

hay rằng anh bị hỏng máy ở tay phải, phía sau. Rồi thôi, chỉ còn lặng lẽ.

Cái tin nghe không có gì đáng ngại, nhưng sau mười phút im lặng, tất cả các đài vô tuyến trên đường từ Paris tới Buenos-Aires cùng khởi sự ngóng tìm, khắc khoải. Bởi vì nếu trong cuộc sống hằng ngày, mười phút chậm trễ chẳng có nghĩa mấy thì ở đây, đối với chiếc phi cơ thư tín, mười phút trễ tràng mang một ý nghĩa trầm trọng vô song. Ở giữa lòng khoảng thời gian lặng câm vẫn vùn vọ, có khép tròn một biển cố, cho tới bây giờ không ai rõ sự việc xảy ra sao. Dù không đâu, dù thâm, biển cố kia cũng đã xảy ra rồi. Đã đi vào quá vắng. Định mệnh đã đưa lời phán quyết bất khả vãn hồi: một bàn tay sắt đã buộc đội phi hành hạ cách xuống biển, hoặc chẳng hề gì, hoặc chịu tan hoang. Nhưng bản án kia không tuyên bố ra cho những kẻ chờ mong được biết.

Ai trong chúng ta chẳng từng rõ những hy vọng cứ mong manh dần, cái lặng lẽ câm nín cứ trầm trọng từng phút từng giây, như một cơn bệnh hải hùng. Chúng ta hy vọng, nhưng giờ khắc trôi, và tới lúc thôi thế! Mọi sự muộn cả rồi. Những bạn hữu đã đi, đã không về được nữa, đã đành yên nghỉ thiên thu trong lòng biển khơi một Nam Đại Tây Dương kia đã bao lần ngẩng mặt nhìn ai trên trời cao vạch đường ngang lối dọc. Mermoz hẳn đã nằm giấu thân ở trong vòng sự nghiệp, giống như người thợ gặt kết bó xong xuôi lượm lúa, ngã người nằm xuống ngủ giữa đồng.

Mỗi lần một bạn hữu tử nạn theo lối đó, cái chết của anh thoạt xem ra cũng chỉ là một chuyện thường tình, trong vòng nghề nghiệp; và thoạt tiên, có lẽ không xui lòng ta khó chịu bằng một cái lối chết khác. Vâng, anh bạn đã ra đi, xa đời mất tích, anh đã chịu đón nhận sự biến thể cuối cùng của trạm nghỉ nghịch lý nhân gian; nhưng sự hiện diện của anh từ đây vắng thiếu, dấu sao cũng chưa làm ta nào lòng trong sâu thăm tâm linh bằng sự thiết thân thiếu cơm thiếu áo. Có lẽ... vâng...

Vì chúng ta vốn sống trong thói quen chờ mong lâu ngày những tao ngộ. Nhưng vì những bạn hữu dậm dài, ở rải rác khắp nơi, từ Paris tới Santiago xứ Chili, biệt lập nhau có phần như những người lính canh không cùng nhau hỏi chuyện. Cần trận ngẫu nhĩ những cuộc viễn du, mới bất ngờ tự

họp đâu đó những phần tử rải rác của đại gia đình nghề nghiệp. Quanh chiếc bàn ăn một chiều tối, tại Casablanca, tại Dakar, tại Buenos-Aires, hăng hăng những năm tròn im lặng, người ta khơi trở dậy những câu chuyện bỏ dở ngày xưa, người ta thắt trở lại những mối dây ràng buộc mình vào trong những kỷ niệm. Rồi lại ra đi. Mặt đất tròn té ra kể ra cũng là vừa hoang tiêu vừa phong phú. Phong phú vì những khu vườn ẩn kín, giấu thân, khó lui vào mà viếng, mà vẫn luôn luôn nằm đợi đó chờ lúc nghề nghiệp sẽ luôn luôn còn cơ hội dắt dẫn ta về, một chiều xuân dâng, một thu hồng tạ. Các bạn hữu, xa ta vì đời xô đẩy, xa ta vì cuộc sống không cho phép ta nghĩ tới họ nhiều, nhưng họ vẫn còn ở tại một nơi nào đó chẳng biết, lặng lẽ và bị lãng quên, nhưng xiết bao trung thành chung thủy! Và nếu trên đường đi chợt gặp, họ còn nắm lấy vai ta lắc mạnh, vỗ vập vui mừng! Vâng, vâng, quả thế, chúng ta quen mong đợi chầy ngày...

Nhưng dần dà chợt thấy rằng cái tiếng cười trong trẻo của kẻ kia không bao giờ ta nghe trở lại nữa, ta chợt thấy rằng khu vườn êm dịu nọ sẽ muôn đời là vườn cấm với ta. Tới lúc bấy giờ, mỗi đau lòng mới trở dậy niềm tang tóc thật sự mới khởi đầu. Không da diết, đoạn trường, nhưng pha mùi chát chát.

Thật vậy, không có gì thay thế nổi người bạn đường đã bỏ đi. Người ta không tự tạo được cho mình những bạn già thân ái. Không có gì sánh kịp cái kho tàng những kỉ niệm chia nhau, những ngày giờ cùng chung hoạn nạn, những căn nhà gầy gầy, những thành thật giải hòa, những chân tình ở trong nhịp tim máu. Mất đi, làm sao tạo ra trở lại. Trồng một cây sồi, cây phong, cây bồ đề, và mong sắp được nằm mơ dưới bóng lá nay mai, đó là ảo mộng.

Đời vốn đi như thế. Ban đầu vào cuộc sống, chúng ta giàu, giàu nhiều, giàu nữa; trong bao năm, chúng ta trồng cây, tía hột, nhưng ngày tháng trôi, năm sâu lại: thời gian phá vỡ mất công trình; cây rừng bị chặt; bạn hữu từng người rơi rụng mất. Bóng tùng quân nghìn tầm xiêu đổ, cái con người trở trụ sẽ còn nghe rõ trong hoang liêu mỗi ngậm ngùi xuân xanh xa mất.

Đó là bài học của Mermoz và những bạn khác đã dạy tôi. Sự cao quý của một nghề có lẽ trước tiên là: kết hợp con người lại; chỉ một điều hòa hoa quý trọng, ấy là tình bạn trong giao tế trần gian.

Nếu làm việc chỉ nhằm riêng những mục đích vật chất, chúng ta sẽ tự xây tù ngục cho mình. Chúng ta khép mình cô đơn trong đó, với những đồng tiền, đồng bạc tàn lụi như tro than, chẳng thể nào mang lại chút sinh thú nào có nghĩa cho sự sống.

Nếu tôi tìm lại trong kỷ niệm mình những hình ảnh nào ghi tạc sâu xa, nếu tôi dò tính lại những ngày giờ nào đáng kể, thì chắc chắn rằng tôi sẽ tìm thấy được những gì không một thứ tiền của nào tạo nổi. Người ta không thể mua được những tình bạn Mermoz, của một bạn đường mà riêng những giờ kham khổ sống chung đã gắn chặt họ vào đời ta mãi mãi.

Cái đêm bay ngày nọ, với những tinh tú trên trời, cái niềm thanh thản trong vương quyền chúa tể bát ngát vài giờ, làm sao đem bạc tiền mà mua cho được.

Cái hình sắc tân kỳ của cõi sống hiện ra sau dặm đường trắc trở, những cây cối kia, những hoa lá nọ, những thân hình phụ nữ với những nụ cười tươi mát nồng thắm yêu đời, cái cuộc đời vừa được trao lại chúng tôi vào lúc sương hồng mai sớm, bản hòa âm dịu dặt của hăng hăng sự vật nhỏ nhoi đương trao chúng tôi một phần thưởng, một tặng vật vô song, bạc tiền không mua được.

Và không mua được cái đêm sống giữa những người không hề huề giao hảo tôi còn nhớ lại bữa nay.

Chúng tôi gồm ba đội phi cơ của hãng Aéropostale chịu bí lối tại bờ Rio de Oro, lúc trời sắp tối. Anh bạn Riguelle hạ cánh trước hết, vì gãy trục; một bạn khác, Bourgat, bay đến để đón phi đội Riguelle về, nhưng máy anh cũng bị hỏng luôn. Tuy hỏng nhẹ, nhưng cũng đủ gắn chặt anh tại mặt đất. Tôi đến sau cùng nhưng vừa hạ cánh, thì trời vừa tối. Chúng tôi quyết định phải cứu phi cơ anh Bourgat, và muốn nên việc, phải đành chờ mai sáng.

Một năm trước, hai bạn Gourp và Erable hồng máy tại đây, bị bọn người phiến loạn giết chết. Chúng tôi biết rằng ngày nay bọn phiến loạn tụ tập được ba trăm tay súng đang đóng trại gần xa đây đó tại Bojador. Ba lần hạ cánh xuống đây, tất từ xa chúng tôi đã bị họ trông thấy, và có lẽ đêm nay là đêm cuối cùng chúng tôi thức cũng nên.

Chúng tôi sắp đặt cẩn thận để qua đêm. Chúng tôi mang năm, sáu thùng chứa hàng xuống, trút bỏ hàng ra rồi xếp các thùng trống thành vòng tròn, và trong mỗi đáy thùng, chúng tôi thắp một ngọn nến nhỏ, giống như thắp ở đáy chòi lính canh. Gió thổi qua vẫn làm cho lay lắt. Giữa lòng sa mạc, trên lớp vỏ trơ trụi của địa cầu, chúng tôi đã thiết lập một khu làng, giữa sự cô tịch giống thuở sơ khai vắng vẻ.

Tụ họp nghỉ qua đêm nơi địa điểm lớn rộng khu làng nọ, nơi dải đất cát với những ánh lửa nền leo lét, chúng tôi chờ đợi. Chúng tôi chờ đợi. Chúng tôi chờ đợi, chờ đợi bình minh, hoặc chờ đợi người Maures đến. Tôi không hiểu vì đâu cái đêm đó lại phảng phất hương vị một đêm Noel. Chúng tôi kể cho nhau nghe những kỷ niệm, chúng tôi nô đùa, chúng tôi ca hát.

Chúng tôi đã hưởng được chính cái mùi hương ôn nhiệt thiêng liêng nhẹ nhẹ phảng phất giữa lòng một buổi lễ phong phú vui tươi. Ấy thế, nhưng thật ra chúng tôi nghèo vô hạn. Nào có gì đâu. Gió, cát và sao trên trời. Đúng là thể điệu khắc khổ của kẻ tu hành. Nhưng trên thảm cát ánh sáng lờ mờ kia, sáu bảy người với những bàn tay trắng, đã chia nhau không biết bao nhiêu của quý vô hình.

Vâng, chúng tôi đã gặp trở lại nhau rồi. Trong bao lâu, người ta bước đi sát cánh nhau, nhưng mỗi người im lìm mỗi cõi, có nói cũng chỉ nói những tiếng vu vơ. Nhưng giờ đây, hiểm họa đến. Vai kề vai chung gánh. Ta chợt thấy mình cùng nhau ở chung một đoàn thể. Hồn mở rộng do khám phá những hồn khác bên mình. Nhìn nhau môi cười rộng rãi. Như tên tù nọ được giải phóng đương ngậy ngất nhìn mặt biển bao la.

Guillaumet, tôi xin nói đôi lời về anh, nhưng sẽ không làm phiền anh mà vụng về nhắc mãi tới lòng can trường hoặc tài năng nghề nghiệp của anh. Tôi sẽ nói tới những gì khác kia, khi kể lại cuộc phiêu lưu đẹp nhất của anh.

Có một đức tính không tên. Gọi là tính “trang trọng”, có lẽ cũng được, nhưng chưa đủ. Vì đức tính này còn có thể đi đôi với sự tươi cười hồn nhiên vui hứng nữa. Chính đó cũng là đức tính của anh thợ làm sườn nhà, lúc anh ngồi trước mảnh gỗ như ngồi trước một người bạn đồng đảng, ngang vai, rồi anh sờ mó, nắn nót, ước độ chiều dọc chiều ngang, anh không đối xử nó theo lối khinh bạc, anh thu hết khả năng, tài sức của mình ra sử dụng.

Guillaumet ạ, trước đây tôi có đọc một câu chuyện người ta kể về anh để ca tụng chuyện phiêu lưu mạo hiểm của anh, và tôi thấy cần phải đính chính lại cái hình ảnh lệch lạc về anh đó. Trong câu chuyện ấy, người ta thấy anh bướng bỉnh tung nhiều câu nói có điệu “ba gai”, tuồng như người ta tưởng lòng can trường là phải biết hạ mình chế giễu nhau theo lối nhạo báng của học sinh nghịch ngợm. Người ta không hiểu anh, Guillaumet ạ. Nhạo báng những địch thủ của anh, trước khi đương đầu với họ, đó là điều anh thấy không cần thiết gì hết. Đối diện một cơn giông bão, anh nhận xét: “Đây là một cơn giông bão”. Anh chấp thuận nó, anh ước độ lực lượng của nó.

Tôi xin đưa ra đây những kỷ niệm của mình để làm chứng cho anh.

Suốt năm mươi giờ đồng hồ, anh biệt tích, trong một mùa đông, nhân một chuyến bay qua dãy núi Andes. Từ Patagonie về, tôi vội vã theo phi công Deley đi Mendoza. Suốt năm ngày liền, hai chúng tôi bay sục sạo khắp vùng núi non trùng điệp, mà chẳng tìm thấy gì cả. Hai chiếc phi cơ không thể đủ được. Chúng tôi tưởng rằng một trăm đội phi cơ, bay suốt một trăm năm, vị tất đã bay hết các ngõ ngách mà sừu tầm đầy đủ trong các dãy núi khổng lồ này, với những ngọn cao tới bảy nghìn thước. Chúng tôi mất hết hy vọng. Bọn cướp buôn lậu tại vùng này, gan lì dữ tợn là thế, chỉ đưa cho năm quan tiền là khiến chúng giết người như ngóe, thế mà chúng

đã từ nan không chịu mạo hiểm làm đoàn cứu trợ, dẫn thân vào những triền núi chên vênh này. Chúng bảo: “Chúng tôi sẽ mất mạng. Dây Andes mùa đông không thả một ai về.” Lúc Deley và tôi hạ cánh tại Santiago, các sĩ quan người Chili cũng khuyên chúng tôi nên đình chỉ việc tìm kiếm. “Bây giờ là mùa đông. Người bạn của các anh rớt xuống núi cho dầu có may mắn khỏi giập thân, cũng không tài nào chống nổi với cái lạnh ban đêm. Ở trên đó, cái lạnh ban đêm vừa chạm vào người, lập tức biến thân người thành băng đá.” Và khi tôi cất cánh bay lần nữa, xuyên qua các bờ tường dựng đứng và những cột trụ khổng lồ trong dãy Andes, thì tôi có cảm tưởng như chừng mình không còn đi tìm kiếm anh nữa, mà đương lặng lẽ canh giữ, chăm sóc tấm thân anh đương nằm đâu đó trong một ngôi nhà thờ tuyết băng.

Sau cùng, qua ngày thứ Bảy, trong lúc tôi dùng bữa giữa hai chuyến bay nơi một quán ăn tại Mendoza, bỗng có người đẩy cửa kêu.Ồ! Chỉ vài tiếng thôi:

- Guillaumet... còn sống!

Và tất cả những người lạ mặt ngồi tại đó cũng mừng rỡ ôm nhau hôn.

Mười phút sau, tôi cất cánh, chở theo hai anh thợ máy, Lefebvre và Abri. Bốn mươi phút sau, tôi hạ cánh dọc theo một quãng đường vì nhận ra, chẳng rõ vì sao lại nhận ra, cái chiếc xe đương chở anh đi chẳng rõ đi đâu, nhưng hướng về phía San Raphael. Một sự tao ngộ kỳ diệu lạ lùng, chúng tôi cùng khóc, chúng tôi ôm giập anh trong tay mình, anh còn sống đó, anh được tái sinh, anh tự mình ban cho mình phép lạ. Chính sau đó, anh nói một câu, câu đầu tiên có đầu đuôi sau những cơn mê man bất tỉnh, một câu biểu diễn một tinh thần con người bất khuất: “Cái điều tôi đã làm, tôi xin thề với các anh, không bao giờ một con vật nào đã làm cả.”[2]

Về sau, anh kể lại tai nạn cho chúng tôi nghe.

Một trận bão trút xuống, suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ, một lớp tuyết dày năm thước trên triền núi Andes ngó qua địa phận Chili, lớp tuyết lấp kín khung trời, những người Mỹ hãng Pan-Air đã quay về hết. Nhưng anh



thì vẫn cất cánh bay tìm một kẽ hở trên không. Xế về phía Nam, anh tìm ra nó, cái cạm bẫy kia, và lờ lững bay trên tầng cao sáu nghìn năm trăm thước, anh cưỡi trên mây mù chỉ cao sáu nghìn thước và để ló ra riêng những chóp núi thật cao, anh bay, hướng về chân trời Argentine.

Những luồng không khí thổi xuống thường gây cho phi công một cảm giác khó chịu dị thường. Máy vẫn quay đều, nhưng phi cơ bị chìm xuống mãi. Ta cố gượng hướng tàu trở lên để giữ vững độ cao, phi cơ mất tốc lực, yếu đi dần dần: ta cứ bị nhận chìm xuống mãi. Ta đành phải lơ tay, ngại rằng khi nãy đã hướng mũi lên quá trớn, bây giờ ta lại phải thả lỏng cho xê xích qua tả, qua hữu, nép vào bên những đỉnh núi thuận tiện, nương vào những sườn non nào vừa cản gió vừa đưa đà, nhưng ta vẫn tuần tự bị chìm xuống. Nghe chừng như cả cõi trời cùng đều hạ thấp xuống một phen. Ta cảm thấy như mình bị mắc nghẹn trong một tai nạn càn khôn. Hết đường trở tránh. Ta luống cuống cố gắng quay trở lui, mong tìm gặp những khu vực nào ở phía sau mà không khí sẽ nâng mình lên vững chắc và tròn đầy như một cột trụ. Nhưng còn cột trụ nào đâu. Mọi vật rã tan, cả đất trời cùng rũ nhau băng hoại, và ta lướt qua giữa tàn phế, hướng về một làn mây đương nhu thuận dâng lên, mềm mỏng lại bên mình và yếu điệu quyện lấy thân ta vào ở giữa.

Anh bảo: “Tôi suýt chịu bó tay, đành buông mình cho nó hãm, nhưng còn chút cứng đầu chưa chịu tin thuận đâu. Ta gặp những luồng khí trút xuống ở phía trên những đám mây xem có bề bất động, ấy chỉ vì cùng một độ cao như nhau, chúng ôm lấy nhau tụ lại nghỉ yên triền miên bất tận. Mọi sự sao mà kỳ dị thế ở những vùng non cao.”

Ôi những đám mây! Sao mà bướng bỉnh!

“Vừa mắc nghẹn trong đó, tôi liền thả lơ tay lái, bấu chặt vào ghế để khỏi bị bắn tung ra ngoài. Phi cơ rít lên, lắc mạnh, dày vò thân tôi, những sợi nịt da găm vào thịt vai, và suýt đứt. Sương giá đổ tràn bụi trắng, tôi mất hết mọi khả năng điều khiển, quay tròn như chiếc nón chơi vơi, xoay tít từ cao sáu nghìn xuống ba nghìn thước rưỡi.

Xuống tới ba nghìn thước rưỡi, tôi chợt thấy một khối đen bằng phẳng, giúp tôi lấy lại thăng bằng cho phi cơ. Đó là một mặt hồ, tôi kịp nhận ra: hồ Laguna Diamante. Tôi từng biết hồ kia nằm khoanh trong đáy hố, đáy hang một thung lũng phiêu bồng, mà một phía sườn lại nép bên ngọn hỏa sơn Maipu cao sáu nghìn chín trăm thước. Tuy thoát khỏi đám mây, tôi vẫn còn choáng váng quáng lòa vì những cơn lốc tuyết dày đặc, và không thể rời mặt hồ thân ái mà khỏi đầu đầu vào một trong các sườn núi bọc quanh hang. Tôi đành bay vòng quanh hồ, ở độ cao ba chục thước, cho tới lúc kiệt xăng. Sau hai giờ loanh quanh lẫn lóc, tôi hạ cánh đậu lại, và phi cơ lật úp. Tôi thoát ra khỏi tàu thì bão tố đánh tôi ngã ngửa. Tôi lồm cồm gượng dậy trên hai chân, thì bão tố đánh tôi nhào sấp.

Không còn cách gì nữa, tôi đành lui cui chui vào dưới sườn tàu, và moi một lỗ hổng trong màu tuyết lạnh để trú thân. Tuyết ơi, hãy ôm thân ta cho ấm nhé. Rồi tôi cuộn quanh mình những bao chứa thư tín, và suốt bốn mươi tiếng đồng hồ tôi nằm đó chờ đợi, nghe mùi tuyết bốc hơi.

Sau đó, bão im, gió lặng, tôi bắt đầu bước. Bước đi năm ngày bốn đêm...”

Nhưng còn chi là tấm thân anh nữa! Guillaumet? Anh trở về gặp lại chúng tôi, nhưng hình hài gầy đét như vôi khô, teo thân như một bà lão. Ngay chiều hôm đó, tôi đưa anh lên phi cơ chở anh về lại Mendoza, những chấn nệm trắng tinh phủ ngập thân anh như ôm ấp. Nhưng không làm sao cho anh lành lại được. Anh lóng cóng trong tấm hình hài mệt mỏi, trần qua trở lại mãi vẫn không giúp nó ngủ yên. Tấm thân anh không quên được đá và tuyết. Chúng đã ghi tạc dấu vết nơi thân anh rồi. Tôi nhìn khuôn mặt anh đen sạm, sưng vù giống như một trái ừng bị bóp bầm dập. Anh xấu quá, và khốn khổ vô chừng, anh mất những khí cụ huy hoàng để làm việc, anh sử dụng chúng thế nào: hai bàn tay cứng đờ, và lúc muốn hô hấp anh ngồi dậy bên giường, thì hai bàn chân cồng đờ thõng xuống như hai khối thịt thừa. Cuộc hành trình của anh, vẫn chưa kết liễu, anh còn hỗn hển hồi hộp thở, và mỗi khi anh trở đầu trên gối để tìm nguôi lãng, thì một chuỗi dài hình ảnh liên tiếp tới, anh không ngăn được, những hình ảnh rập rình bí mật đầu

đó, bỗng ụp vào ngấp cả đầu óc anh. Diễn ra, diễn ra mãi. Anh phải đấu đi, chọi lại mãi hàng mấy chục lần với những quân thù cứ chết đi, sống lại.

Tôi đổ thuốc cho anh:

- Gắng uống đi, bạn!

- Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất nhất... anh biết...

Võ sĩ thắng cuộc, nhưng bị những đòn quá nặng, anh sống trở lại cuộc phiêu lưu kỳ dị của mình. Anh cời gỡ ra từng đoạn một. Và trong câu chuyện đêm dài bữa nọ, tôi đã nhìn thấy anh lầm lũi bước đi, không gậy chống, không dây ràng, không lương thực, lầm mò theo mãi những truông đèo, dốc dựng, năm nghìn thước rưỡi cao, hoặc dò dẫm vòng theo những thành đá đứng sừng, chân anh rướm máu, đầu gối rã, tay trầy, trong cơn lạnh bốn mươi độ đêm khuya. Dần dần máu hao, sức kiệt, hồn mòn, anh bước đi, nhả nại, kiên gan như con kiến, quay giật lùi tìm lối khác để bọc quanh những trở ngại gồ ghề, té xuống, đứng lên, leo trở lại, cố vượt qua những dốc ác hại đưa tới hố sâu, không chịu ban cho mình một phút nghỉ ngơi, vì anh biết rõ: năm một lần xuống bên tuyết, là vĩnh viễn không còn dịp đứng lên.

Mỗi lần trượt dốc, anh phải vội vã đứng lên để khỏi biến thân thành đá. Cái lạnh dị thường cứ mỗi phút giây làm anh cóng lại, và lúc trượt chân té, nếu chần chờ thờ một chút cho cam, thì sau đó, hỡi ôi! còn muốn đứng lên, thì thịt xương đã chết cứng.

Anh chống lại mọi cám dỗ. Anh bảo: nằm ở trong lòng tuyết, con người ta mất tuốt hết linh tính tự vệ. Đi suốt hai, ba, bốn ngày đường, con người chỉ còn có cầu mong giấc ngủ. Tôi cũng ước mong được ngủ. Nhưng tự nghĩ: vợ tôi, nếu tin là tôi còn sống, ắt tin là tôi đương đi. Bạn hữu tôi, cũng tin rằng tôi đương đi. Mọi người cùng tin cậy nơi tôi. Tôi là một thằng tồi nếu tôi dừng bước lại.”

Và anh bước đi, và anh lấy mũi dao con rạch da giày, mỗi ngày rạch thêm chút nữa, nhân vì hai bàn chân anh cóng giá phồng ra, cần rạch giày cho nở ra, bàn chân mới nằm yên trong đó được.

Anh kể cho tôi nghe tâm sự kỳ lạ này:

“Tối ngày thứ hai, anh thấy chứ, cái công việc lớn nhất phải làm, ấy là ngăn không cho mình suy nghĩ. Tôi đau đớn quá, và tình cảnh quá âm u. Để còn đủ can đảm bước đi, tôi không được nhìn vào tình cảnh nữa. Khốn thay, khó mà kiểm soát khối óc mình, nó làm việc như cái bánh xe quay. Nhưng tôi cũng có thể chọn cho nó một vài hình ảnh. Tôi xô óc mình vào một cuộc phim, bắt nó suy ngẫm về một cuốn sách. Và phim với sách cứ vùn vụt số tung ra. Chẳng mấy chốc mà hết trụ, tôi lại rơi trở vào tình trạng trước mắt. Không còn cách gì khác được. Lại lao đầu vào những kỷ niệm khác...”

Tuy nhiên, có một lần, trượt chân anh té nằm quay trên tuyết, úp thân vào đất chặt đó, anh bỏ cuộc, không muốn đứng lên. Anh như người võ sĩ, kiệt tận linh hồn vì một cú đấm, rời rã hết thiết tha, nằm nghe từng tiếng đếm, từng giây rơi trong một thế giới nào xa lạ, cho tới tiếng mười là tiếng chung cục, hết phân bua.

“Tôi đã làm những gì tôi có thể làm được, mà lòng tôi không còn hy vọng nữa, vì lẽ gì còn nặng nề kéo dài cuộc khổ hình cho thêm tội, làm chi?” Anh chỉ cần khép hai mắt lại, là hòa giải yên vui hết với đời. Là xóa hết giữa đời, những đá nhọn, tuyết băng. Chớm khép xong hai làn mi huyền diệu, diễm ảo về rồi: hết bão giông đánh ngã, hết trượt chân té xuống, hết da thịt nát như, hết nghiệp chướng tiền oan trong tấm thân mang lê lết khối đời quá nặng, thân bước như con bò, mà khối nặng hơn xe. Thôi rồi, cái lạnh hãi hùng là thuốc độc, anh đã nhấm phải rồi, và bây giờ lòng phơi phơi nghe ma túy ngấm vào xương. Cuộc sống của anh dồn quanh quả tim máu đập. Một thứ gì êm dịu quý giá vô ngần đương thu mình nép ở trung tâm cơ thể. Tâm thức anh bắt đầu lìa bỏ dần dần những miền xa xôi quá ở trong thân, trong tấm hình hài hỗn mang là thú vật, chở tràn đầy oan khổ ngập vai, giờ đây đã bước vào cõi vô minh hững hờ của Vân thạch.

Những hoang mang thắc mắc cũng dịu rồi. Tiếng gọi của chúng tôi, anh không còn nghe nữa, đúng hơn, anh nghe vọng về như tiếng gọi chiêm bao. Trong nhịp bước chiêm bao, anh hài lòng đáp lại, hân hoan bước rộng theo

về, nhìn trước mặt mình rạng rỡ những lạc thú phơi xanh. Êm ái làm sao! Anh lướt đi trong cõi đó; miền xứ mộng, với thân mình, dẹt dẹt chuyển như ru! Guillaumet, anh nhất quyết rồi, không bằng lòng nghe chúng tôi kêu gọi nữa. Anh keo kiệt, anh khước từ, không trở về họp mặt nữa với anh em.

Nhưng ân hận về từ đáy thăm tâm tư. Trong cơn mơ, bỗng dưng anh thốt những lời, nêu nhiều chi tiết tỉ mỉ: “Tôi đã nghĩ tới vợ tôi. Tiền bảo hiểm của tôi, chắc sẽ giúp em khỏi đói khổ. Chắc vậy, nhưng... nhưng việc bảo hiểm...”

Trường hợp một phi công mất tích luật pháp chỉ xem anh chết thật sự, là bốn năm sau. Chi tiết đó đập mạnh vào trí anh, xóa tan mọi hình ảnh khác. Anh nằm duỗi dài úp sấp trên một sườn dốc tuyết. Mùa hè tới, thân anh sẽ theo bùn cuốn trôi đi, vùi sâu dưới một u cốc nào trong dãy núi. Anh biết thế. Nhưng anh cũng biết rằng ở phía trước anh chừng năm mươi thước, có một mồm đá nhô lên: “Tôi nghĩ, nếu mình gắng đứng lên, chắc sẽ bò tới được mồm đá ấy. Nếu mình kê xác mình vào mồm đá thì mùa hè tới, người ta sẽ tìm ra được xác mình ngay.”

Đứng lên rồi, anh bước đi, đi trong hai đêm, hai ngày.

Nhưng anh không nghĩ là mình sẽ đi được xa.

“Nhiều dấu hiệu cho tôi biết sắp tận số rồi. Đây là một. Anh biết, cứ hai giờ một lượt, tôi phải dừng chân để xé da giày cho nở rộng ra, để lấy tuyết xoa bóp hai bàn chân sưng vù, hoặc để cho trái tim nghỉ ngơi một chút. Nhưng đến những ngày chót, tôi mất hẳn trí nhớ. Tôi đứng lên đi trở lại, cũng khá lâu rồi, bỗng chợt nhớ: mỗi một lần, mình đã bỏ quên lại một vật gì. Lần thứ nhất, bỏ quên chiếc găng tay, đó không phải là chuyện chơi được giữa cái giá lạnh này. Tôi đã tháo ra, đặt ở trước mặt mình, và đứng lên đi mà quên không nhặt. Rồi tới lượt cái đồng hồ. Rồi con dao. Rồi cái địa bàn. Mỗi lần nghỉ chân, mỗi lần mất mát...”

“Cái gì cứu thoát, chỉ còn là bước chân đi. Thêm một bước. Luôn luôn vẫn là một bước, một bước, bước, bước trở lại hoài hoài...”

“Điều tôi đã làm, tôi thề với anh, không bao giờ một con vật làm thế.” Câu nói cao cả nhất tôi được nghe trong đời mình, câu nói phân định vị trí con người, thiết lập danh dự con người, xếp đặt lại những trật tự tôn ti chính thực, câu nói đó, lại trở về trong ký ức tôi. Anh đã ngủ yên, tâm linh đã bay bổng, tâm trí vui lấp, nhưng từ mảnh hình hài rời rạc, tan rã, cháy ran kia, tâm linh sắp về trở lại mỗi lần anh thức giấc, và lại chế ngự tấm thân. Vậy thì, tấm thân chỉ là một dụng cụ tốt, tấm thân chỉ là một tên giúp việc mà thôi. Và niềm kiêu hãnh của người sử dụng khí cụ tốt, anh cũng biết diễn tả đàng hoàng, Guillaumet ạ.

“Thiếu lương thực, anh biết đó, ngày thứ ba... tim máu tôi chẳng thể còn đập mạnh nữa... Và đây! Dọc theo một bờ dốc đứng, tôi bu bám leo quanh, chơi với giữa khoảng không nhìn xuống hố thẳm, moi từng lỗ hổng trong đất để đặt năm tay vào, thì bỗng nghe như tim mình tan rã. Nó ngần ngại như sắp ngắt, nó đập thêm. Nó đập ngăn ngợ loạn nhịp. Tôi cảm thấy rằng nếu nó dùng dằng thêm tí nữa, một giây nữa thôi là tôi buông tay bỏ cuộc. Tôi không nhúc nhích nữa, tôi lắng nghe nhịp thở trong mình. Chưa bao giờ, anh biết đó, chưa bao giờ trên phi cơ tôi từng đã cảm thấy mình kết chặt vào động cơ nhiều như lần nọ tôi cảm thấy mình gắn chặt vào trái tim mình, trong vài phút, mật thiết vô song. Tôi bảo trái tim tôi: Nào! Hãy gắng lên chút nữa. Gắng đập nữa đi... A! Quả là một trái tim làm bằng chất tốt! Nó do dự đôi chút, rồi đập trở lại như thường... Anh biết không, tôi tự hào vì trái tim tôi nhiều lắm!”

Trong căn phòng tại Mendoza bữa đó, tôi chăm sóc anh, cuối cùng anh ngủ một giấc mê man hỗn hển. Tôi nghĩ thầm: nếu có người nói anh can đảm, thì anh sẽ nhún vai. Và người ta vẫn cứ phụ anh hoài, nếu người ta ca ngợi anh khiêm tốn. Anh đứng xa vời biên kia, biệt lập hẳn cái đức tính từ tốn tầm thường nọ! Và nếu anh nhún vai, ấy chỉ vì anh mang niềm phóng khoáng của con người thấu hiểu lẽ đời trên mặt đất thị phi. Anh biết rằng một khi sa vào vòng biển cổ, con người bỗng nhiên hết sợ hãi. Con người chỉ kinh hoàng trước cái lạ lùng khôn dò. Nhưng một phen chạm mặt nó rồi, nó không còn là lạ lùng bất trắc nữa. Nhất là khi dò xét nó với sự trầm

trọng sáng suốt kia. Lòng can đảm của Guillaumet, trước hết, là hiệu quả của lòng cương trực.

Đức tính thật sự của anh lại không phải là đó. Sự cao cả của anh, ấy là tự cảm thấy mình mang trách nhiệm. Trách nhiệm với mình, với bao thư tín, trách nhiệm đối với những bạn hữu hoài mong. Anh cầm trong tay những vui buồn của họ. Trách nhiệm đối với những gì mới mẻ đang được xây dựng dưới kia, nơi chốn của nhân gian sinh hoạt, mà dù cách biệt, anh vẫn phải dự phần. Trách nhiệm chút ít đối với định mệnh con người, trong vòng khả năng của anh trên công việc.

Anh thuộc thành phần những sinh vật rộng, hài lòng chấp thuận đưa vòm lá cành mình, che phủ giúp những chân mây. Làm người, ấy là nhận trách nhiệm. Ấy là biết tui thẹn trước những khốn cùng, khổ lụy, không do mình mà ra. Ấy là biết kiêu hãnh vì một chiến thắng của bạn mình thu hoạch. Ấy là, lúc đặt tảng đá của riêng mình, mà cảm thấy góp phần xây dựng một cõi chung.

Người ta cứ muốn lẫn lộn hạng người đó với những tay đấu bò, hoặc với những kẻ lẩn lóc cuộc chơi. Người ta ca tụng lòng dũng cảm dám chết của họ. Nhưng tôi xem nhẹ lòng khinh thường sự chết. Nếu nó không bắt nguồn từ một ý thức về trách nhiệm phải mang và mình chấp thuận, thì sự xem thường cái chết chỉ là dấu hiệu căn cỗi của tinh thần, hoặc ngông cuồng của tuổi trẻ. Tôi có biết một chàng trai đã tự sát. Tôi chẳng biết cuộc tình duyên lờ dờ nào đã xui giục anh cẩn thận cho một viên đạn vào tim. Tôi không biết anh nghe theo tiếng gọi lãng mạn văn chương nào cảm dỗ mà lại tỉ mỉ mang găng trắng vào tay, nhưng tôi nhớ rằng cái cảnh tượng chán chường kia, đã gây cho tôi một cảm giác khó chịu; không có gì cao cả, chỉ là tầm thường khốn đốn mà thôi. Thế thì, phía sau gương mặt dễ thương nọ, bên trong khối óc người trai kia, trước đây chả có gì ráo. Có chăng chỉ là hình ảnh một cô gái nhỏ nào ngốc nghếch giống như trăm vạn cô khác mà thôi.

Trước một phận số lai rai nghèo nàn như vậy, tôi bỗng nghĩ tới một cái chết đích đáng của con người. Cái chết của một kẻ làm vườn, kẻ từng bảo tôi: “Ông biết chứ... đôi lúc xới đất, mồ hôi ra như tắm. Tôi bị chứng đau

xương, nên ống chân khổ lắm, tôi rửa thềm công việc đày đọa này. Ấy thế, mà hôm nay, tôi lại muốn xới đất, xới đất hôm nay, xới vào lòng đất... Xới đất, ha! Thật là tuyệt! Còn gì tự do bằng lúc miệt mài xới đất! Nhưng rồi, ai sẽ xén tỉa cây cối của tôi đây?” Ông bỏ lại một khu vườn hoang phế. Ông bỏ lại một địa cầu hoang phế. Ông đã gửi gắm hết tình yêu cho biết bao miền đất, và trút hết tâm hồn cho tất cả cây cối trần gian. Chính ông ta là người phóng khoáng, là kẻ hào hoa, đại nhân quân tử vậy. Chính ông ta là y hệt Guillaumet, con người dũng cảm, lúc ông ta nhân danh Tạo Vật của mình mà liều thân chống lại thần chết.



### III: PHI CƠ

Sá gì, Guillaumet ạ, sá gì những chuyện đó: ngày ngày, đêm đêm, nếu công việc anh làm là quần quanh xem xét bên những máy đo sức ép, là giữ thăng bằng trên những tuyến chuyển nghi, là thăm chừng tiếng chạy của động cơ, là phải liệu đảm đương trên hai vai mình mười hai tấn kim khí: những vấn đề được đặt ra với anh, đáo cùng, vẫn là những vấn đề con người ta, và thoát thôi, anh bước ngang nhiên vào giữa cỏi cao cả tốt vời của người dân miền núi. Không thua gì một thi sĩ, anh cũng biết thưởng thức màu sương trắng giục bình minh. Từ đáy thâm u những đêm bay bất trắc, anh đã từng mong đợi màu hoa mộng mờ ảo hiện ra như chùm bông man mác, cái ánh lạ tuôn từ lòng đất tối, lên trào ngập cỏi đông. Cái mạch nước giếng ngầm diễm ảo đó, đôi lần ở ngay trước mặt, đã chan hòa rất chậm rãi, và đã cứu sống anh lúc anh tưởng rằng mình đang chết.

Việc sử dụng một khí cụ khoa học vẫn không thể biến anh thành một gã chuyên môn khô cỗi. Tôi tưởng rằng những kẻ quá kinh hãi trước những tiến bộ của ngành khoa học chuyên môn, chắc là họ đã nhầm lẫn không phân biệt rõ phương tiện và cứu cánh. Kẻ nào đấu tranh trong hy vọng duy nhất nhằm vào những kết quả vật chất tiện nghi, hẳn nhiên là không thu hoạch được chút gì đáng giá cho cuộc sống. Nhưng máy móc không phải là cứu cánh. Phi cơ không phải là cứu cánh: nó chỉ là một dụng cụ. Một dụng cụ cũng như cái cày.

Nếu ta tưởng rằng máy móc làm hư nát con người, ấy có lẽ rằng chúng ta thiếu thời gian để lui gót ra sau và nhìn rõ lại, và xét đoán về những ảnh hưởng, những tác dụng của biến dịch nhanh chóng như những biến dịch chúng ta đã trải qua. Có nghĩa gì mấy đâu, một trăm năm của lịch sử máy móc đem so ra với hai trăm ngàn năm lịch sử của loài người. Quả thật chúng ta chỉ mới chớm khởi sự ngõi vào cư trú trong gian nhà mới mẻ, mà quả thật là chưa được xây dựng hoàn thành. Mọi sự quanh ta, đổi thay quá chóng: giao tế giữa đời, giao dịch làm ăn, điều kiện công việc, thói nhà, phong tục... Tâm lý của chúng ta cũng bị tưới bởi diên đảo, ngay tận trong cơ sở u trầm nhất. Những ý niệm về biệt ly, về xa vắng, về cách trở, về

trùng lai, không mang chứa những thực cũ, mặc dù từ ngữ diễn đạt vẫn là từ ngữ xưa. Để lĩnh hội cõi sống ngày nay, chúng ta dùng một ngôn ngữ thiết lập vì cõi sống hôm qua. Và đời sống của quá khứ dường như tương ứng với bản chất của chúng ta hơn, chỉ riêng vì một lẽ: nó đáp lại đúng lời, cho cái ngôn ngữ chúng ta.

Mỗi tiến bộ một ngày, mỗi đẩy xa chúng ta một chút, xa đời mãi những tập quán chúng ta vừa chớm bén quen hơi, và quả thật chúng ta làm những kẻ thiên di trên đất trích, chưa hoàn thành được cái tổ quốc chung.

Tất cả chúng ta là kẻ man di, mà những đồ chơi mới dường như làm ngất ngây choáng mắt. Những cuộc tung cánh phi cơ không có ý nghĩa nào khác. Cái nọ bay cao hơn cái kia một chút, cái kia chạy chóng hơn cái nớ một phần. Vậy chúng ta quên mất cái do lai xui chúng ta lao đầu mà xô cho máy chạy. Tạm thời là thế, cái cuộc chạy từng bồng, nó che lấp cái đối tượng là cứu cánh, hoặc do lai. Mãi mãi than ôi vẫn rồi ra rứa. Đối với người thực dân đi xây trời đế quốc, cái ý nghĩa cuộc đời là chinh phục cho mau. Người quân nhân khinh thường kẻ thực dân. Nhưng cái mục đích cuộc chinh phục kia, há là chẳng đắp xây của gã thực dân được thành tựu? Và thế đó, trong niềm phấn phát hứng thú trước những tiến triển của mình, chúng ta xô con người vào phục dịch công cuộc thiết lập đường rầy, cất cao nhà máy, khơi hầm đào mỏ, xẻ giếng dầu hôi. Chúng ta có quên đi chút ít một điều: những xây dựng kia, cốt là phụng sự con người. Đức lý của chúng ta, trong thời gian chinh phục là một đức lý quân nhân. Nhưng bây giờ, chúng ta phải đóng vai trò đúng điệu thực dân. Chúng ta phải làm sao cho cái căn nhà mới mẻ, chưa ra hình dạng rõ ràng, phải làm sao cho nó thành sống động. Chân lý, với kẻ này, là thiết lập; chân lý, với kẻ kia, là cư trú.

Ngôi nhà của chúng ta hẳn là lần hồi sẽ thân thiết với con người hơn. Cả máy móc cũng vậy, máy móc càng tinh xảo, máy móc càng nép mặt ở phía sau cái vai trò mình đóng; máy móc càng hoàn bị, máy móc càng xóa mình thín thít ở bên kia cái công dụng mình đưa ra. Dường như mọi cố gắng kỹ nghệ của con người, mọi bài toán chi ly, những bao đêm dài thao thức chỉ nhằm tới một điều là đạt tới chỗ đơn sơ, như tuồng cần phải qua kinh

nghiệm hăng hăng của nghìn nghìn thế hệ, mới có thể khơi dẫn dần dần đường cong cây cột, nét nhịp mạn tàu, thân liễu yếu phi cơ tròn xinh như thế... như thế một lần là cho tới tột cõi nguyên trình mà trả về cho ban sơ cái đường cong đôi vú, cái đài các đôi vai. Tưởng chừng cái việc làm của kĩ sư, của thợ vẽ, của các viên cán sự trong phòng nghiên cứu, chỉ như hình là mài giũa và xóa bôi, cho nhẹ nhàng nảy ra cái then cài, cái chốt cọ, cho thẳng bằng uyển chuyển cái cánh mộng phi cơ, cho đến chỗ làm sao cho người ta không ngờ ra được nữa, cho người ta ngó nhìn mà không thấy cái chấp vúi đôi bên, là mép thân, là miền cánh, làm sao cho thiên hạ phiêu bồng trước hình thể mở phơi, lai láng làm sao như giờ đây mới thật là thoát tục, láng như ngời, như ngẫu nhĩ chung đôi tuyết bạch trơn tru như mịn màng đầu gió, duy nhất hiện hình là đặc tính của thi ca. Tuồng như cái tuyết vời hảo hợp chỉ đạt tới một lần là không phải lúc chẳng cần thêm, mà chính ra là cái khi không còn chi để rút bớt ra một phần nào được nữa. Ở tột cùng tiến triển, hồn máy móc đã mờ xóa phiêu du.

Tuyết hảo của phát minh cũng lăm le về chỗ quên mình là minh phát. Và, cũng như trong khí cụ, mọi cái gì máy móc hiện thể bên ngoài đã dần dà xóa bóng, và có đến với ta cũng tự nhiên như ngẫu sinh là một hòn sỏi biển trơn tròn, mà ngẫu sinh lại sinh từ sóng rộng, thì cũng vậy, cái tuyết vời đáng nên tán tụng, là cái máy ta dùng, chính trong lần được dịch sử, đã dần dà tự biến dạng để người quên.

Xưa kia chúng ta tiếp xúc với phi cơ như chạm vào hồn phức tạp. Nhưng ngày nay quen nết, ta quên mất mình đang gửi nhịp với một động cơ sâu tỏa đương quay. Thế là tới đây, nó đã đáp ứng với chức vụ của mình, là quay vù, quay tít, như tim đập trong lồng, và cũng vậy, nào ai biết bên phổi mình đang có một quả tim quay. Ai lưu tâm lưu ý tới. Khí cụ ta dùng thân thuộc, đã mất hút lưu tâm. Ở bên kia khí cụ, và xuyên qua khí cụ, là ấy cõi sơ khai thiên nhiên sơ thủy ta tìm về bắt gặp lại, đó trùng lai – cõi thiên nhiên của chàng làm vườn, của chú hàng hải, của bác thi nhân.

Ấy rằng với nước, ấy rằng với hơi, ấy rằng với không khí, là ấy của người phi công cất cánh tiếp xúc đề huề. Lúc động cơ tung nhịp, lúc con

tàu đã rạch sóng biển khơi, triều nước dâng, vỗ vào mạn tàu rột rột như rập rình chiêng dậy, quân nhạc ngân theo, thì con người có thể dõi theo việc làm kia bằng cách đo cật gan mình động đậy. Nó chấn động thế nào, thì ta cũng cảm rõ được từng phút, từng giây, chiếc thủy phi cơ càng tăng tốc độ, càng thu nhập thêm uy quyền trên làn sóng phân vân. Người phi công cảm thấy, trong cái khối mười lăm tấn kim khí kia, đang soạn sửa một hương nồng thuần thực, sắp dậy trào đưa toàn khối bay lên. Người phi công đưa tay nắm chặt thêm các tay lái, và dần dà thu nhập hết quyền hành nọ, như đón về một tặng vật ai trao. Nắm được tặng vật rồi, thì mọi bộ phận tay lái tự biến thành những sứ giả của quyền uy. Lúc quyền uy đã thực, người phi công chỉ cần làm một cử động nhẹ như chơi, nhẹ hơn vịn tay vào cành hái quả, là quá đủ để tách rời khỏi sóng nước cái thân con tàu yếu diệu, và đưa nó lên bầu trời dàn mỏng giữa thương khung.

## IV TÀU BAY VÀ TRÁI ĐẤT

### 1

Đã đành tàu bay là máy móc nhưng cũng là một khí cụ phân tích tuyệt hảo. Khí cụ đó giúp ta khám phá khuôn mặt thật của địa cầu. Trái bao thế kỷ, đường sá quả thật đã đánh lừa chúng ta. Chúng ta nằm trong tình trạng vị Nữ Vương xưa kia từng muốn viếng con dân để xem trăm họ có hân hoan an cư lạc nghiệp dưới sự trị vì của mình không. Nhưng bọn triều thần muốn lừa dối Nữ Vương, bèn sắp đặt vài khung cảnh tốt đẹp dọc đường trên lối Nữ Vương đi, và thuê bọn ca sĩ chờ sẵn để múa khúc. Trừ hai vệ đường mỏng manh như sợi chỉ nhiếp dẫn thị quan, Nữ Vương chẳng còn nhìn thấy gì khác nữa, chẳng hay biết thêm chút gì khác nữa về vương quốc của mình, và không ngờ rằng nơi vùng đồng không mông quạnh xa xa, nhân dân lâm than đói rét đang nguyền rủa bà.

Còn chúng ta? Chúng ta đi trên những dặm đường quanh co ngang dọc. Đường đi vốn ưa tránh những vùng đất khô cỗi gập ghềnh, cát sỏi khô khan. Đường thuận theo nhu cầu con người, đường nối liền những mạch nguồn này với nguồn nước khác. Đường đưa dẫn bước chân nông phu từ vựa lúa ra bờ ruộng xanh, đường đón súc vật mỗi chiều về chuồng yên nghỉ, và đưa súc vật mỗi sáng ra đồng cỏ non. Đường giao nối làng này với xóm nọ, và trai gái hai miền gá nghĩa với nhau. Thảng hoặc có con đường nào liều băng qua sa mạc, thì có phải rằng nó khôn khéo chạy ngoòng ngoèo để gặp cho được những vùng có bóng dừa râm mát bên nước xanh?

Chúng ta bị đường sá phỉnh phờ, cũng như bị độ lượng của từ tâm lừa dối. Những cuộc viễn du trái bao phen đi ngang qua những dải đất phì nhiêu, những vườn hoa quả mật, những bãi cỏ xanh, và từ đó về sau, trong bao ngày tháng, chúng ta hồn nhiên tô điểm cho lộng lầy, cái ngục tù vây hãm thân ta. Trái đất này, chúng ta tưởng là êm đềm, dịu ngọt lắm.

Nhưng mắt ta bỗng sáng tỏ mất rồi. Một tiến bộ xót xa. Với phi cơ, ta đi con đường thẳng. Vừa cất cánh, ta đã rời xa những con đường đẽ huề thung

dung tìm giếng nước, tìm trại chăn nuôi, hoặc tung tăng từ đô thị này đến đô thị khác. Từ nay thoát vòng cương tỏa êm ấm, không cần men tới những bờ giếng nước gần gũi như xưa, chúng ta nhắm thẳng tới những mục đích ở cuối trời. Bắt đầu từ đó, từ độ cao giữa thương khung lướt gió đi thẳng tắp, chúng ta chợt nhận ra căn cứ cốt thiết ở hạ tầng, những đá, những cát, những muối, nơi đó đời sống đôi khi ngại ngừng liều nảy nở lác đác đó đây, như một tí râu bám vào những khe hở giữa gạch vụn điêu tàn.

Thế là chúng ta đã biến thành những nhà lý học hóa học, sinh vật học đi khảo sát những nền văn minh đang trang hoàng những góc mềm u cốc và đôi lúc bất ngờ gặp chỗ phong khí tốt, bỗng mở phôi lỏng lấy dị thường. Thế là chúng ta từ đó đứng trên tầm vũ trụ thương khung, mà nghiên cứu con người qua tấm kính tròn như qua những dụng cụ khảo sát. Thế là từ đó chúng ta bắt đầu đọc trở lại pho lịch sử trần gian.

## 2

Nhằm phía eo biển Magellan, hơi xế một chút về phía Nam Rio Gallegos, người phi công bay ngang qua một vùng phún thạch cũ. Những phún thạch rã rời đó đè nặng trên cánh đồng nơi đây, một lớp dày hai mươi thước. Rồi bay ngang một vùng phún thạch thứ hai như thế, rồi một vùng phún thạch thứ ba, và từ đấy trở đi, mỗi mỏm đá nhô, mỗi cồn cao gò thấp hai trăm thước, cũng mang riêng một miệng lửa bên sườn. Không có gì giống những hỏa sơn ngạo nghễ như ngọn Vésuve: chỉ là những miệng núi lửa mở ngay giữa đồng bằng.

Nhưng ngày nay, yên tĩnh đã trở về. Một yên tĩnh như xui ta ngạc nhiên, giữa một khung cảnh lổ nhịp. Xưa kia đây chính là nơi của hàng nghìn ngọn núi rầm rộ đua nhau hút lửa từ đáy thăm để tung lên ì ầm. Mà ngày nay chỉ còn một vùng vắng lặng, với nhiều đỉnh núi đen đũi, giá băng.

Xa hơn nữa, có nhiều núi lửa xưa hơn đã bắt đầu phủ cỏ vàng óng. Thịnh thoảng lại thấy mọc một vài cây trong sừng núi, trông như một cành hoa nở trong một chiếc chậu xưa. Dưới màu ánh sáng man mác như tà dương, dải đất bằng nhuộm vẻ xinh tươi, một lớp cỏ thấp phủ đều, trông như một

mảnh vườn có bàn tay chăm sóc. Mặt đất phẳng phiu, phải nhìn kỹ mới thấy miệng lửa khổng lồ có nhô lên chút ít. Một con thỏ vọt chạy, một con chim vỗ cánh, sự sống đã chiếm cứ một giải tinh cầu mới, vì đất ngọt đã bám vào.

Lúc sắp rời Punta Arenas, các miệng lửa cuối cùng hầu đã được lấp cạn. Một dải cỏ phủ khắp nơi, uốn chuyển theo nhịp cong vòng của triền núi lửa: từ nay phong cảnh chỉ còn giữ riêng một nét hòa ái, dịu dàng. Mỗi khe hở, mỗi hang thô, được khâu vá trở lại bằng đường tơ trinh bạch thơm lừng. Mặt đất mượt như nhung, những triền sương xuôi dốc, đó ai còn nhớ ra nữa cái lai lịch hãi hùng. Cỏ tơ non mọc ở mép đồi, đã xóa nhòa những âm u vết tích.

Và đây, thành phố ở tận tít trời Nam tận cùng thế giới, nhân vì ngẫu nhĩ gặp được chút linh khí của một chút bùn mềm, đã được thành lập phong nhiêu giữa những phún thạch nguyên sơ và dương băng biển Nam heo hút. Sát ngay cạnh những chất đá đen sì, phồn hoa kia sao mà xui lòng xao xuyến: huyền diệu của con người, dị thường của tạo ngộ. Ta không biết vì đâu, ta không rõ bởi cách nào người du khách nọ đến viếng những khu vườn này, những khu vườn chỉ cho phép cư trú một thời gian quá ngắn, một chu kỳ địa chất, bằng cách nào viễn khách về đây một ngày giữa thiên thu nghe hồng ân chan rưới.

Tôi hạ cánh giữa tịch mịch chiều vàng. Punta Arenas! Hãy nhìn ta tựa lưng vào bờ giếng mà ngó gái giữa thanh xuân. Cách nhau hai bước, tôi càng thấy rõ cái lẽ huyền nhiệm kiếp người... Trong một thế giới mà sự sống giao tiếp dễ dàng với sự sống, mà những cảnh hoa giữa lòng gió hồn nhiên hôn phối với những cảnh hoa, một thế giới mà con thiên nga nào cũng quen biết mọi con thiên nga, trong thế giới đó, chỉ riêng con người là xây dựng căn lầu mộng cô đơn.

Phần tinh anh còn cách biệt nhau nghìn trùng. Một giấc mộng “đầu hoa ngang ngửa thắm” của gái xuân, càng chia xa nường biệt lập, tôi biết làm sao mà tìm cái lối vào trong nẻo đó, ở trong kia? Làm sao hạnh ngộ? Làm sao nghe ra, làm sao biết rõ những cơn man mác trong nhịp bước gái tơ đi,

lững thững chiều hôm về căn nhà cha mẹ, mắt lim dim khép mở hai hàng, hai môi má núng đồng tiền mở nụ, một mình mỉm cười với gió đẩy tà xiêm, một mình em hay, một mình em biết, một mình rộn lên những trận viên du khai phá, những mộng tưởng phát minh, nhưng u hương rập rình quân nhạc đối nhau xiêu đình đổ quán... Nàng đã tự thiết lập một điện đài bí ẩn trong một vương quốc rẽ riêng, bằng những gì của riêng ai đem lại, bằng những gì gã tình nhân đăm chiêu tư tưởng? Bằng điệu nói của chàng? Bằng những lạng lẽ của anh? Từ đó về sau, đối với em, chỉ riêng chàng là hoàng tử chí tôn, ngoài chàng ra, người người trong thiên hạ thấy thấy lưu manh man dại côn đồ? Em khép thân ngà trong một cõi, kín đáo hơn giấu vào một viễn cách hành tinh, em che lấp đời riêng trong những lối đi về kiêu diễm, trong những thối nhà băng tuyết, trong những âm vang dìu dặt của ký ức nã nùng phi phong. Sinh ra từ giữa lòng núi lửa, từ giữa lòng thảo hoa, từ giữa chất muối trùng khơi thối mặn, mới đó hôm qua, nay em đã thành Tiên Nữ.

Punta Arenas! Tôi tựa lưng vào bờ giếng. Những người đàn bà già nua tới đây lấy nước. Trong tấn bi kịch đời họ, ngày mai tôi sẽ biết riêng chỉ một cử động tôi đòi ấy thôi. Một bé con ngửa cổ vào tường, khóc lạng lẽ. Ngày mai trong kỷ niệm của tôi, sẽ chỉ còn ghi riêng hình ảnh một đứa bé lạc loài, sầu khổ không nguôi. Tôi là kẻ lạ tới đây. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Thế giới họ, tôi không thể bước vào. Làm sao tôi dám nói.

Những yêu thương, những ganh ghét, những niềm vui của con người cả một tấn tuồng rộng lớn đó diễn ra trong khung cảnh bé bỏng xiết bao. Từ đâu con người khơi dẫn được về cho mình nguồn khát vọng vô biên. Từ đâu con người vốn bị phó mặc cho rủi may, bị vất ra sống trên một miền đất mà phún thạch hỏa sơn còn hâm hấp nóng, mà những trận bão cát sắp tới, mà những cơn mưa tuyết sắp về, còn hăm dọa mãi! Nền văn minh của họ chỉ là một lớp vàng mạ mỏng manh: Hỏa Sơn sẽ xóa, sẽ bơi. Một biển mới sẽ dâng triều. Một cơn lốc cát.

Phố thị này tưởng như xây trên một dải đất đai đích thực, tưởng chừng lòng đất còn phong phiêu trong những chiều sâu độ thăm như miền đất



Beauce. Người ta quên mất rằng, ở nơi này hay chốn khác, cuộc sống vẫn là xa xỉ phẩm, và ở dưới bước chân của con người, không bao giờ có một mảnh đất sâu dày nùng hậu, bất cứ nơi đâu. Những điều đó được minh chứng rõ rệt do một cái hồ tôi gặp được ở cách thành Punta Arenas vài ba dặm đường. Năm vây bọc giữa cây cối cần cối và nhà cửa lè tè, trông thiếu não như một cái ao con trong sân nông trại, vì lẽ gì nó lại tuân theo nhịp động của thủy triều biển khơi, cũng hăng hăng dâng lên rút xuống. Giữa bao nhiêu thực tại yên tĩnh quanh mình, những lau vàng trúc vó, những trẻ con nô đùa, cái hồ kia đêm ngày kiên nhẫn kéo dài hơi thở chậm chạp theo tiết nhịp bốn bên, nhưng vẫn âm thầm tuân theo những định luật khác. Dưới mặt nước bằng phẳng, dưới lớp băng giá im lìm, dưới mái chèo của chiếc ghe hư nát duy nhất nơi đây – uy lực của mặt trăng đương âm thầm tác động. Những xoáy nước lũ của hải triều đương ngấm ngấm thao túng khối nước đen ngòm này, tận trong đáy thăm thẳm u, những tương ứng tiếp thông dị thường đương tiếp tục cuộc phối hóa, từ vùng loanh quanh đó cho tới tận eo biển Magellan, dưới làn cỏ hoa mỏng mảnh. Cái hồ kia rộng không quá trăm thước, nằm ở ngưỡng cửa lối đi vào thành phố thiên hạ sống rất bình an vững chãi trong cõi đất con người. Vâng, cái hồ kia đã phập phồng đập theo nhịp múa tim đại hải.

### 3

Chúng ta cư trú trên một tinh cầu lưu ly chuyển dịch. Lâu lâu, nhờ chiếc phi cơ vạch nẻo, tinh cầu bỗng phơi mở ngọn nguồn mình: một cái hồ âm thầm liên lạc với mặt trăng đã biểu lộ những tương quan ẩn kín. Và tôi còn biết những dấu hiệu khác.

Đọc bờ biển vây dọc dãy Sahara, từ Capjuby tới Cisneros, thỉnh thoảng ta lại bay qua một vùng cao nguyên với những sầm lĩnh đột nham hình nón cắt, mà bề rộng xê xích giữa khoảng vài ba trăm thước tới vài ba mươi cây số. Duy có điều đặc biệt là: bề cao của chúng lại suýt soát khoảng ba trăm thước, không xê dịch chi nhiều. Lại nữa là: không những chúng cao như nhau, mà lại còn giống nhau về màu sắc, về chất đất và hình thù bờ dốc,

mép ghềnh. Cũng như thế những cột trụ một điện đài nào xưa, nhô chơ vơ trên mặt cát còn như nhắc gọi cho ta nhớ rằng, xưa kia, tòa nhà huy hoàng thế nào, mà giờ đây tàn phế, chỉ còn chút vết tích thế kia... thì, cũng vậy, những đọt nham, sầm lĩnh này cũng chứng minh với ta rằng xưa kia chúng hẳn phải nằm chung trong một toàn thể của một vùng cao nguyên lớn rộng.

Thuở con đường Casablanca-Dakar mới mở, trong những năm đầu phi cơ còn mong manh yếu ớt, thì chúng tôi thường, hoặc vì máy hỏng, hoặc nhân đi tìm kiếm, cứu trợ những phi cơ bay lạc, mà phải hạ cánh xuống những vùng phiến loạn, thổ dân không ôn hòa. Nhưng cát, bản chất vẫn đối trá; ngó như là bền vững, đâu ngờ có lúc phải sa lầy. Còn những giải ruộng muối xưa, tưởng đâu rắn chắc như nhựa trái đường, tưởng đâu cũng vang động dòn dã dưới gót chân đi, ngờ đâu nó cũng lại thường lún mất dưới vòng bánh phi cơ. Lớp muối vỡ tan, mở rộng một giải bùn đen hôi hám. Thế nên chi, chúng tôi thà cam chịu hạ cánh trên những cao nguyên kia, mỗi khi trường hợp cho phép; ấy chỉ vì chúng không bao giờ che dấu những cạm bẫy bên trong.

Sự bảo đảm ấy, bởi đâu mà có? Ấy là nhờ một thứ cát trắng, rắn chắc, nặng hạt do những vỏ hào, vỏ hến tí hon tụ hội, dồn ghép lại, làm thành những đồng đồ sộ đùn ra. Trên mặt cao nguyên, những đồng lồi lồi còn nguyên vẹn mặt mày, nhưng nếu ta lần theo triền dốc mà đi xuống, sẽ thấy có chỗ vỡ ra từng mảng, có chỗ ghép chặt lại nhau. Xuống tới chân dãy cao nguyên, nơi các thứ vỏ ấy dồn tụ lâu năm nhất, thì còn thuần một chất đá vôi không pha trộn phiêu bồng.

Thuở hai anh bạn Reine và Serre bị những thổ dân bất hảo thọt được cầm tù, tôi có dịp chở một sứ giả người Maure tới hạ cánh xuống một trong những vùng này. Trước khi từ giã người đó, tôi cùng anh ấy lân la tìm xem thử có con đường nào sẽ giúp anh ngày mai lần mò xuống được. Nhưng khắp bốn mặt đều là những bức tường thẳng tắp đổ xuống hố thẳm, không một lối nào khả dĩ cho phép thoát thân.

Tuy nhiên trước khi cất cánh bay tìm chốn khác, tôi còn nấn ná dò hỏi nơi đây. Tôi cảm thấy trong mình một niềm vui – thơ ngây có lẽ - một niềm

thích thú được dịp ngẫu nhiên ghi dấu chân mình tại một mảnh đất mà có lẽ từ thiên cổ tới nay, người cũng như vật, chưa bao giờ xâm nhập tới. Không một người Maure người mọi nào có thể vượt tới gần cái chỗ doanh trại hoang liêu này mà mở cuộc tấn công. Không một người Âu người Ấn nào đã từng đến thám hiểm khu vực này. Tôi bước đi trên một thứ cát tuyệt vời hoang vắng, tuyệt diệu hoang trinh. Tôi là kẻ đầu tiên làm con người thứ nhứt đã ngồi xuống dựa bàn tay mà hốt thứ bụi vàng vô giá đó, và đong lên đồ xuống, và lúc lắc trong lòng bàn tay của mình, và mê mê nhìn phấn vàng thông dong chảy giọt. Vâng, tôi là kẻ đầu tiên tới phá vỡ cõi tịch mịch này. Trên khuôn mặt khối dương băng này, kể từ thiên thu kể lại, chưa hề có phát sinh một lá cỏ, tôi xin làm hạt giống của gió xa mang về, bằng chứng đầu tiên của cuộc sống ái ân lần thứ nhất.

Một ngôi sao mọc, tôi liếc mắt lên. Tôi nghĩ rằng cái mặt phẳng trắng phau này, từ muôn vạn kỷ, chỉ riêng gửi tấm trinh thể của mình cho tinh tú soi bóng mà thôi. Tấm thảm, tấm gương trinh bạch trải ra dưới vòm trời trong suốt. Tim tôi chợt nhói mạnh một cái, như bàng hoàng trước một phát minh huyền ảo, lúc chợt thấy... cách mình chừng vài mươi thước, nằm lừng lờ trên tấm thảm pha lê, rõ ràng một viên sỏi đen bất động.

Tôi nằm đè thân trên lớp vỏ hến dày ba trăm thước. Toàn khối khổng lồ ấy tuyệt đối chống lại sự hiện hữu vô tình vô lý của viên sỏi kia. Trong lòng sâu dưới đất hẳn nhiên là phải có những hòn đá lửa đương ngủ yên, giữa lòng địa cầu nghìn năm thai nghén, nhưng cái phép nhiệm màu ảo diệu nào lại có thể xô một viên sỏi từ đáy thăm nhô lên tới tận mặt trắng phau phau này? Tim phập phồng như đứt chỉ xoắn tung, tôi đưa tay nhặt của quý: một viên sỏi đen, rắn chắc, to bằng ngón tay, nặng như kim khí, tạc hình tượng một giọt lệ long lanh. Nhưng đâu là linh hồn khước mắt?

Một tấm thảm trải dưới một gốc táo, chỉ đón những trái táo. Một tấm thảm trải dưới vòm trời sao, chỉ hứng được những hạt sương sao rụng. Chưa bao giờ một tinh thạch chỉ dẫn rõ được cõi nguồn mình một cách tuyệt đối hiển nhiên như thế.

Và hồn nhiên mắt mở nhìn trời, tôi nghĩ rằng từ ngọn tảo thanh thiên kia, tất còn nhiều quả rụng. Tôi sẽ tìm ra chúng ngay tại chỗ chúng đã rơi, vì tự vạn kỷ nhớ nhung lần mò đi tới, chưa có gì có thể di động những trái lạ ghi tạc nhịp gót thiên thu.

Chúng không giống một vật thể nào khác ở đây. Và tức khắc, tôi vội vã khởi sự sưu tầm để yên định giả thuyết.

Giả thuyết đúng thật. Tôi lần hồi góp nhặt nhiều viên ngọc cuội, theo nhịp trung bình mỗi mẫu một viên. Viên nào cũng mang hình đá lửa nguội. Viên nào cũng lóng lánh răn chắc như huyền kim. Và thế đó, từ trên cao nguyên bát ngát là một vũ – lượng – kế tinh cầu, bằng một súc đồ kinh dị, bàng hoàng nghe tiếng gọi của sử lịch mang mang, tôi đã chứng giám trận mưa lửa diên trì trên thời gian đổ giọt.

#### 4

Nhưng huyền diệu nhất là giữa cảnh này, giữa tấm thảm nam châm kia và bầu trời sao nọ, nằm trên tấm lưng tròn của tinh cầu phiêu dạt, sao lại có một tâm thức con người để đón nhận ẩn ngữ trận mưa kia, để cho trận mưa kia có thể soi bóng vào, như soi vào gương thơ ngây vậy. Ngồi trên một nền khoáng chất, một cơn mơ là một nhiệm màu. Và tôi nhớ lại một cơn mơ.

Một lần đó, rơi cánh trên một vùng cát dày, tôi chờ trời sáng. Dưới bóng trắng, những ngọn đồi vàng nằm phơi sườn cong lưng lấp loáng, và sườn tối bên kia men lần lên tới đường vạch của ánh sáng chia bờ, phân biệt đôi bên. Khung cảnh hoang liêu nửa mờ nửa tỏ, vừa yên lành như trong giờ nghỉ việc, vừa cảm nín như một cạm bẫy khôn lường, tôi nằm tròn ở giữa lòng cảnh vật, ngủ thiu thiu.

Lúc sức tỉnh, tôi chỉ nhìn thấy vũng trời đêm, tôi đang nằm duỗi lưng trên chóp đỉnh một ngọn đồi, hai tay vòng trên ngực, mặt đối mặt với cái hồ xa nọ đầy sao. Chưa kịp hiểu ra những vực sâu đó là gì, tôi choáng váng

tưởng mình sắp rơi tòm vào trong đó, không một chiếc rễ cây để bám, không một cành lá để bu, không một mái nhà để bầu.

Nhưng tôi không rơi. Từ đầu tới chân, tôi nhận ra là mình đang dính liền da với đất. Tôi khoan khoái yên tâm phó thác sức nặng thân mình cho đất giữ. Và cảm thấy sức hút của tình đất tuyệt vời tối thượng như tình yêu.

Tôi cảm thấy đất đỡ lấy lưng tôi, đất nâng tôi lên, đất cầm tôi ở lại, đất đưa dẫn tôi vào khoảng rộng đêm mờ. Tôi nhận thấy quả thật mình được gắn liền vào trái đất do một sức mạnh thu hút giống như một sức mạnh gắn liền ta vào chiếc xe, ở những đoạn đường quanh, xe lái quẹo. Tôi khoan khoái trong nhịp kê vai góp vú, đất ôi! người chung tình đúc ái, người vững bền đem ổn định tình yêu, yên lành là thế đó. Ta cảm thấy dưới thân mình cái boong tàu cong phồng của con thuyền đưa ta vào viễn du trong cõi.

Tôi cảm thấy rõ ràng mình đương được chở đi xa; cho đến nỗi, nếu bỗng nhiên nghe từ lòng đất dậy, những ì ầm của con tàu xê dịch, hì hục cộ siết tiến đi, những rên rỉ của con thuyền buồm cũ nát kiệt sức gằng gổ vào bờ, hoặc những tiếng kêu chát chát của những chiếc Sà-Lúp gặp trở ngại nên trở con, vâng, nếu bỗng nhiên nghe trỗi dậy những âm thanh đó thì lòng tôi hẳn là vẫn điềm nhiên không kinh ngạc chút nào. Trong lòng đất vẫn còn nguyên im lặng. Nhưng cái sức hút kê vai kia đã biểu lộ thâm tình, đặt diu, bền bỉ, trung thành sau trước, từ vạn đại tới trăm năm. Tôi cư trú thanh bình trong quê hương nọ, cũng như thế những tên tù tào dịch, kết vào với khối chì, đã nằm yên đáy biển khơi, không nhúc nhích.

Tôi lại ngẫm tới thân phận mình, lạc lõng giữa Sa mạc, bị hăm dọa từng cơn, chịu bơ vơ giữa cát vàng mù tăm và ngàn sao vắng vặc, xa dờn trên ngàn dặm những từ cực của ân tình câm nín, bởi vô hạn vắng im. Tôi biết rằng muốn quay về trùng ngộ tôi còn phải chịu hăng hăng ngày tháng lang thang, nếu không chiếc phi cơ nào tìm tới, hoặc là nếu mai đây bọn người Maure không cắt đầu tôi mà chắm dứt. Còn chi nữa, nơi đây. Tôi chỉ còn là tôi cái con người phù du lưu lạc giữa cát hững hờ và trăng sao hờ hững, giữa cát không bờ và sao không bến. Chỉ riêng còn ý thức được niềm êm dịu thở mà thôi.

Ấy thế tuy nhiên, tôi bắt gặp mình tràn đầy cơn mộng.

Những cơn mộng về không tiếng động, êm như nước suối xuôi miền, và thoát tiên, tôi chưa hiểu cái niềm lâng lâng đương xâm nhập.

Không tiếng, không lời, không hình ảnh, chỉ duy nhất là mối thâm cảm một hiện diện, một tình bằng hữu rất gần gũi đâu đây, và được linh cảm đoán ra nửa phần đâu đó. Rồi tôi chợt hiểu. Tôi nhắm mắt, buông mình xuôi theo những thiên hoa loạn trụ nhiếp dẫn của kỷ niệm đầu khe.

Một nơi nào đó, có một khu vườn xum xuê từng bách, bối và bồ đề, và một ngôi nhà cũ tôi yêu. Ngôi nhà ở gần hay ở xa, điều đó không cần yếu. Ngôi nhà không thể che ấm thân tôi, không còn cho tôi trọ nữa, điều đó cũng không can hệ gì. Vì đây là ở trong cơn mộng: chỉ cần ngôi nhà kia là có thật trong đời, thế là đủ để đi về tràn ngập suốt đêm nay. Tôi không còn một tấm thân rớt giữa hoang vu, tôi đã định xong phương hướng, tôi là đứa con thơ dại của ngôi nhà, lòng mang những kỷ niệm mùi hương, không khí mát hành lang gió về hây hây, lòng ấm áp cho ngôi nhà. Cả đến những tiếng ếch nhái trong hồ, cũng lại về trong cơn mơ góp điệu. Tôi cần có trăm nghìn trụ mốc như thế để tìm lại thân mình, để khám phá những vắng mặt xa xưa nào đó đã làm nên mùi hương sa mạc ngày nay, để tìm ra ý nghĩa cho sự vắng lặng này làm nên bởi muôn nghìn vắng lặng, và trong cõi đó, ếch ương, ếch nhái cũng ngừng kêu.

Không, tôi không còn nằm giữa cát và sao. Tôi chỉ xin thu nhận của ngoại vật một lời nhắn lạnh. Cả hương vị của Vô Cùng tôi tưởng nó mang lại cho mình, giờ đây tôi mới rõ nguyên lai. Tôi thấy trở lại những chiếc tủ lớn trịnh trọng giữa căn nhà; chúng hé ra cho thấy những chồng nệm chăn trắng tinh như tuyết. Người U già tấp tễnh nhảy như một con chuột non, từ tủ này qua tủ khác, hai tay không ngớt soát tìm, tung ra, xếp lại, đếm từng tấm chăn trắng và kêu: “Trời ơi, chết mất”, mỗi khi có chỗ mòn rách làm tổn thương cho sự trường tồn của căn nhà. Rồi liền tay, U vụt chạy tới ánh đèn, nhấp nhem hai con mắt mòn buồn, hối hả phục vụ một cái gì trường tại hơn U, một đấng thiêng liêng hay một con tàu lớn.

U già ơi, tôi phải nói về U đó. Thừa U, xưa ấy, mỗi khi ở xa về, sau những cuộc du lịch đầu tiên của tuổi trẻ, thì bao giờ tôi cũng nhìn thấy U tay kim tay chỉ, cả thân người ngập trong lớp chăn trắng, và mỗi năm khuôn mặt mỗi nhăn nhú thêm, và bao giờ cũng tự tay U chăm sóc những tấm chăn cho chúng tôi ngủ. Sao cho chăn ngủ không nhàu, sao cho khăn trải bàn tiệc không thủng, những buổi hội pha lê rạng rỡ kia...

Tôi vào phòng U may vá, tôi ngồi trước mặt U, tôi kể U nghe những nguy hiểm suýt giết người tôi, để làm U khiếp đảm, để cho U biết chút ít về thế giới chúng ta, để lung lạc U coi thử... Tôi không thay đổi chút nào, U bảo. Còn bé, tôi cũng đã biết nghịch cho rách áo như thiên lôi – Trời ơi! Chết mất! – nghịch cho trầy chân lở gối, rồi mò về cho U băng bó, y hết tối nay. Không, U ạ, tôi không phải ngoài vườn chạy về với U đâu, tôi từ tận cùng trái đất về đây, mang trong mình mùi cô đơn chát chát, mang trong thân thể những cơn lốc cuồng phong, mang trong mạch máu những màu trắng lộng lẫy những miền nhiệt đới cuối trời xa. Cố nhiên U bảo rằng bọn trẻ chỉ biết nhảy đũa, chỉ biết bẻ chân cho gãy rồi tưởng mình khỏe lắm hử. Không, không U ạ! Tôi đã thấy xa hơn thừa vườn nhà. Nếu U biết bóng cây vườn nhà là nhỏ! Nếu U biết bóng cây chìm mất giữa những cát, những đá, những rú thăm rùng sâu, những ao tù lầy lội của thế gian mình. U biết chẳng những vùng man rợ có con người chột gập ta, là lập tức tì súng lên vai. U có biết là có những vùng sa mạc, ngủ trong đó là nằm trong giá lạnh, không nhà, không giường, không chăn nệm, thừa U...

- Trời, dã man, U bảo.

Tôi không phá nổi niềm tin vững chắc của U, cũng như khó mà phá vỡ đức tin của một người đàn bà giúp việc nhà thờ. Và tôi ái ngại cho căn số tầm thường của U đã làm U thành người mù lòa, nghễnh ngãng...

Nhưng đêm nay, nằm trong bãi Sahara, trơ trụi giữa biển cát và trời sao, tôi cảm thấy U không phải là không có lý.

Những gì đã xảy đến trong tôi, tôi không rõ. Sức hút của đất kết chặt tôi vào đất, trong lúc bao nhiêu vì sao đều có sức nam châm. Một sức hút khác lại kéo dẫn tôi về lại với tôi. Sức nặng của tôi đang xô tôi về bao nhiêu

chuyện. Những chuyện trong cơn mơ còn thực hơn những đụn cát, thực hơn vàng trắng, thực hơn mọi vật hiện diện bây giờ. Ôi! Huyền diệu của một ngôi nhà, không ở chỗ nó che đậy cho ta, sưởi ấm cho ta, không phải vì ta là chủ nhân các bức tường của nó. Huyền diệu của một ngôi nhà chính ở chỗ nó chậm rãi lần hồi kết tụ lại trong ta những mạch nguồn thương mến. Ở chỗ nó cấu thành, trong đáy thẳm tâm linh, cái khối đất thâm u, để từ đấy tuôn ra những cơn mơ dạt dào như suối nước.

Sahara, Sahara của ta ơi, cả một dải hoang vắng của Người bỗng huyền hoặc động hồn bởi một người đàn bà se chỉ.



## V: MÀU XANH SA MẠC

Tôi đã nói rất nhiều về Sa mạc cho anh nghe, nên trước khi tiếp tục nói thêm về nó nữa, tôi muốn tả một màu xanh ốc đảo, một khóm ô-a-xi... Khóm tôi nhớ lại đây, không nằm sâu trong sa mạc Sahara. Một phép màu nhiệm nữa của phi cơ là đưa thẳng ta vào ở giữa lòng của huyền bí. Phía sau vành tròn cửa kính con tàu, anh làm nhà sinh vật học nghiên cứu về đám người chen chúc trần gian, anh nhìn bằng con mắt vô tư, lòng không mấy may rung động, những phố thị kia nằm giữa đồng bằng, nơi trung tâm những đường ngang lối dọc xòe ra chia về chân trời bốn ngã. Và giống như những đường mạch máu nuôi thân, mang tụ mật hoa đất đồng về nuôi phố thị. Nhưng một mũi kim quay chọt rung động trên máy đo sức ép, và cụm cây xanh ấy, dưới kia, đã biến thành một vũ trụ. Anh làm tên tù, hãm thân trong một bãi cỏ giữa một khu vườn đang ôm mọng ngủ yên.

Cách trở không ước lượng độ xa xôi. Xa xôi không hẳn là cách biệt. Bức tường ngăn một khu vườn xứ nhà vẫn có thể khép bọc nhiều bí mật hơn trường thành vạn lý Trung Hoa, và linh hồn một cô gái nhỏ vẫn có thể được che giấu bằng sự im lặng, còn kín đáo hơn cả giữa giải cát dày dăng đặc che giấu những Oasis trong Sahara.

Tôi kể lại đây cái lần ghé lại chốn kia một buổi. Chốn ấy ở gần Concordia, xứ Argentine, nhưng cũng có thể là một nơi nào bất cứ: bí mật tràn lan là như vậy, ai biết chắc chắn là hẳn riêng chỗ nào.

Tôi hạ cánh trên một khoảng đồng, không hề biết là mình sắp được sống một chuyện thần tiên. Chiếc xe Ford cũ kỹ chờ tôi không có gì đặc biệt, và cũng không đặc biệt gì cặp vợ chồng hiền hòa yên tĩnh đón tôi.

- Chúng tôi mời ông nghỉ lại nhà tối nay...

Nhưng qua một khúc quanh, một chòm cây xuất hiện dưới trăng vàng, và sau chòm cây là ngôi nhà ấy. Một ngôi nhà kỳ lạ. Thấp, nặng, to, gần như một cung thành. Cung điện của huyền hoặc hoang đường, ta vừa bước qua ngõ rộng, liền được đưa vào một cõi trú yên tĩnh, chắc chắn, được bảo đảm bền vững như trong một nhà tu.

Rồi hiện ra hai thiếu nữ. Gái trang nghiêm nhìn tôi sòng sọc, như hai vị quan tòa giữ cửa một cấm cung: cô nhỏ tuổi bĩu môi trề ra một cái, cầm chiếc đũa gỗ lục gỗ nhẹ nhẹ lên mặt đất, rồi lúc giới thiệu xong, hai cô chìa tay cho tôi bắt, không nói nửa lời, với một kẻ thách đố lạ lùng, và biến mất.

Tôi vừa vui vừa thích thú. Sự việc sao đơn sơ, lặng lẽ và lén chùng như cái tiếng đầu tiên của một niềm bí ẩn.

- Hừ! Hừ! Chúng nó man rợ lắm. Người cha thần nhiên nói.

Chúng tôi vào nhà.

Ở Paraguay, tôi từng đã yêu một thứ cỏ ngạo đời cắc cớ, cứ lò đầu trong kẹt đá lót đường ở thủ đô, một loại cỏ của rừng thẳm nào vô hình mà hiện diện, cứ mò vào thành phố coi chừng thử con người còn ở đấy hay thôi, coi chừng thử xem đã tới giờ cần nên xô những lớp đá sỏi kia cho nhào chơi tí chút. Tôi yêu thích cái dáng dấp tàn phế rụng rơi kia, nó biểu hiện một giàu sang quá lớn. Nhưng tại nơi đây, tôi đã bàng hoàng thán phục.

Bởi vì tất cả tại đây cùng thi đua nhau mà tàn phế, và tàn phế một cách đáng yêu, đáng yêu say đắm, tàn phế theo điệu một cây cổ thụ đầy rêu trên mình, và vỏ da nứt rạn vì thời gian, tàn phế theo lối chiếc ghế gỗ dài nằm im để cho người hai thế hệ uyên ương tới ngồi tình tự. Tại đây, ghế, bàn, tủ cái, tủ con, đều mòn rã, những cánh cửa rạc rời, những ghế dựa long chân. Tuy nhiên, đồ đạc hư, không được chữa, mà chùi rửa thì lại được chùi rửa với tất cả nhiệt tình. Tất cả đều sạch sẽ, bóng nhoáng, sáng trưng.

Phòng khách vì thế có một bộ mặt nồng nã dị thường, như khuôn mặt một bà lão nhăn nheo. Vách rạn, tường hư, trần nứt, tôi đắm chiêu yêu dấu, và si mê nhiều nhất là cái sàn nhà loang lổ, sập chỗ này, xiêu chỗ nọ, như chiếc thang tàu thủy lay lắt phiêu bồng, nhưng nhất thiết luôn luôn được lau chùi bóng lộn. Ôi ngôi nhà kỳ ảo, không gọi gì là cầu thả lai rai, chỉ xui lòng không cùng kính thán. Mỗi năm qua, càng gia tăng mùi hương cho đáng điệu, thêm một chút nồng cho khuôn mặt phức tạp đa duyên, thêm một chút đượm lừng cho đặng tự mỗi nhiệt thành trong bầu không khí giao

loan, cũng như thêm một chút hiểm nguy cho cuộc hành trình phải đi trên con đường từ phòng khách tới phòng ăn.

- Coi chừng!

Một lỗ hổng. Người ta nhắc cho tôi nhớ rằng với một cái lỗ hổng như thế, tôi để lọt chân vào, là có thể gãy giò cẳng như chơi. Cái lỗ kia, đâu có tại người oái oăm mà có. Không ai chịu trách nhiệm cả. Đó là sự vụ thời gian. Công trình của ngày tháng. Người ta ngang nhiên không xin lỗi nhau, đó là cách điệu huy hoàng của vương chúa. Người ta không bảo tôi: “Chúng tôi cũng có thể trám cái lỗ kia lại, chúng tôi có tiền, tuy nhiên...” Người ta cũng chẳng bảo tôi – tuy nhiên là chuyện thật – “Chúng tôi thuê cái đó tại nhà chủ ở thành phố, thời hạn ba mươi năm. Thành phố phải liệu tu bổ lấy. Bên nào cũng nằng nặc...” Người ta coi thường, không giải thích, và tôi phải thán phục cái phong độ đỉnh đạc kia. Nhiều lắm là người ta nhắc tôi:

- Hừ! Hừ! Hừ hỏng chút ít đó...

Nhưng với cái giọng thật nhẹ nhàng, nên tôi ngờ là các bạn tôi đây chẳng lấy đó làm điều chi cho ráo. Tôi đâu dám tưởng ra một đoàn thợ nề, thợ mộc, thợ trần nhà, lũ lượt tới giữa một bầu quá khứ thơ ngây dịu ngọt như thế; mà đem bày ra một mớ những đồ nghề sắc tọc hỗn mang, và trong tám ngày liền, loay hoay làm lại cho ta một ngôi nhà khác, xa lạ hoàn toàn, ta chưa hề biết, tư tưởng tới viếng thăm? Một ngôi nhà không quá khứ mông lung, không niềm riêng man mác, không ẩn mật gốc tròn, không kín bưng hầm méo, không xó hóc hang xiêu – một thứ sa lông nơi tòa nhị sảnh?

Trong ngôi nhà có lắm ngõ ngách oái oăm này, hai cô gái có biến mất cũng là chuyện tự nhiên. Cái vựa chứa lúa trong nhà này thật sự nó ra làm sao, khi mà căn phòng khách cũng đã chứa một kho tàng của vựa thóc! Khi người ta đoán chắc rằng bất cứ một ngăn tủ nhỏ nào mở hé ra cũng sẽ thấy đồ ào xuống nào những xấp thư vàng xạm, những giấy tờ, những thư chứng, kế ước của cụ cố ngày xưa, và vô số những chiếc chìa khóa, nhiều gấp mấy lần số ổ khóa trong nhà, và cố nhiên không chìa nào ăn nhập ổ nào cả! Những chìa khóa tuyệt vời vô dụng, ngắm mà xem thì lý trí chỉ xin chịu

lơ láo đầu hàng, chúng xui ta mơ màng nghĩ tới những kho hầm dưới đất; những đồng tiền vàng.

- Xin hạ cố sang phòng ăn.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Phảng phất khắp nơi một mùi thư viện cũ từ phòng này sang phòng khác, vẫn man mác hương trầm, thơm tho hơn tất cả những mùi hương trong thiên hạ. Và tôi thích nhất cái cảnh tượng đời các ngọn đèn. Những cây đèn thật sự, to và nặng, người ta phải mang dờ từ phòng này sang phòng khác, như cái thời xa thăm thẳm trong tuổi thơ tôi, dờ đèn đi thì bao nhiêu hình bóng huyền ảo chập chờn di động nhảy múa trên những bức tường. Rồi, một khi những ngọn đèn nằm yên đầu vào đó, thì những dải ánh sáng tỏa từng vùng cũng nằm im, bất động, và những khoảng tối lớn rộng xung quanh cũng không xê dịch nữa, chỉ còn nghe tiếng gỗ kêu rảng rặc ở trong đó mà thôi.

Hai cô con gái lại hiện ra, cũng huyền bí, cũng im lìm như lúc biến mất trước đây. Họ trang trọng ngồi bàn. Chắc là vừa rồi họ đã mang thức ăn cho chó, cho chim chóc họ nuôi, họ đã mở cửa sổ cho đêm xanh trắng tỏ đi vào, và đã hít vào trong hai lồng ngực mênh mông những mùi hương ân tình của hoa cỏ trong cơn gió đêm lẻo đẻo bay về. Giờ đây, hai cô mở tấm khăn ăn, kín đáo nhìn tôi, thận trọng dò xét, tự hỏi không biết có nên sắp đặt tôi vào nằm trong số những thú vật thân thuộc họ nuôi. Bởi vì hai cô cũng đã có một con kỳ đà, một con cầy hôi, một con chồn, một con khỉ và một bầy ong. Mọi thứ đó sống chung lộn lạo, ăn ý hợp tình nhau lắm, hợp thành một thiên đường mới mẻ ở trên đất trần gian. Hai cô trị vì trên mọi thú vật ở thế gian, vuốt ve chúng với những bàn tay nhỏ ngón thon thon, cho chúng ăn, cho chúng uống, kể cho chúng nghe những câu chuyện mà từ con cầy hôi tới bầy ong đông đảo, thảy đều chăm chú lắng tai.

Và tôi dám nghĩ rằng hai cô gái linh hoạt đến thế, ắt phải đem tất cả óc xét đoán tế nhị của mình ra để mà nhận định về cái gã đàn ông ngồi đối diện, nhận định nhanh, kín đáo và đúng vô cùng. Hồi tôi còn nhỏ, các chị tôi cũng thường “cho điểm” những người khách lần đầu tiên tới dự tiệc

trong nhà. Và mỗi khi câu chuyện tàn bồng nhiên nghe giữa lặng lẽ vang lên một tiếng:

- Mười một!

Mà ngoài các chị tôi và tôi, không ai hiểu được ý nghĩa cợt đùa thích thú trong đó.

Tôi đã từng biết trò chơi đó nên bây giờ thấy ngài ngại chút ít. Và càng ngưỡng ngùng bối rối hơn, vì cảm thấy hai vị quan tòa quá am tường ngành ngọn. Những vị phán quan đã quen phân biệt những con vật giao hoạt với những con vật thơ ngây, biết xem bước chân chồn đi mà nhận ra khi nó lảnh, khi nó dừng, lúc nào nó cho phép lại bên gùn ghè, lúc nào nó phát câu cự tuyệt. Hỡi ôi! Những vị quan tòa tài ba như thế, gieo làn khía cạnh mà thấu suốt những đợt động triều, tận đáy thăm tâm linh.

Tôi yêu mến những cặp mắt tinh ranh và những tâm hồn ngay thẳng đó, nhưng thật cũng rất mong họ thay đổi cách chơi. Tôi đốn hèn, tôi sợ cái điểm “mười một”, nên vồn vã chuyền muối cho hai cô, rót rượu cho hai cô, những lúc ngẩng lên nhìn vẫn thấy trở lại trong đôi mắt hai cô vẫn nguyên vẻ trang trọng dịu dàng của những vị quan tòa không ai lung lạc được.

Nịnh họ có lẽ cũng vô ích: họ không hề biết khoe khoang phù phiếm. Không khoe khoang phù phiếm, nhưng rất có lòng lấy tự kiêu, và không cần nhớ tới tôi, họ cũng tự gán cho mình nhiều thứ tốt tươi mà chắc tôi không dám nói. Tôi cũng không mong đem nghề nghiệp mình mà lòe ai được, vì chắc gì lái phi cơ đã táo gan bằng việc leo lên chót vót ngọn dương ngô đồng mà thăm chơi một cái tổ chim, coi chừng xem cái tổ chim non mới nở đã mọc cánh tốt tươi chưa, và chào qua các bạn tí hon cho tốt tươi một tiếng.

Hai nàng tiên lặng lẽ vẫn dò chừng cẩn thận bữa ăn của tôi, tôi bắt gặp mãi cái nhìn kín đáo của họ, cho đến nỗi tôi nao lòng không còn biết nói chi. Bồng dưng mà im lặng, và trong cơn im lặng đó, bồng dưng nghe như có cái gì thổ, “xít, xít” dưới sàn nhà, sè sè lướt dưới bàn ăn rồi nín bật. Tôi ngạc nhiên, ngược mắt tò mò. Cô em nhỏ tuổi, bây giờ như chừng đã hài

lòng trong sự nhận xét của mình nhưng còn muốn thử thêm cú chót cho thật chắc vàng thau, cô gặm sâu vào mẩu bánh mỳ với hàm răng non man rợ, cô mới vẫn tắt cắt nghĩa cho tôi nghe bằng một dáng dấp thơ ngây băng tuyết, cô muốn làm cho cái gã mọi rợ trước mắt mình phải sửng sốt một trận mà chơi, nếu thật tình gã ta đúng là thằng mọi rợ:

- Mấy con rắn lục đó.

Và ngậm môi, nín lặng, hài lòng, như tuồng lời giải thích chất hăng phi phong kia hẳn là phải đủ đầy lăm lăm đối với kẻ nào không quá tối dạ lần khần. Cô chị liếc nhìn tôi một cái thật nhanh để xem thử cái cơn đầu tôi phản ứng ra sao, và cả hai cùng một lần cúi gầm xuống đĩa ăn một khuôn mặt kiêu diễm dịu dàng thơ ngây nhất ở trong cõi trăm năm.

- À! Té ra là rắn lục...

Hồn hồn ngạc ngạc, những lời đó rúc từ môi miệng của tôi ra. Ha! Những thứ của lạ đa đoan kia đã bò lòn vào trong ống chân tôi, nghe có tiếng nhột nhột cho cái trái chân, và đó là té ra mấy con rắn lục...

May làm sao là tôi mỉm cười. Và không có chiều gượng gạo. Hẳn hay cô nàng đã cảm thấy chứ ru! Tôi mỉm cười vì tôi sung sướng, tôi mỉm cười vì mỗi phút cứ mỗi cảm thấy cái căn nhà càng khả ái thêm ra; tôi mỉm cười cùng vì sao với ước mong biết thêm những cơn phiêu bồng hồn rắn lục. Thì cô chị nhoèn nụ cười dịu dặt giúp tôi:

- Chúng làm tổ trong cái hang ở dưới gầm bàn đấy.

Cô em nói lời theo.

- Khoảng mười giờ tối chúng mò về. Ban ngày, chúng săn mồi.

Tối lượt tôi bây giờ lên nhìn trộm hai cô một cái. Họ tế nhị thông minh, họ âm thầm cười nụ ở phía sau hai khuôn mặt điềm tĩnh phiêu bồng. Thật khôn xiết uy quyền nữ chúa...

Ngày nay tôi mộng lại. Những cái gì đó đã xa xôi. Mất cả rồi? Hai nàng tiên ấy bây giờ ra sao? Đã lấy chồng? Thế ra là thay đổi? Từ cõi miền thiếu nữ bước sang bờ thiếu phụ, tình trạng đó có trầm trọng? Có lâm ly? Hai nàng làm gì trong căn nhà mới? Những mối giây ban đầu chấm dứt? Những

tơ cỏ rối bời và những con rắn lục đã đi đâu? Các nàng đã từng hòa thân trong cái gì của càn khôn lớn rộng. Nhưng một ngày về, đã đánh thức hồn thiếu phụ trong tấm linh hồn tuyết bạch gái thơ ngây. Người ta mơ tao phùng để ban cho ai một điểm mười chín. Mười chín điểm! Con số đó trĩu nặng ở đáy lòng. Thì bỗng dưng một gã đàn, lai rai xuất hiện. Bỗng làm viễn khách tới trình diện nhị cô nương. Lần đầu tiên, con mắt lịch duyệt tinh ranh của cô nương bỗng nhằm lẫn. Cô đem màu lông lầy mà trang điểm gã lai rai. Chàng bê bối đọc thơ cho cô nghe, cô vội tưởng chàng ta chính danh thi sĩ. Bé cái nhằm là rứa đó, hỡi người ta. Người ta tưởng gã lai rai không phải người ngốc nghếch. Người ta tưởng gã lĩnh hội thông suốt những điểm kiều trong lỗ hồng nhà người ta. Người ta tưởng gã cũng yêu cầu hôn, chồn hám. Người ta tưởng hấn hài lòng vì rắn lục tin yêu, lay lắt bò leo trong ống chân, gặm bàn bên dưới. Người ta đem trái tim mình ban cho gã, một trái tim tròn trịa chất chứa mộng vườn hoang. Mà gã ta chỉ thích cái khu vườn vun vén. Câu khư thất khiêu lên đường, gã lai rai đã mang nường tiên đi...

## VI: TRONG SA MẠC

### 1

Những êm dịu thế kia chúng tôi không được phép hưởng thụ. Hằng tuần, hằng tháng, hằng năm, làm thân phi công trên độ đường Sahara, chúng tôi hãm thân mình trong cát, di chuyển từ lũy này sang lũy kia, không về. Sa mạc này tuyệt nhiên không có những bóng xanh tương tự: vườn cây, thiếu nữ là chuyện hoang đường. Cố nhiên, phương trời xa, nơi chúng tôi sẽ quay về ngày sau, lúc xong phận sự, có hàng ngàn thiếu nữ chờ đón chúng tôi. Cố nhiên, nơi xa ấy, ngày ngày nô giỡn với chồn hôi hoặc đọc sách, những thiếu nữ đó đương kiên nhẫn sửa sang linh hồn cho dịu ngọt. Lẽ cố nhiên, họ lộng lẫy thêm ra...

Nhưng tôi biết cảnh cô đơn. Ba năm lặn lội trong sa mạc, té ra tôi đã quen mùi. Ở đây, ta không lo sợ tuổi xuân tàn tạ trong sa thành khô khan. Ở đây ta lại thấy rằng, ở xa ta, chính trần gian đương già cõi. Cây cối đã đâm hoa kết trái, đất đai đã nảy nở lúa vàng, phụ nữ đã tới kỳ kiểm điểm. Nhưng mùa chuyển nhanh, phải găng về vội vã... Nhưng mùa chuyển gấp, mà ta còn bận bịu nơi xa... Và những cửa quý trần gian cứ lọt qua kẽ tay như cát mịn cồn gò.

Thời gian trôi, trôi mãi, nhưng con người thường không lưu tâm nhận thấy. Họ sống trong yên bình tạm bợ. Nhưng bỗng nhiên chúng tôi nhận thấy điều đó một lần hạ cánh xuống trạm nghỉ, gặp trận gió Tây liên miên thổi tới. Chúng tôi giống như người đi tàu lửa tốc hành, tai nghe âm âm tiếng bánh sắt nghiêng trong đêm tăm, mắt nhìn những ánh đèn loáng thoáng vung vãi bên kia miếng kính cửa tàu nối đuôi nhau chạy giật lùi, mà hình dung những cánh đồng lai láng, những thôn xóm êm đềm, những cõi miền huyền ảo, mà mình chẳng cầm giữ được chút gì, vì còn bận chuyển đi. Chúng tôi cũng vậy, lòng còn bận rộn, tai còn ù vì tiếng động cơ lúc đang bay, chúng tôi vẫn còn cảm thấy mình đang xê dịch trên dặm đường, mặc dù hiện đang đứng yên bình nơi trạm nghỉ. Chúng tôi cảm thấy mình cũng



đương bị cuốn hút về một cõi tương lai vô định, xuyên qua ý gió, bởi nhịp động của máu tim.

Mỗi bất hòa ở vùng phiến loạn càng xui sa mạc heo hút thêm. Những đêm dài tại Cap Juby, cứ mười lăm phút lại nghe tiếng hú của bọn lính gác gọi nhau vọng từ điểm canh này sang điểm canh khác, khẩu hiệu cầm canh giống giả từng hồi như chuông đồng hồ điểm. Pháo đài Tây Ban Nha ở Cap Juby nằm sâu trong vùng phiến loạn, họ cần phải làm thế để phòng ngừa những hãm dọa vô hình, những hiểm nguy không phô khuôn mặt. Và chúng tôi, những du khách trên chuyến tàu mù tằm ấy, chúng tôi lắng nghe tiếng hú từ xa lại, lớn dần, lớn mãi, và vây bọc chúng tôi như đường vòng bay của hải điểu.

Tuy thế mặc dù, chúng tôi đã yêu sa mạc.

Nếu bạn sợ sa mạc chỉ là trống không và vắng lặng, ấy bởi vì nó không chịu hiến thân cho cuộc trăng gió một ngày. Một thôn làng đơn sơ ở xứ mình cũng đã ngại ngừng nép mặt. Nếu ta không vì nó mà từ bỏ những thứ khác bên ngoài, nếu ta không chịu vào trong thói nhà phi phong truyền thống nó, không chịu theo tập tục của nó, không chịu chia xẻ những cạnh tranh, những kháng cự dữ dằn theo thói của nó, chúng ta sẽ hoàn toàn chẳng biết chút gì về cái cõi quê hương mà thôn làng đó lập riêng cho một vài người. Phải thế chẳng? Cách ta vài bước, một kẻ sống ẩn thân trong tu viện, sống theo những quy tắc, lẽ lối xa lạ với ta, kẻ đó quả thật cách biệt ta hơn mười vạn hoang vắng quan san, trong một cõi xa xôi không phi cơ nào bay tới được. Ta tìm giếng thăm chi trong hang của họ. Nó trống rỗng. Vũ trụ con người ta là vũ trụ nội tại. Sa mạc cũng vậy, sa mạc không phải chỉ là cát, chỉ là dân Touareg hoặc người Maure, cho dầu Maure có súng, cho dầu Touareg có ca-nông.

Nhưng chính bữa nay, chúng tôi vừa trải qua một trận khát. Và cái giếng chúng tôi đã từng biết từ lâu, chính bữa nay, riêng bữa nay thôi, chúng tôi mới thật khám phá thấy nó rạn tỏa mênh mông. Một người đàn bà vô hình cũng có thể gây man mác đầm ấm cho khắp một căn nhà. Một cái giếng cũng vang xa rào rạt, như tình yêu vậy.

Cát ban sơ vốn là hoang vắng. Rồi một ngày lo sợ một trận giặc cướp tới gần, chúng ta đọc trên cát những nếp gấp của tấm áo bao la mà hiểm họa đã tự phủ lên thân mình. Giặc cướp đã biến dạng cát.

Chúng tôi chấp thuận luật tắc của cuộc chơi. Cuộc chơi rèn luyện chúng tôi theo hình ảnh nó. Sa mạc, chính tại lòng ta là nơi nó biểu hiện. Ghé bờ sa mạc là gì? Không phải là vào giếng thăm ốc đảo. Ghé bờ sa mạc là: sùng mộ nguồn nước giếng như một tôn giáo thiêng liêng.

## 2

Ngay chuyến bay đầu tiên, tôi đã bén mùi sa mạc. Chúng tôi ba người, hai bạn Riguelle, Guillaumet và tôi, rơi sát cạnh đồn binh Nouatchott. Cái đồn nhỏ này ở Mauritaine, thửa đó cô lập như một đảo nhỏ đơn sơ đơn chiếc lạc hờn trong dậm biển. Một người đội già sống biệt lập nơi đây với mười lăm bác da đen Sénégalais. Họ tiếp chúng tôi như tiếp sứ giả nhà Trời.

- A! Được nói chuyện với các anh, thật đáng nên cái đời một cách! Cảm kích lắm. Cảm động lắm.

Viên đội cảm động thật, ông ta khóc:

- Ròng rã sáu tháng nay, các anh là những người thứ nhất tới đây. Sáu tháng một lần, người ta tải lương thực tới cho tôi. Khi thì trung úy, khi thì đại úy. Lần sau cùng, chính là đại úy...

Chúng tôi thì còn đang bàng hoàng. Dakar còn cách hai giờ đường, bữa ăn trưa chờ chúng tôi tại đó, một cái trục long đi, và con người ta cũng đổi luôn định mệnh. Chúng tôi trở thành những thiên thần hiện xuống bên viên đội già đang khóc như mưa giông.

- Này! Các anh uống đi chứ! Mời rượu các anh, lòng tôi vui quá. Các anh nghĩ xem! Lần đại úy tới, tôi chẳng có một giọt rượu nào để mời ngài xơi cả đó.

Tôi ghi chuyện này vào trong một cuốn sách nhưng là chuyện thực, chớ không phải chuyện tiểu thuyết. Viên đội già bảo chúng tôi:

- Lần đó tôi không nâng ly chạm cốc được... Tôi xấu hổ quá nên phải xin đổi đi nơi khác.

Chạm cốc! Chạm mạnh một cốc với một người kia từ trên lưng con lạc đà phóng xuống, khẽ nhại mồ hôi. Suốt sáu tháng tròn, sống là cốt đón chờ cái phút đó. Từ một tháng nay, người ta lau chùi vũ khí, quét dọn sạch sẽ lũy hào. Và từ mấy hôm nay, bèn mùi đánh hơi, biết là ngày vui sắp lại, người ta leo lên tầng cao để trông chừng về cái phía chân trời, liên miên nhìn không biết mỏi, ngóng chờ xuất hiện cái đám bụi tung lên và cuộn tròn trong đó đội quân di động từ Atar phi về...

Nhưng rượu hết rồi. Hết rượu rồi thì người ta không thể đón mừng ngày hội. Người ta không chạm cốc. Người ta thấy mình mất hết thanh danh. Đòi mà đến thế thời thôi. Giờ mong đợi cũng là giờ bỏ đi...

- Tôi nóng lòng chờ đại úy trở lại: Tôi nóng lòng chờ...

- Ông ta hiện đang ở đâu, thầy đội?

Viên đội đưa tay chỉ vào trong cát rộng:

- Làm sao mà biết. Đại úy thì ở khắp nơi.

Đêm hôm ấy cũng là đêm thật, cái đêm chúng tôi nằm khoèo trên chóp lũy mà bàn chuyện ngàn sao. Không còn trông vờn đám bụi nữa. Ngàn sao ở đó, đầy đủ sa số hằng hà, như lúc lái phi cơ, nhưng bây giờ đứng im mà vắng vặc.

Ngồi trên phi cơ những đêm trời đẹp quá, người ta lơ đãng bỏ rơi tay lái, và chiếc phi cơ nghiêng dần về phía tả. Tưởng nó vẫn ngay ngắn như thường lệ bay đi, bỗng nhiên người ta chợt ngó thấy một khu làng khang tịnh, khinh khiêu ở dưới cánh phi cơ phía tay phải. Nhưng trong sa mạc không có khu làng. Ất phải là khu vực của đoàn tàu đánh cá dậm khơi. Dậm khơi nào? Vây bọc Sahara, không có khu vực đoàn tàu dậm khơi chài cá. Vậy thì? Vậy thì người ta đành mỉm cười chuyện nhằm lẫn lộn xộn. Và dụi dàng, xin sửa lại đường bay. Và khu làng ban sơ lại trở về đúng nguyên vị trí. Hồng nhan được trả lại gốc phần. Ta giao lại cho nền trời, chòm sao ta vừa để cho rụng xuống.

Khu làng ư? Vâng. Khu làng thanh tịnh ạ. Khu làng thanh tú, xóm tịnh ngàn sao. Nhưng trên chóp đôn nhỏ, trông lên chỉ còn như một sa mạc giá băng như tê công, như những đợt sóng cát im lìm. Những chòm sao gắn chặt ở vòm trời. Viên đội già bảo:

- Này nhé! Tôi thạo phương hướng lắm. Nhắm thẳng theo vì sao này, là thẳng tiến tới Tunis.

- Thầy quê ở Tunis chắc?

- Không. Cô em họ tôi ở đấy.

Im lặng kéo dài rất lâu. Nhưng viên đội không dám giấu chúng tôi một điều gì cả:

- Rồi thế nào cũng có ngày tôi đi Tunis.

Vâng, đi Tunis bằng một con đường khác, chứ không phải nhắm thẳng lên vì sao kia. Trừ phi, trong một cuộc hành trình nào đó, một nguồn giếng cạn không bắt ngờ xô ông vào cõi mộng bấn loạn của tình điên. Tới lúc đó, thì cả ngôi sao, và cô em họ, và phố Tunis sẽ hòa chung một trận. Tới khi đó là khởi đầu cuộc viễn du lai láng thần và tiên, mà người phàm vốn tưởng là đau xót.

- Đã có lần tôi xin Đại úy cho phép về Tunis thăm người em gái họ. Nhưng đại úy trả lời rằng...

- Trả lời rằng sao?

- Trả lời rằng: “Trong thế gian này chứa đầy xiết bao là cô em họ gái”. Rồi vì muốn chỉ vẽ lối gần, đại úy cho tôi đi Dakar.

- Cô ấy đẹp chứ, cô em họ thầy?

- Cô em họ ở Tunis? Quyết nhiên là đẹp. Cô ta tóc vàng lơ.

- Cô ở Dakar? Hẳn là chịu sút?

Thầy đội ơi, tôi chỉ muốn ôm hôn thầy vì câu trả lời nửa sâu nửa hận:

- Cô ấy vốn người da đen... chiêm bao bờ cỏ...

Sa mạc của thầy rồi? Phải thế ru? Hay chính một Thần Linh thiên thu về gọi? Hay cũng là nguồn dịu ngọt trong suối tóc hồng vàng, và điều hiu thân

thể của cô em họ xa vời, dặm nghìn nước thăm ở cách thầy năm nghìn cây số sa mạc bên kia?

Còn sa mạc chúng tôi? Là những gì nảy nở ở trong tôi. Những gì chúng tôi hiểu biết về chính chúng tôi. Trong đêm ấy bọn chúng tôi cũng tha thiết yêu thầm một người em gái họ và một vị quan ba.

### 3

Ở sát bờ những vùng phiến loạn, Port-Étienne không phải là một thành phố. Một cái lũy, một căn nhà chứa phi cơ, và một cái trạm bằng ván gỗ làm nơi tạm trú cho bọn phi công chúng tôi. Sa mạc ở xung quanh trùng trùng điệp điệp, vì vậy cho nên sa mạc dù Port-Étienne không dồi dào quân khí, nó vẫn là một địa điểm rất khó tranh cường mà thủ thắng. Muốn tấn công nó, phải vượt qua một dải cát và lửa bát ngát, cho nên bọn loạn quân tiến vào tới nơi thì đã kiệt lực, sau khi đã cạn sạch hết bao nhiêu lương thực và nước súc trữ. Tuy nhiên từ các vùng phương Bắc lại, thường vẫn có một đội loạn quân tiến về phía Port-Étienne. Mỗi lần vị đại úy toàn quyền tới thăm chúng tôi và uống một tuần trà, ông mở địa đồ ra và vạch cho chúng tôi nhìn xem con đường tiến tới của bọn loạn quân, như kể cho chúng tôi nghe chuyện một công chúa nào xưa trong cổ tích. Nhưng đám loạn quân không bao giờ tới đích, họ bị cát ăn mòn hút cạn như hút nước một dòng sông, và chúng tôi gọi họ là loạn quân ma. Mớ đạn nhà cầm quyền cho chúng tôi mỗi đêm, vẫn nằm yên ổn ở dưới chân giường, trong thùng chứa. Và chúng tôi chẳng có địch thủ nào để đấu chọi, ngoài sự chiến đấu với vắng vẻ, chúng tôi chẳng có gì che chở ngoài sự che chở bảo đảm nhất, là nỗi cùng khổ của mình. Và Lucas, chỉ huy sân bay, chỉ biết có ngày đêm liên miên vận máy hát, và ở xa vắng quá đối với cuộc đời, máy hát phát những âm thanh nghe chừng như ngôn ngữ lạ, và gây một mối sầu vô cố, sao lại giống lạ lòng mỗi u sầu những khi khát nước dưới trời xanh.

Tối hôm đó, chúng tôi dùng bữa trong lũy, vị đại úy toàn quyền mời chúng tôi thưởng ngoạn thửa vườn ông. Ông đã nhận được từ Pháp gửi sang, ba thùng đất đã vượt bốn nghìn cây số để tới đây. Trên đám đất ấy

bây giờ đã mọc ba chiếc lá xanh, chúng tôi đưa ngón tay mân mê như mân mê những hòn ngọc. Nói tới đó, vị đại úy bảo: “Thửa vườn của tôi đó”. Và mỗi khi gió cát thổi qua, thổi cháy hết vạn vật, thì người ta mang thửa vườn đi giấu kỹ ở dưới hầm.

Chúng tôi ở cách pháo đài một cây số, lúc ăn xong, chúng tôi quay trở về, đi dưới bóng trăng. Dưới bóng trăng, cát điểm màu hồng. Chúng tôi cảm thấy mình xác xơ, nhưng cát điểm màu hồng. Nhưng một tiếng gọi của lính canh bỗng xô bi thống vào giữa cõi miền. Đó là toàn bãi Sahara đang rùng mình nhìn thấy bóng chúng tôi, và lên tiếng hỏi, vì một đám loạn quân cũng đương tiến về.

Trong tiếng kêu của người lính canh, tất cả mọi âm thanh của sa mạc vang dội về một lúc. Sa mạc không còn là một ngôi nhà vắng: một đoàn người Maure truyền từ khí cho đêm trường.

Chúng tôi có thể tưởng mình được yên lành. Thế nhưng! Bệnh tật, tai nạn, loạn quân, bao nhiêu hăm dọa đương lò dò bước tới! Con người là cái đích trên mặt đất để cho những cung tên ẩn kín bắn tới. Và người lính canh da đen vừa nhắc lại điều đó, như một tiên tri.

Chúng tôi đáp: “Chúng tôi là người Pháp!” và bước qua trước các vị thiên thần đen. Và hô hấp dễ chịu hơn. Mỗi hăm dọa kia đem lại cho chúng tôi một niềm cao nhã. Ô còn xa lắm lắm, chẳng cấp bách gì, còn bị ngăn chặn hòa hoãn bởi cát bãi mệnh mông: nhưng thế giới không còn như trước. Sa mạc đã trở thành lộng lẫy xiết bao. Một đội loạn quân cất bước đi đâu đó, dẫu không bao giờ tới được tại đây, đã đem về cho sa mạc một thần tính thiêng liêng.

Bây giờ đã mười một giờ đêm. Lucas từ máy vô tuyến đến cho tôi hay là phi cơ Dakar sẽ tới lúc nửa đêm. Trên tàu vô sự. Mười hai giờ mười, thư từ trên tàu đó sẽ chuyển sang xong xuôi tại tàu tôi, và tôi sẽ cất cánh về phương Bắc. Trước tấm gương sứt mẻ, tôi chăm chú cạo râu. Thỉnh thoảng giữ nguyên khăn choàng cổ, tôi bước lại bên cửa nhìn ra mặt cát bên ngoài. Trời tốt, nhưng gió đã ngừng thổi. Tôi trở lại bên tấm gương. Tôi suy nghĩ mông lung. Một thứ gió thổi, thổi cho hàng tháng, nếu bỗng dưng mà

ngừng, ắt phải làm rộn cả thình không. Bây giờ, tôi đeo vào người: các thứ đèn cấp cứu đeo vào nịt lưng, máy đo độ cao, bút chì. Tôi đi tìm Néri, anh bạn vô tuyến tối nay trên tàu. Anh cũng đương cạo râu. Tôi hỏi: “Không sao?”. Lúc này, vâng, mọi sự không sao. Công việc soạn sửa này là công việc ít khó nhọc nhất của chuyến bay. Nhưng tôi nghe một tiếng sè sè, một con chuồn chuồn sa mạnh vào chiếc đèn bấm ở nịt lưng. Không hiểu sao, nó làm tôi nao nạt.

Tôi ra ngoài nhìn: cảnh vật trong suốt. Một mô đất bọc sân bay nổi bật trên nền trời, như giữa ban ngày vậy. Trên sa mạc, bầu không khí vắng vẻ yên tĩnh bao trùm. Nhưng khi đó, hai con chuồn chuồn và một con bướm lục chạm đầu vào đèn bấm của tôi. Một lần nữa, tôi cảm thấy nao lòng, một nỗi gì khó hiểu, có lẽ là niềm vui, có lẽ là lo sợ, từ đáy thăm thẳm dậy, còn rất mơ hồ, nhưng khe khẽ báo hiệu. Kẻ nào từ xa xăm đang nói gì với tôi. Phải là linh tính chăng? Tôi lại bước ra: gió đã ngừng hẳn. Trời vẫn mát dịu. Nhưng tôi đã đón nhận lời khuyến cáo. Tôi đoán chừng, tôi tưởng đoán ra điều tôi chờ đợi: đúng chăng? Cả bầu trời, cả mặt cát cũng không cho tôi dấu hiệu gì, nhưng hai con chuồn chuồn đã lên lời, và một con bướm lục.

Tôi trèo lên đụn cát, và ngồi hướng mắt về phía Đông. Nếu tôi đoán không lầm, thì “cái đó” chẳng còn chậm mấy đâu. Hai con chuồn chuồn kia tới đây tìm gì? Từ những cụm cây xanh giữa sa mạc, vượt hàng trăm cây số, tới đây tìm gì?

Những mảnh nhỏ dạt dào bờ biển, báo cho biết rằng bão tố đương nổi cơn cuồng nộ, ngoài khơi. Thì mấy con côn trùng này cũng nói cho tôi biết rằng một trận bão cát đương lên đường; một trận bão cát dậy từ phương Đông, đã xô đuổi ra khỏi những bãi kè bao nhiêu đời bướm lục. Bọt bèo của giông bão đã bay tới chạm vào tôi. Và trầm trọng vô cùng vì đó là một bằng chứng, và trầm trọng vô cùng vì đó là hăm dọa lớn lao, và trầm trọng vô cùng vì nó chứa trong mình một cơn bão tố, gió Đông đang dậy đây rồi. Cơn gió xa xôi, tôi ở đây đón chút hơi thở nhẹ. Sóng động nghìn trùng, tôi ở đây là điểm tận đọt sóng trào qua. Hai mươi thước phía sau tôi, không một sợi tơ nào run rẩy. Hơi nồng trận gió quện lấy tôi một lần, một lần

thôi, thoáng qua như chừng đã tắt. Nhưng tôi biết rằng những phút giây sắp tới, Sahara sẽ dậy cơn lần nữa, và thử đợt thứ hai. Không tới ba phút nữa thì con điều gió trên nóc nhà chứa sẽ động mình phe phẩy. Và mười phút nữa, cát bãi sẽ tung trời. Chốc nữa tôi sẽ cất cánh trong biển lửa này, lửa sa mạc sắp trở về thiêu nướng.

Nhưng đó không phải là điều kích động tôi. Điều xui tôi hứng thú tràn trào trong niềm vui man dại, ấy là đã thấu hiểu một ngôn ngữ bí mật qua một vài tiếng ngập ngừng, ấy là đã đánh hơi theo đuổi được một dấu vết, không khác chi con người thái cổ chỉ nghe qua những tiếng động âm thầm, cũng đoán được cả tương lai đương báo hiệu, ấy là tôi đã đọc được cơn thịnh nộ của trời đất trong đôi cánh đập của một con chuồn chuồn.

#### 4

Ở đó, chúng tôi đã từng liên lạc với những người Maure nghịch loạn. Từ những miền sâu cấm địa, họ mò ra những miền chúng tôi đã vượt qua bằng phi cơ; họ lần mò men tới tận lũy Juby hoặc Cisneros để mua bánh mì, đường hoặc chè uống, rồi quay trở về chìm trong bí mật của mình. Những lúc gặp họ, chúng tôi có thử gắng cảm hóa một vài người.

Nếu là thủ lĩnh có ảnh hưởng quan hệ, đôi lúc chúng tôi chở họ lên phi cơ để chỉ cho họ xem cảnh tượng thế giới. Cũng là để đánh chìm lòng kiêu ngạo của họ. Bởi vì chúng tôi biết sở dĩ họ giết hại tù nhân, ấy không phải vì căm hờn, mà do lòng khinh bỉ. Gặp chúng tôi ở quanh quần đồn lũy, họ cũng chả thèm chửi rủa. Họ chỉ quay mặt đi, và khạc nhổ. Lòng kiêu hãnh đó chính do ảo tưởng mình mạnh mà ra. Bao nhiêu người trong bọn họ, từng tổ chức được những đội quân ba trăm tay súng, đã nhiều lần bảo chúng tôi: “Nước Pháp các anh tốt phúc lắm vì ở xa chúng tôi hơn một trăm ngày đường”.

Chúng tôi chở họ đi ngoạn cảnh, và thế là lần hồi đã có ba người sang viếng nước Pháp xa xôi. Họ thuộc dòng giống những kẻ một lần theo tôi sang Sénégal, đã khóc âm như mưa lúc được nhìn cây cối lần đầu tiên trong đời.



Lúc gặp lại họ trong những căn lều vải, họ ca tụng mãi những rạp ca vũ với những đàn bà khóa thân nhảy múa giữa hoa tươi. Đó là những người chưa bao giờ từng nhìn thấy một gốc cây, một cái lá cỏ, một mạch nước giếng, một đóa hồng. Họ chỉ biết, qua kinh thánh Coran, là có những khu vườn và khe suối chảy, đó là tên họ gọi cảnh Thiên Đường. Thiên Đường ấy và những nàng Tiên diễm lệ trong đó, sẽ mở cửa đón mời người ta, người ta sẽ nhận phần thưởng đó bằng cái chết xót xa trên cát quạnh, do phát đạn của người ngoại đạo, sau ba mươi năm gian khổ cùng. Nhưng Thượng Đế phỉnh phờ bọn họ, vì Thượng Đế cho người Pháp hưởng mọi hoan lạc kia mà chẳng đòi hỏi gì hết; không cần phải trả bằng đỏi khát, không cần phải trả chủ bằng cái chết điêu linh. Thế nên bây giờ họ mơ tưởng, họ mơ tưởng mãi, những tù trưởng già... Thế nên chi bây giờ nhìn ra bốn xung quanh căn lều cho tới mãi đời mình, dải Sahara chỉ hứa hẹn những lạc thú quá mong manh, họ ngậm ngùi thả cái linh hồn buông ra câu tâm sự.

- Này này... Thượng Đế của người Pháp... Thượng Đế của người Pháp rộng rãi với người Pháp hơn là Thượng Đế của người Maure đối với người Maure!

Vài tuần trước đấy, họ đã được đưa đi viếng vùng Savoie. Người dẫn đường đưa họ tới trước một thác nước mạnh, đổ xuống xoáy tít ì ầm.

Người ta bảo họ:

- Các ông uống thử đi.

Và thấy là nước ngọt. Nước! Tại quê hương họ, muốn tìm tới một cái giếng gần nhất, phải tốn bao nhiêu ngày đường. Và nếu tìm ra, còn phải mất bao nhiêu thì giờ đào cho xong lớp cát lấp ngang miệng giếng, mới bắt gặp mớ bùn lầy pha lẫn nước tiểu của lạc đà! Nước! Ở Cap Juby, ở Cisneros, ở Port-Étienne, bọn trẻ con người Maure không xin tiền bạc, chúng chìa một hộp thiếc ra để xin chút nước:

- Cho xin chút nước, cho xin...

- Nếu mày ngoan.

Nước quý hơn vàng, mỗi giọt tí hon cũng đủ làm nảy lên tia lóe xanh lục của ngọn cỏ giữa bãi cát khô khan. Mỗi khi có trận mưa đầu đó, người ta đổ xô nhau tìm tới. Sa mạc rộn ràng. Từng bộ lạc kéo nhau đi tìm ngọn cỏ sẽ mọc nơi nào, cách chừng ba trăm cây số xa kia... Thứ nước đó, hiếm hoi là thế, hẹp lượng vô cùng, từ mười năm nay chưa rơi một giọt xuống Port-Étienne, thứ nước đó bỗng ì ầm tuôn trào tại xứ xa kia, nghe như chừng bao nhiêu kho nước quý của trần gian bỗng tuôn ra từ một cái thùng nước vỡ.

- Ta đi xem nơi khác! Người dẫn đường bảo.

Nhưng họ không nhúc nhích.

- Cho chúng tôi nán lại chút nữa...

Họ yên lặng, dăm chiêu, không lời, không tiếng, trước cảnh bí mật trang nghiêm đang phơi bày cuồn cuộn. Cái thứ của lạ này, từ trong lòng núi ồ ạt đổ ra, đó là sự sống, đó là máu huyết con người. Chảy một giây thôi, cũng đủ cứu sống hàng bao nhiêu đoàn người đi trong sa mạc, khát nước như điên cuồng, liên miên đi mãi, lao mình vào giữa vô tận của những hồ nước muối và những chập chờn ảo tưởng mà thôi. Tại nơi đây, Thượng Đế hiển hiện: không lẽ gì ta đành quay lưng đi cho được. Thượng Đế mở rộng các bờ đập của ngài và tỏ rõ quyền uy cho thiên hạ thấy: ba người Maure đờ đẫn đứng im lìm.

- Các ông còn muốn xem chi nữa? Đi thôi...

- Phải chờ đã.

- Chờ gì?

- Chờ xong.

Họ muốn chờ cái lúc Thượng Đế mỏi, không còn hoang phí nữa. Thượng Đế vốn người hà tiện, Ngài mau ân hận lắm.

- Nhưng thác nước này chảy tự nghìn năm!...

Thế nên tối nay họ không muốn bàn bạc nhiều về thác nước. Vì có những phép lạ, mình nên tránh nói tới là hơn. Cũng nên tránh suy nghĩ tới

quá nhiều, nếu suy nghĩ nhiều thì chẳng còn biết hiểu ra cái gì làm sao nữa nữa. Suy nghĩ nhiều, e phải hoài nghi Thượng Đế mất thôi...

- Thượng Đế của người Pháp, anh thấy đó...

Nhưng tôi hiểu họ vô cùng, những bạn man di kia. Họ ngồi đấy, bàng hoàng trong niềm tin dao động, họ bối rối ngổn ngang, và từ đây nao núng sắp chịu quy phục rồi. Họ ước mơ được quân lương bộ Pháp tiếp tế lúa mạch cho, và được quân đội Pháp ở Sahara bảo đảm an ninh cho. Và một phen chịu quy thuận rồi, thế nào họ cũng sẽ được hưởng nhiều quyền lợi vật chất.

Nhưng cả ba người đều thuộc dòng dõi El Mammoun, tù trưởng bộ Trarza. (Tôi e mình nhầm lẫn tên ông).

Tôi có biết ông này thừa ông còn thần phục chúng ta. Ông được đặc biệt trọng đãi vì những công trạng lập nên, ông trở nên giàu có vì được các vị thống đốc nâng đỡ, các bộ lạc kính nể ông, những của cải thế gian dường như ông không thiếu một thứ nào cả. Nhưng một đêm kia, không ai ngờ được, không một dấu hiệu gì báo trước, bỗng nhiên ông tàn sát các sĩ quan cùng đi với ông vào sa mạc, cướp hết lạc đà, súng ống, rồi chạy về tái hội với những bộ lạc chưa quy hàng.

Người ta gọi những sự nổi loạn thành linh như vậy là phản trắc – những cuộc đào vong vừa oanh liệt vừa tuyệt vọng của một người tù trưởng từ nay chịu lưu đày trong sa mạc; người ta gọi là phản trắc, chút vinh quang ngăn ngui kia, nó sắp chìm tắt mất rồi như một đốm lửa tàn, lúc chạm phải đội quân di động từ Atar về. Và người ta ngạc nhiên trước những hành động điên rồ nọ.

Tuy nhiên câu chuyện của El Mammoun cũng là câu chuyện của nhiều người Ả rập khác. Mỗi ngày mỗi già thêm. Và khi trở về già, người ta suy gẫm. Rồi một đêm u buồn, chợt thấy mình đã phản bội chúa Hồi giáo, chợt thấy mình đã làm chuyện đê hèn, đã làm hoen ố bàn tay mình trong bàn tay người Thiên chúa giáo, lúc đưa tay kí kết bản đính ước một cuộc đổi trao, trong đó mình chịu thiệt thòi toàn diện.

Và gẫm ra cho kỹ, lúa mì và hòa bình đối với ông nào có nghĩa lý gì... Chiến sĩ sa cơ biến thành mục phu lây lất, chột nảo nùng hồi tưởng lại và nhớ ra xưa kia đã từng sống trong một dải Sahara bát ngát, mà mỗi một nếp cát mỗi chứa chan những hăm dọa ẩn dấu trong mình, mỗi một đồn quân đóng trại trong đêm sâu mỗi rình rập quân nhạc, lẫn khuất những chòi canh với lính gác tuần phòng, nơi chốn của những tin đi, tin lại, tin về cấp báo những điều động của địch quân, nơi chốn của những quả tim nhảy phập phồng chung nhịp, quanh những ngọn lửa hồng đỏ rạng ban đêm. Đó là cái hương vị trùng khơi biển rộng, làm sao ai quên được, nếu một lần đã có nếm qua.

Chợt ngó lại bây giờ tấm thân lơ láo lạc loài, bước quẩn quanh trong một vùng yên định không còn một chút uy phong. Chính bây giờ, chỉ bây giờ thôi, dải Sahara mới thật sự là sa mạc.

Nhưng sĩ quan mà ông sẽ giết, có lẽ ông vẫn tôn sùng. Nhưng tình thương Allah trên hết.

- Chúc ông ngon giấc El Mammoun.
- Thượng Đế phù hộ cho ngài.

Những sĩ quan cuộn tròn trong chăn nệm, duỗi dài thân trên cát như một chiếc bè, ngửa mặt lên trời sao. Ngàn sao chậm chậm quay tròn, một vòm trời đương điểm giờ trên đó... Đây vầng nguyệt chênh vênh trên bãi cát, được diu về hư không do Chân Như dẫn dắt. Những người Thiên Chúa giáo sắp ngủ say rồi. Vài phút nữa thôi, trên vòm kia chỉ còn lại ngàn sao lấp lánh. Thì lúc đó, muốn cho các bộ lạc suy đồi được thiết lập trở lại trong vòng lộng lẫy ban sơ; thì lúc đó, muốn cho những cuộc chạy thi gan rượt đuổi cùng một lúc dấy lên cho từng bưng cát bãi, thôi chỉ cần một chút xíu đưa tay, thôi chỉ cần cái tiếng kêu yếu ớt của những người Thiên chúa giáo bị bóp nghẹt hơi thở, bị nhận chìm hồn phách trong giấc ngủ của họ mê man... Chỉ vài giây nữa thôi, và từ sự vụ bất khả vãn hồi kia, một vũ trụ tân kỳ sẽ xuất hiện.

Và từ đó, những sỹ quan lộng lẫy ngủ ngon kia bị sát hại

Hôm nay tại Juby, hai anh em Kemal và Mouyane mời tôi một tuần trà trong căn lều của họ. Mouyane lặng lẽ nhìn tôi; tấm mạng xanh kéo trùm kín miệng, Mouyane giữ một thái độ dè dặt man di. Chỉ Kemal ân cần tiếp chuyện, chén tác chén thù:

- Lều vải, lạc đà, cả vợ tôi và các nữ tỳ của tôi, đều là của ông cả đấy.

Mouyane mắt vẫn đăm đăm nhìn tôi, nghiêng mình về phía anh hẳn, ghé môi thì thầm vài tiếng, rồi nín lặng.

- Anh ấy nói gì thế?

- Hẳn bảo: “Bonafous đã cướp mất một nghìn con lạc đà của bọn R’Gueibat”.

Đại úy Bonafous, sĩ quan lạc đà binh trong đội quân đóng tại Atar, tôi không quen biết ông ấy. Nhưng được biết tiếng tăm lỗi lạc của ông chấn động trong đám người Maure. Người Maure nói về ông với một niềm phần nộ, nhưng lại xem ông như một loại thần linh. Sự hiện diện của ông làm cho cát sa mạc trở thành “có hạng”. Hôm nay ông lại vừa xuất hiện lần nữa, chẳng ai rõ bằng cách nào, mà lại đánh tập hậu bọn loạn quân đang tiến về phía Nam, và cướp mất hàng trăm con lạc đà của họ, buộc họ phải quay lưng chống trả, hầu có giải cứu những kho tàng từng được phòng giữ rất nghiêm, tưởng không lọt vào tay ai được. Và bây giờ, khi đã giải cứu Atar bằng cách đột ngột xuất hiện của thiên thần thượng đẳng, khi đã đóng yên quân trên một gò đá vôi cao rộng, ông ngang nhiên đứng lăm lăm trên đó, như khiêu khích thiên hạ bốn bề có giỏi thì tới ăn thua chơi, và hào quang ông chiếu tỏa tới độ nào mà các bộ lạc đua nhau kéo tới rùng rùng chịu chơi trước ngọn đuốc kiếm của ông.

Mouyane nhìn tôi khắc nghiệt hơn và nói nữa.

- Anh ấy nói gì?

Hẳn bảo: “Chúng tôi sáng mai sẽ đi đánh Bonafous. Ba trăm cây súng”...

Tôi đã đoán chừng ắt phải có chuyện chi đây. Từ ba hôm nay, những lạc đà được dắt tới giếng, những bàn tán gần xa, dằng dai chuyện vãn, những phấn khích nhiệt tình... Như sửa soạn sắp đặt lèo lái cho một chiếc thuyền vô hình nào đương rục rịch ra khơi. Và gió biển đã lên, đã rì rào bốn ngả, cơn gió nồng sắp dùi dập thổi căng buồm xô thuyền rẽ sóng ra đi. Chính bởi có Bonnafous mà mỗi bước tiến về Nam là mỗi bước lừng vang oanh liệt. Và tôi không còn biết biện biệt thế nào là yêu đương hay thù hận chất chứa trong những cuộc lên đường chinh phạt nhau kia.

Có một kẻ thù lộng lẫy đường ấy ở giữa trần gian để mà sát hại – còn gì trắng lẹ cho bằng. Nơi nào y xuất hiện đột ngột, là nơi đó các bộ lạc gần gũi vội vã tháo lều xếp gió, tập trung lạc đà phăng phăng chạy trốn, để tránh cuộc đối diện không lành, nhưng những bộ lạc ở xa thì lại choáng váng ngất ngây như ngất ngây trong cơn tình ái vậy. Người ta giữ áo lên đường, lìa bỏ đời sống yên vui trong lều vải, từ khước lạc thú ôm ấp vợ, nồng da mịn lá, từ bỏ giấc ngủ tê mê, vì người ta chợt thấy: không có gì ở trần gian đáng giá cho bằng cái việc: sau hai tháng trời liên miên đi mãi, đi kiệt sức về Nam, chịu đói, chịu khát, chịu dưng chân thu hình lăn lóc chờ mong giữa gió cát lên cơn, rồi bất thành lình một sớm tinh sương được chạm trán với đội quân di động Atar, và tại đó, nếu Trời Phật giúp cho, sẽ lấy đầu tên Đại úy Bonnafous một mẻ.

- Bonnafous mạnh tợn. Kemal thú thật với tôi.

Bây giờ tôi biết niềm riêng bí ẩn của họ rồi. Những gã đàn ông ao ước đàn bà, một kiều diễm phụ nữ, thôi thì liên miên mơ tưởng tới gót ngọc hờ hững dạ du, rồi thuê hoa dệt bướm, canh trường thao thức trần qua trở lại, đau đớn xót xa, máu tim cháy bỏng từng cơn, nhịp theo gót chân đi hờ hững, và hỡi ôi! gót về hờ hững dội mãi vào cơn mộng mà tiếp tục đi mãi gót dạ du... Thì theo lối đó, bước chân xa xôi của Bonnafous cũng đang dày vò tâm linh họ. Đi bọc hậu những toán kiêu binh tới tấn công mình, cái vị chỉ huy theo Thiên chúa giáo kia, ăn mặc theo lối người Maure cầm đầu hai trăm tên cướp người Maure, đã vào sâu trong nội địa của loạn quân, nơi mà tên thuộc hạ hạng tồi nhất của ông cũng rất có thể động cơn dấy loạn,

trút bỏ nghiệp tôi đòi, mà không tội lỗi gì cả, vì đã thoát mọi ràng buộc của luật tắc người Pháp, nơi mà bọn bộ hạ rất có thể lén cắm vào lưng ông một nhát dao, hy sinh ông để tế Thần Linh của mình trước bàn thờ bằng đá vàng ở chính nơi đó, chỉ riêng uy phong của ông là kiếm chế họ, và ngay cả nhược điểm của ông của xui họ kinh hoàng. Và đêm nay, đi giữa giấc ngủ bọn họ với những ngáy khò, ông vẫn hừng hờ bước qua bước lại, và tiếng chân ông vang dội vào tới tận giữa lòng sa mạc hoang liêu.

Mouyane ngẫm nghĩ, trầm ngâm ở cuối căn lều, im lìm như một pho tượng bằng đá lục hoa cương. Chỉ hai con mắt là long lanh sòng sọc, và mũi dao bạc không còn là một thứ đồ chơi. Anh đã thay đổi xiết bao, kể từ ngày gia nhập kiêu binh! Chưa bao giờ anh cảm thấy sự cao cả của mình như bữa hôm nay, anh nhìn tôi như muốn ép giập tôi dưới làn nhãn quan chứa đầy khinh bỉ; bởi vì anh sắp tìm tới Bonnafous để độ tài, bình minh hôm sau anh sẽ lên đường, thôi thúc bởi mối căm hờn mang đủ đầu những dấu hiệu yêu thương.

Một lần nữa, anh ghé vào tai người anh thì thầm, và đưa mắt ngó tôi.

- Anh ấy nói gì?

- Nó bảo nó sẽ bắn ông một phát, nếu gặp ông ở xa đồn lũy.

- Vì sao vậy?

- Nó bảo: “Ông có phi cơ, ông có vô tuyến, ông có Bonnafous, nhưng ông không có chân lý”.

Mouyane im lìm trong mớ khăn xanh trùm phủ, không nhúc nhích giữa những nếp gấp bất động như những lằn xếp trên xiêm áo tượng đá, Mouyane đã phán xét tội trạng tôi:

- Hăn bảo: “Ông ăn rau hau háu giống như dê cái ăn rau, ông ăn thịt heo ngốn ngẫu như heo nái ăn thịt heo. Đàn bà xứ ông không biết xấu hổ, sẵn sàng phơi cái mặt mo ra”, hăn có gặp cái loại đàn bà đó. Hăn bảo: “Ông không cầu nguyện bao giờ”. Hăn bảo: “Phi cơ của ông, vô tuyến của ông, Bonnafous của ông, có giúp ông nên cái tích sự gì, nếu ông không có cái chân lý?”

Và tôi phải chinh phục anh chàng Maure này, anh không bảo vệ tự do anh, vì trong sa mạc bao giờ người ta cũng tự do, anh không bảo vệ những của cải, những kho tàng hữu hình nào cả, bởi vì sa mạc nó trống không, anh chỉ bảo vệ một sơn hà bí ẩn. Trong cõi tịch liêu sóng cát, Bonnafous đang điều động đội quân mình như một tên hải tặc lịch duyệt, và nhờ gã đó mà chốn dừng chân đóng trại tại Cap Jubby này bỗng dưng không còn là cõi cư trú cho bọn chăn nuôi nhàn rồi. Giông bão Bonnafous xô về, đè nặng một bên hông, vì Bonnafous mà người ta phải thu hẹp lều vải mỗi đêm hôm. Vẳng lặng cõi trời Nam, ôi não lòng làm sao là cơn vẳng lặng: vẳng lặng Bonnafous, do linh hồn Bonnafous thao túng! Và liệt hộ Mouyane, thiếp liệt giang hồ, đương im lìm lắng nghe Bonnafous dẫn gót chân đội vào lòng gió.

Ngày sau Bonnafous sẽ trở về đất Pháp, thì quân thù của ông sẽ chẳng lấy thế làm mừng. Họ sẽ khóc. Ông bỏ đi đâu, ông đi rồi, thì sa mạc mất đi một từ-cực hấp dẫn, cuộc tồn sinh kẻ ở lại sẽ mất đi một sắc uy phong. Họ sẽ bảo tôi:

- Chớ bảo mần răng mà Bonnafous lại bỏ mà đi như rứa?
- Tôi đâu có biết đâu nào...

Ông đã đem cuộc tử sinh của mình ra liều giữa trận tiền tử sinh của họ, đặng đặng bao năm. Đem luật tắc sinh tồn của họ làm luật tắc sinh tồn cho mình. Ông đã nằm ngủ nơi đây, gối đầu mình trên đá khô đất họ. Trong cuộc triền miên đuổi bắt nhau dừ dặt, ông cũng như họ, đã từng biết đến những đêm trường Kinh Thánh gồm toàn cát với gió với sao. Thế mà bỗng dưng ông dứt áo ra đi, như bảo chúng tôi biết rằng từ bấy tới nay ông không chơi một cuộc chơi cốt yếu. Ông ngắt ngưỡng rời bàn, vượn vai bỏ cuộc. Và những người Maure ở lại u buồn, cô đơn trong cuộc chơi dang dở, mất lòng tin ở một lẽ sống không còn đòi hỏi con người phải dẫn thân tới kiệt tận máu xương mình. Nhưng họ vẫn muốn còn hoài vọng:

- Lão Bonnafous của ông, lão sẽ còn trở lại.
- Tôi đâu có biết.



Lão sẽ còn trở lại, người Maure tin như thế. Những trò chơi của Âu Châu làm sao mà làm vừa lòng lão được. Những trò chơi của Âu Châu, những cuộc đánh bài lầy lắt, những quan giai lần lần, những đàn bà vô hên... không, không... những thứ đó không thể cầm chân lão ta mãi. Lão sẽ còn trở lại đây, cuộc sống hiên ngang vùng vẫy mất đi sẽ còn ám ảnh lão, nơi đây, mà mỗi bước chân đi là mỗi khoa động linh hồn, giục buông tim nháy, mỗi bước chân đi trên cát là mỗi bước chân về xứ sở yêu đương. Lão ta tưởng nơi đây chỉ sống điệu lai rai phiêu bạt trắng gió vật vờ, lão ta tưởng về lại xứ kia mới là cõi bờ cốt yếu, nhưng lão sẽ ngao ngán nhận thấy rằng những của quý chân chính, riêng chốn này là chỗ đã cung cấp hết cho lão ta, riêng sa mạc này là nơi lão ta đã sở hữu những kho tàng vô giá: cát bãi oai hùng, trời đêm hoang vắng, quê hương của gió, tổ quốc của ngàn sao. Và nếu Bonnafous sẽ trở lại một ngày nào, thì tin tức kia, ngay đêm đầu tiên, sẽ tràn đi khắp nơi suốt vùng phiến loạn. Người Maure khắp nơi sẽ kháo với nhau rằng lão ta hiện đường nằm ngủ ngon giữa hai trăm tên cướp thuộc hạ, ở một nơi nào đâu đó trong bãi Sahara. Lão ta đương ngủ... Tức thời thiên hạ sẽ khởi sự lạng thình dất lạng đà lại giếng. Thiên hạ sẽ soạn sửa lương thực. Thiên hạ sẽ xem xét cẩn thận họng súng. Thôi thúc bởi cuồng nộ căm hờn kia, hoặc thiết tha ân tình nọ.

## 6

- Hãy lên chờ tôi lên một chiếc phi cơ đi Marrakech...

Hằng đêm tại Juby tên nô lệ người Maure kia vẫn nhắc nhở tôi lời khẩn cầu nọ. Sau đó, khi đã cố hết sức mình để được sống, lão ngồi xuống xếp bằng tròn và pha trà cho tôi. Thế là kể từ đó, lão thanh thản được trong một ngày, vì theo lão nghĩ: mình đã phó thác mình cho vị thầy thuốc duy nhất có thể chữa lành mình, mình đã khẩn cầu vị thần linh duy nhất có thể giải cứu mình. Từ đó nghiêng thân trên ấm nước, lão nghiền ngẫm lại những hình ảnh đơn giản của đời mình, những đồng đất đen miền Marrakech, những ngôi nhà hồng tươi, những của cải giản đơn mà lão đã bị người ta tước đoạt mất.

Tôi im lặng, lão không lấy thế làm phiền, lão không oán hận tôi sao lại trẻ tràn không ban ngay đời sống cho gã; lão nghĩ rằng tôi không phải một người giống lão, mà ấy là một sức mạnh để thúc giục lên đường, để lịch sử tiến tới, một cái gì đó giống như một trận gió lạnh, sẽ thổi dậy một ngày, hiền hòa đưa đẩy định mệnh của lão đi xuôi thuận.

Nhưng tôi, một phi công trốn trại, tạm thời vài tháng làm chỉ huy sân bay tại Cap Juby, tất cả tài sản chỉ thu gọn trong một căn lều lơ lảo tựa lưng vào thành lũy Tây Ban Nha, với một cái thau, một bình nước mặn, một cái giường quá hẹp bề dài, quá ngắn bề ngang, thì tôi lại không có chút ảo tưởng nào về quyền hành của mình mấy tí:

- Lão Bark ơi, việc ấy, rồi sẽ bàn tới sau.

Một người nô lệ cùng mang tên Bark; vậy lão cũng tên là Bark. Nhưng mặc dù bị bắt đã bốn năm rồi, lão vẫn chưa đành chấp thuận: lão nhớ rằng xưa kia mình đã từng là chúa.

- Hồi ở Marrakech lão làm chi?

Ở Marrakech, chắc vợ con lão bây giờ còn sống, lão đã từng làm cái nghề thật huy hoàng:

- Tôi chăm sóc vật từng bày, và tên tôi là Mohammed.

Các quan tổng trấn tại đó vẫn thường cho lính vờ lão tới:

- Ta có một bầy bò muốn bán, Mohammed ạ, lão vào trong núi lửa chúng ra đây.

Hoặc:

- Ta có một nghìn con cừu ở ngoài cánh đồng kia đó, lão còn mạnh giò thì đưa chúng lên đồi cao gặm cỏ.

Hoặc:

- Ta có một trăm con dê cái. Lão hãy đi tìm hộ con dê đực hoa cà về mà thả vào chuồng nọ cho ta.

Hoặc:

- Bầy cừu của ta hôm nay u buồn quá đỗi. Như tuồng chúng nhưng nhớ non thăm rừng sâu. Lão liệu lừa chúng lên dãy Nga My một chuyến. Luôn tiện lão cũng gặp dịp đổi gió một phen.

Bà Bark, tay cầm một nhánh ô liêu như quân quyền vương trượng, uy nghiêm lên đường, thung dung điều khiển đàn súc vật, như một đấng anh tài có toàn quyền tiện nghi bát tiếu, việc ngoài đồng nhưng... một mình đảm đương trọng trách việc cai quản cả trăm họ cừu xinh, sao cho chỉnh tề hàng ngũ, gò bót bước chân con nào đi nhanh quá trốn làm nhọc bạn đồng hành phải yếu đương mang nặng và sắp để đau, hoặc thôi thúc bước chân những con nào biếng nhác... Lão bước đi giữa trăm ngàn nhịp động của trăm ngàn quả tim súc vật tòng phục tin yêu. Một mình lão định đoạt hành trình: một mình lão biết sẽ hưởng về “đất hứa” nơi nào; một mình, lão đoán ra bước đi trên dặm đường lúc dăm chiêu đọc hồng vàng tinh tú, thông trải ngọn ngành một khoa học tế vi, đâu có truyền thụ ra cho con cừu thiên quyền nào được; một mình, lão quyết định lúc dừng chân, giờ nghỉ ngơi, khu giải khát, thể theo niềm duyệt lịch của mình. Và đêm về, một mình đứng nguy nga giữa đàn cừu yên ngủ, lão âu yếm nhìn, động lòng nhân ái trước bao nỗi khờ khạo yếu đuối thơ ngây, lão im lìm, lông len ngập tới đầu gối, lão biến thành vị thầy thuốc thời đại bách khoa, tiên tri hiển thánh, vương chúa uy quyền, đương nguyện cầu cho trăm họ cừu ngủ ngon.

Một hôm, gặp bọn người Ả Rập tới bảo:

- Theo chúng ta đi tìm súc vật phương Nam.

Người ta dắt lão đi thật lâu, và sau ba ngày, mò vào sâu trong một con đường núi hẻm ở sát cánh vùng phiến loạn, người ta đơn sơ đưa bàn tay ra nắm lấy vai lão, đổi tên lão ra Bark, và bán đứng lão đi.

Tôi cũng quen biết nhiều người nô lệ khác. Hằng ngày tôi tới uống trà trong những căn lều. Chân trần, nằm duỗi dọc thân ra, trên một tấm thảm bằng len thượng hạng, đó là món xa xỉ của người du mục lưu ly, nằm trên đó vài giờ cũng gọi là thiết lập cõi nhà cư lưu một buổi, nằm trên đó tôi lắng nghe ngày trời chuyển dịch. Trong sa mạc, ta nhận ra cái dặt dìu trôi chảy của thời gian. Dưới cơn thiêu nướng của mặt trời, người ta cũng nghe

mình đương bước tới chiều hôm, bước tới cỏi gió xanh sẽ thổi, sẽ tắm gội hình hài và gột rửa mồ hôi. Dưới cơn thiêu nướng của mặt trời, thú vật và người ta, cùng rủ nhau một nhịp tiến về cái hồ giải khát lớn rộng đó của hóa công, tiến về đó chắc chắn vững bền như tiến về cỏi chết. Và như vậy, sự nhàn rỗi không bao giờ là nhàn rỗi uống công. Nhàn rỗi là tỉ mỉ êm đềm bước đi bên ngày đẹp, và bất cứ ngày nào lại chẳng đẹp, như những con đường kiều diễm đưa tới bối rối trùng dương.

Tôi quen biết họ, những người nô lệ ấy. Họ bước vào căn lều lúc thấy chủ mang từ trong hòm của cải ra nào lò, nào ấm, nào ly cốc... từ trong cái hòm nặng nề chứa đầy những đồ vật lai rai một cách! Những ổ khóa vắng chìa, những chậu hoa, mà hoa nào đâu thấy bóng, những tấm gương ba xu, những binh khí cũ kỹ, những thứ gì gì lạc lõng tới đây lừng lơ nhìn cát, kể thật cũng như dường những thứ của phá gia, chút oan gia bọt bèo thuyền đắm trôi dạt cập bờ.

Người nô lệ lặng yên cho củi khô cành héo vào lò, đổ nước vào ấm, phồng má thổi vào lửa nhún nhen, chịu chơi một cách! Đem sức voi hùm di sơn dịch hải, để làm cái công việc của một gái choai choai. Đem gân cốt đại bàng lướt gió mà vin cành thùy liễu gợn tiểu Khê. Chàng vẫn giữ cơn yên vui tịch mịch. Chàng ta đâm ra bị cuốn hút trong làn du khoái cuộc chơi: pha trà, chăm sóc lạc đà, ăn cơm vào trong miệng. Dưới cơn thiêu nướng của mặt trời, cứ đều đặn bước đi về chiều tối; và dưới cơn băng giá của ngàn sao trợn trụi, cứ mơ màng hoài vọng cái trận nướng của mặt trời thiêu. Hỡi những xứ miền phương Bắc! Các người sướng vô ngần lắm đó, các người biết chẳng ru. Trời của các người là trời vắn xoay tiết diệu, với nhịp mùa tuần tự kết liên mà tác thành cho ngày hè một hoang đường chiêm bao tuyết bạch, mà tác tựu cho đêm tàn đông lạnh một rạng rỡ mộng trời xanh! Mà tẻ sao là nhiệt đới! Nằm trong lò hấp ngọt chẳng thay qua, đổi lại chi nhiều. Mà sướng thay là vãn dải Sahara này với ngày đêm không ngớt, với đêm ngày cứ liên tục đơn sơ mà đánh nhịp dập dìu cho hồn ai trở cơn lên xuống, tự hoài vọng nọ tới ước mong kia.

Đôi phen người nô lệ da đen, ngồi khoanh chân tròn khoeo trước cửa, phơi linh hồn phiêu diểu trong làn gió hây hấy. Hoàng hôn êm ái như ru. Lặng nghe dễ khiến thân tù tội mê. Nặng sao vòng hãm tư bề. Làn xanh kỷ niệm không về bãi hoang. Chỉ nghe hiu hắt đôi hàng. Phút giây giờ cũ pha càn đòn đau. Kêu xin, nài nỉ nơi nào. Bàn tay ai đẩy tôi vào chốn nay. Từ đó tới nay? Kể từ những cú đấm túi bụi vào mình, quật mình nhào lặn vào trong đêm âm u hiện tại, kể từ giờ phút đó tới nay, anh chàng chìm thân trong giấc ngủ dị thường, mê sảng mơn man như mù mắt, đâu còn nhìn ra hình bóng những sông dài chậm chảy xứ Sénégal, đâu còn nhìn thấy màu trắng xóa những phố thị Maroc phương Nam, mê sảng triền miên như tai ù, tai điếc, đâu còn nghe nữa những giọng nói quen thân. Anh bạn da đen, anh không đau khổ khốn đốn, anh chỉ như tật nguyên. Một ngày lọt vào vòng tồn sinh động hoạt của người du mục, kết chặt chẽ thân mình vào trong những cuộc xê dịch lưu ly, suốt đời cột da xương mình vào bàn chân vạch ngang, vẽ dọc, xoay tròn của bọn người kia hoạch định trên mặt cát. Anh còn giữ được chi nữa những liên lạc từ nay với quá khứ, với gia đình, với một cô vợ và mấy đứa con, đối với anh giờ đây mọi thứ kia đã chết không khác chi những người đã chết.

Có những kẻ lâu ngày đã sống tình yêu lớn rộng, rồi chợt mất đi, bỗng đôi lúc chán chường niềm cô đơn cao nhã. Họ lai rai ghé lại bên đời, kiếm một tình yêu tầm thường, đem cọ vào làm hạnh phúc. Họ cảm thấy khoan khoái trong đầu hàng, quân vương xin thoái vị nhường ngôi, làm thân ty tiện, man mác làm sao là cái phận phiêu bồng bèo bọt, cơn gió vàng đưa đẩy cái mạn mà cát lũy vào trong vòng tĩnh mịch cỏ nội hoa hèn. Nô lệ hãnh kiêu bằng giàu sang của chủ. Hồn thực nữ bốc hơi nồng bên lượng cả bao dong, dầu bao là bất thành linh thuận buồm thông dong về một Châu Thai buôn bán.

- Này, này, uống đi, cho mày đầy. Thịnh thoảng chủ bảo tớ như thế.

Đó là cái giờ chủ ân cần với tớ, nhân vì sự nhọc mệt đã qua cơn, nhân vì trận nóng nướng thiêu đã tan dịu, nhân vì tớ thầy cùng sát cánh bên nhau bước vào cõi trời chiều mát gió. Và chủ ban cho tớ một ngụm trà trong tách

đẹp tay nâng. Và kẻ tội đồ đón lấy ly trà lưu ly từng giọt, lệ lưng tròng vì thâm tạ tri ân trĩu nặng, sẽ quỳ xuống mà hôn vào đầu gối hai chân của chủ. Kẻ nô lệ chẳng bao giờ bị đọa đày trong xiềng xích. Cần chi thế chứ! Hẳn trung thành một cách! Hẳn ngoan ngoãn cái côi lòng hơn hờ khước bỏ trong thân phận mình một ông vua da đen mất ngôi là thế: hẳn hài lòng vô hạn với cái phận bây giờ là một tên nô lệ lờ lững vui sướng xiết bao.

Tuy nhiên một ngày kia người ta sẽ phóng thích hẳn. Ấy là lúc hẳn đã quá già, sức mảy mà xứng áo xứng cơm, thôi thì thôi cũng chiều lòng, cho mày vô hạn một vòng bước ra. Một chân trời bát ngát tự do! Suốt ba năm ròng, hẳn lần mò từ lều này qua lều nọ, luống cuống van xin được gửi thân tôi đòi, mỗi ngày mỗi yếu thêm đi, cho đến cuối ngày thứ ba sức kiệt, lực cùng, nhưng luôn luôn vẫn là ngoan ngoãn, hẳn năm duỗi dài trên mặt cát, hai mắt mở to. Tôi có thấy những người như thế tại Jubu, năm chết trần truồng. Người Maure đi bên cạnh trong giờ họ hấp hối, hấp hối kéo dài. Người Maure chạm vào họ nhưng không tàn nhẫn chi, và bọn trẻ con người Maure nô giỡn bên cạnh tấm thân tàn u ám, và mỗi bình minh chạy tới thăm chơi, coi chừng có còn cựa quậy, nhưng không cười cợt kẻ tở già. Đó là chuyện tự nhiên, lẽ thường. Không chi lạ. Cũng như bảo: “Anh đã làm việc giỏi, anh đáng được ngủ rồi, thôi thì hãy ngủ đi”. Lão vẫn nằm dài, cảm thấy đói, cái đói gây cơn choáng váng, nhưng không cảm thấy nổi bất công tàn ác nào đày đọa mình. Lão hòa thân dần dần vào với đất. Mặt trời thiêu đốt, côi đất đón vào lòng. Ba mươi năm vất vả, rồi cái quyền được ngủ yên, cái quyền về với đất.

Người nô lệ đầu tiên gặp tôi, tôi không nghe than vãn gì: ấy bởi rằng không có ai để trách. Tôi đoán nghe trong hồn gã chút niềm gì như chấp thuận phiêu diêu, mơ hồ man mác, đó nổi lòng như của một sơn nhân lạc rừng, kiệt lực, năm duỗi thân trên tuyết, cho phiêu bồng tuyết phủ, cho mộng tưởng về vầy. Cái xui tôi bút rứt, không phải là sự đau khổ của y. Tôi không tin điều đó. Nhưng trong cái chết một con người, một vũ trụ xa lạ chết theo, và tôi tự hỏi những hình ảnh nào đã chìm theo thân họ. Những đồn điền, những cây lá nào của xứ Sénégal, những thành phố trắng vôi, bạc

vách nào của miền Nam Maroc đã lần hồi tắt ngấm trong lãng quên. Tôi không biết, không thể nào biết được, trong khối hình hài đen đui nọ, có lẽ nào chỉ tắt lịm là những khốn cùng khổ nhọc thôi sao; những tâm thường lo lắng trà pha, súc vật lừa tới giếng... tôi không biết... chỉ một linh hồn nô lệ ngủ thôi, hay ấy một con người, chợt hồi sinh trong triều dâng kỷ niệm, đã huy hoàng vĩnh biệt cõi đời, trong viễn tượng nguy nga. Mảnh xương sọ cứng, tôi thấy giống cái rương cũ chứa những kho tàng. Kho tàng gì? Tôi không rõ những găm vóc nào sặc sỡ, những hình ảnh nào từng bừng yếm tiệc, những dấu tích nào quá cổ hủ giữa khung cảnh nơi này, quá vô ích, quá hão huyền giữa sa mạc này, vẫn còn nguyên trong đó, thoát khỏi vòng chìm đắm điêu linh. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Cái hòm rương vẫn còn nằm tại đó, khóa kín, nặng nề. Tôi không biết cái phần nào của cuộc thế đương tàn rã trong con người suốt giấc ngủ khổng lồ của những ngày chung cục đã tàn rụi trong mảnh tâm linh và thể xác nọ đương lần hồi biến thể để trở thành đêm tối và rễ cây.

- Xưa tôi là kẻ mục tử lừa dắt dê cừu, xưa tên tôi là Mohammed...

Bark là người nô lệ da đen đầu tiên tôi gặp đã cường kháng, không chịu buông xuôi. Cái việc bị người Maure tước đoạt tự do, xâm phạm quyền lợi, làm cho lão hoàn toàn trơn trượt trên mặt đất, việc đó chẳng hề gì. Có những bão tố Thượng Đế gây ra, tàn phá trong một giờ bao nhiêu mùa màng công khó của người ta. Nhưng người Maure còn gây điêu linh cho lão một cách trầm trọng hơn nhiều: sâu xa hơn cái việc xâm phạm quyền lợi, tự do, của cải, người Maure đã làm tổn thương tới chính cái con người của lão, người Maure hăm dọa lão ngay trong trung tâm nhân vật lão ta. Và Bark quyết định không chịu đầu hàng, trong khi bao nhiêu nô lệ khác đã không bận lòng thắc mắc, cứ để yên cho chết hẵn trong thân mình cái hình hài một gã chăn cừu lao khổ quanh năm kiếm cơm nuôi sống.

Bark không nằm yên ổn trong vòng nô lệ như người ta nằm yên trong một hạnh phúc tâm thường sau khi đã mõi mòn chờ đợi. Lão không muốn lấy những thi ân độ lượng của chủ nô lệ làm nên hạnh phúc yên vui của đời nô lệ mình. Lão giữ nguyên cho gã Mohammed vắng biệt, cái ngôi nhà xưa

cũ mà y từng đã ở, ngay trong lồng phổi mình. Cái ngôi nhà quạnh hiu vì vắng chủ, nhưng không một kẻ nào khác được phép bước vào. Bark giống như một người đẩy tứ canh gác một ngôi nhà, tới ngày bạc tóc, nằm giữa cỏ cây vây bọc những lối đi néo về, giữa quạnh quẽ ngậm ngùi, đành chết đi trong niềm chung thủy.

Lão không nói: “Tôi là Mohammed ben Lhaoussin” mà bảo: “Xưa kia tôi tên là Mohammed” vì mơ màng tới một ngày nào đó, nhân vật bị lãng quên kia sẽ hồi sinh, và riêng với cuộc hồi sinh nọ, sẽ xua đuổi xa lìa đáng dấp nô lệ ngày nay. Đôi lần, giữa vắng lặng đêm tăm, bao nhiêu kỷ niệm bỗng ùa về một lúc, dào dạt tràn đầy như một điệu hát tuổi thơ.

Viên thông ngôn người Maure kể lại với chúng tôi rằng: “Nửa đêm, giữa canh khuya, lão nhắc tới thành Marrakech rồi lão khóc”. Ai tránh được những ngậm ngùi hồi tưởng đó, lúc cô đơn! Con người cũ bỗng trở giấc ở trong mình, không báo trước cho hay. Con người cũ thức dậy, vươn vai, duỗi dài tay chân trong tứ chi của lão, mò mẫm tìm cái vú con vợ nằm ở bên hông, giữa sa mạc này không bao giờ có đàn bà bẹn mảng; Bark lắng nghe tiếng suối chảy ở nơi này là chốn không bao giờ có suối trôi. Và Bark mắt nhắm nghiền, tưởng mình ở một ngôi nhà trắng xóa, đêm đêm ngồi dưới một ngôi sao quen thuộc, chính bây giờ đương ở chỗ thiên hạ cư trú trong những căn lều vải len thô và đuổi theo hồn gió. Mang nặng trong lòng những ân tình thân ái đó, những niềm yêu dấu cũ càng đương bí mật rạt rào lên tiếng như gằn gỏi đầu đây, Bark tới tìm tôi, Bark muốn bảo với tôi rằng lão đã sẵn sàng, rằng những niềm thân ái của lão cũng đã sẵn sàng, và lão chỉ còn có đi trở về tới quê, là đem ra phân phát. Chỉ cần một dấu hiệu của tôi là đủ. Rồi Bark mỉm cười, vẽ cho tôi cái trước, hẳn là tôi chưa có nghĩ ra:

- Mai sẽ có tàu... Ông giấu tôi trong máy bay đi Agdir...
- Tội nghiệp lão quá!

Vì chúng tôi đương sống trong vùng phiến loạn lộn xộn vô cùng, làm sao giúp lão trốn cho êm? Người Maure ngày sau, sẽ rửa hận như thế nào, có trời mà biết rõ. Cướp bóc và làm nhục nhau như thế, thì chỉ còn có cái nước



phải chịu tàn sát kinh hồn. Tôi đã cố tìm cách chuộc lão, nhờ sự môi giới của anh em thợ máy ở đây, Laubergue, Marchal, Abgrall, nhưng người Maure vốn ít khi gặp người da trắng đi tìm mua nô lệ da đen, họ nhân cơ hội hiếm hoi này mà đòi hỏi quá đáng.

- Đủ hai vạn quan tiền mới được.

- Anh đùa chơi đó chứ?

- Coi này, những cánh tay lực lưỡng của lão ta, coi này... Coi này, những bàn chân chữ bát bước đi vạm vỡ, coi này...

Và hàng tháng dài dây dưa thế đó.

Cuối cùng người Maure cũng bớt treo cái giá cao quá, tay với không vừa, và cũng nhờ các bạn hữu ở Pháp giúp vào (nhân tôi có biên thư về kể đầu đuôi sự vụ) và thế là cuối cùng tôi cũng đủ sức chuộc Bark ra.

Cuộc thương lượng cũng dằng dình rậm đám thật. Kéo dài tám ngày. Tám ngày tròn vòng quanh trên cát cò kè thêm bớt, mười lăm người Maure với tôi, hỏi lại, đáp qua... Một người bạn của chủ nô lệ và cũng là bạn của tôi, anh Zin Ould Rhattari tay tổ trong làng cướp, đã bí mật giúp tôi. Theo lời dặn dò của tôi từ trước, anh ta nắn nót thật hay:

- Bán đi, bán hẳn đi cho rồi, không bán thì rồi cũng tới ngày mất toi cả mà thôi. Hẳn bệnh tật lắm. Con bệnh chưa lò đầu ra, nhưng nằm âm ỷ trong tỳ vị hẳn. Đột ngột một ngày, nó nổ bùng một cái, là đi đời của cái nhà ma. Bán đi, bán hẳn cho người Pháp mang đi cho rồi.

Tôi cũng có hứa thưởng một tên cướp khác nữa, Raggi, nếu anh ta giúp vào cho nên chuyện, và Raggi tìm cách lung lạc người chủ:

- Bán đi mà lấy tiền về mua lạc đà, mua súng, mua đạn, cho nhiều nữa càng tốt chứ sao. Rồi mà rục rịch đem quân đánh Pháp chơi một trận. Đuổi nhau tới Atar, rồi tha hồ mà bắt lấy ba hoặc bốn tên nô lệ mới toanh mà mang về. Trút quách cái của nợ này đi. Nó già như một thằng thi sĩ cõi.

Và người ta bán Bark cho tôi. Tôi đưa lão về khóa kín lại trong lều luôn sáu ngày, bởi vì nếu thả lão lang thang ra ngoài trước ngày tàu đến, thì người Maure ắt sẽ bắt lão trở lại và bán lão một lần nữa, ở một nơi xa.

Giam thì giam, nhưng tôi coi lốt nô lệ cho lão. Đó cũng là một cuộc lễ long trọng. Vị giáo thánh tới, người chủ cũ tới, viên tổng trấn tại Juby là Ibrahim cũng tới. Ba tay tổ bợm này, nếu gặp lại lão Bark ở cách đồn lũy hai mươi thước, ắt là dám cắt đầu lão ta như bõn, dù chỉ là để chơi khăm tôi một võ cho bõ ghét mà thôi, thế mà lại bước tới tưng tiu lão Bark, lữ lượt ôm lấy mà hôn thật nồng nàn, và cầm bút ký tên vào tờ kế ước.

- Bây giờ mày là con ta.

Cũng là còn của tôi nữa, theo luật Pháp.

Và Bark hôn tất cả các người cha.

Lão sống trong căn lều một cuộc dịu dàng giam hãm cho tới ngày lên đường. Lão bảo tôi tả mãi cho lão nghe, hai mươi bận mỗi ngày, cuộc hành trình dễ dàng sắp tới: lão sẽ bước xuống phi cơ tại Agadir, và tại đó, người ta sẽ trao cho lão một cái vé Ô-tô-ca đi Marrakech. Bark đóng vai tuồng người tự do, như trẻ con chơi trò thám hiểm: cái bước đi hướng về cuộc sống, cái chuyến ô-tô-ca, những đám người đông đúc, những phố phường lão sắp nhìn trở lại...

Laubergue thay mặt Marchal và Abgrall tới tìm tôi. Không nên để cho Bark xuống phi cơ rồi chết đói. Bọn họ gửi cho Bark một nghìn quan, nhờ tôi đưa lại; như vậy Bark có thể sống mà tìm công ăn việc làm.

Và tôi nghĩ tới những bà già trong những hội phước thiện, mỗi khi làm phước bố thí hai mươi quan thì đòi hỏi lòng tri ân đầy đủ. Các anh thợ máy phi cơ Laubergue, Marchal và Abgrall, đem cho một nghìn quan, không theo lối bố thí làm phước, lại càng không có ý đòi hỏi cảm ơn. Họ cũng không vì lòng thương hại, như những bà kia cho của và mong phúc lộc về sau. Họ chỉ muốn một điều giản dị: trả lại phẩm cách con người cho một con người. Cũng như tôi, họ quá hiểu rằng, sau cái cơn mê được về quê cũ, người bạn đầu tiên trung thành sẽ bước tới chào đón Bark là cô nàng tên gọi là túng quẫn, và trong vòng ba tháng tới đây, lão sẽ phải lao khổ hì hục trên những đường hỏa xa mà ì ạch búng gốc đường rầy. Lão sẽ vất vả hơn

lúc còn ở sa mạc bên chúng tôi. Nhưng về giữa bà con thân thích mình, lão phải có được quyền sống-thật-sự là mình chính mình vậy.

- Thôi nhé, lão đi đi, và sống cho ra người nhé.

Chiếc phi cơ rung chuyển sắp khởi hành. Bark nghiêng mình nhìn lần chót cảnh hoang liêu bát ngát Cap Juby. Quanh phi cơ, hai trăm người Maure tụ họp để xem cho rõ gương mặt một người nô lệ nó ra như thế nào trước ngưỡng cửa tự do. Và họ sẽ tóm lão trở lại nếu phi cơ có hỏng máy một nơi nào đó quanh quất bao xa.

Chúng tôi vẫy tay từ biệt, vĩnh biệt đưa con sơ sinh năm mươi tuổi đầu, lòng hơi hoang mang giao nó lưu ly vào cuộc thế.

- Vĩnh biệt Bark nhé!

- Không.

- Sao, không?

- Không. Tôi là Mohammed ben Lhaoussin.

Lần cuối cùng chúng tôi được tin tức Bark là nhờ Abdallah, người Ả Rập chúng tôi đã cạy tròng chùng Bark tại Agadir.

Chuyến ô-tô-ca chỉ khởi hành vào chiều tối, nên Bark ở đấy cả ngày. Ban đầu, lão lang thang thật lâu trong thành phố nhỏ ấy, không nói một lời nào, Abdallah đoán là lão đương e ngại sự gì. Động lòng mới hỏi:

- Gì thế?

- Không...

Bark choáng váng trong cơn số lòng đột ngột, chưa kịp nhận thấy rõ cuộc hồi sinh. Lão có cảm thấy một thứ hạnh phúc hoang mang, nhưng ngoài niềm vui đó ra, lão chưa thấy có gì khác biệt giữa Bark hôm qua và gã Bark hôm nay. Tuy nhiên, từ nay lão bình đẳng chia sẻ với kẻ khác ánh nắng mặt trời này, và có quyền ngồi đây, tại quán cà phê Ả Rập. Lão ngồi vào. Lão gọi trà cho lão và cho Abdallah. Đây là cử chỉ vương giả đầu tiên của lão; oai quyền kia đáng lẽ phải biến dạng con người lão. Nhưng tên bồi bàn lại chẳng nhìn ra gì ráo, cứ thản nhiên rót trà cho lão, không biết gì về

cái cử chỉ vương chúa kia. Lúc rót trà nọ, hắn không ngờ, hắn chẳng biết rằng mình đang chúc tụng cái hiển hách của một con người tự do.

- Ta đi nơi khác. Bark nói.

Họ kéo nhau về phía chợ, nơi đó bao quát được phong cảnh khắp vùng Agadir.

Những nàng thi ca nhi vũ người Berbère xinh xắn lân la tìm tới bên hai người. Các cô có dáng điệu nhu thuận dịu dàng thật là êm ái dễ thương. Bark lúc bấy giờ mới chợt cảm thấy rằng mình sắp được sống lại: chính các cô em này là những kẻ sắp đón mừng lão đang trở lại với đời, dấu rằng các cô em vô tình nào có biết có hay. Họ cầm tay lão, nâng trà mời lão, rất ân cần ngoan ngoãn, nhưng cũng một cách như vậy với bất cứ kẻ nào. Bark muốn kể chuyện mình hồi sinh. Họ dịu dàng cười. Như hồn nhiên đôi hàng thù liễu. Họ rất hài lòng cho lão, như tơ liễu hài lòng vì thấy suối hân hoan. Bởi chừng lão hài lòng thì chị em chúng cháu cũng xin hả dạ vậy. Lão nói thêm vài lời cho các cháu tưng bừng thỏa thích nghen? – “Ta tên là Mohammed ben Lhaoussin”. Nhưng họ hài lòng mà chẳng lấy làm ngạc nhiên chi cả. Tất cả mọi người cũng mang mỗi kẻ một cái tên, và biết bao người cũng đã đến đây từ xa xôi lắm lắm...

Lão lôi Abdallah vào thành phố. Lão lang thang trước những cửa hàng người Do Thái, ngó nhìn ra biển, nghĩ rằng mình muốn bước đi đâu mặc ý, bước theo hướng nào mặc lòng, vì mình tự do. Nhưng cái tự do kia dường như chua chát: nhất là nó cho lão thấy, giữa lão với đời, còn thiếu rất nhiều liên lạc.

Một đứa bé đi qua, Bark vuốt nhẹ vào má nó. Đứa bé mỉm cười. Đó không phải một đứa con của chủ giàu mà ta tới nịnh. Đó là một đứa bé nghèo yếu, được Bark ban cho chút yêu mến. Và nó mỉm cười. Và đứa bé thức tỉnh Bark, Bark cảm thấy mình có quan hệ nhiều hơn một chút trên mặt đất, nhờ một đứa bé yếu đuối đã vì lão mà mỉm cười. Lão bắt đầu nhận ra một cái gì đó, và bây giờ lão bước mạnh và mau hơn.

Abdallah hỏi:

- Lão tìm chi thế?

- Có chi đâu, Bark đáp.

Nhưng lúc lão vướng phải một đám trẻ con đang nô rồn ở một đoạn đường quanh, lão dừng lại. Chính là đây. Lão lạng lẽ nhìn chúng. Rồi quay lại những cửa hàng Do Thái, lân la một lúc trở về với những món quà mang đầy nặng hai tay, Abdallah tức bực:

- Ngốc quá ta, giữ tiền mà tiêu chớ.

Nhưng Bark chẳng nghe gì nữa hết. Trịnh trọng một cách, lão ra dấu cho từng đứa một lại gần. Và những bàn tay tí hon chìa ra đón lấy những đồ chơi, những vòng xuyên, những chiếc hài thêu kim tuyến long lanh. Và bọn trẻ con từng đứa nắm chặt phần mình rồi, liền chạy mất, thật man di.

Trẻ con khác trong thành hay tin, xô nhau ù chạy tới tìm. Bark đem hài thêu kim tuyến ra xỏ vào bàn chân chúng. Rồi trẻ con ở các vùng quanh quất Agadir tới lượt bén tin nao nức cũng reo hò đổ tới, không ngớt kêu la tới bên đấng Chí Tôn Thần Linh da đen mà bám, bu vào nát cả y phục nô lệ xác xơ, mà đòi phần sẻ chia thích đáng. Bark tan tành sự nghiệp. Hỡi ôi!

Abdallah cho là lão ta “điên vì vui quá”. Nhưng tôi nghĩ rằng sự vụ không phải thế, không phải rằng Bark vì ngập tràn vui sướng mà san sẻ chia ra.

Nhân vì được tự do, lão nắm đủ trong tay những của cải cốt thiết: cái quyền được kêu gọi yêu mến về, cái quyền được bước đi tùy hứng, ngoảnh về Bắc hoặc ngó về Nam, cái quyền kiếm cơm ăn bằng mồ hôi hay nước mắt. Thì cần chi nữa cái số bạc lừng lơ này... Trong khi tâm thần thể phách cùng hoài cảm thiết tha (như thiết tha thềm ăn lúc đói) cái nhu cầu được làm một con người giữa hàng vạn con người, được cùng mọi con người kết liền một khối. Những vũ nữ tại Agadir đã tỏ ra dịu dàng với lão, nhưng lão già từ họ mà chẳng bận bịu lòng, lơ lửng lúc đi như lơ lửng lúc đến; họ có cần gì tình quyến luyến của lão đâu. Chú bồi bàn trong quán Ả Rập nọ, kẻ qua lại bên đường kia, thầy thầy cùng tôn trọng con người tự do ở nơi lão, cùng lão bình đẳng chia sẻ ánh mặt trời, nhưng không một kẻ nào đã tỏ ra

cần lão. Lão tự do, nhưng tự do vô biên vô hạn, tự do tới cùng cực thì cũng thấy không còn chút ràng buộc nào giúp hình hài đè nặng trên đất yêu. Lão thiếu mất cái khối nặng của tương thân giao thiệp, cái khối ân tình cản lối chân đi, những giọt lệ vàng, những lời vĩnh biệt, những hờn dỗi trách nhau, những niềm vui kia, những nỗi sầu nọ, tất cả những gì con người mượn trốn, hoặc xé rách ra đôi, mỗi lần chớm đưa tay làm một cử chỉ nhỏ, những ngàn ngàn tơ nhựa gắn bó keo sơn, làm cho con người nó nặng cân trong cuộc. Tuy nhiên, ngàn hy vọng cũng đã bắt đầu trĩu xuống cõi lòng kia.

Và thịnh triều của lão Bark đã khởi đầu trong lộng lẫy bóng tà dương, đã mở màn lúc ráng chiều nhuộm màu vàng trên Agadir cự phổ, trong bầu không khí mát mẻ hoàng hôn, bao phen đối với lão ta đã từng là niềm dịu dàng để chờ mong duy nhất, chỗ nương náu duy nhất tháng ngày. Và lúc giờ lên đường sắp tới gần, gần thêm mãi, Bark đã tiến bước lên, tắm thân mình trong ngọn triều trẻ nhỏ, như xuân kia từng đã ngập linh hồn trong đàn cừ non dại, Bark bắt đầu vạch cái đường cày đầu tiên trong cõi đời, theo mộng xuân đầu gieo hạt hàng hàng trong tình yêu thứ nhất. Chàng sẽ bước trở vào trong vòng cùng khốn của thân thích bốn bề, mai đây chàng sẽ... đảm nhận những đời sống muôn vàn, nhiều, nhiều hơn hai cánh tay già đủ sức chở, đủ sức nuôi, nhưng dù sao, tại nơi đây, chàng đã dè thân trên phù du trong cõi, với đủ đầy sức nặng thật của thân. Sao ôi, sao mà thanh thản thế, như thiên thần thượng đẳng quá thanh thoát giữa thương khung, không thể nào dẫn thân sống ngựa ngang đóng gò cõi tục, nên đã đành lếu láo một cơn gian, là len lén lặn hạt chì trong đai nịt, để sè sè đi tới giữa trần gian đúng theo phong độ người trần gian sành điệu bước gập ghềnh cho hì hục hợp nhau, lão Bark của chúng ta cũng bước đi như khó khăn chập chững, bị lôi kéo khò khè về mặt đất bởi ngàn ngàn trẻ nhỏ bám quanh thân, trẻ nhỏ ôi, các em sao mà yêu những đôi hài vàng thêu đến thế.

Sa mạc là thế đó. Một kinh Coran của Hồi Giáo, đáo cùng cũng chẳng khác mấy một luật tắc của cuộc chơi, biến cát sa mạc thành một phiêu bồng Đế Quốc. Sâu hút trong một Sahara đứng lỳ ra rỗng không là thế đó, lại có diễn một tấn tuồng bí mật, làm náo động những nhiệt tình say đắm của nhân gian. Cuộc sống thật sự của sa mạc, không chỉ được dựng nên bởi những cuộc thiên di tầy chuyển của những bộ lạc đi tìm một tắc cỏ để mục súc gặm nhai, nhưng thật quả được làm nên là bằng cái cuộc chơi đang còn diễn ra tại đó. Ôi, khác biệt một vực một trời, là thế chất giữa cát bãi đã chịu tòng phục và cái thứ cát kia chưa. Và đối với mọi con người thế gian, sự vụ há chẳng hết là y như rứa? Đối diện cái sa mạc đã biến dạng dị thường kia, tôi bỗng nhớ lại những trò chơi tuổi nhỏ, tôi nhớ lại cái khu vườn âm u mà vàng gieo lộng lẫy, mà thửa nhỏ chúng tôi từng đã mang về đầy đủ những chư thần, chư thánh, ôi chư tiên kiêu diễm dắt tay nhau vào lá xanh diu dặt. Tôi nhớ lại cái vương quốc bao la của chúng tôi lôi ra từ một cây số vuông vườn đất, chẳng bao giờ hiểu trọn được, chẳng bao giờ lục soát xong, chẳng bao giờ mò mẫm đủ, chẳng bao giờ giao phó hết ẩn ngữ mình cho tâm thức đọc ra. Chúng tôi cấu tạo nên một nền văn minh kín bưng biệt lập, trong đó từng bước chân có riêng một hương vị, từng gót ngọc có riêng một âm vang, từng mỗi một vật thể nhỏ hay to, tròn xinh hay méo xẹp, thảy thảy đều mang một nghĩa riêng tây, ngoài cõi đó ra, không bao giờ một miền khác có. Không có quyền, và không được phép. Nhưng còn chi nữa của vũ trụ kia, một phen chúng tôi trở nên người lớn, sống theo những luật tắc phong tư khác, còn gì đâu nữa của khu vườn liễu in dòng rặng, thu đầy tuổi thơ, hào hoa huyền ảo bao giờ, vừa bằng giá lại vừa sờ sợ thiêu – cái khu vườn mà ngày nay, lúc ta về viếng lại, ta ngậm ngùi như tuyệt vọng bước vòng theo ở bên ngoài, men bờ tường lè tè đá xám, xót xa kinh ngạc nhận thấy mọi hương màu sao khép ngột trong cái vòng em eo hẹp làm sao, mọi hương màu của một quận châu đã từng là vô hạn của bao la, và biên bờ cõi, và sức hiểu rằng không bao giờ ta sẽ còn có thể bước trở vào trong cõi rộng xưa kia, bởi vì chừng nếu phải vào trong, ấy không phải trong khu vườn, mà vào trong là ấy trong trò chơi giữa cuộc...

Nhưng phong cảnh phiến loạn không còn, thì cuộc chơi chấm dứt. Cap Juby, Cisneros, Puerto-Cansado, la Saguet-El-Hamra, Dora, Smarra, chẳng nơi nào còn chút chi bí mật. Những chân trời rộng mở ta đã từng dăm dăm đuổi theo, đã lần lượt chìm tan đâu mất cả, như những côn trùng sặc sỡ chợt sa vào bàn tay tóm bắt, chợt tan tành những lộng lẫy sắc hương. Nhưng cái kẻ dăm dăm đuổi theo, dẫu có xiêu hồn lạc phách, cũng không hẳn là ngốc nghếch chịu làm thứ đồ chơi cho ảo tưởng đồi tung. Chúng tôi không u mê nhằm lẫn, lúc lao đầu vào khai phá cỏ chân mây. Vị Hoàng Đế kia trong truyện Nghìn Lẻ Một Đêm cũng vậy, ông theo đuổi một thể chất quá khinh khiêu phiêu bồng phong nhị, cho đến nỗi những kiêu diễm thiên hương bốc hơi là thế, mà vẫn phải cứ lần lượt từng cánh sa rụng giữa bình minh, trong vòng tay ông còn ngẩn ngơ ghi siết, ấy cũng vì chớm chạm vào thì cánh vàng băng tuyết bỗng đứt mạch nguyên truyền mà ngắt lịm trôi xa. Chúng tôi từng nuôi dưỡng mình bằng ảo mộng hoàng sa, những kẻ khác mai sau sẽ về đây có lẽ, sẽ đào sâu những con giếng dầu hôi, sẽ làm giàu với những hàng hóa nọ. Nhưng họ sẽ về, là về quá muộn mà thôi. Bởi chừng những bãi kè, cụm dứa, những vùng xanh là cấm địa ban sơ, và những hột bụi trinh nguyên của những vỏ nghêu, vỏ hến, vỏ hào ba góc hẹp, đã muôn vàn ẩn bí riêng trao – cho chúng tôi cái phần riêng mật ngọt, riêng một giờ phụng dâng ngây ngất, chúng tôi lao đầu vào là chúng tôi riêng sống đó chứ sao.

\*

Sa mạc ư? Một lần tôi có dịp ghé vào, cập bờ sa mạc theo con đường: từ giữa trung tâm. Trong một chuyến bay sang Đông Dương năm 1935, tôi lại băng mình vào Du Dương Ai Cập, nhớ nhung người đổ quán phố Alexandrie, sát biên thù Libye ngõ hạnh, dăm đuổi chìm trong hoàng sa lộ đoàn cho trầm luân thân phận giữa lưới nhựa keo sơn, tưởng chết ra ma, mà rồi ra chưa chết. Đây là câu chuyện.



## VII: GIỮA LÒNG SA MẠC

1

Vào tới Địa Trung Hải, tôi gặp mây thấp xuống bên mình. Phi cơ chìm xuống hai mươi thước. Mưa như thác đổ, đập vào mặt kính ngư phong và biển trào như bốc hơi ra khói. Tôi mở thao láo mắt, cố gắng nhìn thử có trông ra được tí gì, và khỏi phải đâm đầu vào cột buồm tàu biển.

Anh thợ máy, André Prévot, thả thuốc cho tôi không ngớt.

- Cà phê đi...

Anh biến ra phía đuôi tàu và trở lại với chiếc te-mô. Tôi uống. Thịnh thoảng tôi búng vào cái nút nhận ga, để cầm giữ hai nghìn một trăm vòng quay. Tôi đưa mắt lướt qua một lượt khắp các mặt kính chỉ dẫn: trăm họ ngoan ngoãn vâng lời, kim nào vị trí nấy. Tôi liếc nhìn xuống biển. Dưới trận mưa, mặt trận bốc hơi, như cuồn cuộn từng cơn trong một thùng nước sôi khổng lồ vậy. Nếu là bay trên thủy phi cơ, ắt tôi phải ngao ngán tiếc thảm, sao mà nó luôn tuồng rỗng tuếch. Nhưng tôi đang lái phi cơ thường. Thì dù rỗng hay không, cái lòng biển lên cơn ở dưới kia, hẳn không phải là chỗ dành cho tôi đậu xuống đuống hàng. Điều nhận định đó, chẳng rõ do đâu mà lại gây cho tôi một cảm giác bình yên phi lý. Biển thuộc một thế giới nào không phải của tôi. Hồng máy, ở đây, không can hệ với tôi, cũng không hăm dọa tôi được: tôi nào có chuẩn bị lèo lái để vào cuộc chơi với biển chi chút nào đâu.

Bay được một giờ rưỡi, thì mưa ngớt. Mây vẫn còn thấp lắm, nhưng ánh sáng nghiêng trời xuyên xuống, xỏ qua mây như một nụ cười dài rộng. Tôi êm đềm thưởng ngoạn cái cuộc soạn sửa diên trì nọ cho một cảnh trời tốt đẹp sẽ mở ra. Tôi đoán biết, trên đầu mình hiện có một lớp bông trắng phát phơ. Tôi lái chệch sang một bên để tránh một cơn giông: giờ không cần phải xuyên ngang giữa lòng mưa và bão nữa. Và đây, khung trời quang thứ nhất...

Tôi linh cảm đoán chừng thế thôi chứ không nhìn ra rõ, vì trước mặt mình, trên mặt biển, chỉ thoáng thấy một làn mỏng xanh rờn như đồng cỏ,

một thứ màu cây trong sa mạc sắc lục rạng rỡ huy hoàng và thăm thẳm, tựa như màu lục những đồng lúa mạch ở miền Nam Maroc đã từng khiến tôi nao lòng rung động, lúc bay từ Sénégal về, sau ba nghìn cây số cát. Đây cũng vậy, tôi có cảm tưởng như đang ghé về một châu quận yên vui, và lòng thấy nhẹ nhàng du khoái. Tôi quay lại anh Prévot:

- Xong xuôi rồi, tốt thật!

- Vâng, tốt thật...

Tunis. Trong lúc ấy éc-xăng, tôi ký vào các giấy tờ. Nhưng khi tôi rời bàn giấy, bỗng nghe một tiếng “rùm!”. Một thứ tiếng chói tai, không âm vang. Tôi chợt nhớ đã từng có nghe một thứ tiếng tương tự: tiếng nổ trong một gian nhà chứa. Hai người đã bỏ mạng giữa âm thanh khàn đục nổ âm kia. Tôi quay nhìn về phía lộ dọc theo đường chạy của phi cơ: một ít bụi khói bốc lên, hai chiếc xe tốc hành choảng vào nhau và dừng sững lại, bất động như nằm trong băng đá. Người ta hồi hả ủa tới, kẻ chạy về phía hai chiếc xe, kẻ chạy về phía chúng tôi:

- Gọi điện thoại... Một bác sĩ... Cái đầu...

Lòng tôi se lại. Định mệnh vừa đánh trúng một đòn trong bóng chiều yên tĩnh. Một vẻ đẹp bị tàn phá, một bộ óc thông minh, một cuộc đời... Bọn cướp cũng từng tiến lên như vậy trong sa mạc, và không ai nghe được bước chân dẻo dai khinh khoái của họ lướt trên mặt cát bao giờ. Trong một trại đồn giữa sa mạc, cái tiếng xao xác ngăn ngủi do một trận cướp gây ra, cũng quả có dường như vậy. Rồi mọi sự chìm vào trong vắng lặng vàng hoe. Cũng một loại yên bình, cũng một loại vắng lặng... Một kẻ đứng gần tôi nói tới chuyện vỡ sọ. Tôi không muốn biết, tôi không muốn biết gì nữa cả, về cái trán cứng đờ đẫm máu kia, tôi quay lưng về phía lộ, và bước thẳng lại chiếc phi cơ. Nhưng giữ ở trong lòng một cảm tưởng gì về sự lăm le rập rình của tai họa. Cái tiếng âm nọ, lát nữa tôi sẽ còn nghe và nhận ra trở lại. Lúc tôi còn bay giữa cơn cấp tốc hai trăm bảy mươi cây số một giờ, tôi sẽ cọ sát mép sườn dãy cao nguyên đen đũi của tôi, thì tôi sẽ nhận ra cũng cái

tiếng khò khè khàn đục chói tai: cũng cái tiếng “ha!” của định mệnh, đương chờ ta tới địa điểm tao phùng.

Ha! Lên đường đi Benghazi vậy.[\[3\]](#)

Lên đường. Chỉ còn hai giờ nữa thì ngày tàn. Tôi bỏ kính râm lúc bay tới địa phận Tripolitaine. Cát vàng óng ả. Hỡi ôi! Hành tinh của chúng ta sao mà hoang vắng! Một lần nữa, tôi lại thấy tại đây, trên mặt đất trần gian này, những sông dài, những bóng râm cây lá, những nhà cửa con người, chỉ là do những phối ngẫu dị thường của may rủi mà thôi. Còn bao nhiêu là cõi cồn đá cát!

Nhưng mọi thứ đó đối với tôi giờ đây vẫn còn là xa lạ, tôi đương sống trong địa hạt phi hành. Tôi cảm thấy đêm tăm đương đi tới, ta sẽ chìm vào trong đó khép mình mất hút như trong một điện đài. Vào trong đó, ta khép mình trong vòng suy tưởng cô đơn, theo những nghi lễ cốt thiết u huyền, không chờ mong cõi ngoài cầu ứng. Toàn khối vũ trụ tục phạm đã lẫn bóng và tan đi. Toàn thể phong cảnh này vẫn còn được di dưỡng trong ánh sáng hồng vàng, nhưng có cái gì đã bốc hơi lẫn mất. Và tôi không biết, không biết gì nữa cả, ngoài cái giờ bất tuyệt phát tiết trình anh. Kẻ nào hiểu tôi, kẻ đó hiểu tôi, là riêng ấy những ai đã từng chịu kiếp phục bởi cái ân tình kỳ tuyệt, với đường bay rẽ gió mà đi. Tôi tạ từ thong dong, này trời cao, nắng rộng. Tôi tạ từ, này những vùng vàng óng bao la có thể cho tôi ty nạn trường hợp máy hư... Tôi tạ từ những mục tiêu hướng dẫn. Tôi tạ từ những bóng núi in hằn giữa thương khung, có thể giúp tôi tránh dễ dàng các mỏm đá. Tôi bước vào trong đêm tối. Tôi rẽ gió ngất tạnh mà đi. Tôi chỉ còn có ngàn sao mù khơi là bạn...

Cái chết kia của doanh hoàn đương từ từ “thành tựu”. Và từ từ, ánh sáng biệt ly tôi. Đất và trời cũng từ từ hòa vào nhau hợp một. Đất bay lên trời và tỏa rộng như khí sương. Những tinh tú đầu tiên run rẩy hình như ngại ngùng trong bầu nước lục. Còn phải chờ lâu nữa mới thấy chúng tôi biến dạng thành những hạt kim cương cứng rắn như khuynh thành một thuở bỏ ra đi. Còn phải chờ lâu nữa mới mở mắt mơ màng mà chứng giám cuộc phiêu bồng sỏa lộng bóng sao băng. Ở giữa lòng một vài đêm thâm lục nhạt,

tôi đã nhìn những tia lửa băng trời thành một đường rẽ vút như một làn gió dài dàn rộng giữa muôn sao.

Prévot đang thử những đèn thường và những đèn phòng khi cấp cứu. Chúng tôi bọc bóng điện bằng giấy đỏ hồng.

- Thêm một lớp nữa...

Anh bọc thêm một lớp nữa, và bật đèn. Ánh đèn vẫn còn sáng quá. Mờ hơn tí nữa, nó sẽ vây mờ pha mận cho đàn hương, che phủ bóng hình của thế giới bên ngoài nhợt nhạt. Nó sẽ hủy tan đi cái chất nhờn phơn phớt còn bám vào cánh vật trong đêm tăm. Đêm đã vây tràn. Nhưng chưa phải là sống thực. Một cung vàng trăng mới, vẫn lân la. Prévot quay ra phía sau, chạy trở về với bánh bèo nhận hột. Tôi gặm nhấm một chùm nho. Tôi không đói, ngày cũng chẳng khát. Cũng không mỏi chút nào, chỉ cảm thấy thân phiêu bồng như cánh bằng tiện gió, nếu Trời Phật vui lòng cho phép, con xin rằng sẽ lái máy bay như thế này lai láng mãi suốt trăm năm.

Vầng trăng đã chết.

Tới Benghazi trong đêm đen u sâu như mực, Benghazi nằm trong đáy thăm một bóng đêm dằng dặc không một vầng sáng gợn. Tôi đã nhìn thoáng thấy thành phố, lúc tôi tới nơi. Tôi còn lượn một vòng phi cơ để tìm sân bay, thì hỏa tiêu rục đỏ. Tôi xoay phi cơ trở lại. Ánh sáng một ngọn pha hướng lên trời, vút thẳng như tia hồng một trận hỏa hoạn, xoay tròn và vạch một đường vàng óng trên sân bay. Dụng cụ ban đêm ở sân này thật là chinh bị. Tôi hãm máy và khởi sự lao xuống như lao vào nước đen ngòm.

Tôi hạ cánh lúc mười một giờ đêm. Cho phi cơ chạy về phía ngọn đèn pha. Những sĩ quan và lính tráng nhả nhận hết mực, theo tia sáng chớp của ngọn đèn pha mà ẩn hiện, lúc mờ lúc tỏ, lúc thấy lúc không, người ta thu giấy tờ của tôi, người ta bắt đầu cho xăng vào máy. Công việc sẽ xong xuôi trong hai mươi phút.

- Ông thử quay phi cơ một vòng, và bay ngang trên chúng tôi, kéo chúng tôi không rõ ông cất cánh được chưa.

- Lên đường.

Tôi cho phi cơ lặn trên con đường vàng óng, trên một lối không chướng ngại. Phi cơ tôi, loại “Simoun” cất cánh nhẹ nhàng, trước khi chạy hết khoảng đường dành sẵn. Ngọn đèn chiếu cứ dọi theo tôi, làm vướng mắt tôi lúc tôi muốn quay chuyển lại. Rồi nó chột tránh lìa ra, người ta đã hiểu rằng nó làm tôi quáng mắt. Tôi vừa quay ngược vừa cho phi cơ lên chiều thẳng đứng, thì chột ngọn đèn chiếu, lần nữa lại đập thẳng vào giữa mặt tôi, nhưng vừa chớm chạm, lại vừa chột buông “chướng lực”, vừa tung thẳng vào mình đã vội vàng chia ly ra nẻo khác, và hướng vào thình không mà trút ngậm cơn óng ả bụi ngùi. Qua những mối ân cần tương nhượng kia, tôi nhận ra niềm hòa nhã cao vời. “Hồng lưu tử sơn hải nhi câu trường, hạc phát quý tri thù chi mạc bổ...”. Tạ từ nhau, giờ lại xin xoay chiều về Sa Mạc.

Những ban khí tượng tại Paris, Tunis và Benghazi có cho tôi biết có một cơn gió thuận chiều thổi theo đuôi, tốc độ từ ba mươi tới bốn mươi cây số một giờ. Cậy vào đó, tôi nhắm thẳng vào khoảng giữa đoạn đường nối liền Alexandrie và Le Caire. Như vậy, tôi sẽ tránh được những khu cấm địa ven bờ biển, và cho dầu mình có sẽ chịu những cơn phiêu hốt không ngờ của phi cơ trên dặm bay, thì trên đường hàng không tôi vẫn còn có thể bám vào những tiêu điểm, hoặc về phía tả, nơi những ánh lửa của một trong hai thành phố kia, hoặc nói chung, tựa vào những ánh lửa trong lưu vực sông Nil. Tôi sẽ bay suốt ba giờ hai mươi phút, nếu gió không đổi cơn. Bay ba giờ bốn mươi lăm, nếu gió yếu bớt. Và tôi bắt đầu heo hút vượt một ngàn năm mươi cây số sa mạc.

Không còn trăng. Một chất nhờn như dầu thạch nã tối sẫm, một màu đen như mực loãng ra, tỏa lên tới ngàn sao. Tôi sẽ không nhìn thấy một đốm lửa, không đón được một điểm tiêu mốc để dẫn đường, thiếu vô tuyến tôi sẽ không nhận được một dấu hiệu nào của con người trước khi vào lưu vực sông Nil. Tôi cũng chả thử gắng quan sát gì khác, ngoài cái đĩa bàn và cái máy Sperry. Tôi chẳng còn chú tâm vào một cái gì nữa cả, ngoài cái tiết nhịp hô hấp lững lờ chậm chậm của một đường quang tuyến lặn tẩn trên mặt kính mờ mờ của cái máy. Lúc nào Prévot rục rịch dời chỗ, tôi diu diu

sửa sai cho những biến thiên của định tâm điểm. Tôi đưa phi cơ lên độ cao hai ngàn thước, nơi người ta đã báo cho biết là gió sẽ thuận chiều. Lâu lâu tôi bấm đèn một cái, để xem xét các mặt kính động cơ, không phải cái nào cũng có dạ quang chiếu dọi, nhưng thường thường phần lớn thì giờ, tôi thu hình kín trong bóng tối, giữa những chòm sao tí hon của mình đương để huề gieo ánh sáng, cũng một thứ ánh sáng khoáng hóa u mờ như tinh tú dạ du, cũng thứ ánh sáng ẩn mật, không mòn hao; và cũng như tinh tú trên trời, những chòm sao của tôi cũng nói chung một phiêu bồng ngôn ngữ. Tôi cũng không khác chi nhà thiên văn học ngó trời, tôi cũng đang đọc một quyển sách về chuyển vận cơ học ngàn sao. Ngoại vật thấy đều chìm tắt hết. Chỉ còn có anh Prévot đương ngủ, sau mấy phen gượng chống không lại con ma “miên”, thì tôi, tôi chỉ còn tôi cô độc, một mình càng thưởng ngoạn êm ái mỗi cô đơn. Chỉ còn có tiếng ù ù dụi dụi của động cơ quay, và trước mặt tôi, trên tấm bảng yên bình, là bao nhiêu sao vàng yên tĩnh.

Tuy nhiên tôi găm lại... Chúng tôi không thụ hưởng chút gì của vầng trăng, mà lại thiếu luôn máy vô tính. Trông cậy vào gì bây giờ. Không chút liên lạc nhỏ buộc vào với đời, với cõi thế dưới kia, cho tới lúc chạm vào với tấm băng ánh sáng sông Nil. Chúng tôi đứng ngoài vòng mọi thứ, chỉ duy còn có cái động cơ này là cầm giữ chúng tôi và giúp chúng tôi gìn mình trong cái hồ nhựa đen như mực. Chúng tôi đang lần mò dò dẫm vượt qua cái hang sâu thung lũng tối mò của những chuyện thần tiên kinh dị, là cái vùng thung lũng của thử thách chầy chầy. Đây, không hòng mong ai giải cứu. Đây, không hòng ngóng đợi độ lượng bao dung. Lỡ lầm là chết. Phó mặc phận mình cho Trời Đất phó mặc trở cơn. Dù ngài xoay đến thế, dù đấng vằn tới kia.

Một luồng tia sáng lóe ra từ một kẽ máy điện phân phối. Tôi gọi Prévot dậy tắt nó đi. Prévot rục rịch cựa mình trong bóng tối, è ọt như con gấu ù lì, phì phạch rữ lông, lò dò tiến lại. Chẳng rõ anh lúi húi bận rộn tét dẹt cái thứ gì trong bóng tối với một mớ mùi xoa và đen thui mớ giấy. Luồng tia sáng chột tắt. Nó đã vạch một đường rạn nẻ trong thế giới này. Nó không cùng loại, không cùng tính chất với thứ ánh sáng lờ mờ hắt hiu xa vắng của

ánh quang tuyến tại đây. Nó là thuộc loại ánh sáng của hộp đêm, nó không phải là ánh vàng tinh tú. Nhất là nó lại làm chói mắt tôi, và xóa mờ những tia vàng man mác khác.

Sau ba giờ bay, một hào quang khá rạng rỡ bỗng phát hiện bên phía tay phải. Tôi ngó vào. Một đường rẽ lộng lẫy bám vào ngọn đèn ở đuôi cánh, khấp nép thế nào mà mãi tới bây giờ tôi mới chợt thấy ra. Một loại ánh sáng lúc giật lúc buông, lúc chùng lúc thẳng, chớm kể cà, chợt lẩn bóng đi đâu: ha! thế là tôi lại bay vào vòng thao túng của một áng mây. Chính áng mây kia đang chơi trò phản chiếu, lung lạc đảo điên ánh ngọn đèn. Nếu bay gần những tiêu mốc, ắt là tôi đã mong mỗi một bầu trời trong trẻo, hơn là cái điệu gần xa lãng đãng thế này. Cánh phi cơ sáng ra trong vòm hào quang đó. Ánh sáng dồn tụ, dừng im, tỏa rộng, kết thành tại đó một cụm đóa hồng vàng. Những luồng khí thăm thăm trở cơn bỗng làm cho phi cơ tôi xiêu lệch. Tôi đặt dù bay tới đâu đó trong làn gió thổi vào những lớp lớp mây tuôn, chẳng biết là dày hay mỏng. Tôi lái lên cao tới hai ngàn năm trăm thước mà chẳng thấy nhô khỏi để thoát ra. Tôi lại cho phi cơ xuống thấp tới một ngàn thước cao. Cụm hoa hồng vẫn còn nguyên tại đó, im lìm bất động và mỗi lúc mỗi huy hoàng lộng lẫy từng bừng cái đóa đẹp thêm ra. Tốt. Tốt lắm. Được rồi. Mặc nhé. Ai hơi sức đâu mà gùn ghè mãi với cái loại lần khan. Tôi nghĩ qua chuyện khác. Rồi sẽ rõ cái sự đời nó hay nó dở, lúc ra khỏi cái vòng cương tỏa đó nghe em. Thật tình, tôi không ưa cái thứ ánh sáng ba xu của những quán hàng bốn cửa.

Tôi tính nhẩm: “Tại đây, mình lai rai sụt trời chút ít, mình nhảy lộn, nhào lồm ít nhiều, đó chẳng qua cũng là thuận lẽ thường thôi ạ, có chi đâu mà phải lấy làm điều. Tuy nhiên, mình đã phải chịu đựng những luồng khí phiêu hốt trở cơn suốt dặm đường bay, mặc dù lên đúng độ cao, mặc dù trời quang như thế... Gió không dụ cái hồn, thì mình phải hỏi trăng. Gió lần khần chưa tạnh, ắt là mình đã vượt qua cái tốc độ ba trăm cây số một giờ. Dù sao tôi cũng chẳng biết cái gì cho rõ cái gì lắm, thôi thì hãy chờ cái lúc lọt ra ngoài cái vòng vành vạnh của mây cong, rồi sẽ liệu mà tính sau cho chắc ăn cái phương hướng để định lại vị trí ở giữa cơn phiêu bồng.



Và ta ra khỏi biển mây. Chùm hoa vụt biến. Chính vì nó vụt biến nên tôi chợt biết là mình vừa ra khỏi đám mây. Tôi nhìn thấy đằng trước và thấy lơ mờ, nếu quả còn lơ mờ thấy được chút chi, một thung lũng thanh thiên eo hẹp và bức thành trùng điệp mây giăng. Chùm hoa sẽ tái hiện.

Tôi sẽ không ra khỏi cái cũi nhựa dẻo dai này, trừ một vài giây phút ngắn. Sa vào tấm lưới này sau ba giờ rưỡi hàng không, thật quả là điều đáng ngại. Tôi bắt đầu e ngại. Bởi vì tôi tiến gần tới sông Nil, nếu thật tôi đã bay được đúng như tôi tưởng chừng trong trí. Có lẽ may ra tôi sẽ thấy con sông Nil qua các khoảng trống trong vùng mây dằng dặc, nhưng rủi là khoảng trống ít quá. Tôi chưa dám xuống thấp thêm: vì ví phỏng mà lỡ ra mình đã bay chậm hơn mình tưởng, thì hiện giờ mình còn đang lẩn quất trên những miền đất cao.

Tôi vẫn không lo lắng chút nào. Chỉ sợ là sợ phí mất thì giờ. Nhưng tôi không muốn mình điềm nhiên thanh thản mãi, tôi đặt một giới hạn cho yên tĩnh: bốn giờ mười lăm phút bay. Sau thời hạn đó, thì dầu có đứng gió, mà gió đứng đó là điều mười phần không chắc chắn, tôi hẳn cũng sẽ vượt quá lưu vực sông Nil.

Lúc tôi bay vừa tới chạm vào cái tua mép viền vành của đám mây kia, thì cái chùm hoa hồng thắm bỗng toe ra nhiều tia lửa lập lòe càng dồn dập chuyển cơn nhanh, rồi đột nhiên tắt mất. Tôi thật không ưa cái lối ra dấu hiệu bí mật tư thông này với những loài mà cuồng quý loạn của đêm đen.

Một vì sao xanh lục nhô ra trước mặt tôi, sáng ngời như một ngọn hải đăng. Đó là sao, hay đó là đèn? Tôi thật cũng chẳng ưa gì cái thứ ánh sáng siêu nhiên này, cái thứ tinh cầu ảo thuật, cái thứ quyến rũ mê hoặc tai hại kia.

Prévot chợt thức dậy và bấm đèn rọi các mặt kính động cơ. Tôi vừa bay tới một khe hở long lanh giữa hai đóa mây ngàn phiêu hốt, tôi nhân cơ hội mà nhìn ngó xuống phía dưới kia. Prévot quay đi ngủ lại.

Cũng chẳng có chi dưới đó mà nhìn.

Bay được bốn giờ năm phút, Prévot đến ngồi bên cạnh tôi.

- Lẽ ra tới Le Caire rồi mới phải...

- Tôi cũng nghĩ vậy...

- Kia đó là sao hay ngọn đèn pha vậy?

Tôi đã hãm bớt máy, chắc vì thế mà Prévot thức giấc. Anh vốn thường rất nhạy cảm, máy chạy khác đi một chút là biết ngay. Tôi bắt đầu chậm chậm cho phi cơ xuống thấp, để lướt ra khỏi lùm mây um tùm.

Tôi vừa xem lại bản đồ. Dù sao thì mình cũng đã cập tới độ 0: không còn chỉ phải ngại. Tôi cho phi cơ xuống nữa, xuống nữa và bẻ lái xoay qua hướng cực Bắc. Như vậy tôi sẽ đón nhận ánh lửa các thành phố chiếu về các tấm kính cửa sổ. Chắc tôi đã vượt quá khu phận các phố phường, vậy thì chúng ta sẽ hiện ra ở phía tả. Bây giờ tôi bay dưới các lớp mây chồng chất. Nhưng cũng đang bay dọc một đám mây thấp hơn ở về mé bên trái. Tôi bẻ lái xoay chiều để khỏi vướng vào cái lụy của vòng lưới nó giăng ra, và bay theo hướng Bắc Đông Bắc.

Đám mây này quả thật còn xuống thấp hơn, không còn ngờ chi nữa, nó lấp mắt cả chân trời trước mặt tôi. Tôi không dám liều xuống thêm nữa. Tôi đã tiến tới độ cao 400 trong cao độ kế, nhưng tôi không rõ áp lực không khí vùng này. Prévot nghiêng người. Tôi nói lớn: “Tôi sắp chạy thẳng ra biển, tôi sẽ đông thẳng ra biển, để khỏi chạm đất...”

Kể ra thì cũng chẳng có gì chứng tỏ là tôi đã không lạc ra biển trước mắt rồi. Dưới đám mây kia, bóng tối quả là dằng dặc đen kịt tối sầm. Tôi dán mắt vào khuôn cửa sổ. Tôi cố gắng nhìn dọc cho ra cái gì bên dưới. Tôi cố gắng tìm cho thấy những đốm lửa, những dấu hiệu. Tôi là một con người, một con kẻ, đang bới tìm khai quật cái đồng trong tàn than. Biết chẳng còn hột kim cương trong đó. Tôi là một gã hì hục se lòng đưa tay mò vào cái đáy của một lò sưởi sâu hang. Biết còn chẳng trong đó những ngọn lửa nóng lừng tồn sinh ngấm ngầm ngày đêm âm ỷ cháy?

- Một ngọn hải đăng!

Hai chúng tôi cùng nhìn ra một lướt cái cạm bẫy ấy vẻ son lập lờ. Rõ thật là điên. Ngọn đèn ma ấy ở đâu? Cái trò đùa của đêm ma quái ấy? Vì

chính trong cái giây mà Prévot và tôi cùng nghiêng đầu tìm lại nó, ở dưới mình ba trăm thước, thì bất thành linh...

- A!

Tôi nhớ rõ mình không nói gì khác nữa. Tôi nhớ rõ mình không cảm thấy gì khác, ngoài một tiếng âm dữ dội làm chấn động đảo điên cái thế giới chúng tôi ở chín tầng cội gốc. Với tốc độ hai trăm bảy mươi cây số một giờ, chúng tôi chạm máu tim vào đất.

Tôi nhớ rõ mình không mong chờ gì khác, trong một phần trăm giây đồng hồ tiếp sau đó, vâng, không chờ gì khác ngoài cái luồng chớp lóe của một ngôi sao khổng lồ trong một trận nổ tung, cuốn hút hai anh em tôi vào để cùng chung tan tành một cuộc. Cả Prévot, cả tôi, không đứa nào cảm thấy một chút xú xức động. Tôi chỉ nhận thấy trong mình một chờ đợi thiết tha, chờ đợi mênh mông để xem xuất hiện cái luồng chớp lóe huy hoàng của một ngôi sao sắp xóa tan hai hình hài một lúc. Nhưng trước sau vẫn không có một ngôi sao hồng tía nào hiện ra cả. Chỉ có một thứ gì như cơn động đất ì ầm tàn phá mất cái buồng máy chúng tôi, rứt tung các cửa sổ, bắn tung các tấm tôn ra xa trăm thước, một cơn động đất âm âm dội vào tận đáy ruột gan. Chiếc phi cơ rung động rít lên như một lưỡi dao phóng từ đằng xa, cắm vào gỗ cứng. Hai đứa tôi quay cuồng thất điên bát đảo trong cơn thịnh nộ ùng ùng sấm vang kia. Một giây, hai giây... Chiếc phi cơ vẫn rung lên như cây sậy và tôi điên cuồng đợi, lòng nóng như thiêu, cầu mong cho bao nhiêu tiềm lực súc trữ trong tàu hãy sớm bộc phát như một trái lựu đạn nổ tung cho tan tành chiếc phi cơ trong một cơn bụi cát nhưng từng trận chấn động dập dồn trong lòng đất nối đuôi nhau điệp điệp, mà rút cuộc vẫn không đủ xô phún thạch ra ngoài cho trào xé miệng hỏa sơn. Tôi không hiểu, tôi không hiểu một chút gì hết cả, về cái việc làm ngấm ngấm bí mật kia. Tôi không hiểu, không hiểu cuộc chấn động, không hiểu trận bất bình, không hiểu cơn thịnh nộ, không hiểu sự duy trì bất tận trẻ tràng kia... năm giây... sáu giây... Và bất thành linh, một cảm giác xô ùa xoay tít, một sức mạnh kích phá tan tành, làm tung bay lá tả, nào thuốc diếu nào nón đội trên đầu, nào khăn đỏ vắt vai – nó chợt đập nát cánh phi cơ tay phải, rồi

chợt thôi, thôi hết, thôi rồi, thôi thế, mộng thôi oanh... Chỉ riêng còn thôi, là im lìm giá lạnh. Chỉ riêng còn chút, là lạnh giá im lìm. Tôi la lớn:

- Prévot, nhảy mau!

Cùng một lúc, Prévot la lớn:

- Lửa!

Lập tức chúng tôi phóng ra ngoài qua khung cửa sổ vỡ toang. Chúng tôi đứng ra xa hai mươi thước. Tôi bảo Prévot:

- Không hề gì?

Anh ta trả lời:

- Không hề gì!

Nhưng anh cúi xuống xoa đầu gối.

Tôi bảo:

- Mớ lại xem, rục rịch thử, thề với tôi là anh không gãy xương nào hết...

Anh trả lời:

- Không hề chi cả, chỉ tại cái bôm trừ lửa.

Tôi, tôi nghĩ anh sắp ngã lăn ra thành lình, bị rạch toét ra từ đầu tới rốn, nhưng anh lập trở lại, hai mắt đăm đăm:

- Chỉ tại cái bôm trừ lửa đấy!...

Tôi, tôi nghĩ: anh ta điên rồi đó, anh ta sắp hoa tay múa chân...

Nhưng mắt anh đã rời chiếc phi cơ, bây giờ chắc chắn là khỏi cháy, anh quay lại nhìn tôi và bảo:

- Không can chi cả, chỉ tại cái bôm trừ lửa nó móc vào đầu gối tôi.

**3**

Làm sao cắt nghĩa được, làm sao tôi còn sống sót. Tôi cầm đèn bấm trong tay, lần theo vết chiếc phi cơ trên mặt đất cách chỗ nó ngừng hai trăm năm mươi thước, đã bắt đầu thấy những mảnh sắt xoắn cong và những mảnh tôn tung tóe trên mặt cát, suốt cả khoảng đường. Sáng ngày ra, chúng

tôi mới thấy rõ là phi cơ chúng tôi đã chạm dọc nhiều một mặt dốc dịu, ở trên một dải cao nguyên hoang liêu. Ngay tại chỗ chạm cộ đầu tiên, có một lỗ thủng trong cát, giống như lỗ thủng do một lưỡi cày đào. Phi cơ không thọc mạnh, đã theo trốn bay mà trườn đi trên bụng như loài bò sát, cuồng nô rung chuyển lướt tới như một cái đuôi rắn điên đại phiêu bồng. Trong tốc độ hai trăm bảy mươi cây số một giờ, nó đã bò, là thế. Và chúng tôi nằm trong cuộc nạn mà vẫn còn giữ được cái mạng mình, chắc là nhờ những viên đá đen tròn trịa, diu dặt tự do lăn tròn trên mặt cát, đưa lại cho phi cơ một cái đà dịu ngọt, như chấn nệm êm đềm còn đào tạo thành giữa cơn hấp hối một trận ngang ngựa của lá cánh diu dập, thể xác suýt tan tành, mà hồn mộng đã tái sinh.

Prévot lo bứt dây cho các hòm chứa điện để tránh sự nổ cầu chì gây hỏa hoạn về sau. Tôi tựa lưng vào cái động cơ, và suy nghĩ: trong lúc bay, có thể tôi đã phải chịu đựng trong bốn giờ mười lăm phút, một cơn gió năm mươi cây số một giờ, trong mình tôi quả thấy thật rời rạc. Nhưng nếu gió có đổi thay tốc độ khác những dự ước ban đầu, tôi vẫn hoàn toàn không thể biết nó trở hướng ra sao. Thế thì định vị trí cho mình ở trong một khoảng vuông mỗi bề bốn trăm cây số.

Prévot tới ngồi cạnh tôi và bảo:

- Còn sống, thật là chuyện lạ lùng...

Tôi không trả lời gì cả, và không cảm thấy một chút hân hoan. Một ý nghĩ nhỏ nhỏ len lỏi tới, len lẩn vào trong đầu, và nhẹ nhẹ xui tôi băn khoăn.

Tôi bảo Prévot hãy bấm đèn của anh lên để làm tiêu mốc, rồi tôi cầm đèn của mình bước thẳng về phía trước mặt. Tôi chăm chú nhìn mặt đất. Tôi tiến đi chậm chậm, theo một nửa vòng tròn thật rộng, và nhiều lần thay đổi hướng đi. Tôi soát tìm mặt đất, như kiếm một chiếc nhẫn rơi. Khi này, tôi cũng đã chờ ngọn lửa thiêu như vậy. Tôi vẫn đi hoài trong bóng tối, lom khom trên cái vòm tròn ánh sáng của chiếc đèn tôi dọi ra. Thật vậy rồi... Thật vậy rồi. Tôi lần lần quay lại phía phi cơ. Tôi ngồi cạnh phòng máy và

ngẫm nghĩ. Tôi cố tìm một lý do để hi vọng và ngẫm nghĩ. Tôi kiếm một dấu hiệu đời sống đem về, nhưng đời sống không ra dấu nào cả cho tôi.

- Prévot, tôi không thấy một ngọn cỏ nào đây cả.

Prévot nín lặng, tôi không biết anh đã hiểu ý tôi chưa. Rồi ta sẽ bàn trở lại chuyện này, khi màn kịch sẽ kéo lên lúc trời hừng sáng... Tôi chỉ thấy một mối vô cùng, tôi nghĩ: “khoảng bốn trăm cây số, ở giữa lòng sa mạc!...”. Bỗng vọt đứng lên:

- Nước!

Bình chứa xăng, bình đựng dầu, thủy đều vỡ sạch. Các bình chứa nước cũng không hơn gì. Cát đã hút hết toi loi, không còn một giọt. Chúng tôi tìm lại được một nửa lít cà phê ở đáy một thermos bể vụn, một phần tư lít rượu trắng ở đáy một bình khác. Chúng tôi lọc các thứ nước uống đó và tỉ mỉ trộn vào nhau. Chúng tôi cũng tìm ra được một ít nho và một quả cam hường. Nhưng tôi nhẩm tính: “Năm giờ đi trong sa mạc, dưới ánh nắng mặt trời, sẽ chẳng còn chi...”.

Chúng tôi vào nằm trong máy bay, tôi duỗi dài, tôi sắp ngủ, tôi đưa vào chiêm bao tất cả đầu đuôi cảnh trạng bây giờ: chúng tôi tuyệt nhiên không rõ vị trí mình là đâu cả. Chúng tôi không có đủ một lít nước uống. Nếu chúng tôi rơi tại trên đường bay, hoặc xê xích chút ít, thì cũng tám ngày sau mới mong người ta tìm thấy, không mong gì sớm hơn, và khi đó thì đã muộn. Còn nếu chúng tôi rơi lệch ngã, thì sáu tháng sau mới có người tìm thấy. Không thể trông cậy vào những phi cơ: chúng sẽ tìm kiếm chúng tôi trên dặm đường ba nghìn cây số.

- A! Rủi thật... Prévot bảo.

- Vì sao?

- Mình đáng lẽ đã được chết hay ho trong một nháy.

Nhưng không lẽ chịu đầu hàng vội thế. Prévot và tôi trấn tĩnh lại tinh thần. Không thể tuyệt vô hy vọng. Có thể tình cờ may mắn, dù rất mỏng manh, được một phi cơ ngẫu nhiên như thần linh bất ngờ tới cứu. Cũng không được phép bó tay ngồi lì, bỏ lỡ một oasis gần gũi đâu đó, không

chừng. Biết đâu...? Bữa nay, chúng ta sẽ đi suốt ngày. Rồi quay trở lại bên phi cơ. Và trước khi đi, chúng ta sẽ vạch chương trình bằng chữ thật to ghi trên mặt cát.

Vậy là tôi khoan người nằm yên ngủ cho tới sáng. Và tôi rất sung sướng mà ngủ. Bao nhiêu nhọc mệt vây phủ tôi trong một vòng ảnh hình vang bóng. Tôi không còn cô độc trong sa mạc, giấc ngủ thiu thiu như lai láng biết bao giọng nói, câu cười, những kỷ niệm, những tiếng tâm sự thổ lộ thì thầm. Tôi chưa thấy khát nước, tôi còn cảm thấy khỏe khoắn bình an, tôi phó thân mình cho giấc ngủ như phó hết cuộc đời cho mạo hiểm mang đi. Thực tại lùi dần, nhường đất đai cho mộng tưởng...

A! Sự việc không còn như vậy nữa, lúc trời sáng ra!

#### 4

Tôi đã từng yêu Sahara. Tôi đã từng sống nhiều đêm tại những vùng phiến loạn. Tôi đã từng thức giấc giữa bãi rộng hồng vàng gió đùn lên đợt sóng như trên mặt trùng dương. Tôi đã từng nằm đó chờ người tới cứu, và ngủ dưới cánh phi cơ, nhưng không sánh được với sự vật tại chốn này.

Chúng tôi bước đi bên sườn hồng những ngọn đồi cong mòm. Chất đất gồm toàn là cát phủ kín bằng lớp sỏi đen bóng loáng trông như những vảy kim khí, và tất cả các chỏm đồi xung quanh chúng tôi cũng óng ánh như giáp sắt. Chúng tôi lạc trong một thế giới khoáng thạch. Chúng tôi bị vây hãm trong một khung cảnh sắt.

Vượt qua chóp đồi thứ nhất, thấy xa xôi một chóp khác tương tự, cũng lóng lánh đen sì. Chúng tôi vừa bước đi, vừa kéo lết gót giày cho sát mạnh vào mặt đất, cốt để đánh dấu con đường, lát nữa mò theo mà quay về. Chúng tôi nhắm thẳng mặt trời mà đi tới. Theo hướng chính Đông, đó là điều quyết định tối ư vô lý của tôi. Không có một lý lẽ nào thích đáng xui tôi nhắm theo hướng đó, bởi vì thầy thầy cùng cho phép tôi nghĩ rằng đã vượt quá sông Nil: cả khí tượng, cả thời gian đã bay. Nhưng tôi đã có thử nhắm theo hướng Tây mà đi một đoạn ngắn, và cảm thấy một nỗi khó chịu,

một mối bất an, không biết do đâu. Thế là tôi quyết định gát hướng Tây lại ngày mai. Và tạm thời cũng bỏ qua hướng Bắc, tuy hướng này đưa ra biển. Ba ngày sau, giữa một cơn bão hoàng mê sáng, khi chúng tôi quyết định từ giã hẳn chiếc phi cơ và bước thẳng tới phía trước cho tới lúc kiệt sức, chúng tôi cũng lại nhằm hướng Đông mà đi. Đúng hơn là nhằm Đông Đông Bắc, cũng một cách thật vô lý, và thật không hy vọng gì cả. Và sau này, được giải cứu, chúng tôi mới nhận thấy rằng không một hướng nào khác có thể giúp chúng tôi thoát nạn trở về, bởi vì nếu theo hướng Bắc thì nửa đường kiệt lực, chúng tôi không làm sao đi cho tới biển. Nói ra nghe thật là phi lý buồn cười, nhưng quả thật ngày nay tôi cảm thấy dường như rằng trong lúc tịt mù phương hướng, không có một chút chỉ dẫn nào hoặc nhiếp triệu nào để dựa vào mà chọn hướng đi, thì tôi đã chọn hướng Đông<sup>[4]</sup> chỉ bởi cái lý do duy nhất là hướng đó xưa kia đã từng giải cứu được người bạn thân thiết của tôi là anh Guillaumet từng rơi lạc trong dãy Andes, nơi tôi đã bay lòng khắp ngả tìm kiếm anh. Từ đó, về sau, đối với tôi, phương Đông đã âm thầm trở thành phương trời của sự sống.

Đi suốt năm giờ, thì phong cảnh thay đổi. Một dãy cát uốn mình như một dòng sông chảy giữa một miền thung lũng, và chúng tôi men theo đáy thung lũng mà đi. Chúng tôi dẫn bước thật nhanh, chúng tôi cần đi gấp, đi xa được bao nhiêu hay bấy nhiêu và quay trở về trước lúc trời tối, nếu không tìm kiếm được gì. Bất thành lình tôi dừng lại:

- Prévot.
- Gì?
- Những dấu chân...

Từ bao lâu chúng tôi đã quên không vạch đường làm dấu ở sau lưng? Nếu không tìm lại được lối về, thì chịu chết.

Chúng tôi trở gót, nhưng chệch hướng về phía tay phải. Khi đã khá xa, chúng tôi sẽ đâm ngang theo hướng thẳng góc với hướng ban đầu này, thì thế nào cũng bắt gặp trở lại những dấu chân trên quãng đường có vạch dấu.



Lúc đã tìm lại được mỗi dây nọ, chúng tôi tiếp tục đi. Khí nóng tăng lên, và cùng với khí nóng, ảo ảnh huyền hoặc hiện ra. Thoạt tiên chỉ là những ảo ảnh lai rai thôi. Những hồ nước lớn hiện ra và biến mất, lúc chúng tôi vừa tới. Chúng tôi quyết định vượt ngang thung lũng cát, và leo lên chóp đồi cao nhất để quan sát chân trời. Chúng tôi đi đã được sáu giờ. Với những bước sãi rộng kia, ắt là phải đi được hơn ba mươi lăm cây số rồi vậy. Chúng tôi đã lên tới chóp ngọn đồi đen thui nọ, lặng lẽ ngồi xuống. Dưới chân chúng tôi, thung lũng cát bò vào chìm trong một vùng cát hoang liêu không có đá; ánh sáng trắng bạch chói rục như thiêu đốt mắt. Xa tít đằng kia là mù khơi trống rỗng. Nhưng tận chân trời, trò sỗ lộng của ánh sáng tạo nên những ảo ảnh hãi hùng hơn. Xui tâm cuồng trí loạn. Những pháo đài đồn lũy, những tháp chuông giáo đường, những khối kỷ hà với những đường thùy trực. Tôi còn nhận thấy cả một vết đen khổng lồ tựa hồ một vùng cây cỏ, với nước ngâm trong vắt, mà thấy gì thật ra? Một áng mây tụ trên vòm nọ, áng mây cuối cùng trong những áng mây đã lang thang tan mất hình hài trong lòng nắng rộng ngày trời và sẽ hiện trở lại ngậm ngùi trên sa mạc chiều nay.

Tiến thêm cũng chẳng ích gì, toan tính bước nữa cũng chẳng đưa tới đâu. Thôi phải liệu quay về bên chiếc phi cơ, cái phũ tiêu sặc sỡ đỏ hồng và trắng phếch nọ sẽ không chùng mà được các bạn hữu lưu tâm lẫn mò tới gạ. Mặc dù chẳng hy vọng nhiều nơi những cuộc tìm kiếm của họ, tôi vẫn cảm thấy đó là chút may duy nhất còn có thể giải cứu được chúng tôi. Và phải về, nhất là bởi lẽ những giọt nước uống cuối cùng, chúng tôi để tại đó, và bây giờ đã tới lúc phải uống, tuyệt đối phải uống, không thể kiên trì. Phải về để sống. Chúng tôi là những tên tù bị giam hãm trong cái vòng sắt: cái khát là nước, nó vạch biên thùy của một miền tự do tự trị rất mực phù du.

Nhưng khổ nào làm sao, là quay gót! Khảm kha thế nào là cái việc lui chân! Và biết chùng đâu, nếu cứ tiến thêm một chút nữa, có thể bất ngờ thấy cõi sống đương cười xinh. Phía bên kia những dã man ảo ảnh, biết chùng đâu chân trời hồng thắm đương chứa chan những Chợ Lớn phố

phường, những Chợ Nồng phố hội, những đô thành thật sự đương lai láng chờ ta, những nguồn tươi nước ngọt, những thủy thảo thúy thanh đương ngân ngơ phôi linh hồn cho cỏ mọc đầy đủ hai hàng. Vẫn biết rằng quay trở về là hợp lý. Ấy vậy mà vẫn cảm giác thấy như chừng bẻ lái một lần là trầm luân vĩnh viễn. Hỡi ôi, em giết chết hồn ta trong cái lời kêu gọi.

Chúng tôi nằm bên cạnh phi cơ. Chúng tôi đã đi hơn sáu mươi cây số, và trở về mang đủ hơn sáu mươi cây số ở trong khớp xương chân. Nước uống đã nốc cạn rồi. Mà chân mây biến biệt, chúng tôi nào có nhận ra được cái gì đâu của diễm lệ phương Đông. Không một bạn hữu nào bay ngang trên cõi bờ này cả. Chúng tôi sẽ chịu đựng được bao lâu nữa? Ghì môi chống trời tới bao giờ? Cái khát hoành hành, cháy bỏng suốt thâm tâm...

Chúng tôi góp nhặt vài mảnh vỡ cánh phi cơ, và dựng lên một giàn lớn. Chúng tôi đã chuẩn bị xăng và tòn ma nhê di, để ánh lửa sẽ chói trắng thêm ra. Chúng tôi đã đợi cho đêm tối thật đen rồi mới đốt lửa... Nhưng đâu là bóng dáng con người?

Bây giờ ngọn lửa lên cao. Bây giờ chúng tôi thiêng liêng nhìn ngọn lửa, ngọn đèn hiệu giữa mùa sa. Chúng tôi nhìn tỏa rạng trong đêm cái tiếng kêu của mình, tiếng kêu lặng lẽ âm thầm, tiếng kêu phập phồng lai láng. Và tôi nghĩ: nếu nó mang đi một lời gọi đã rất mực thiết tha, thì nó cũng mang đi những tình yêu vô hạn. Chúng tôi yêu cầu được uống, nhưng chúng tôi cũng đòi hỏi cảm thông. Chỉ con người mới sử dụng lửa, thì xin con người hãy đáp ứng chúng tôi! Một ngọn lửa khác hãy bùng lên, để cho ngọn lửa này không còn là lửa sông trong sa mạc!

Tôi thấy lại hai con mắt vợ tôi. Tôi sẽ không thấy gì nữa ngoài đôi mắt đó. Đôi mắt hỏi gì tôi thế? Tôi thấy lại những con mắt của mọi người, của tất cả những ai còn kỳ vọng ở tôi nhiều, có lẽ... Và những con mắt đó cũng nêu câu hỏi ra. Cả một quần hội nhãn quan đương nhìn và trách tôi sao lặng lẽ. Tôi xin đáp! Tôi xin đáp! Bằng tất cả tinh anh và thể phách, tôi xin đáp bây giờ, trong đêm tối, có bao giờ tôi có thể còn có lần đốt ngọn lửa sáng rực hơn không?

Tôi đã gắng hết sức mình. Chúng tôi đã kiệt tận miên bạc bình sinh: đi sáu mươi cây số, hầu không một ngụm nước vào mồm. Bây giờ trở đi, chúng tôi không còn uống nữa. Nếu chúng tôi không còn đủ sức nhẫn nại chờ mong nữa, thì tội lỗi có phải tại chúng tôi không? Chúng tôi rất có thể ngồi im lìm tại đó, ngoan ngoãn ghì môi bú mồn bình đựng nước. Nhưng ngay cái lúc tôi hút cạn giọt cuối cùng tại đáy thiếc, thì một cái đồng hồ đầu đó đã trôi dậy lên đường. Ngay cái lúc tôi hít xong giọt cuối, thì một con đường dốc đã mở ra. Tôi bắt đầu lăn xuống. Tôi biết làm sao được, trên cái dòng thời gian như nước lũ cuốn thân tôi. Prévot khóc. Tôi vỗ vào vai anh. Tôi an ủi bảo:

- Nếu chết, thì cho chết...

Anh trả lời:

- Nếu anh tưởng tôi khóc cho thân tôi...

A! Chính thế, tôi đã nhận chân một sự việc hiển nhiên. Không có gì không chịu đựng nổi. Ngày mai, ngày một, tôi sẽ hiểu mãi rằng quả thật chẳng có gì là không chịu nổi. Tôi chỉ tin một phần ở tác dụng của khổ hình. Tôi đã từng suy gẫm về lẽ đó. Tôi đã tưởng phải chết đuối một lần ngày xưa, vì mắc nghẽn trong một phòng máy, và vẫn không thấy đau đớn lắm. Tôi đã tưởng đôi lần bị vỡ mặt, và vẫn chẳng thấy đó là một biến cố trầm trọng chi. Đây cũng vậy, lần này tôi cũng sẽ không biết khắc khoải là gì. Mai đây, tôi cũng sẽ còn được biết thêm nhiều điều kỳ dị hơn nữa. Và chỉ có Trời biết, mặc dù tôi đốt lửa, lòng tôi đã từ bỏ hy vọng gọi thấu tai người...[5]

“Nếu anh tưởng tôi khóc cho thân tôi...”. Vâng, vâng, đó mới là điều không thể nào chịu nổi. Mỗi lúc tôi nhìn thấy lại những con mắt kia đương chờ, mỗi lần lòng thấy như thiêu đốt. Đột ngột muốn đứng lên và chạy thẳng tới trước. Đằng kia, ở đằng kia, con người đang kêu cứu, con người đang đắm thuyền!

Vai tuồng đảo lộn, dị thường thay! Nhưng ý tưởng của tôi luôn luôn là như vậy. Nhưng tôi phải cần có Prévot mới dám tin chắc hoàn toàn. Phải

rồi, Prévot sẽ không biết gì tới cái nổi thống khổ khắc khoải trước tử thần, mà thiên hạ nói tới đã chán tai. Nhưng còn một cái gì đó, anh không chịu đựng nổi, và tôi cũng vậy.

A! Tôi hài lòng chịu ngủ, ngủ ngắn một đêm hay ngủ dài vạn đại. Ngủ được, sẽ không còn nhận được cái chỗ khác nhau. Ngủ được, thì yên bình biết mấy! Nhưng còn những tiếng kêu của thiên hạ ở xa kia, nhưng còn những ngọn lửa khổng lồ của nổi đời, tôi không chịu đựng nổi. Tôi không thể khoanh tay trước những cuộc đắm thuyền trầm luân nợ! Mỗi giây dần dà im lặng đều giết một ít những kẻ thân yêu. Một cơn giận dữ điên cuồng nổi dậy: tại sao có những sợi dây xiềng triền phược kia cứ lờng vờng ngăn cản tôi, không để tôi chạy tới kịp giờ mà giải cứu những kẻ đang chìm đắm? Tại sao ngọn lửa chúng tôi đốt lên không mang tiếng kêu của chúng tôi tới tận cùng trái đất? Nhẫn nại nhé!... Chúng tôi tới đây rồi! Chúng tôi tới kịp rồi!... Chúng tôi là những người đến cứu!

Chất ma-giê-nhi đã tận, và ngọn lửa chuyển sang màu đỏ. Giờ chỉ còn lại một mớ than hồng, chúng tôi nghiêng mình xuống sưởi. Thế là hết. Lời nhắn gửi sáng ngời của chúng tôi đã tắt. Nó đã khua động được gì? Nó đã giục giã được gì trong cuộc thế xa kia?Ồ! Tôi vẫn biết rằng nó chẳng thôi thúc được gì cả. Chẳng có gì đã từ đó mà xao xuyên tư lự lên đường. Đó chỉ là một lời cầu nguyện không được một ai nghe.

Thôi được. Tôi sẽ xin đi ngủ.

## 5

Chớm bình minh, chúng tôi lấy một cuộn dẻ xoa vào những cánh phi cơ, thấm lấy những giọt sương đọng, vắt ra được một ngụm nước ở đáy ly lẫn mùi sơn và mùi dầu. Thật đáng buồn nôn, nhưng cứ phải uống. Ít ra là cũng thấm ướt được hai môi. Tiệc xong, Prévot bảo:

- Cũng may là còn khẩu súng lục.

Đột nhiên tôi nổi óa, tôi tức tối quay lại nhìn anh. Trong lúc này, tôi không cảm hờn gì bằng chuyện tình cảm ủy mị. Tôi tuyệt đối cần phải coi

mọi sự đều đơn giản. Sinh ra đời, là một điều đơn giản. Lớn lên, cũng là điều đơn giản. Và chết khát, cũng là điều đơn giản. Biến làm sa mạc cũng là điều đơn giản.

Tôi đưa khốe mắt liếc chùng, xem xét Prévot, sẵn sàng nặng lời cay cú nếu cần, để buộc anh ngậm miệng. Nhưng Prévot đã nói với niềm bình thản. Anh chỉ bàn tới một vấn đề vệ sinh. Anh nêu sự vụ ra theo điệu nói: “Chúng ta cần phải rửa tay cho sạch sẽ”. Thế là chúng tôi đồng ý nhau. Hôm qua tôi cũng có suy gẫm tới điều đó, lúc nhìn cái bao da khẩu súng. Những điều tôi suy nghĩ chỉ có tính chất hợp lẽ phải, và không thống thiết. Chỉ có chuyện xã hội là thống thiết mà thôi. Chuyện chúng tôi bất lực không làm yên lòng được cho những người mà chúng tôi chịu trách nhiệm. Chứ không phải chuyện khẩu súng lục.

Người ta vẫn không tới tìm chúng tôi, hay đúng hơn, chắc là người ta tìm kiếm chúng tôi ở những chốn khác. Chắc họ tìm tại Arabie. Thật ra chúng tôi đã không nghe được một tiếng phi cơ nào trước ngày mai, nghĩa là vào lúc chúng tôi đã rời bỏ phi cơ của mình. Tới ngày mai sẽ có nghe một bận... Một phi cơ duy nhất sẽ bay qua, và xa xôi quá, chúng tôi hờ hững hoàn toàn. Có nghĩa gì đâu, chúng tôi nhúc nhích tại đây, hai chấm đen heo hút hòa lẫn trong ngàn vạn chấm đen hút heo giữa sa mạc, chúng tôi mong gì được nhận ra. Những ý nghĩ người ta sẽ gán cho tôi về cái cảnh huống điều linh này, thật là không xác đáng một tí nào. Tôi không cảm thấy đau đớn điều linh. Những kẻ đi tìm cứu chúng tôi, chúng tôi tưởng chừng như họ vắng lai tuần du trong một vũ trụ mơ hồ khác.

Phải mất mười lăm ngày sục sạo mới tìm ra một chiếc phi cơ lạc lõng, hờn hờn ngạc ngạc rơi vào sa mạc mông lung, tại đâu đó, trong khoảng ngậm ngùi ba nghìn cây số biệt tăm. Ấy thế, chắc là người ta đang tìm kiếm chúng tôi từ miền Tripolitaine tới xứ Perse. Tuy nhiên cho tới hôm nay, tôi vẫn còn giữ chút hy vọng nơi một sự ngẫu nhĩ may mắn mong manh, vì ngoài ra còn có gì đâu khác để hy vọng. Rồi, tôi đổi phương sách mưu lược, quyết định tự một mình một thân đi tìm kiếm. Prévot thì cứ ở lại đây,

soạn sửa sẵn một dàn lửa và sẽ đốt lên nếu gặp trường hợp có phi cơ quanh quất tới gần. Nhưng rồi chẳng có ai tới gần thăm viếng cả.

Tôi ra đi vậy, và cũng chẳng rõ sẽ còn sức mà trở lại hay không. Tôi nhớ lại những gì đã từng biết về sa mạc Libye. Trong sa mạc Sahara, thì còn có được 40% khí ẩm, nhưng tại đây, khí ẩm chỉ có 18%. Mà sinh khí con người ta thì cũng tan mau như khí ẩm. Người Bédouin, khách du hành, sĩ quan thuộc địa, đã cho biết rằng người ta chỉ nhịn khát được trong vòng mười chín giờ mà thôi. Sau hai mươi giờ thì mắt hoa lên, và bắt đầu kết liễu: cái khát đi nhanh như sấm chớp.

Nhưng ngọn gió Đông Bắc, ngọn gió bất thường kia trước đây đã phờ phảnh chúng tôi, đã bất ngờ hãm chúng tôi vào vùng cao nguyên tử địa này, chính ngọn gió Đông Bắc trở trêu nọ, giờ đây ắt là kéo dài cái mạng sống của chúng tôi ra đôi chút. Nhưng thời hạn kéo dài là được bao lâu? Bao lâu nữa thì tới cái giờ của mắt hoa đầu choáng?

Tôi đi vậy, đi thôi, đi nữa, nhưng có cảm tưởng như đi trên xuồng nhỏ đơn chiếc lạc loài trên dặm biển trùng điệp đại dương.

Tuy nhiên nhờ ánh sáng rạng đông, cảnh vật cũng bớt phần thê thảm. Và tôi thọc tay vào túi bước đi theo điệu côn đồ trộm cắp. Tối hôm qua, chúng tôi có gài nhiều bẫy quanh miệng vài cái hang bí mật, và sáng nay máu Liệp Hộ lôi thôi đã bùng dậy trong mình. Tôi đi, đi xem xét những cái bẫy coi nào: sao mà trống rỗng?

Thế ra là sẽ không uống được máu? Máu chồn? Máu chuột? Thôi thì cũng được, nào mình có hy vọng gì uống được một phen đâu.

Thất vọng quả là không có, mà trái lại, xem ra trong dạ lại động ý tò mò. Những con thú kia, ăn chi mà sống? Những con thú nọ, lấy chi mà dưỡng dục lẻo đẻo phôi pha? Đào đâu ra lương thực mơ hồ, vì đây là sa mạc? Chắc hẳn những thú kia thuộc loại chồn lùì trong cát, chồn nhỏ sa mạc phiêu bồng, to bằng con thỏ, điểm trang bằng hai vành tai khổng lồ lẻo đẻo mang đi. Nghĩ tới mà thèm, lòng ham nó khêu gợi, tôi bèn lần mò theo dấu một con kia. Dấu ghi trên cát lần hồi dẫn tôi tới một dải sông con bằng cát

mịn, để lộ nguyên bình phơi rõ nét những vết chân xiêu. Tôi ưa thích nên trầm trồ cái cánh xòe rẽ quạt của ba ngón mở ra, như cánh là kẻ tươi xinh phong nhụy. Tôi hình dung trong tưởng tượng người bạn mình yếu điệu nhảy lưã thưa lúc bình minh óng ả, và le chiếc lười hồng mà liếm giọt sương nằm lững lơ trên đá nhám. Tới đây, tại chỗ này, những dấu chân cách bức: em chồn của tôi đã tung căng chạy nhanh. Tại đây, một bàn tình đã nhảy về nhập trận, đôi lưã nhảy song song. Tôi chứng giám cái cuộc chồn yêu nhau bình minh dạo mát, tôi thấy lòng khôn xiết kỳ lạ lằng lằng. Tôi yêu những chứng tích kia của sự sống. Và quên bớt chút ít rằng mình đương ở trong một cơn khát thiết tha...

Bây giờ tôi tới gần những tủ chứa thức ăn của các anh chị chồn. Tại đây sát mặt cát, có một trăm thước, lại thấy mọc nhô lên một loại cây nhỏ xiu, khô khan, thấp như một cái xô đựng súp, thân cành thấy bu bám đầy tràn những con sên vàng óng. Mỗi bình minh, anh chồn nhỏ lại tới đây lấy thức ăn. Tại đây tôi bắt gặp một huyền nhiệm thiên nhiên.

Anh chồn không dừng chân lại bất cứ cây nào. Có những cây đầy sên, nhưng anh lại xem thường. Có những cây anh đi vòng quanh quất, ra về thận trọng vô cùng. Có những cây anh ghé tới, nhưng không chạm vào quá đáng. Anh ngắt sơ qua vài trái, bẻ sơ qua vài đoá, rồi đổi quán ngay.

Phải chăng anh có ý chịu chơi theo lối phiêu bồng: không vội vã làm ngay một võ lẫn lóc chán chường, là cốt để kéo dài cái cuộc hưởng thụ thú vui bình minh dạo gót? Tôi không tin như vậy. Cái điệu chơi của anh chồn coi ra thật quá phù hợp với một sách lược tồn sinh tối ư cần thiết. Nếu anh chồn cứ lăm lũi gặm đầu xuống mà đánh chén thật no nê ngay tại trận với những sản vật của cây đầu, thì chỉ trong vài phen thịnh soạn, thì đi đời vốn liếng cửa sống nhà ma. Và theo lối đó, từ cây bé này tới cây bé khác, anh chồn sẽ lần hồi diệt tuyệt hết cái kho sinh tồn anh chi chút chần nuôi. Nhưng anh chồn đâu phải là người quá tham nên biến thành đại dột. Anh rất thận trọng kiêng dè đừng có quá ngứa nghề mà làm trở ngại cái bụng mang dạ chứa thai nghén cho ngày sau. Do đó, chẳng những anh một lần ăn là dò dè luôn một trăm cây phân phối, mà anh còn cẩn trọng chẳng bao giờ

dám vin vào một cành cây bện mà bẻ tới hai đóa hoa trà mi lân cận một phen. Mọi sự xảy ra đều cho thấy như tuồng anh ý thức được mỗi nguy cơ tai hại về sau. Nếu đổ vùi ra ăn không dè chừng hạn chế, thì mọi sên mọi ốc sẽ sạch nhẵn trên mâm. Mảnh sên còn một chút này. Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan? Sên chẳng còn, thì chú cũng tan hoang. Thiệt đây mà có ích cho chàng chút chi đâu.

Dấu chân đưa tôi tới hang chồn. Anh chồn chắc đang nằm trong đó vãnh tai lắng nghe, kinh hoàng vì tiếng chân tôi dội tới. Tôi bảo: “Chồn bé của tôi ơi, tôi bẽ bàng mặt lộ, nhưng lạ lùng làm sao, là không vì lẽ đó mà hững hờ không lưu ý tới nông nổi của chồn đâu...”.

Và tôi đứng đó mơ màng một trận, và tôi tưởng chừng rằng cái con người ta gặp gì gì đi nữa rồi cũng tìm ra được cái nhịp tiết thích nghi. Nghĩ rằng mình có lẽ sẽ chết ba mươi năm sau, ý tưởng đó không làm tổn thương niềm vui hiện tại. Bưởi mười năm, ba ngày... chỉ là một vấn đề quan điểm.

Nhưng cần phải quên đi vài hình ảnh...

Bây giờ tôi tiếp tục đi, và với nỗi nhọc mệt tăng dần, một cái gì trong người tôi cũng biến dạng. Ảo ảnh, nếu chẳng có ư, thì tôi lại tạo ra cho nó...

- Ô ê!

Tôi đưa tay lên mà hú lớn, nhưng cái người tôi thấy múa tay múa chân đàng kia chỉ là một hòn đá đen sì. Mọi vật trong sa mạc đã bắt đầu động đậy. Tôi muốn đánh thức gã Bédouin kia đang nằm ngủ, thì hẳn đã biến thành một thân cây đen thui. Thành một thân cây? Thế thì lạ thật. Tôi cúi xuống nhìn. Tôi muốn nâng dậy một cành cây gãy: nó bằng cẩm thạch! Tôi đứng thẳng người lên đưa mắt nhìn quanh quất; thấy bao nhiêu khối cẩm thạch đen khác. Một khu rừng thời thái cổ trút tại đây xiết bao là thân cây gãy đổ. Nó tan tành như một tòa nhà thờ lộng lẫy tan hoang, kể từ vạn kỷ lòng em nhớ lòng anh tôi tả dưới phong ba cuồng loạn thai nghén khởi nguyên. Và vạn kỷ đã xô về từ nguyên thủy tới bên tôi những cột trụ khổng lồ, nhẵn nhụi kia, bóng ngời như những thanh sắt thép, cứng rắn im lìm,



lóng lánh như gương, màu đen như mực. Tôi còn nhận ra những gút mắc của cành, những quần quai hoại sinh, những vết ngằn thai nghén. Khu rừng hoang sơ vốn xưa kia là dạt dào sinh động, suối phong tình, chim nhả nhạc, liễu phiêu diêu... mà về sau gặp hung vận, đã tan tành hóa làm chất muối. Tôi cảm thấy phong cảnh này chẳng niềm nở với tôi. Nó gay gắt chối từ không tiếp đón. Đen đui hơn những lớp giáp sắt bọc những ngọn đồi kia, những di tích hoang tàn này không dung nạp cái thẳng người tôi tới viếng. Tôi tới đây làm gì, tôi là sinh vật, tôi định mở cuộc gì giữa hàng hàng cầm thạch trở trở? Tôi, con vật phù du, tôi, cái hình hài sắp tan biến, tôi định giữ trò gì nữa phong cảnh của vô cùng, mà chỉ riêng vận đại được quyền đối thoại với thiên thu?

Từ bữa hôm qua tôi đã vượt gần tám mươi cây số. Tôi choáng váng thế này chắc là tại quá khát nước chẳng. Hoặc vì nắng đốt. Nắng mặt trời chói rực trên những cột thân cây bóng lộn và như cóng giá vì dầu xoa mỡ xát. Nắng mặt trời chiếu rực trên ân tình cái mu gộp mệnh mông phủ tràn lan trên mọi vật. Đây không còn cát, đây chẳng còn chồn. Đây chỉ còn có một cái đe đồ sộ. Tôi đang bước đi trên hòn đe đó. Và ở trong đầu mình, tôi nghe rõ tiếng nắng trời ròn rã dội từng cơn. A! Kia kia...

- Ô ê! Ô ê!

- Ô ê cái gì, đằng kia chẳng có chi cả, đừng có lao xao hoài hơi nhọc khí, chẳng có gì hết, chỉ có mộng cuồng mê dại mà thôi.

Tôi tự nhủ mình, tôi cần tự nhủ mình, tôi cần bám vào lý trí trong lúc tâm thần đương bấn loạn trở cơn. Khó khăn làm sao, là cái việc phải xoa tay chối từ cái vật, cái đồ mà con mắt thấy. Khó khăn sao, là cái việc tự hãm hai chân mình, đừng để cho nó chạy ù tới cái tốp người du hành đang tiến bước đằng kia... kia kia... mà đang thấy đó!

Ngốc ơi là ngốc, mà cũng biết chứ, là chính mà ngốc nghếch tạo đủ thứ vật này, bày đủ loại đồ nọ, đồ kia...

- Thế thì chẳng ra mọi sự ở đời chẳng có chi là thật...

Chẳng có chi là thật, ngoài cái thập tự giá ở đằng kia, cách tôi hai mươi cây số, cắm ở chóp ngọn đồi, chờ đợi, đăm chiêu... Cái thập tự giá kia, hay là cái ngọn hải đăng ấy...

Nhưng phía đó không phải là hướng đi ra biển. Vậy không phải hải đăng. Chính là thập tự giá. Suốt đêm qua tôi cặm cụi trên bản đồ mà nghiên cứu. Chỉ tổ hoài công. Bởi vì vị trí hiện tại của mình là đâu, tôi nào có biết. Nhưng tôi gò lưng kiểm mãi một chút gì, một chút gì là dấu hiệu chỉ rõ sự hiện diện của con người ta. Và đâu đó, tôi có nhận ra một cái khoảng tròn có ghi dấu chữ thập tương tự thế này. Tôi có xem lời bên dưới: “Tu viện”.

Bên cạnh chữ thập, tôi còn thấy một chấm đen. Tôi lại nhìn xuống câu chú giải mà đọc: “Giếng thường xuyên”. Tim tôi nhói lên một cái, máu phập phồng đập liên hồi một trận, và tôi cất cao giọng đọc to: “Giếng Thường Xuyên... Giếng Thường Xuyên... Nước Thường Trục... Uống Thường Hằng... Ôi! Mộng tưởng ra hoa! Ôi, ảo huyền kết trái!” Hỡi Ali Baba! Hỡi những kho tàng man dại! Có bao giờ của cải nào mà sánh kịp giọt giếng ngân là nước chảy thường xuyên! Lệch xa hơn một chút, tôi lại còn o bế nhìn thật rõ hai khoanh tròn trắng muốt. Tôi liếc dòm xuống dưới đọc lời ký chú đỉnh ninh: “Giếng bất thường”. Giếng bất thường thì đã là bớt đẹp. Giếng bất thường thì nước xò ra nhất thời thỉnh thoảng. Rồi xét soát bốn xung quanh chẳng còn gì nữa cả. Chẳng còn chút chi hết.

Thì kia kìa là tu viện của tôi! Các tu sĩ đã dựng lên một cây thập giá trên chóp đồi là để gọi bọn trâm luân? Thì tôi chỉ còn có mỗi một việc làm là bước nhanh lại chớ. Thì tôi chỉ còn có mỗi một việc làm là chạy thẳng lại chớ sao. Nào, các vị tu sĩ dòng Đa Minh, hãy mở vòng tay ra đón...

- Nhưng tại Luby chỉ có những tu viện bốn xứ mà thôi.

- ... Chạy tới những tu sĩ ân cần chuyên chú Đa Minh. Họ có một căn nhà bếp lộng lẫy tươi mắt, nền gạch đỏ, và ngoài sân có một cái bơm nước hoen rỉ cũ càng ấy, anh hẳn là đã đoán ra được đó... Dưới cái bơm nước hoen rỉ cũ kỹ tuyệt vời huyền diệu kia, đó là đúng cái giếng thường xuyên dào dạt vậy! A! Chỗ lát đây thôi thì đó là ấy sẽ... sẽ tương bưng hội hè yến

tiệc nghi lễ hoan nghênh lúc tôi tới đội chuông ngoài cửa rộng, lúc tôi lại gần đưa tay ra nắm và giật một cái vào đồ sộ cái chuông...

- Thôi thì thẳng ngực! Mà mô tả gì đó! Mà làm bầm mô tả một ngôi nhà ở cố quận Provence <sup>[6]</sup>, mà kể ra thì tại đó có chuông khánh gì đâu.

- ... Lúc tôi sẽ đưa tay ra giật cái chuông đồ sộ kia một cái! Người gác cửa sẽ chấp tay đưa lên trời và kêu to một tiếng: “Ông là sứ giả Nhà Trời! Ông là Thiên sứ do Ngọc Hoàng sai xuống!” và anh ta sẽ riu rít gọi toàn thể các vị thầy tu. Họ sẽ tức tốc chạy tới. Và họ sẽ đón mừng khoản đãi tôi như o bế nâng niu một đứa bé con nghèo đói. Và họ sẽ đẩy tôi khẳng khiu đi về phía căn nhà bếp lai láng khói nong. Và họ sẽ bảo tôi: “Một phút, một giây, một giây phút nữa thôi, con ạ... chúng ta sẽ chạy tới cái giếng nước ngọt thường xuyên...”.

Và tôi, tôi sẽ run như cầy sấy vì hồng phúc như để giun chan rười mọng điên cuồng.

Nhưng không, tôi không muốn khóc chỉ vì lý do duy nhất là chẳng còn đâu nữa cái thập tự giá ở trên đồi.

Những hứa hẹn của phương Tây chỉ là những lời phờ phĩnh. Tôi bèn xoay sang chính Bắc.

Phương Bắc thì ít nữa cũng còn lai láng tràn đầy điệu hát của trùng dương.

A! Cái chớp đỉnh kia, một phen đã vượt qua rồi, chân trời liền dàn rộng. Đây, đô thị lộng lẫy nhất trần gian.

- Mà thừa biết đó là ảo ảnh...

Tôi thừa biết quá rõ đó là ảo ảnh. Tôi, ai phờ phĩnh được tôi. Nhưng nếu tôi thích, tôi ưa chìm thân vào sâu trong ảo ảnh? Nếu tôi thích yêu dấu cái đô thị với những thành quách điệp trùng, tráng lệ dưới ánh trời, rục thắm như cờ treo? Nếu tôi thích bước đi, đi thẳng, theo nhịp chân dìu dặt nhẹ nhàng, nhân vì cơn mệt nhọc đã tiêu tan, nhân vì lòng tôi vui sướng... Prévot và khẩu súng lục, ồ, hãy cho tôi cười khi chơi chút nhé! Tôi say rồi. Tôi chết khát!

Hoàng hôn tối, xua đuổi cơn mê. Tôi tỉnh táo ra. Tôi dừng chân đột ngột. Tôi giật mình nhận thấy đi đã quá xa. Hoàng hôn xuống, ảo ảnh tan. Hoàng hôn về, ảo ảnh chết. Chân trời đã trút bỏ bóng xiêm nghê. Hết huy hoàng cung điện, hết lễ phục giáo đường. Chân trời chỉ còn là chân trời sa mạc.

- Mà chơi lung đã lắm! Đêm tối sắp tới thộp mày rồi, mày sẽ bó gối ngồi im chờ trời mai sáng, và ngày mai những dấu chân mày sẽ bị xóa mất, và khắp chân trời mặt biển, mày sẽ chẳng còn tăm dạng tại chốn mô.

- Đã thế thì nên! Thôi thà cứ dẫn thân bước thẳng tới trước... Quay trở lại nữa mà làm gì? Tôi không muốn bẻ lái quay thuyền, vì biết đâu chính bây giờ là lúc tôi sắp mở, lúc tôi đang đã mở vòng tay mình trước mặt biển mênh mông...

- Mày đã nhìn thấy mặt biển tại đâu? Mà có bao giờ mày sẽ ra tới biển? Ba trăm cây số có lẽ hẳn chắc đương chia biệt mày với biển khơi. Và Prévot đang lò dò đợi chờ thấp thỏm bên cạnh chiếc Simoun! Và có lẽ, biết đâu, Prévot đang được một đoàn người viễn du chớm thấy...

Vâng, tôi sắp quay trở về, nhưng trước khi quay về, tôi xin thử kêu con người ta:

- Ô ê!

Trái đất này, trời ôi! Dù sao vẫn còn có con người ta cư trú...

- Ô ê! Người ta ơi!

Tôi khan giọng. Tôi gọi không ra lời. Tôi kêu không còn tiếng. Tôi thấy mình sao dơ dáng đại hình kêu gọi mãi thế rứa ru?... Tôi hét to lần nữa:

- Người ta ôi!

Đó nghe sao mà khoa trương khoác lác tợn.

Và tôi quay về.

Sau hai giờ bước đi, tôi ngó thấy ngọn lửa Prévot đốt lên; anh đã kinh hoàng tưởng tôi lạc lối, đốt tung lên trời. A!... mọi cái đó giờ đây tôi xiết bao lạnh nhạt.

Thêm một giờ nữa bước đi.... Còn năm trăm thước. Còn một trăm thước. Còn năm chục thước.

- A!

Tôi chờ dẫn đứng lại, sững sờ. Niềm vui sắp dâng ngập máu tim, trào qua trái phổi. Tôi kiềm hãm cơn mãnh liệt dậy cuồng. Prévot, sáng ngời trong ánh lửa, đương trò chuyện với hai người Ả Rập đang tựa lưng vào máy phi cơ. Anh chưa ngó thấy tôi. Anh đang còn rộn rã bởi niềm vui của mình. A! Nếu mà tôi chịu ngồi chờ như anh... thì đã sớm được tung trời cất cánh! Tôi vui sướng kêu to:

- Ô ê!

Hai người Bédouins giật mình đánh thót một cái nhìn tôi. Prévot rời họ và tiến lại một mình. Tôi mở rộng hai tay. Prévot nắm giữ cùi tay tôi, thế ra tôi suýt ngã? Tôi bảo:

- Hì hì, tuyệt đó!

- Gì?

- Máy người Ả Rập!

- Ả Rập nào?

- Những người Ả Rập ngồi đó, với anh!...

Prévot nhìn tôi một cách kỳ cục và tôi có cảm tưởng anh đang buộc lòng thổ lộ với tôi một chuyện bí mật khổ nhục nặng nề:

- Không có người Ả Rập nào cả...

Chắc hẳn lần này tôi sắp khóc.

**6**

Tại đây người ta sống được mười chín giờ không uống nước, và chúng tôi kể từ chiều hôm qua, chúng tôi đã uống được gì? Vài giọt sương buổi sáng. Nhưng ngọn gió Đông Bắc vẫn còn thổi luôn, nên cũng trì hoãn được chút ít cái thời hạn tối sầm, và chúng tôi chưa đến phải bốc hơi mà tan lìa thể phách. Ngọn gió của cũng là tấm đá ngăn cản, giúp cho thành tựu cuộc

tụ hội trên cao của những đợt mây trên trời. Mây ôi! Nếu mây cao hứng tạt về đây cho gần ta một chút, rồi đổ một trận mưa ngàn thu rót hội cho cùng! Nhưng có bao giờ mây về chịu mưa trên sa mạc.

- Prévot, ta lấy cái dù phi công cắt thành từng mảnh tam giác. Ta sẽ lấy đá chặn ba góc và dọc ba cạnh những mảnh kia cho chúng nằm lì trên mặt đất. Nếu gió không xoay chiều, thì sáng mai ta sẽ. Ta sẽ vắt các mảnh vải ấy ra cho giọt sương nó rơi vào trong cái thùng chứa xăng thì ta hứng lấy...

Chúng tôi căng hàng dài sáu tấm vải trắng đó dưới trời cao. Prévot phá một thùng chứa xăng ra. Chúng tôi chỉ còn ngồi chờ sáng.

Prévot có mò ra được đâu trong đồng mảnh vụn một trái cam kỳ ảo đi về. Chúng tôi chia nhau. Tôi choáng váng tê mê, nhưng một quả cam là bao nhiêu lắm, trong lúc chúng tôi cần hai mươi lít nước.

Nằm duỗi bên nhóm lửa đêm thân thiết, tôi nhìn cái quả nọ long lanh và thầm nhủ: “Con người ta chẳng hề hiểu trái cam là gì...”. Tôi cũng tự nhủ: “Chúng tôi chịu hiểm trong nguy cơ không thể nào thoát nổi, biết chắc chắn là như vậy mà vẫn không bỏ mất niềm hoan lạc thơ ngây. Nửa quả cam tôi cầm siết ở trong tay đang đem lại cho mình một nỗi vui lớn rộng, trăm năm đây là một trong mấy lần mình vui nhất...”. Tôi nằm duỗi ngửa thân ra, tôi hút từ từ như bé con bú sữa, tôi đếm trên trời những ngôi sao băng. Một phút này, tôi nghe mình tràn lan sung sướng. Và tôi tự nhủ nữa: “Cõi đời mà ta sống ở trong, cõi đời mà ta nằm ở trong mỗi tổ chức, ta không bị mắc nghẽn vào trong đó”. Chỉ hôm nay tôi mới hiểu được cái điều thuốc và cái cốc rượu Rhum của kẻ tử tù. Trước đây tôi không quan niệm được sao chàng ta lại chấp nhận cái chuyện khốn đốn nào nững kia. Thế mà chàng ta vẫn lấy làm vui khoái lắm. Người ta tưởng chú nọ can đảm nếu thấy chú mỉm cười. Nhưng chú mỉm cười là cười vui vì uống nên cốc rượu thú Rhum đây, ồ... Người ta không biết rằng chàng ta đã đổi nhãn quan trong viễn tượng, và chàng đã nằm trên cái giờ chung cục nọ mà làm nên đủ mọi cõi trăm năm.

Chúng tôi hứng được một mớ nước khổng lồ: hai lít có lẽ! Thôi là hết khát nước rồi! Chúng tôi thoát nạn rồi! Chúng tôi được giải cứu! Chúng tôi

sắp uống cho đời xem!

Tôi múc trong thùng chứa ra đầy một chén thiếc, nhưng thứ nước này sao mà màu vàng tươi pha lục, và hớp một ngụm đầu ôi thôi ghê tởm quá, quá vô chừng cho đến nỗi dù khát nước đến chết người, tôi nuốt vẫn không trôi, phải dừng lại nghỉ hơi rồi gắng nuốt cho vô lần nữa. Phải đâu tôi khó tính. Lúc này, gặp bùn hôi cũng uống hết, nhưng cái vị kim khí chứa cái chất độc giết người này, thì khát nước tới đâu cũng lắc đầu xin chịu.

Tôi nhìn Prévot. Anh dường xoay quanh, mắt trở nhìn sững xuống đất như đang chăm chú tìm tòi vật gì. Thành linh anh cúi gập người và nôn ọe, vẫn không ngừng quẩn quại xoay quanh. Nửa phút sau, tới lượt tôi. Gân cốt giật như cuồng, tôi quy xuống hai gối, mười ngón tay chỏi sâu trong cát. Chúng tôi không nói với nhau lời nào, suốt mười lăm phút, hai đứa chịu đọa đầy khốn đốn như vậy, chỉ còn nôn ọe ra một ít mật xanh.

Bây giờ đã xong. Chỉ còn thấy vương vấn buồn nôn nhẹ nhẹ. Nhưng chúng tôi đã mất đi niềm hy vọng cuối cùng. Tôi không biết bởi đâu mà rủi thế, đầu đuôi hỏng bét lại tại lớp sơn phết vải dù, hoặc tại lớp tétachlorure de carbone tụ ở đáy thùng chứa. Đáng nhẽ nên có một thùng chứa khác, hoặc thứ vải khác.

Thôi, trời sáng rồi, hãy vội vã lên đường. Chúng ta hãy liệu mà trốn gấp ngọn đồi yêu nghiệt điêu linh này, và bước nhanh, bước thẳng tới trước, cho tới lúc ngã quy thì thôi. Cái gương anh Guillaumet còn đó, tôi xin noi theo: tôi nghĩ tới anh rất nhiều, kể từ hôm qua. Tôi không tuân mệnh lệnh buộc phải tuyệt đối ở mãi bên cạnh phi cơ nát máy năm lì. Ai còn tới đây mà tìm kiếm chúng tôi nữa.

Một lần nữa, chúng tôi nhận thấy mình chẳng phải là kẻ lâm nạn chơi với. Kẻ lâm nạn chơi với là những kẻ đang đợi mong! Những kẻ đang bị hãm dọa bởi cái nguy cơ là: chúng tôi nín tiếng. Những kẻ đã chịu đọa đầy tan nát vì một nhâm lẫn gớm guốc đang lung trạo trần gian. Không thể không chạy nhanh về tiếp cứu. Guillaumet ngày thoát ra khỏi dãy Andes trở về, cũng từng bảo tôi rằng anh dường chạy tới tiếp cứu những kẻ lâm nguy! Đó là một chân lý thiên thu trong thiên hạ.

Prévot bảo:

- Nếu tôi sống một mình ở đời thì tôi sẽ nằm xuống tại đây.

Chúng tôi bước thẳng tới trước theo hướng Đông Đông Bắc. Nếu qua chúng tôi đã vượt quá sông Nil, thì mỗi bước tiến bây giờ mỗi đưa chúng tôi vào sâu thêm trong mù khơi sa mạc Ả Rập.

Tôi chẳng còn nhớ gì nữa về cái ngày hôm đó. Tôi chỉ nhớ bước đi hấp tấp của mình. Bước đi hấp tấp tới bất cứ cái gì. Bước đi hấp tấp tới chỗ đảo điên quy xuống. Bước đi hấp tấp tới khuynh đảo toàn sông. Tôi cũng còn nhớ đã bước đi cúi gằm đầu nhìn xuống đất, tránh ngó những ảo ảnh chập chờn trước mặt quá buồn nôn. Thỉnh thoảng coi lại địa bàn mà sửa hướng bước chân. Và tôi lúc nằm duỗi thân trên cát để thở chút ít. Tôi cũng đã quẳng mất đầu đó tấm áo cao su mang theo mình để mặc ban đêm. Tôi không còn nhớ gì thêm nữa. Những kỷ niệm lằng đằng chỉ tiếp nối được nhau là với bầu khí mát chiều hôm. Bỗng linh hồn lai láng. Thân thể mình nào có khác chi cát đầu, và tất cả trong thân mình đều theo nhau xóa mất.

Chiều xuống. Chúng tôi quyết định nghỉ chân. Mặc dù vẫn biết là cần phải đi, đi nữa: đêm nay không nước uống, là kết liễu cuộc đời. Nhưng chúng tôi có mang theo bên mình những tấm vải dù. Nếu chất độc không do sơn phết dù, thì rất có thể sáng mai chúng tôi được một phen uống nước. Cần phải căng rộng dưới bóng sao trời, phen này một phen nữa, mấy cái bẫy để bắt hột sương trời rơi xuống tự vòm cao.

Nhưng ở phương Bắc, bầu trời tối nay xanh quá, vắng bóng mây bay. Gió đã thay mùi. Gió cũng đã thay luôn phương hướng thổi. Hơi thở nồng nã của sa mạc đã đi về mò mẫm châu thân. Con thú dữ đã trở mình tỉnh giấc! Nó đương ôn tồn nhè nhẹ liếm bàn tay, khuôn mặt chúng tôi...

Nhưng nếu cứ miệt mài đi nữa, cũng không thêm được bao nả chặng đường. Mười cây số là nhiều. Từ ba ngày nay, không uống một giọt, chúng tôi đã vượt hơn một trăm tám mươi cây số...

Nhưng lúc dừng chân, Prévot bảo:

- Tôi thề với anh, đằng kia chính là một cái hồ đó.



- Anh điên rồi!

- Giờ này hoàng hôn rồi, đâu có lẽ còn ảo ảnh?

Tôi không đáp gì cả. Tôi đã nhất thiết chối từ không tin con mắt mình, nhất thiết từ lâu. Đó không phải là ảo ảnh, có lẽ, nhưng nếu vậy thì đó hẳn là cái hình hài trong cơn điên rồ được tạo. Làm sao Prévot còn dám tin?

Prévot vẫn bướng:

- Chỉ cách hai mươi phút, tôi phải tới xem...

Tôi nổi đóa:

- Cứ tới xem đi, cứ dạo cho mát ống chân và lá phổi đi... tốt lắm. Vệ sinh lắm đó. Nhưng nếu cái hồ của anh có thật, thì đó là hồ nước mặn. Nhớ cho điều đó nhé. Và mặn, hay ngọt, hay chua, nó là cái hồ của nhà ma cửa quỷ. Có hay không, cứ mà tìm tới, cho sáng hai con mắt ra.

Prévot hai mắt mở trân trân, đăm đăm nhìn, bước tới. Anh đã xa rồi. Ôi những quyển rũ tối thượng lôi cuốn hồ đồ kia, tôi biết lắm! Tôi ngời tôi nghĩ: “Cũng còn lắm kẻ mộng du bị “mụ” nào hấp dẫn, nhắm mắt lao mình vào dưới bánh xe lửa đương lăn”. Tôi biết là Prévot sẽ không trở lại. Cái cơn tình điên choáng váng nghe theo hư không nhiếp dẫn mà liều cuộc tử sinh! Anh sẽ bị mê hoặc, và anh sẽ không thể quay gót tháo lui. Và anh sẽ té xiêu tại một chốn gần xa đâu đó. Và anh sẽ chết phía anh và tôi sẽ chết phía tôi. Và thấy thấy những điều kia, thôi cũng chẳng chút gì quan trọng nữa!...

Tôi hờ hững đến thế sao? Đó là triệu chứng gì? Hẳn là chẳng tốt lắm. Chết đuối nửa chừng, tôi cũng đã có bạn thấy lòng dừng dừng như thế. Nhưng tôi lợi dụng sự bình thản phen này mà viết một thiên tuyệt bút để gọi là để lại mai sau. Tôi nằm dài lên cát, úp sấp hình hài. Lá thư tuyệt mệnh thật hay. Thật hào hoa trang nghiêm rất mực. Rất tràn đầy những khuyến cáo tốt tươi hiền nhân ai là chẳng! Đọc lại mà thấy mơ hồ khoái thích như tuổi trẻ kiêu sa. Mai sau thiên hạ đọc vào, sẽ bảo nhau rằng: “Đó là tuyệt vời một thiên tuyệt bút. Hời ôi! Người tao nhẽ đã vội ra đi! Cho hào hoa ngậm ngùi ở lại! Tiếc thay!”.

Tôi cũng còn muốn biết mình đã ra sao bây giờ. Tôi thử gắng đưa môi liếm miệng cho nước miếng tiết chút ra rằng: Từ bao nhiêu giờ tròn tôi không nhỏ bọt? Nước bọt khô cả rồi. Tôi không còn chút nước bọt nào nữa cả. Nếu tôi khép miệng lại thì một chất dẻo bít mất hai môi. Nó khô queo, khô quánh, đọng thành một vòm vỏ cứng bọc môi, không mở ra được nữa. Tuy nhiên, tôi cũng còn gắng nuốt trôi bọt xuống cổ một vài phen bở ngỡ. Và hai mắt cũng chưa đến nỗi đỏ đom đóm quáng lòa. Tới bao giờ lâm vào tình huống được ngó thấy cảnh tượng rạng ngời lấp lánh kia, ấy là giờ chung cục chỉ còn hai giờ diên trì thời hạn.

Trời tối. Vầng trăng đã nở nang tròn khuôn từ tối trước. Prévot không trở lại. Tôi nằm ngửa duỗi dài và nghiền ngẫm những sự hiển nhiên này. Tôi nghe thấy lại trong mình một cảm giác cũ xưa. Tôi tìm cách xác định. Tôi là... Tôi là... Tôi là cái kẻ đáp tàu[7]. Tôi lên đường sang Nam Mỹ, thì năm thế này nào có khác chi năm trên boong thượng đẳng của tàu rộng rãi sóng mà đi. Đỉnh cột buồm lắc lư ngao du ngang dọc, thung dung một cách(!) qua lại giữa ngàn sao. Tại đây quả có thiếu một cột buồm, dù sao tôi cũng là đương đáp tàu vậy đó, để đi về một phương trời cứu cánh, không còn tùy thuộc ở những gắng sức của thân tôi. Một bọn buôn hắc nô đã tóm lấy tôi, bó trói tay chân tôi mà quăng lên một con tàu.

Tôi nghĩ tới Prévot đi không quay về. Tôi chưa hề nghe anh than thở một lần nào. Tốt lắm đó. Nếu phải nghe anh than van, ắt là tôi không chịu đựng nổi. Prévot đúng là một con người.

A! Anh đang lắc đèn qua lại, ở cách tôi năm trăm thước. Anh lạc đường mất dấu! Tôi không có đèn bấm lên để đáp hiệu, tôi đứng dậy, tôi kêu to, nhưng anh không nghe tiếng...

Một ngọn đèn thứ hai bỗng thấy bật đỏ lên cách ngọn đèn Prévot hai trăm thước, rồi một ngọn đèn thứ ba. Thượng Đế Chí Tôn ơi! Cả một cuộc săn tìm tại đó, thiên hạ đang kiếm tôi đó.

Tôi gọi to:

- Ô ê!

Nhưng người ta không nghe thấy.

Ba ngọn đèn vẫn liên tiếp lấp lánh ra hiệu.

Tôi không điên, đêm nay quả thật tôi không điên, tôi cảm thấy mình khỏe khoắn minh mẫn vô cùng. Tôi rất yên bình thanh thản. Tôi nhìn chăm chú. Rõ ràng ba ngọn đèn ở cách tôi năm trăm thước.

- Ô ê!

Nhưng người ta vẫn cứ không nghe thấy tiếng tôi kêu.

Tôi bỗng hoảng hốt một cơn ngẫn. Nỗi kinh hoàng độc nhất từ đó về sau. A! Tôi còn có thể chạy được: “Chờ tôi với... Chờ tôi với!...”. Họ sắp quay gót đi nơi khác! Họ sắp đi xa, tìm kiếm ở một chốn khác, mà tôi thì sắp té nhào tại ngay ngưỡng cửa cuộc sống, chính vào lúc đương có những bàn tay mở rộng đón tôi!...

- Ô ê! Ô ê!

- Ô ê!

Họ đã nghe thấy rồi. Tôi ngộp thở, tôi ngộp thở nhưng tôi vẫn còn chạy mãi. Tôi chạy thương hương vừa dội lên tiếng “Ô ê!”, tôi nhìn thấy Prévot và tôi quy xuống.

- A! Lúc tôi trông thấy tất cả những ngọn đèn kia...

- Đèn nào?

- Quả thực, đèn nào? Prévot một mình trên cát.

Lần này tôi không cảm thấy tuyệt vọng, nhưng âm ỉ tức tối.

- Còn cái hồ nước của anh!

- Nó lùi xa thêm lúc tôi tiến tới. Tôi bước theo nó suốt nửa tiếng đồng hồ. Sau nửa tiếng đồng hồ, thấy nó quá xa. Tôi bèn quay trở lại. Nhưng bây giờ thì tôi càng tin chắc chắn rằng đó là một hồ nước...

- Anh điên rồi, tuyệt đối điên rồi. A! Tại sao anh lại làm thế... Tại sao?

Anh ta đã làm chi? Tại sao anh ta lại làm thế? Tôi tức quá trào nước mắt ra, và không hiểu tại sao mình tức quá. Và Prévot giải thích, bằng một

giọng nghẹn hơi, khản cổ:

- Tôi muốn tìm cho ra nước, muốn uống quá... môi anh bạc phếch cả rồi!

A! Cơn giận chột tan... Tôi đưa tay sờ qua trán như vừa chột tỉnh giấc, và cảm thấy rất buồn. Và tôi dụ dằng kể lại:

- Tôi có thấy rõ như anh thấy bây giờ, tôi có thấy rõ ràng ba ánh đèn, rõ rệt không thể nào nhầm được... tôi nói thật với anh là tôi quả thật có thấy ba ánh đèn thật, Prévot ạ!

Prévot lắc đầu im lặng. Sau cùng anh thú thật:

- Vâng, vâng. Hông cả rồi.

Đất bốc hơi nhanh, nguội đi rất chóng, giữa bầu khí khô khan không chất ẩm tại nơi này. Đã thấy lạnh vô cùng. Tôi đứng lên, và bước. Nhưng liền đó bỗng ré run lên như cây sậy, khó chịu dị thường. Máu trong mình mất hết chất nước, tuần hoàn quá khó khăn, băng giá u hàn thấm nhập vào thân, cái lạnh này không chỉ là cái lạnh của đêm thâu. Hai hàm răng chạm nhau lập cập, toàn thân tôi như giẻ giun run rẩy không ngừng. Đèn bấm có đó cũng bằng thừa, vì bàn tay lấy bấy chẳng bấm vào đâu được. Tôi vốn không bao giờ dễ cảm thụ cái rét, thế mà sắp phải chết vì rét, tác dụng của cái khát kể thật là mãnh liệt dị thường!

Tôi đã quăng đâu đó cái tấm áo cao su, vì mang theo mãi bên mình giữa trời nóng, đã mệt lả. Và gió bây giờ mỗi lúc mỗi trầm trọng lên cơn. Và tôi nhận thấy rằng trong sa mạc không làm sao tìm ra một nơi trú ẩn. Sa mạc phẳng lì trơn láng như cẩm thạch. Không có bóng cây gieo ban ngày, và ban đêm thì sa mạc xô ta trần truồng vào giữa gió. Không một nhánh cây, không một ngô trúc, không một giậu thừa, không một tảng đá lảng để nấp mình. Gió tấn công tôi, tha hồ mặc sức, như một đoàn kỵ binh trút đạn nơi trận tiền trống vắng. Tôi chạy quăng, chạy quàng vòng quanh để lẩn tránh. Tôi nằm nép xuống, tôi lại đứng vùng lên. Đứng hay nằm, dầm thân hay dấp thế, vẫn phó mình cho ngọn roi giá buốt mặc sức quất vào da. Tôi không thể chạy, tôi kiệt tận sức lực rồi, tôi không thể trốn tránh bọn sát

nhân và tôi quy xuống trên đầu gối, hai tay ôm lấy đầu nép mặt dưới kiếm đao!

Tôi nhận ra tình huống đó, một lát sau; tôi đứng lên, bước thẳng tới trước mặt, vẫn lập cập run hoai! Tôi hiện đang ở tại đâu? A! Tôi vừa ra đi, bỗng nghe Prévot gọi. Những tiếng kêu của anh đã thức tỉnh hồn tôi...

Tôi quay trở lại bên anh, thân mình vẫn lấy bẫy, hình hài vẫn khà khiêng động đậy từng cơn. Và tôi tự bảo: “Đây không phải do khí lạnh. Đây là do chuyện khác. Đây là chung cục”. Thân thể đã khô cạn chất nước quá nhiều. Tôi đã bước đi nhiều quá hôm kia, và hôm qua lúc đi một mình.

Chết bởi lạnh, điều đó, tôi rất đau lòng. Tôi thà mong còn ôm những ảo mộng bên trong. Cái thập giá kia, những người Ả Rập kia, những ngọn đèn nọ. Dù sao, những thứ đó cũng đương bắt đầu hấp dẫn, chứ sao! Tôi không thích phải phó mặc thân mình như một tên nô lệ dưới những lần roi túi bụi quất từng cơn...

Bây giờ tôi lại quỳ gối xuống.

Chúng tôi có mang theo một ít dược phẩm. Một trăm gam ê-te nguyên chất, một trăm gam rượu chín chục và một bình tăng-ti-dót. Tôi gắng uống vài ba ngụm ê-te. Thật không khác gì nuốt dao nhọn vào cổ họng. Và một tí chút rượu 90°, nhưng vẫn thấy cổ họng như tắc nghẽn.

Tôi đào một cái lỗ hổng trong cát, tôi nằm vào, và lấy cát phủ lên khắp mình. Chỉ còn khuôn mặt nhô ra. Prévot có tìm thấy một ít cọng cây khô, đem nhúm lửa, và lửa sẽ tàn đi, trong chốc lát. Thà chị lơ láo nện gót giày mà hơn. Anh lầm đó nhé.

Cổ họng tôi vẫn tắc nghẽn, triệu chứng chẳng lành gì, tuy vậy mà cảm thấy có dễ chịu hơn. Cảm thấy bình thản. Thấy bình thản nhiều, nhiều hơn những tưởng. Thật không ngờ. Thật có đâu dám hy vọng thế này. Dù muốn dù không, dù tôi cũng đương ra đi phiêu dạt du hành, tay chân ôn tồn trói chặt, nằm ở boong chiếc tàu mua bán hắc nô, đề huề sao, hời muôn sao ở trên trời có biết! Tôi đương bình an nhìn lên tự dưới. Nhưng chắc rằng... có lẽ... đã bình an thanh thản, thì ắt là không còn thống khổ chi nhiều...

Tôi không còn cảm thấy lạnh, chỉ cần một điều kiện là đừng có ngứa ngáy mà ngo ngoậy một thứ thịt nào đó ở trong mình. Thế rồi thì tôi quên luôn cái thân tôi ngủ yên trong lớp cát. Tôi sẽ không ngo ngoậy nữa, và như vậy sẽ không còn đau đớn nữa bao giờ. Và chẳng, và chẳng thì con người đau đớn có chi mô... Phía sau những bao nhiêu bứt rứt khổ lụy dày vò, còn có cuộc hợp tấu đề huề của từng cơn mỗi rui phối liệt với từng trận cuồng điên mê sáng. Và mọi vật bỗng đổi dạng biến thành những trang sách đầy hình ảnh hương màu, điều hòa theo nhịp những cuồng lưu, hơi đã man một chút, của những mộng thần tiên sự tích dào dạt trôi dòng... Phi hồng trường phát phi kiên. Ôi mùa tích lục phi tuyền lên cao... Thì mới lúc này, gió rượt đuổi thân tôi chạy đi như chết, và để tránh nó tôi phải quanh quất chạy vòng như con thú rừng bị hãm lạc, chết đuối cái cỏi lòng giữa tuyệt địa điêu linh. Rồi thở không ra hơi. Rồi hơi ra hỗn hển: như có một cái đầu gối dững mãi của quân thù đè cứng trên trái phổi của tôi. Một cái đầu gối. Và tôi vẫy vùng chống lại cái khối nặng ma quái thiên thần, yêu tinh tiên nữ. Tôi chẳng bao giờ cô độc trong sa mạc bơ vơ. Đồi bên đồng thuyền tung chường lực cảm cảm không o bông, không o bể. Tới bây giờ mới thấy đây, là thấy mình không còn tin ở bốn bể huyễn tượng, thì tôi rút lui về mình, khép mình lại trong lòng mình, khép mắt lại trong mi tôi, và tôi không còn rục rịch một chút xíu động đậy nào cả. Toàn thể cái thác lũ ngập tràn hình ảnh nó cuốn phăng, tôi cảm thấy cái đó thật rõ rệt, toàn thể cái thác lũ kia nó cuốn tôi về một cỏi mộng tĩnh mịch thanh bình: những dòng sông thiên thu chìm yên vui êm dịu vào trong lớp lớp điệp trùng của vạn đại biển khơi.

Vĩnh biệt thôi, hỡi anh em của đời tôi thương mến. Lỗi không tại tôi, nếu tấm thân con người không chịu đựng được nổi ba ngày không uống. Xưa, tôi không tin rằng mình lại là tên tù chung thân của giếng nước như thế. Xưa, tôi không ngờ mình chỉ còn có được ngần ấy vắn vủn thời gian tự do. Người ta tưởng con người ta có thể ra đi và bước thẳng tới được tự do... Người ta không nhìn thấy cái sợi dây kết liền mình vào giếng, cái sợi dây

kết liền mình vào bụng dạ là cội lòng của đất, kết liền như cuống rốn ruột rà. Nếu người ta cao hứng bước thêm một bước nữa, là chết.

Trừ ra mỗi đau khổ của các anh chị em, tôi chẳng còn chi để tiếc. Nói cho cùng thì tôi cũng đã lãnh cái phần hơn. Nếu một mai tôi trở về, ắt tôi sẽ bắt đầu làm hết trở lại. Tôi cần sống. Mà giữa những thị thành, thật chẳng còn cái đời sống của con người ta đâu.

Đây không phải vấn đề phi cơ, phi công hàng không, hàng khí, chi cả. Phi cơ, không phải là một cứu cánh, phi cơ là một phương tiện. Không phải vì phi cơ mà người ta liều thân vào sinh ra tử. Cũng như không phải vì cái cày, mà bác nông phu chịu lam lũ giữa ruộng nương. Nhưng bằng phi cơ, người ta bay xa lìa phố thị và rời bỏ được những kế toán âm u, và tìm ra trở lại một chân lý thuần phác nông điền.

Người ta làm một công việc của con người, và người ta biết những bản khoán tư lự của con người. Người ta tiếp xúc với gió, với sao, với đêm tối, với cát, với biển. Người ta tranh mưu đấu kế với những sức mạnh thiên nhiên. Người ta chờ bình minh như kẻ làm vườn chờ xuân lại. Người ta đợi bến yên nghỉ như một miền đất hứa, và người ta tìm chân lý cho mình trong tinh tú chơi vơi.

Tôi sẽ không phiền hà gì hết. Từ ba ngày nay, tôi đã bước đi, tôi đã chịu khát, tôi đã dãi theo những lối đi nẻo về trên lớp cát, tôi đã lấy giọt sương làm hoài vọng của mình. Tôi đã tìm cách đi về tiếp nối với đồng loại của tôi, đồng loại của tôi mà từ lâu tôi từng lãng quên không nhớ ra đâu là nơi họ cư trú trên Trái Đất. Và đó là những tư lự âu lo của kẻ sống. Tôi không thể không xem chúng quan trọng hơn cái sự vụ chọn một chiều một rập ca vũ một xem chơi.

Tôi không còn hiểu nữa những đám người trong những chuyến xe lửa ngoại ô, những con người vẫn tin mình vốn là người từ trước đến bây giờ đó vậy, và thật ra đã bị một áp lực nào mà chính họ không hề cảm thấy, bị một áp lực đẩy vào chỗ: bị dồn vào cái thế tự biến mình thành cái công cụ được sử dụng, để phẩm cách đời nặn theo. Những ngày Chủ Nhật vô nghĩa

tún mún lai rai của họ, họ đã đem những gì để nhét vào cho đầy ắp, những lúc họ hờn hờ tự do?

Một bận nọ, ở Nga, tôi có nghe người ta chơi bữa bãi nhạc Mozart trong một xưởng máy. Tôi có viết truyện ấy ra. Tôi có nhận được hai trăm lá thư chửi rủa. Tôi không oán trách gì những kẻ ưa thích nhất cái loại quán ca vũ lai rai tồi, để nghe nhạc hú hí như thiên lôi. Tôi trách những kẻ đứng chủ trương những quán ca vũ thiên lôi hú. Tôi không chịu chấp thuận cái việc người ta phá hoại cho “toi đâm” đời phế con người.

Tôi, tôi sung sướng trong nghề nghiệp tôi. Tôi cảm thấy mình đích thị nông dân của những bến trạm nghỉ. Trong chuyến tàu ngoại ô, tôi nghe thấy niềm tan rã giữa lòng mình, mỗi thống khổ tủi buồn còn thăm thăm khôn tả hơn tại đây. Tại đây, nói cho cùng, còn hào hoa lộng lẫy xiết bao!...

Tôi chẳng tiếc gì hết. Tôi đã chơi cuộc, tôi đã thua. Có chi đâu mà oán hối. Đó là trong lẽ hằng của nghề nghiệp, Nhưng, dù sao, tôi cũng đã hít vào phổi mình, cái trận gió trùng dương...

Ai đã một phen có nếm mùi gió nọ, sẽ không quên được cái vị nồng mật dịu dịu thường kia. Phải vậy chẳng ru, hỡi các bạn bè thân thuộc? Và nói vậy cũng phải chẳng là nêu ra cái việc nên sống theo cách điệu mạo hiểm cho gặp nguy biến đầy người. Cái lối nói đó thật là khoác lác kiêu kỳ. Cái dũng của bọn đấu bò, thật tôi không muốn. Cái tôi yêu chuộng, không phải là cái nguy hiểm nguy cơ. Tôi biết tôi yêu cái gì. Đó là sự sống.

Hình như trời sắp trắng ra. Tôi chìa một cánh tay ra khỏi cát. Một tấm vải dù căng ở ngay tầm tay, tôi sờ xem, nó vẫn khô ran. Chờ vậy, sương đọng lại lúc bình minh. Nhưng bình minh tới, trắng ở chân trời, mà không thấm ướt cho mấy tấm vải chúng tôi. Lúc đó những ý nghĩ của tôi trở nên lộn xộn chút ít và tôi nghe mình nói: “Tại đây có một trái tim khô... một trái tim khô... một trái tim khô không biết làm nên giọt lệ”.

- Lên đường thôi, Prévot! Cổ họng chúng ta chưa tắc nghẽn: còn phải bước đi.



Ngọn gió Tây vẫn thổi, ngọn gió Tây làm khô thân người trong chín giờ. Cuống họng tôi chưa kín nghẽn, nhưng khô cứng và đau đớn lắm. Tôi đã thấy chùng chùng rồi, một cái gì cò cựa, rít rít. Chẳng bao lâu nữa, sẽ khởi sự cơn ho, cơn ho tôi từng nghe người ta mô tả, và tôi đương đợi chờ. Lưỡi tôi, nghe thật khó chịu. Nhưng trầm trọng nhất, là tôi đã bắt đầu chớm thấy những chấm sáng long lanh. Lúc những chấm đó biến thành đỏ rực, là lúc tôi sẽ ngã thân nằm dài.

Chúng tôi bước nhanh. Chúng tôi lợi dụng chút mát trời ban sáng. Chúng tôi biết rằng lúc nắng lên tràn, thì như thiên hạ, chúng ta sẽ không còn bước đi bước đứng. Lúc nắng lên tràn... khi nắng lên trắng...

Chúng tôi không có quyền ra mồ hôi. Cũng không có quyền đợi. Cái khí mát này chỉ là khí mát của mười tám phần trăm chất ẩm. Cơn gió này đương thổi là cơn gió từ sa mạc thổi qua. Và, dưới cơn ve vuốt lừa dối và mơn man, thì máu trong thân chúng tôi bốc hơi thành khói.

Chúng tôi có ăn một ít nho ngày đầu. Từ ba ngày trời, có ăn một nửa trái cam và một nửa cái bánh bèo mật ngọt. Nếu còn chi đó nữa để ăn chơi, thì bóí đầu ra chút nước bọt để nhai, nuốt? Nhưng tôi không hề thấy đói một tí, chỉ thấy khát. Và tưởng chừng từ nay sẽ thấy, thấy hơn cả khát, đó là thấy những hiệu quả của cơn khát phiêu bồng. Cổ họng này cứng đờ như cờ đứng, không gió du. Cái lưỡi này nắn bằng thạch cao, hay kết tinh bằng chất vôi, tình đá? Cái cò ke khản khản, dây dưa rít rít này, và cái vị gớm guốc làm sao ở trong miệng. Những cảm giác đó rất mới lạ đối với tôi. Chắc hẳn nước sẽ làm dứt được những thứ này, nhưng tôi không có kỷ niệm nào để cho phép gán phương thuốc kia vào sự chữa chạy cho những cảm giác nọ.

Cái khát cứ trở cơn dần dà, để biến thành một chứng bệnh, và trở cơn mãi mãi để không còn là một nỗi ước ao. Cái bệnh cứ tăng tăng, cái thèm thường cứ bớt bớt. Cái ước ao cứ giảm giảm, cái chứng tật cứ gia gia. Cái đường qua thiên mộng càng thiên tấy giờ...

Tưởng chừng những giếng, những màu, những mật, đã bắt đầu mang lại những hình ảnh bớt nào nhân. Tôi quên đi, tôi quên mất cái màu cam phong nhụy rạng rỡ ban đầu, cũng như tôi dường quên lãng hết những ân tình tôi trút gửi, tôi trao. Ngõ ban sơ, hạnh hôm nào. Liễu yêu bài động mạn đào rã riêng. Hương sâu điệp điệp mao quyên. Hai người con gái tự tiền kiếp sinh...[8]

Thôi rồi, tôi đã quên, quên hết rồi, có lẽ...

Chúng tôi ngồi lại, nhưng lại phải đi. Chúng tôi từ bỏ những trường đình, viễn độ. Sau năm trăm thước lết bết bước đi, chúng tôi rã rời ngã lăn ra cát. Cảm thấy một niềm vui bát ngát được đuổi dài lưng ra. Nhưng lại phải đi.

Phong cảnh đổi. Đá dọc đường thưa bớt, cách bức thêm.

Bây giờ chúng tôi bước đi trên cát. Cách hai cây số, tại trước mặt chúng tôi là những đụn gò. Trên những đụn gò kia, vài chấm xanh cây lè tè lốm đốm. Cái lớp giáp sắt đen sì, tôi vốn không thích nó bằng màu cát. Đó là màu sa mạc hồng vàng. Màu Sahara hồng tía. Tôi tưởng nhận ra rồi, ồ sa mạc...

Bây giờ thì chúng tôi kiệt sức, cứ mỗi hai trăm thước chân đi.

- Cũng gắng mà bước đi, ít ra là tới cái cụm cây bé bỏng lưa thưa kia, dù sao chẳng nữa.

Đó là giới hạn tuột cùng. Tám ngày sau, chúng tôi sẽ có dịp dùng ô tô mà xét lại, lúc noi dấu mà lần mò tìm trở lại chiếc “Simoun”, mới hay rằng cái cố gắng cuối cùng kia là cố gắng tới tám mươi cây số. Thế thì chúng tôi đã đi đủ trong hai ống chân mình gần được hai trăm cây. Làm sao còn có thể tiếp tục?

Hôm qua, tôi đi không hy vọng. Hôm nay, những tiếng nọ đã mất trụ hết ý nghĩa. Hôm nay chúng tôi bước đi là ấy bởi bước đi. Bước đi là bởi vì đi bước. Hẳn cũng hết là bò cày trên ruộng. Hôm qua tôi mộng ước những Thiên Đường cam mọc. Hôm qua tôi mơ tưởng những đào nguyên suối chảy. Nhưng hôm nay, đối với tôi, không còn cái gọi là cái đào nguyên thiên đường. Tôi không còn tin ở sự tồn tại đâu đó những trái cam.

Tôi không thấy gì hết cả. Tôi chỉ duy có thấy ở trong mình, là duy chỉ không một cái chi chi, ngoài cái đồ sộ của khô cần tim máu. Tôi sắp té nhào, và tôi không biết tới tuyệt vọng. Tôi cũng chẳng biết khổ đau là cái gì. Tôi rất tiếc: nỗi sầu đau, nếu còn cảm thấy, ắt sầu đau sẽ là một cái gì êm dịu và ngọt như nước. Người ta thương hại cho phận mình, người ta cảm thương mình như một người bạn. Nhưng tôi không còn có bạn nữa ở cõi đời này.

Người ta sẽ tìm thấy tôi, người ta sẽ ngó vào mắt tôi thấy nó cháy bỏng, người ta sẽ tưởng rằng tôi đã có kêu gọi nhiều, đau khổ lắm. Nhưng những hăm hở, những những tiếc thương, những những sầu đau êm ái, đó vẫn là những kho phong phú, những giàu sang của cái. Còn tôi, tôi chẳng còn gì là của cái nữa. Những nàng gái tươi, gặp cơn chiều của ân tình đầu tiên trở chứng, các nàng nếm mùi sầu khổ, và khóc than. Sầu khổ dính liền với những nhiệt tình tồn sinh run rẩy. Còn tôi, tôi không có nữa những khổ sầu.

Sa mạc, là tôi. Tôi không còn tiết ra nước bọt, nhưng tôi cũng không còn ngay cả cái tiết ra và cấu tạo những hình ảnh êm ái để hướng về mà có thể năn nỉ than van. Mặt trời đã thiêu nướng mất nguồn lệ ngọt ở trong tôi.

Thế tuy nhiên, tôi vừa chớm có thấy cái chi thế? Một luồng hy vọng dậy cơn trào lớt qua tôi như một trận lãn tăn trên trùng dương gợn bọt. Đó là dấu hiệu gì? Dấu hiệu gì vừa mới cấp báo linh tính tôi, trước khi đập vào tâm thức tôi như thế? Không một chút gì đã thay đổi, mà mọi sự đã đổi thay. Phải không? Mặt cát phẳng lì này, những gò đồng mấp mô này, những cụm cây lưa thưa lục nhạt nọ, không còn kết thành một phong cảnh nữa, mà đã trở nên một cảnh trí. Một cảnh trí còn trống không, nhưng hoàn toàn được soạn sửa. Được sắp đặt tròn khung. Như giang san chờ đợi. Tôi nhìn Prévot. Anh ta cũng đang cơn chấn động kinh ngạc như tôi, nhưng anh cũng không hiểu sao ra sao cả về cái niềm hưng khởi đột ngột ở trong mình.

Tôi thề với anh là sắp có xảy ra một cái gì tại đây tại đó.

Tôi thề với anh là sa mạc đã xao động linh hồn. Tôi thề với anh là cảnh vắng vẻ tịch liêu này đã đột nhiên tha thiết gây muôn vàn cảm xúc yêu

đương, xao xuyến hơn mười trận huyền não tại công trường.

Chúng tôi được giải cứu. Trong sa mạc đã có bóng vang gì!...

A! Chúng tôi đã lạc nẻo đánh mất lối đồng loại đi về, chúng tôi đã bị gạt rơi ra ngoài vòng bộ lạc, chúng tôi đã chịu mười phen cô độc giữa cõi trần, bị bỏ quên bởi một cuộc mênh mông điệp trùng di trú, và bỗng nhiên bây giờ chúng tôi nhận thấy ở bên mình, tạc trên cát, lõm vào sâu, những bàn chân ghi chép dấu hiệu huyền ảo của con người.

- Nhìn đây, Prévot, tại đây hai người đã chia tay...

- Tại đây, một con lạc đà có quỳ gối xuống...

- Tại đây...

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn còn chưa được giải cứu. Chờ sông, chưa đủ. Trong vài giờ nữa, người ta sẽ không còn có thể giải cứu được chúng tôi. Cái bước đi của cơn khát, một phen cơn ho đã bắt đầu, bước đi của cơn khát, nó quá nhanh. Và cổ họng chúng tôi...

Nhưng tôi, tôi tin tưởng ở cái đoàn người, đoàn người đang đong đưa nhịp bước đầu đó, trong sa mạc này.

Chúng tôi vậy là còn bước đi, và hốt nhiên tôi nghe tiếng gà gáy. Guillaumet từng có bảo tôi: “Vào khoảng cuối, tôi nghe tiếng gà gáy trong non núi Andes. Tôi cũng có nghe những đường hỏa xa xe lửa chạy...”.

Tôi nhớ lại câu chuyện anh kể đó, chính vào cái lúc con gà nọ gáy lên, và tôi tự bảo: “Đầu tiên, chính con mắt tôi nó phình phờ tôi. Đó chắc là tại tác dụng của cơn khát. Tại tôi chịu đựng bền bỉ hơn...”. Nhưng Prévot nắm chặt cánh tay tôi:

- Anh có nghe chứ?

- Nghe gì?

- Con gà gáy!

- Thế thì... thế thì...

Thế thì, chú ngọc ôi, chắc chắn đứt đi rồi, thế thì đó là sự sống...

Tôi còn bị một ảo ảnh cuối cùng: ba con chó đuổi nhau. Prévot, Prévot cũng có nhìn, Prévot không thấy chi hết. Nhưng chúng tôi là hai đứa đã cùng song song đưa rộng cánh tay về một người Bedouin đó. Chúng tôi là hai thằng cả hai cùng song song hai miệng một lời gào lên hết bao nhiêu hơi mồn trong tàn rơi lá phổi. Chúng tôi là hai đứa cả hai đủ hai thằng đầy ngập tiếng hạnh phúc cười ra!...

Nhưng giọng chúng tôi không đủ dội xa ba mươi thước. Dây gân trong cổ họng và miệng mồm đã quá khô. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau không ra thành tiếng, đã tắt nghẽn cả lời, mà nào có nhận biết đó ra đâu!

Nhưng người Bedouin kia và con lạc đà của anh, vừa hiện hình ra từ phía sau gò cồn nọ, coi kìa, đã lững thững, chậm chạp, đi xa. Có thể rằng anh ta đi một mình, không còn ai nữa... Một hung thần oan nghiệt đã xui khiến anh ta tới gần cho chúng tôi ngó thấy, rồi xô mất bóng anh ta đi...

Mà chúng tôi thì không làm sao, cho ống chân chạy được nữa.

Một người Ả Rập khác từ trên đụn gò, trắc diện nhô ra. Chúng tôi gào lên, nhưng lời câm không ra tiếng. Chúng tôi tởm tá đưa tay khoát rối bời, có cảm tưởng như mình đương vẽ ngập vào vòm trời những dấu hiệu mênh mông. Nhưng người Bedouin kia vẫn nhìn về bên phải...

Và tới bây giờ, anh chậm rãi xoay đầu thêm một chút rất thong dong. Chỉ trong một giây vàng hiếm động, anh chớm sẽ nghiêng mình xoay mặt thêm chút nữa, thì trời đất sẽ thành tợ song song. Vạn vật sẽ vuông tròn viên mãn trong một thoáng phiêu bồng chợt ngẫu nhĩ ra hoa: hết khát hết đói, hết chết, hết ảo ảnh, hết hết. Một chút xoay nghiêng, càn khôn biến thành vũ trụ. Chỉ cử động một nửa thân hình, chỉ đạo mắt một cái đưa quanh, là anh tạo ra đời sống, và trông anh như một đấng thần linh...

Nhiệm màu đã tới... Anh đạp cát đi lại phía chúng tôi, như một thiên thần bước trên mặt biển...

Người Ả Rập giản dị nhìn chúng tôi. Anh đưa tay ấn vào vai chúng tôi, chúng tôi vâng lời. Chúng tôi nằm xuống. Tại đây không còn chúng tộc,

không còn ngôn ngữ, không còn phân chia... Chỉ còn có người du mục nghèo kia đã đặt lên vai chúng tôi hai bàn tay thiên sứ.

Chúng tôi chờ, úp trán lên cát. Và bây giờ chúng tôi nằm dài, bụng đè trên bãi, hụp đầu vào chậu nước mà uống như nghé bò con. Người Bedouin thấy vậy và hốt hoảng buộc chúng tôi mỗi lúc uống, mỗi lúc dừng. Nhưng anh vừa buông tay, chúng tôi lại hụp đầu vào chậu nước trở lại.

Nước!

Ồ nước ạ, người không vị, không màu, không mùi hương, không ai xác định được người có nghĩa là gì, người ta thưởng thức người và không biết người ra sao. Người không cần thiết cho sự sống: người là sự sống. Người đem lại một khoái cảm dị thường không thể giải thích bằng giác quan, người diu du khoái về cho thấm nhập vào thân thể chúng ta. Cùng với người, bao nhiêu quyền uy được giao trả lại cho chúng ta, những quyền uy mà chúng ta đã đành lìa bỏ. Nhờ lượng người bao dung, bao nhiêu nguồn suối cạn của buồng tim bỗng dạt dào trở lại.

Người là của cải to lớn nhất thế gian, và cũng mỏng manh lãng đãng nhất, người thanh khiết thế nào ở giữa dạ trái đất của chúng ta. Người ta có thể nằm chết bên cạnh một ngọn suối nước có hàm chất khổ thổ. Người ta có thể nằm chết bên một cái hồ nước mặn. Người ta có thể chết với hai lít nước sương có lẫn lộn vài chất muối. Nước ạ, người không bằng lòng chịu pha lẫn, người không chịu đựng sự biến chất, người là một Tổ Nga băng tuyết rất mực ngại ngần.<sup>[9]</sup>

Nhưng người chan rưới tràn lan trong chúng ta một nguồn vui đơn sơ bất tuyệt.

Còn anh, anh Bédouin xứ Libye, anh đã giải cứu chúng tôi, nhưng anh sẽ vĩnh viễn phai mất hình ảnh trong ký ức chúng tôi. Tôi sẽ không bao giờ nhớ lại gương mặt anh. Anh là con Người, và anh hiện ra với gương mặt tất cả những con người cùng trong một lúc. Anh chẳng bao giờ nhìn rõ mặt chúng tôi, nhưng gặp một lần anh đã nhận ra được chúng tôi rồi. Anh là

người anh em thân thích. Và tới lượt tôi, tôi sẽ nhận ra anh trong gương mặt tất cả mọi người.

Anh hiện ra với chúng tôi trong phong độ lai láng cao vời, và bao dung nhân hậu, như một đấng Chí Tôn và có quyền lực ban cho nước uống. Tất cả bạn hữu của tôi, tất cả kẻ thù của tôi, cùng bước tới bên trong hình hài của anh, và tôi không còn một kẻ thù nào ở thế gian này nữa cả.

## VIII: NGƯỜI TA

### 1

Một lần nữa tôi tới sát mép một chân lý mà tôi không hiểu được. Tôi đã tưởng mình lâm vào tuyệt địa, tôi đã tưởng mình chạm tới chỗ tận cùng tuyệt vọng và, một phen chấp nhận chịu khước từ không màng gì nữa hết, thì tôi đã rõ được lẽ thanh thản yên vui. Tưởng chừng như trong giờ phút đặc thù đó, người ta chợt khám phá ra chính mình, và người ta trở thành bạn thiết của chính mình. Không có gì có thể chiếm ưu thắng trước cái niềm viên mãn sung thiêm, đáp ứng mọi đòi hỏi cốt yếu, một nhu cầu thiết thân nào đó ở trong ta, mà bấy lâu nay ta không để bụng quan hoài. Bonnafous, tôi thiết nghĩ, Bonnafous từng lãng phí thân mình trong những cuộc theo đuổi bóng vang mây gió, Bonnafous đã thâm cảm niềm bình thản thanh thoát kia. Guillaumet phiêu bồng trong tuyết giá, cũng thâm cảm nỗi niềm đó. Còn tôi, tôi làm sao quên được cảnh huống mình. Làm sao quên được rằng một phen lấp thân trong cát tới tận mang tai, một phen suýt chết vì khát nước, mà còn cảm thấy máu tim ấm cúng êm đềm túc mục đến thế dưới vòm sao vây phủ?

Làm thế nào giúp cho niềm phơi phới nọ có được dịp phi dương? Mọi sự trong con người đều bao hàm mâu thuẫn, ai cũng biết thế. Người ta bảo đảm cơm nước cho anh chàng nợ để anh rảnh rang sáng tác, thì anh ta lại ngủ khì; kẻ anh hùng chinh phục chiến thắng rạch đôi sơn hà xong, bỗng đâm ra nhu nhược mềm dẹt như hồn đàn bà; kẻ hào hoa phóng dật, nếu được ban cấp của cải giàu sang, lại đổ ra bo bo biển lận. Những chủ nghĩa chính trị, tin quyết là mình mở lối khai hóa tốt tươi cho con người, những chủ nghĩa li bì kia, đối với chúng ta thật chẳng có chi cần ích liên can cả, nếu tự ban đầu ta chẳng biết cái loại người nào sẽ được khai hóa tốt tươi ra. Kẻ sắp nảy nở là ai? Chúng ta không phải một bầy mục súc cần nuôi cho đông đảo để ăn thịt hoặc để lấy phân, hoặc để lừa vào đôi sim mà thần thờ bá láp, và sự xuất hiện của một Pascal bần cùng lại nặng ý nghĩa hơn ba kẻ lai rai lừa bò hoặc chăn dê thịnh vượng.



Cái cốt yếu, cái anh hoa, cái tường vi hương tím, cái kỷ độ phát tiết phiêu bông, đố ai dám biết mình tiên đoán được cho ru! Mỗi kẻ trong chúng ta đều có rõ những niềm vui lừng vai phở chí, những nỗi sướng chấn động khe em, ấm cúng tại chính cái chốn cái nơi mà không có gì của ban sơ dám lên lời hẹn ước sẽ mai sau là tổ vọng tự ban đầu. Những niềm trước vui sướng đó còn lưu lại trong ta xiết bao ngậm ngùi tiếc thương tư tưởng mãi, những cựu tình vàng sự bốc ô hình, những vân yên về sau sâu bến cũ, những thứ đó lung trạo đến thế nào mà xui ta nhớ nhung tới cái độ yêu dấu luôn cả những khốn đốn vô ngần ta phải chịu, nếu những khốn đốn nọ giúp ta thâm góp được những vui kia. Chúng ta đũa nào cũng đều có khoan khoái lạ thường lúc gặp lại những thằng bạn cũ, mà thấy lại những diễm kiều huyền ảo của những kỷ niệm tồi tàn.

Chúng ta biết gì đâu, ngoài cái điều: có những điều kiện khôn hiểu gây mạch đời dào dạt cho chúng ta. Chân lý của con người nằm tại đâu như vậy?

Chân lý không phải là cái gì có thể minh giải, minh thị, biểu minh được. Nếu trong đám đất này chứ không trong đám đất khác, cây cam đâm rễ mạnh và kết trái nhiều, thì đám đất đó là chân lý của cam. Nếu tôn giáo nọ, nếu văn hóa nọ, nếu giai độ giá trị nọ, nếu thể thức hoạt động nọ, chứ không phải thể thức kia, giai độ văn hóa tôn giáo kia, giúp cho nảy nở viên mãn trong con người ta nổi sung thiêm lai láng vuông tròn, và giải phóng được trong mình con người ta một vị lãnh chúa lộng lẫy vốn không tự giác được chính mình từ trước, thì quả thật cái giai độ giá trị nọ, cái văn hóa dưỡng dục nọ, cái thể thức hoạt tồn nọ, chính là cái chân lý của người ta. Còn luận lý học? Thôi xin nàng luận lý học hãy cứ liều liệu mà xoay xử để mài miệt biện minh cho đời sống đó nhé.

Suốt tập sách này tôi có kể một vài kẻ trong cái số người dường có nghe theo tiếng gọi của khuynh hướng tối thượng, đã có chọn sa mạc hoặc hàng không, cũng như những kẻ khác ắt có chọn cống vào tu viện; nhưng tôi chỉ vi bội mục đích của tôi, nếu tôi đã tỏ ra có vẻ như muốn nhiếp dẫn các bạn

hãy tán tụng trước tiên là những con người. Cái đáng tán tụng trước tiên, ấy là cái mảnh đất làm căn cứ thiết lập nên những con người vậy.

Hắn là khuynh hướng có đóng một vai trò. Có kẻ khép mình trong quán hàng. Có kẻ khẩn thiết bước theo con đường của mình một cách tuyệt đối thiết tha, theo một hướng đi tối yếu: trong lịch sử tuổi thơ của những kẻ nọ, ta tìm thấy trở lại những manh nha của niềm hưng phấn khả dĩ mình giải được định mệnh nào của họ đã nhiếp dẫn họ đi theo. Nhưng Lịch Sử, được nhìn thao láo về sau, lúc mọi sự đã thành tựu rồi, Lịch Sử lại gây ảo tưởng lẫn thẩn. Bởi rằng những hưng phấn, hăm hở nói trên, ta có thể tìm nhận thấy ra nơi hầu hết mọi người. Chúng ta đều có biết những anh chàng bán quán, nhân một đêm nào có bão giông đắm thuyền, nhân một đêm nào có hỏa hoạn, bỗng dưng anh chàng lai rai nọ đột ngột trút bỏ bản chất bê bết đi, và hiển lộ ở trong vòng những hào quang lộng lẫy: anh chàng tỏ ra cao cả hơn chính mình. Và anh chàng cũng không lằm về tính chất niềm sung mãn thiêm tức của anh: đêm đắm tàu, đêm hỏa hoạn kia, sẽ mãi mãi là cái đêm vô song của đời anh. Nhưng vì thiếu những cơ hội mới, thiếu đất thuận lợi, thiếu tôn giáo nghiêm mật yêu sách, những anh chàng lại ngủ khì trở lại, kê đầu trên gối mộng mà vắng bóng chiêm bao, và quên, quên tuốt, không còn tin tưởng nữa nơi tinh thể hoằng viễn của chính mình. Quả thật, khuynh hướng quả có giúp cho con người tự giải thoát: nhưng cũng cần làm sao để giải tỏa cho những khuynh hướng được nảy hột vọt ra.

Đêm thình không, đêm sa mạc... là những cơ hội ngẫu nhĩ hiếm hoi, không đi tràn lan tới để hiển thân mình cho mọi người thiên hạ. Ấy tuy nhiên, lúc cảnh huống giập giàng về não động, thì tất cả mọi người cùng biểu thị lai láng những nhu cầu xao xuyến như nhau. Tôi không đi xa đề tài, nếu đem kể lại đây một đêm tại Tây Ban Nha đã thức tỉnh cho tôi nhìn vỡ lẽ ra sự vụ nọ. Tôi đã nói quá nhiều về một vài kẻ riêng tây, và bây giờ tôi muốn nói về mọi kẻ.

Chuyện tại mặt trận Madrid, tôi tới viếng với tư cách phóng viên. Tối hôm đó, tại một cái hầm trú ẩn, tôi dùng bữa với một vị đại úy trẻ.

Chúng tôi đang trò chuyện thì điện thoại reo. Đối thoại kéo dài: một cuộc tấn công do bản doanh truyền lệnh, một cuộc tấn công phi lý nào nùng, tuyệt vô hy vọng, quyết chiếm lấy vài căn nhà thuộc vùng ngoại ô thợ thuyền, đã biến thành những pháo đài xi măng. Viên đại úy nhún vai và quay trở lại bảo: “Những đứa nào trong bọn chúng ta sẽ thò đầu đi tiên phong...”, rồi anh ta đẩy hai ly cô-nhắc lại, một cho viên đội đang ngồi tại đó, và một cho tôi. Anh bảo viên đội:

- Anh ra trước hết, với tôi. Uống đi, rồi ngủ một trận nhé.

Viên đội đã đi ngủ rồi. Quanh chiếc bàn ấy, chúng tôi mười hai người cùng thức. Trong căn phòng kín bưng ấy, không một tia sáng lọt ra ngoài, ánh chói gay gắt quá, khiến tôi nháy nheo mãi hai mắt. Tôi đã có dùm liếc ra ngoài một cái, trước đó năm phút, qua một lỗ hở ẩn kín ở trong vách tường. Vén tấm vải che cái lỗ hở nọ, tôi nhìn thoáng ra ngoài thấy dưới bóng trăng rờn rợn khí u cốc, những căn nhà hoang phế như nhà ma mời quỷ đi về. Lúc đặt mảnh vải trở lại trên cái lỗ hồng đã dùm xong, tôi có cảm tưởng như mình đã lau chùi giúp ai cái ánh vàng của chị nguyệt, như lau chùi một vệt dầu loang lai láng. Cho tới bây giờ, tôi vẫn còn giữ gìn trong hai mắt cái hình ảnh những pháo đài rờn rợn lục pha lam.

Mấy anh lính này chắc hẳn sẽ đi không mong kỳ hậu hội, nhưng họ làm thình theo tiết tháo thói nhà. Cuộc tấn công này cũng là theo lẽ hằng nghề nghiệp. Quân mạc tiểu... Người ta thò tay hốt một nắm ở trong cái kho người dự trữ. Người ta thò tay vốc một nắm ở trong cái vựa thóc tích tụ tháng ngày. Người ta đưa tay gieo hạt, vãi giống, cho rớt vào đường xé ruộng nương, mai sau mọc mạ.

Và cô-nhắc bây giờ cũng là bồ đào mỹ tửu thiên thu, thì chúng tôi xin uống. Bên phải tôi, người ta lạo xạo đánh cờ. Bên trái tôi, người ta gieo câu nói rờn. Tại đây tôi ở chốn nào? Thế ru? Một chàng lướt khướt cơn tình cơn say mò mẫm bước vào. Anh đưa tay ve vuốt chòm râu rậm rì hi hữu, và đưa hai con mắt cợt lạn như mơn trớn chúng tôi. Làn sóng mắt lướt trên ly

cô-nhắc, lơ lửng ngó lơ đi, lại trở về vuốt ve cô-nhắc, xoay một cái, đập vào thân đại úy, rất mực vôi vĩnh van nài. Đại úy âm ỷ cười ngầm, hoang vu một cách. Anh chàng chớm dậy cơn hy vọng mê ly, cũng nhoẻn miệng cười theo, hoang vu một cách. Một trận phiêu bồng mìm miệng đã lan tràn lung trạo khắp mặt cô bác đương hiện diện bà con. Đại úy khẽ dịu dàng kéo lùi chai yếu điệu, làn mắt anh chàng chợt trở cơn ra trò tuyệt vọng, một trận hú tùm lất lây thơ đại đã động tình mở còi ra phơi, tịch mịch khinh khiêu, im lìm vũ lộng, chập chờn trong xiết bao làn khói thuốc vờn lên, trong mồn hao vợi tàn đêm trắng lậu, trong hình ảnh sắp đi về trấu lạng lẽ của chiến trận ngày mai, ấy đó là mơ? Ấy chiêm bao là mộng.

Và chúng tôi chịu chơi trong cuộc, khép kín còi mình rất ấm trong cái hầm tàu phiêu dạt đương trôi, trong khi ngoài kia hốt tung, hốt hăng, những tiếng nổ ròn gia bội như cơn sóng từng đợt đập trùng vỗ trên mặt biển khơi.

Những người kia chốc nữa sẽ trút sạch lầu lầu những mồ hôi hiện đại, những tơ tưởng bồ đào cô-nhắc trì diên, những nhớ bản bám đầy thân trong chờ đợi, giữa những cơn nước hòa hoa đổ quán của canh trường chiến trận đêm thâu. Tôi cảm thấy họ tới sát mép bờ của thuần thanh thánh thiết. Nhưng còn một khắc nào chậm rãi, thì cứ ở lại nấn ná thông dong nhảy cờn cho kéo dài tới đâu cơn nhảy thì tới đó nhảy cơn cái vũ khúc mê ly của gã say tình rượu, trút bình nốc chén, thù tạc chiêu đấm. Và đuổi theo cho tới chỗ kiệt cùng của đuổi theo, cái cuộc cờ kỳ tuyệt trên vạn lý biển dâu. Họ kéo dài ra cái cơn sống cuộc đời nhứt thì thiên tải, được chút nào có thể, thì được chút đó thể hiện ra. Nhưng họ đã lên giây cái đồng hồ đánh hiệu nó ngự tròn trên một cái giá kệ chơi vơi. Đồng hồ sẽ điểm chuông. Thì bọn người kia sẽ đứng lên, vờn mình, nai nịt. Đại úy sẽ vớ khẩu súng lục trúc mai ái giắt vào mình. Rượu hết men rồi. Tỉnh táo chứ. Chàng rượu dứt áo với thiệp men. Và mọi người sẽ chậm rãi nối đuôi nhau theo con đường du lang lải lải giôn lên thông dong ghé lại như dạn dò rất mực với một mảnh xanh ngần hình chữ nhật hương lừng chị nguyệt bích liên thiên. Họ sẽ nói vài cái đơn sơ như: “Tấn công cà gặt... Chiến địa chết bằm... Tiền tuyến

toi đâm...” hoặc “Cái rét chịu chơi... Gió sầu tay tổ”. Rồi các cha nội sẽ phóng âm ra xông tới.

Đến giờ, tôi chứng kiến cơn tỉnh giấc của viên đội. Anh nằm ngủ duỗi dài trên một chiếc giường sắt, giữa những đống vôi gạch đổ nát trong một xó căn hầm. Tôi nhìn anh nằm ngủ. Tôi tưởng mình cũng có biết cái hương vị của giấc ngủ kia không khắc khoải không hoang mang, nhưng bình yên hạnh phúc làm sao! Nó xui tôi nhớ lại cái ngày đầu tiên trong sa mạc Libye, Prévot và tôi, mắc nghẽn giữa trời, không nước uống, mắc nghẽn giữa cát nghe hiểm họa trùng trùng, và trước khi cơn khát trở nên quá điêu linh, chúng tôi vẫn còn có thể ngủ được một lần, chỉ một lần thôi hai giờ thẳng giấc. Lúc nhắm hai con mắt lại, khởi sự vào giấc ngủ, tôi đã có cảm tưởng mình sử dụng một quyền hành kỳ diệu: quyền khước bỏ thế giới hiện hữu. Làm chủ một tấm hình hài chưa lên cơn nao động, còn để tôi túc mục yên bình, đối với tôi lúc đó, một phen đã vùi đầu trong hai cánh tay rồi, thì chẳng còn cái gì phân biệt chia xa cái đêm của tôi với một đêm hạnh phúc.

Cũng vậy, viên đội nằm khoanh tròn mà ngủ, không ra dạng hình người, và lúc những kẻ vào gọi anh dậy đã thắp một ngọn nến lên và cắm nó vào một miệng chai, thì thoát tiên tôi chẳng biện biệt được cái gì ra cái gì đương nhô lên khỏi cái đống lù lù vô dạng, trừ ra đôi giày lính. Đôi giày thật bự, có đóng đinh, bọc sắt, đôi giày của người lao công hay của người phu khuân vác ở bến tàu.

Anh chàng này mang nơi chân những khí cụ làm việc, và tất cả mọi thứ trên thân anh cũng toàn là khí cụ: bao đạn, súng lục, giày da, nịt lưng. Anh mang đủ yên cương, giùm, ách, đầy đủ các mã cụ của một con ngựa cày bừa. Tại Maroc, nơi những hầm sâu, ta thường thấy những con ngựa mù kéo cối xay. Tại đây, trong cái hầm này, dưới ánh le lói lắt lay đỏ nhạt của ngọn nến, người ta cũng đang đánh thức một con ngựa mù để xô nó vào cuộc phiêu bồng với tiết điệu cối xay.

- Hép! Thầy đội ơi!

Thầy đội rục rịch thong dong, lò gương mặt còn ngái ngủ ra một chút, miệng lẩm bẩm chẳng rõ nói chi. Nhưng lại xoay trở vào tường, không

muốn tỉnh giấc, còn muốn rúc sâu vào trong đáy thẳm của giấc ngủ như rúc vào trong cối bình an bụng mẹ, như lặn xuống đáy nước sâu hang, hai nắm tay loay hoay mở khếp như bầu vào một cục rong rêu đen sì đong đưa tròn xinh đầu đố ai biết, để ghì thân ở lại đáy luân trầm. Thôi đành phải gỡ ngón tay chàng ra vậy. Chúng tôi ngồi lên giường anh, một người nhẹ đưa cánh tay luồn dưới cổ anh và mỉm cười nâng cái đầu nặng như thiên lôi nọ. Thật cũng có bề êm dịu giống như trong ấm áp chuồng ngựa cái cảnh tượng dịu dàng của đôi lứa ngựa cụng đầu vào cổ nhau cho cọ cọ. “Ê! Anh bạn!”. Trong đời tôi chưa hề thấy gì thân ái như thế. Viên đội gắng một lần cuối để trở vào trong những cơn mộng vui tươi của mình, để từ khước cái vũ trụ của chúng ta đầy rẫy những cốt mìn, những mòn hao, những canh dài giá buốt; nhưng chậm mất rồi. Một cái gì đương lung trạo bức bách, một cái gì đi tới tự bên ngoài. Như tiếng chuông nhà trường sáng Chủ Nhật chậm chậm đánh thức cậu học trò bị phạt. Cậu đã quên hết những bàn ghế, những bảng đen phấn trắng, những bài chép phạt. Cậu mơ màng nghĩ tới những cuộc chơi ngoài đồng; luống công. Tiếng chuông dội mãi và nghiêm khốc loi cậu trở vào giữa cuộc bất công của nhân gian, không cách gì cưỡng nổi. Cũng tương tự thế, viên đội dần dà thu nhận trở về cái tấm thân hao mòn nhọc mệt, cái tấm thân dạn dày lăn lóc chán chường, cái tấm thân mà mình không còn thiết tới nữa, nhưng biết trút cái của phá gia nọ đi đâu, cái tấm thân sắp sửa phải ném lại mùi tiền oan, nghiệt chướng trong lạnh lẽo sức tình cơn, những rã rời đốt khớp, những tàn rụng da xương, rồi tới cái khối nặng yên cương giàm ách, rồi cái cuộc chạy lịch kịch cuồng điên, rồi cái chết. Cái chết cũng chẳng đến nỗi nào, nhưng nỗi dạ là cái chết oan gia: cái máu tuôn bầy nhầy đông vũng, cái mười ngón tay nhúng vào gượng gạo chống chỏi đứng lên, cái hỗn hển thở từng cơn, cái giá buốt chạy khắp châu thân hay bước tự bốn bề ùa vào vây bọc; cái chết cũng chưa đến nỗi nào, nhưng còn cái tội tàn của cuộc chết. Nhìn viên đội, tôi tư lự mãi, tôi găm lại cái cảnh ảo não của mình lần kia tỉnh giấc, cái cuộc dồn dập gia tăng của khát, của nắng, của cát, mình phải đưa thân ra mang lấy, gánh vào, ôi đời, ôi mộng, cái mộng đời tôi không được phép chọn theo tình tự tôi chiêm bao.

Nhưng anh đã đứng lên, nhìn thẳng chúng tôi trong con mắt:

- Tối giờ?

Chính đó là lúc con người xuất hiện. Chính tại đây là chỗ con người đứng ngoài vòng dự toán của luận lý: viên đội mỉm cười! Thế là nghĩa lý gì? Cám dỗ nào lôi? Du hoặc nào cuốn? Tà dục nào lung trạo suốt tâm linh? Tôi nhớ lại một đêm Paris. Đêm đó, Mermoz và tôi đã yến tiệc tạc thù với vài bè bạn, mừng một chu niên nào đó chẳng nhớ. Tinh sương tờ mờ, hai đứa còn ngồi tại quán rượu, chán chường vô độ vì cái vô độ của uống, đã ăn, đã cười, đã nói đến ăm ắp buồn nôn rồi vô lối. Nhưng trời hửng sáng, Mermoz đột ngột chụp lấy cánh tay tôi bóp mạnh đến nỗi nghe cả mấy móng tay anh bấm vào. “Anh nhớ chứ, giờ này tại Dakar...”. Giờ này các anh thợ máy đang dụi mắt, lột lớp vải bọc chong chóng phi cơ, giờ này phi công đi hỏi khí tượng, giờ này mặt đất chỉ còn đón bàn chân nao nức của bạn đồng nghiệp qua lại dập dìu. Trời ửng hồng rồi, yến tiệc soạn sửa rồi, nhưng cho ai kia, khăn bàn trải ra rồi cho một lễ hội mà chúng tôi sẽ không làm thực khách tham dự. Những kẻ khác đang liêu mình...

“Tại đây sao mà dơ dáy...”

Mermoz dứt lời.

Còn anh, anh đội, yến hội nào anh được mời vào tham dự, rất đáng liêu thân?

Trước kia, tôi đã từng được nghe anh thổ lộ tâm tình. Anh đã từng kể lại chuyện đời anh: một chân kế toán lai rai đầu đó tại Barcelone, tại đây anh đã thàng ngày biên chép hàng ngàn con số, và anh không bận tâm nhiều vì những chia rẽ trong nước anh. Nhưng một thằng bạn anh bỗng tòng quân, rồi một thằng thứ hai, rồi một thằng thứ ba, và anh bỗng ngạc nhiên nhận thấy mình đang chịu một cơn biến đổi dị thường: công việc làm bỗng dần dần thấy tẻ nhạt vô nghĩa. Những vui chơi, những lo nghĩ, những tiện nghi tũn mủn, thấy thấy biến thành những thứ gì đâu của một xa xôi quá vắng. Nhưng đó chưa phải là cái hệ trọng. Cho tới lúc nghe tin một thằng bạn chết, tử trận bên Malaga. Thằng bạn cũng chẳng phải là chí thiết chi cho

lắm mà nói tới ý muốn trả thù cho nó. Còn như nói về chính trị, thì đó lại là thứ chẳng bao giờ anh quan tâm. Thế tuy nhiên, cái tin kia lại phóng tới trên mình, trên căn số tử mủn đời mình, mạnh như trận gió biển. Một thằng bạn nhìn anh sáng nọ:

- Đi chứ ta?

- Đi chứ.

Và hai đứa đã “đi”. Hai đứa “đi chứ ta – đi chứ” đã lên đường tới đó, tại chốn kia.

Và hình ảnh chợt đến để giải thích với tôi cái chân lý mà anh không tìm được lời để diễn tả, nhưng tính cách hiển nhiên của nó đã chi phối lòng anh.

Vào mùa chim di thể, lúc những bầy vịt trời từng đợt bay ngang qua trời rộng, thì chúng gây nên những triều sóng dị thường tại những miền đất ở phía dưới dậm mây bay. Lũ vịt nhà, ngong ngóng nhìn lên, như dường bị nhiếp dẫn bởi đường bay lớn rộng của hàng ngũ vịt trời xếp theo hình tam giác đều đặt tiện gió lướt đi, lũ vịt nhà bỗng dang cách sập sè vụng về đập nhẩy. Tiếng gọi hoang vu đã đánh thức dậy nơi chúng những tàn tích hoang vu nào chẳng rõ. Và bỗng dừng trong một phút, lũ vịt nhà biến làm chim di thể thiên tỹ. Bỗng dừng trong cái đầu âm u bé bỏng cứng rắn kia, vốn chỉ ghi lại quần quanh những hình ảnh ao con, nước đục, sâu đen, chuồng tối, thoát thoi bỗng trào dậy những cơn phiêu bỗng thênh thang lục địa, hương vị những gió dãn trên mặt sóng mênh mông, những địa lý đại dương, những họa đồ đại hải... Con vật ngu ngơ vẫn không biết rằng cái óc não bé bỏng của mình lại đủ rộng để mang chứa được bao nhiêu là kỳ quan kiêu diễm, thế mà đột nhiên nó đã đập cánh chịu chơi, khinh thường hột thóc, khi dễ con sâu, và muốn mình phải trở nên vịt trời hoang vu náo động.

Nhưng tôi nhớ nhiều nhất là mấy con nai sa mạc cũ: tại Juby ngày trước tôi có nuôi mấy con nai sa mạc, tục gọi là linh dương. Bọn chúng tôi thả đó, tại xứ xa xôi kia, ai ai cũng có nuôi linh dương tròn trịa đôi mắt. Chúng tôi nhốt chúng nó trong một căn nhà bằng dây kẽm đan mắt cáo, để ở ngoài



trời, bởi vì linh dương cần có những ngọn nước của gió động phi tuyến, và không có giống gì yếu thơ, ngây dại, mãnh khảnh du dương bằng linh dương được cả. Bắt về nuôi lúc chúng còn bé, chúng vẫn sống được, và đưa mồm gặm nhai tại trong bàn tay người đút. Chúng bằng lòng để cho người vuốt ve, và dụi cái mồm ướt của chúng vào giữa lòng sũng của bàn tay chúng ta. Và ta tưởng chúng đã thuần tính, chịu dan díu cư trú với người, và quen thuộc nết nhau. Ta tưởng đã che chở được chúng trước sức xâm nhập của mối sầu khôn tả, khó hiểu lạ lùng, vốn âm ỷ nung nấu hao mòn hồn linh dương trong lặng lẽ, và đưa chúng nó tới cái chết vô hạn êm đềm... Nhưng một ngày kia bỗng ta thấy chúng thần thờ tỳ cặp sừng bé bỏng vào tấm lưới kẽm gai, hướng đầu về phía sa mạc. Một sức nam châm đang hút linh hồn óng ả của linh dương. Chúng không biết rằng chúng trốn tránh con người ta. Chén sữa ta mang lại cho chúng, chúng vẫn tiến đến uống. Chúng cũng đứng yên đưa hình hài cho ta vuốt, chúng vẫn dụi mồm vào lòng bàn tay chúng ta, càng thân ái thiết tha muôn vàn hơn nữa. Nhưng ta vừa thả lỏng ngón tay buông chúng ra, ta mới nhận thấy rằng sau một lúc động mình tuyết bạch chúng nhảy tung tăng có chiều như vui, có chiều như hạnh phúc hân hoan bỗng nhiên chúng bị thu hút trở lại bởi niềm gì khác đó, và quay trở lại bên lưới kẽm gai, tì đầu vào kẽm đan mắt cáo. Và nếu ta không can thiệp vào nữa, chúng nằm yên tại đó, cũng chẳng gắng phá chuồng, chẳng chống chọi vì với cái lưới chắn ngang, chỉ giản dị tỳ cặp sừng bé bỏng vào đó, cúi cổ thấp ngấn ngơ, lặng thinh cho tới chết. Phải chăng mùa yêu đương nào động, phải chăng tuần ân ái than van, hoặc phải chăng chỉ là khát vọng thiết tha một cuộc nhảy tung trời khiêu được cho phí sức ngất hơi? Linh dương không rõ. Gặng hỏi nàng, nàng chẳng nói cho ta hay. Hỡi ôi, từ thừa sơ sinh, ngay khi hai con mắt còn chưa mở mi ra, các cô bé đã vội lia vú mẹ mà lọt sang tay người. Các cô nào có hay có biết một tí gì đâu của chất hăng sa mạc, của thói thường tự do, của hương lừng hưng dật, phong dụ tình trai. Con đực là cái gì, các cô không rõ. Nhưng các anh, các anh thông thạo hơn nhiều. Cái điều xui các cô trở cơn xao xác, cái sự khiến các cô trở chứng kiếm tìm, cái đó các anh biết rõ, và duy chỉ khoảng rộng tuyết mù là có thể thành tựu giúp các cô thôi. Các cô muốn trở

thành linh dương và nhảy múa theo tiết nhịp linh dương. Tốc độ tung bay theo nhịp nhún nhảy của một trăm ba chục cây số một giờ, dạt dề, lướt gió, các cô muốn biết thế nào là trận nhảy thẳng băng trên hoàng sa trực tuyến, thế nào là chợt dừng phiêu hốt, thế nào là chợt vút thẳng lên cao, như bất thành linh tại đây, tại đó, những tia lửa hùng đột ngột từ lòng cát vọt lên. Sá gì lũ sài lang rình rập, nếu chân lý của linh dương là phải nếm cái vị kinh hoàng, cái mùi hoảng vía, cái lạc phách xiêu hồn riêng đủ sức xô ép các cô vào cõi mộng tự vượt quá mình, để nảy hột tinh anh giữa tuyến oa lộng múa. Sá gì sư tử kim mao, nếu chân lý của linh dương là được quyền nhập vào cơn nắng mặt trời để vỡ tan hình hài trong móng nhọn! Bạn nhìn chúng và bạn nghĩ: à ra thế, các cô này đương chịu trận tư hương. Tư hương là khát vọng quê nào của chân trời gì chẳng biết... Đối tượng của khát khao, cái đó là thật, nhưng lại không lời để nói được nó ra.

Còn chúng ta, chúng ta đang thiếu thốn cái gì?

Anh đội ơi, anh tìm ra cái gì tại đây khả dĩ đem lại cho anh cái cảm tưởng mình không vi bội định mệnh của mình? Có lẽ cái cánh tay huỳnh đệ nâng đầu anh lúc anh còn ngái ngủ, mà sẻ chia chung? “Ê! Anh bạn...”. Ái ngại giùm, là kẻ đứng rẽ riêng mà nhìn ngó. Thế vẫn còn cách biệt. Nhưng trong tình giao hảo, còn có một độ cao vời hảo hợp, tại đó lòng tri ân, lòng thương hại, cùng không còn nghĩa nữa. Tại đó người ta hô hấp như một tên tù được thoát ly cùm xích.

Chúng tôi có biết niềm hảo hợp đó, lúc chúng tôi bay từng đội hai phi cơ vượt qua miền Rio de Oro thưở đó còn chưa quy thuận. Tôi không một lần nào nghe thấy kẻ lâm nạn cảm tạ người giải nguy. Thường thường chúng tôi lại còn chưởi bới nhau chán chê nữa là khác, nhân những cuộc lây lất nhọc nhằn chuyển các bao thư tín từ phi cơ này sang phi cơ khác tại các trạm nghỉ: “Thằng toi đâm! Đồ chết bầm! Tao mà bị hỏng máy lúc đó lại tại mày, mày bướng bỉnh như quý gặp thiên lôi, cứ điên rồ đòi bay cao hai nghìn thước cho được, giữa cơn gió thổi ngược chiều! Nếu mày biết thân mà nghe theo tao bay thấp, thì có phải đã tới Port Etienne rồi không! Đồ toi đâm!”. Và đứa kia đã liều thân phụng hiến, lại một phen thấy xấu hổ nhận

ra mình làm một cái thứ “toi đâm” hoặc “lồi hang” chi đó. Nếu nói cảm tạ nhau, thì cảm tạ thằng kia vì cái vụ gì mới được chứ? Nó cũng có cái quyền vào sinh ra tử trên cuộc sống của chúng tôi đối với nó. Chúng tôi đều là các cành nhánh của một thân cây. Mà y cứu tao, thì tao rất lấy làm kiêu hãnh được có một thằng bạn chơi như mày!

Anh đội ơi, nó mà ái ngại giùm anh thì còn ra thể thống gì nữa. Mà tại sao nó phải ái ngại, nó là kẻ sắp trang bị anh đủ đầy để anh đi ra ngoài kia chịu chết. Các anh chia nhau một hiểm nguy, các anh đảm nhận cuộc liều thân đũa này vì đũa khác. Trong phút giây đó, người ta nhận ra cái niềm hảo hợp kia không cần lời phô diễn nữa. Tôi đã hiểu cái cuộc: “đi chứ ta – đi chứ” của anh. Nếu ở Barcelone anh đã nghèo nàn, cô đơn sau buổi làm công việc, nếu ngay cả tấm thân anh cũng không nơi lưu trú, thì tại đây anh cảm thấy mình đang thành tựu nghiệp mình, mình đang đi vào cõi của xứ miền bất tuyệt đại hòa đồng. Anh, con người bị ruồng bỏ, bây giờ anh được đón nhận bởi tình thương.

Tôi chẳng cần biết là thật hay không, là hợp luận lý hay không, những cái tiếng văn hóa to lớn của những người làm chính trị, những tiếng đó có lẽ đã gieo mầm rắc mống vào trong con người anh. Nếu những tiếng đó đã lung trạo được anh, và đâm chồi ra được, như những hạt giống đâm được chồi ra, thì ấy bởi là chúng đã đáp ứng được khát vọng của anh. Riêng anh là quan tòa xét đoán. Riêng đất đai nhận ra được hạt lúa của mình.

### 3

Liên kết các anh em bởi một mục đích chung nằm ngoài vòng chúng ta, chỉ khi đó chúng ta mới đề huề hô hấp, và kinh nghiệm cho ta thấy rằng yêu thương không phải là nhìn qua ngó lại nhau, mà ấy là cùng nhìn ngó chung về một hướng. Chỉ thật là bạn hữu lúc cùng liên kết trong một đoạn dây leo núi, hướng lên một chóp, tại đó bồ bịch lại trùng phùng. Nếu không thì tại sao ngay giữa thế kỷ tiện nghi an lạc này, chúng ta lại cảm thấy một niềm vui viên mãn đến thế, lúc chia nhau những thức ăn cuối cùng trong sa mạc? Trước sự vụ đó, những dự tính của những nhà xã hội học còn có

ngã lý chi? Đối với tất cả những ai trong chúng tôi đã từng biết niềm vui tót vời của những lần cứu nạn trong Sahara, mọi khoái lạc đều tũn mủn tầm phào.

Có lẽ vì vậy mà thế giới ngày nay đang khởi sự rạn vỡ quanh ta. Ai cũng động cơn say cuồng vì những tôn giáo đang hứa hẹn với họ niềm vui túc mục tròn đầy kia. Tất cả chúng ta, bằng những tiếng mâu thuẫn nhau lớp lớp, chúng ta cùng phô diễn những kiền tình, hưng phấn giống nhau. Chúng ta chia rẽ nhau trên bình diện những phương sách, chúng là kết quả của những luận lý, chúng ta không chia rẽ nhau vì mục đích: mục đích giống nhau.

Từ đó, ta đừng nên kinh ngạc. Kẻ nào không hay biết gì cả về cỗi bí nhiệm tiềm ẩn trong mình, nhưng chợt một lần cảm thấy nó trở cơn thức giấc trong một căn nhà hầm của những người chủ trương vô chính phủ tại Barcelone, nhân vì chứng giám và tham dự những hy sinh, tương thân tương trợ, những hình ảnh nghiêm mật của công chính, kẻ đó suốt đời sẽ biết riêng một chân lý: chân lý của người vô chính phủ. Và kẻ nào có lần đã mang thân canh gác bảo vệ một đoàn thể nữ tu bé bỏng quỳ gối kính hoàng trong những tu viện Tây Ban Nha, kẻ đó sẽ nguyện suốt đời liều thân cho giáo hội.

Lúc Mermoz phóng phi cơ tới triền núi Andes thuộc địa phận Chili, mang niềm tin thẳng cuộc trong lòng, nếu ta bảo anh rằng anh lầm to, rằng một lá thư của một người buôn bán có lẽ không đáng để anh liều thân như thế, thì Mermoz ắt hẳn đã cười anh. Chân lý, ấy là cái con người đang nảy nở ở trong anh, lúc anh vượt dãy Andes.

Nếu anh muốn chứng minh cho thấy thảm khốc ghê tởm của chiến tranh, với một kẻ không từ chối chiến tranh, anh đừng coi họ là dã man, tìm hiểu họ trước khi phê phán họ.

Ta thử gẫm chuyện vị sĩ quan chỉ huy một đồn binh tiên tuyến trong buổi chiến tranh tại Rif, đồn binh đó nằm ép giữa hai ngọn núi địch. Một đêm nọ, ông đón tiếp phái đoàn thương thuyết từ dãy núi phía Tây xuống. Đang uống trà với nhau thì súng nổ. Quân địch dãy núi phía Đông tới đánh đồn.

Vị chỉ huy muốn xua các vị quân sứ phái đoàn thương thuyết đi, để rảnh tay ra trận, thì các vị này đáp: “Chúng tôi là khách của ngài tối nay, Thượng Đế không cho phép chúng tôi bỏ ngài...”. Thế là họ nhập vào hàng ngũ thuộc hạ của ông, giải thoát đồn ông, rồi leo trở về sào huyệt chơi vơi như tổ ó đầu non của họ.

Rồi tới lượt họ soạn sửa tấn công. Trước một ngày, họ phái sứ giả tới:

- Tối hôm trước, chúng tôi có giúp ngài...

- Chính thế.

- Chúng tôi đã bắn ba trăm viên đạn...

- Chính thế.

- Phát hoàn số đạn ấy lại chúng tôi, là phải lẽ.

Vị đại úy, vốn người hào hoa quân tử, không thể lợi dụng cái chút ưu thế trong cuộc chơi, nó có được là do lòng quân tử hào hoa của phía địch. Ông hoàn lại họ những viên đạn ngày mai họ sẽ dùng để đánh ông.

Chân lý đối với con người, là cái gì làm con người thành một con người. Khi một kẻ nọ vốn biết giữ gìn phong thể trung chính trong giao tế, trung thực đàng hoàng trong cuộc chơi, trung tín trong quý chuộng nhau can tràng tâm phúc “một lời đã biết đến ta”, khi kẻ đó găm tới cái cỏi cao thượng trong bầu không khí mình được “phép” hoạt du, và găm ra cái miền lai rai tử tế của kẻ gian dối mỹ dân nếu gặp dịp thì ắt cũng đã tỏ tình tương giao huynh đệ với cũng chính mấy ông Ả Rập này bằng những vở vai bá cổ, cũng ắt đã nịnh nọt họ và đồng thời làm nhục nhã họ (toujours amicalement, bien entendu!), kẻ ấy nếu gặp ta, nghe ta bảo rằng chàng vị tất đã hành động đúng đường khôn ngoan khôn khéo, thì hẳn y chỉ chào ta bằng một niềm thương hại pha chút khinh bỉ. Và chính chàng ta có lý đó.

Nhưng mà anh cũng sẽ có lý như thường, nếu anh ghét chiến tranh.

Muốn hiểu con người và những như cầu của nó, muốn biết nó trong phần cốt thiết, thì chẳng nên đem những chân lý hiển nhiên của ta ra mà cho chúng chọi nhau lại qua lớp đốp. Vâng, các anh có lý. Tất cả các anh đều luôn luôn có lý. Luận lý minh giải được mọi sự. Cái anh chàng nọ cũng cứ

có ý luôn, cái anh chàng đem trút lên đầu những gã lưng gù tất cả những hoạn nạn thống khổ trần gian. Nếu chúng ta một mai mở cuộc chiến tranh chống bọn lưng gù, thì chúng ta cũng sẽ mau hăm hờ nhiệt thành lắm đó. Chúng ta sẽ trả thù tội ác của bọn gù lưng. Và quả thật bọn gù lưng cũng làm nên tội ác của lưng gù.

Muốn thử giải khai cái phần cốt yếu nọ, cần phải tạm quên những mối chia rẽ trong chốc lát, những mối chia rẽ bất hòa, một khi đã chấp nhận, sẽ lôi theo cả một quyển Kinh Thánh thiêng liêng chứa những chân lý cứng đen như đá không bao giờ nhúc nhích, không bao giờ rục rịch, và mở đường cho tinh thần cuồng tín... kể từ... tự đó... mà ra... Người ta có thể chia thiên hạ ra làm hai loại người, người phía hữu và người phía tả, người gù lưng và người không lưng gù, người phát xít và người dân chủ, và hồi ôi, những phân biệt chia xa kia đổ ai mà kích bác cho được. Nhưng, bạn cũng biết đó, chân lý là cái gì dung-dị-hóa cảnh đời, chớ đâu phải là cái gì tạo lập cõi hỗn độn nhà ma. Chân lý, đó là cái ngôn ngữ giải khai phơi mở cái phổ cập hòa đồng. Newton không có “phát minh” một định luật ẩn giấu lâu ngày theo cách điệu một lời giả ngữ mê, ngôn ẩn. Newton đã thực hiện một công trình sáng tạo. Ông đã thiết lập một thứ ngôn ngữ trần gian khả dĩ đồng thời diễn tả sự rụng rơi của một quả táo trên hai hàng cỏ mọc bờ đồng, hoặc sự vụ mặt trời đỏ đặng thiên. Chân lý, không phải là cái gì có thể minh giải, chân lý là cái gì giản dị hóa cho mê cung.

Ích gì đâu việc bàn luận về những lý thuyết, những quan niệm luận, những ý thức hệ? Nếu tất cả chúng đều có thể chứng minh, thì tất cả chúng cũng chọi nhau thảy thảy, và những luận bàn kia chỉ gây tuyệt vọng cho sự giải cứu con người. Trong khi đó thì con người, khắp nơi, quanh ta, vẫn bày tỏ những nhu cầu giống nhau như hệt.

Chúng ta muốn được giải thoát. Kẻ đào một nhát cuốc muốn biết nhát cuốc có một ý nghĩa nào. Và nhát cuốc của kẻ tội đồ, đương làm nhục nhả tội đồ, không giống nhát cuốc của người khai mỏ, đang làm lớn rộng tinh thần người khai mỏ. Ngục tù áp bức không nằm trong cái việc đào nhát cuốc. Lao lực không có gì đáng tởm, vật chất không có gì đáng ghê. Ao tù

thống khổ nằm tại nơi: đào một nhát cuốc mà chẳng thấy ý nghĩa của nhát cuốc, những nhát cuốc không kết liền kẻ đào đất vào với đoàn thể loài người.

Và chúng ta muốn thoát ra khỏi ao tù.

Tại Âu Châu có hai trăm triệu người sống dở chết dở, vì không thấy ý nghĩa đời mình ở đâu, và họ mong nảy nở. Kỹ nghệ đã lôi rút họ lìa ra khỏi ngôn ngữ truyền thống điền dã, phi phong thuần hức, và nhốt kín họ vào trong những xóm “thương mại bình kháng khổng lồ” giống như những nhà ga lựa tàu, đầy rẫy ngổn ngang những dây toa đen đũi như than. Từ đáy thăm những phường xóm thợ thuyền, họ muốn được thức giấc.

Cũng có kẻ, mắc nghẽn trong guồng máy xô bồ nghiệp nghề đủ lối, họ không còn hưởng được những niềm vui của kẻ tiên khu khai khẩn, những niềm vui tôn giáo, những niềm vui của người bác học. Người ta tưởng, muốn nâng cao đời sống của họ, chỉ cần ban áo quần, cấp lương thực, đáp ứng lại những nhu cầu của họ. Và người ta đã dần dà gây dựng cho họ nên anh chàng tiểu tư sản lai rai, hoặc anh làm chính trị thôn làng, hoặc tay chuyên môn không có đời sống nội tâm. Người ta cho họ học tập đủ đầy, nhưng người ta không bồi dưỡng, hàm dục họ. Cái kẻ tưởng rằng văn hóa là miệt mài nhớ nhiều công thức, kẻ đó quan niệm văn hóa một cách thật là ngậm ngùi thiếu não. Một cậu học sinh hạng bét tại trường chuyên nghiệp cũng biết về thiên nhiên và những định luật của thiên nhiên nhiều hơn Descartes và Pascal. Nhưng chàng ta làm sao có được cái khả năng vận dụng tinh thần như những con người đó?

Tất cả mọi người cùng âm thầm cảm thấy nhu cầu được nảy nở. Nhưng có những giải pháp đánh lừa. Cho con người vận binh phục nhất tề vào thân, chắc là có thể làm cho y hăm hờ nao nức. Y sẽ hát to những bản quân ca, và cùng bạn đồng đội bẻ bánh đề huề chia nhau ăn rộn rịp. Y sẽ tìm ra cái điều y kiếm, là cái hương vị hòa đồng đại thể. Nhưng từ cái miếng bánh cung cấp cho y, y sẽ ra sao nữa? Y sẽ chết.

Người ta có thể đào bới trở ra những ngẫu tượng tà ma, và làm sống trở dậy những thần thoại hồ đồ hay hữu lý, ta có thể làm sống trở dậy những

huyền thoại lung lạc như Liên Đức lý thuyết, Đại Nhật Nhi Man chủ nghĩa, hoặc La Mã Đế Quốc chủ nghĩa. Người ta có thể làm ngất ngây dân Đức bằng cái men ngây ngất được là người Đức phiêu bông, và là đồng bào của Beethoven –Tố-Như-Tử, và đồng quận của Nietzsche – Liệp-Hộ-Hồng-Sơn. Người ta có thể làm say sưa tót vời ngay cả kẻ giữ hàm rượu vốn đã tuyệt diệu say sưa. Và quả thật điều đó dễ làm hơn là gây dựng nên một Beethoven ở trong con người coi kho rượu.

Nhưng những ngẫu tượng kia là những tà ma khát máu. Những ma cà rồng vốn thuộc loài ăn thịt. Kẻ chịu chết vì cuộc tiến bộ của trí năng kiến thức, chịu chết vì lo chữa bệnh tật, kẻ đó phụng sự đời sống lúc chịu chết đi. Chết để bành trướng đất đai, mở rộng bờ cõi, có lẽ cũng là việc đẹp lắm, nhưng chiến tranh ngày nay lại tàn phá mất những gì nó tưởng đang bồi dưỡng. Ngày nay, chiến tranh không còn là vấn đề chịu hy sinh một ít máu để hồi sinh một giống nòi. Chiến tranh, từ cái ngày nó được trị liệu, được giải quyết bằng phi cơ và bom đạn chất độc, chiến tranh chỉ là chuyện đổ máu điếu tàn. Mỗi bên nấp sau một bức tường xi măng, mỗi bên, không làm gì hơn được, thì chỉ còn biết đêm đêm đưa các phi đội len vào trong nội địa của địch mà dội bom ở giữa ruột rà địch, cho tan hoang tim phổi địch, tại trung tâm sinh hoạt của địch, làm tê công sản xuất và thương mại của địch. Bên nào tan nát sau, thì bên đó thắng. Và đôi bên tha hồ mà mục nát song song.

Trong một thế giới biến thành sa mạc, chúng ta khao khát tìm lại bạn hữu: vị bánh mì bẻ chia nhau giữa bạn bè đồng đội đã xui chúng tôi chấp nhận những giá trị của chiến tranh. Nhưng chúng tôi không cần chiến tranh mới tìm thấy hơi ấm của những chen vai thích cánh trong cuộc chạy đua về chung một đích. Chiến tranh lừa gạt chúng tôi rồi. Lòng căm thù không thêm gì vào niềm hưng phấn trong cuộc.

Tại sao căm hờn nhau? Chúng ta liên đới nhau, cùng phiêu dạt trên một quả hành tinh, cùng là thủy thủ trên một con tàu trên mặt biển. Những nền minh chọi nhau, nếu đã làm thuận lợi thiết thiết cho những tổng hợp mới, thì đó là điều rất tốt, nhưng nếu để diến diệt nhau thì thật là tàn khốc.



Muốn giải thoát chúng ta, chỉ cần giúp nhau ý thức được một mục đích chung nó kết nối mọi người lại, thì hợp nhẽ nhất là nên tìm mục đích đó tại nơi nào nó đoàn kết tất cả chúng ta. Nhà giải phẫu đi thăm bệnh nhân, không có lắng tai nghe những lời than thở của bệnh nhân: qua người bệnh nọ, ông ta tìm chữa chạy cho chính Con Người. Nhà giải phẫu nói một ngôn ngữ chung. Cũng vậy, nhà lý học khi ông nghiên ngẫm những phương trình huyền diệu nhờ đó ông lĩnh hội được cùng một lúc cả nguyên tử và cả giải tinh vân. Cho đến anh mục tử đơn sơ, cũng vậy nữa. Vì cái kẻ âm thầm coi sóc vài con cừu dưới ánh sao, nếu anh ta ý thức được vai trò của mình, sẽ nhận thấy mình không chỉ là một tên đầy tớ. Mà một tuần binh, một người lính canh, một trường sở trụ. Mà mỗi lính canh đều mang trách nhiệm cho toàn quốc.

Anh tưởng rằng kẻ mục tử kia không mong giác ngộ? Tại chiến tuyến Madrid, tôi từng có viếng một nhà trường dựng lên cách các chiến hào năm trăm thước, phía sau một bờ tường đá nhỏ, trên một ngọn đồi. Một thầy cai dạy thực vật học tại đó. Thầy cầm một đóa mỹ nhân thảo, thầy tách rời từng bộ phận mỏng manh của đóa hoa, thầy “thu hút” tới bao nhiêu người râu ria vượt từ các vùng bùn lầy lân cận, lũ lượt kéo tới như đoàn hành hương, không kể gì lửa đạn. Họ ngồi xếp bằng xung quanh thầy cai, chống cằm trên tay, chăm chú lắng nghe thầy giảng. Họ nhíu mày, cắn chặt hàm răng lại, họ không hiểu gì mấy tí, nhưng người ta đã bảo họ: “Các ông là những kẻ man rợ như lời hang, chưa thoát hẳn cuộc sống toi đâm ăn lông ở lỗ, phải gắng tiến cho kịp nhân loại chớ!” và họ vội vã lịch kịch kéo bước tiến lên cho kịp.

Lúc ta ý thức được vai trò của ta, dù vai trò mờ nhạt mấy đi nữa, thì khi đó ta mới thấy hạnh phúc. Chỉ khi đó ta mới sống yên bình và chết yên bình, bởi vì cái gì đem lại một ý nghĩa cho cuộc sống cũng đem lại một ý nghĩa cho cái chết.

Cái chết êm dịu xiết bao nếu nó nằm trong vòng tuần hoàn ổn định của mọi sự, lúc một nông dân miền Provence đi tới chung cục đời mình, đem ký thác cho con mình thừa kế cái tài sản gồm những con dê cái, và những

cây ô liu, để mai sau tới lượt chúng sẽ giao phó lại cho cháu họ. Trong dòng dõi điền dã, con người ta chỉ chết một nửa đời mà thôi. Mỗi đời sống cứ theo nhau lần lượt mà rạn nứt như một quả đậu khô nứt vỏ, để cái hạt nó nảy ra con người ta đón nhận.

Một lần, tôi có dịp đứng cạnh ba người nông dân trước giường mẹ họ lúc bà lâm chung. Vâng, cảnh tượng thật là đau đớn. Lần thứ nhì, cuống rốn đứt ngang. Lần thứ nhì, một cái gút số tung: cái gút nối kết thể hệ trước với thể hệ sau. Ba đứa con thấy mình lẻ loi, còn phải học hỏi một trăm điều, thiếu mất một bàn ăn để quây quần ngày giỗ, thiếu mất một từ - cực quy tụ tình thương. Nhưng trong lần tử biệt đó, tôi cũng nhận thấy rằng đời sống có thể được ban cấp một lần thứ hai. Những người con ấy, tới lượt họ, họ cũng làm kẻ đầu đàn, tâm điểm cho sự tập trung đoàn kết, họ thành tộc trưởng, cho tới giờ họ sẽ trao quyền điều khiển lại cho lứa đầu thơ đại diện đang chơi đùa ngoài sân.

Tôi nhìn người mẹ, người đàn bà nhà quê già nua với khuôn mặt yên bình và nghiêm khắc, môi cắn chặt, cái khuôn mặt biến thành đá lạnh. Và tôi nhận ra khuôn mặt những người con trong đó. Khuôn mặt bà mẹ đã nấn đúc khuôn mặt con. Tấm thân bà mẹ đã đúc thân thể những người con tráng kiện. Và bây giờ, bà nằm yên tan nát, nhưng giống hệt một trái khô đã trao hạt cho đời. Tới lượt con cái bà sẽ đúc nên những tấm thân con người khác, bằng xương máu mình. Tại nông thôn, người ta không chết. Bà mẹ chết rồi, bà mẹ sống muôn năm.

Đoạn trường, vâng, nhưng gián dị xiết bao là hình ảnh đó của giây dòng dõi trường tại, lần lượt trút bỏ dọc đường những vỏ khô tóc bạc da mồi, mà thẳng bước tới một chân lý u huyền nào, qua bao bận thay hình đổi dạng.

Vì thế cho nên, cũng trong đêm đó, tiếng chuông chiều hồn tại thôn bản nọ vắng nghe như chất chứa những gì không phải tuyệt vọng đau thương, mà dạt dào một niềm hân hoan ẩn kín dịu dàng. Tiếng chuông tiễn đưa người chết, tiếng chuông đón tiếp lễ rửa tội người còn, cũng vang một giọng, và tối nay lại vang lên báo hiệu giờ nối tiếp của hai thế hệ giao nhau.

Và người ta cảm thấy một niềm thanh thản bàng bạc khi nghe tiếng chuông mừng một bà lão đi về trong lòng đất yên vui.

Cái gì chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác, chậm rãi như sự tiến triển của một thân cây? Ấy là cuộc sống mà cũng là ý thức tâm linh. Một tiến triển thẳng cao huyền bí! Từ một phún thạch hỏa sơn nung nấu, từ một chất dẻo tinh tú, từ một tế bào sinh động huyền diệu nảy mầm, chúng ta thoát thai và dần dà, tiến triển tuyệt vời cho tới lúc viết những bản dao ca, và ước lượng những giải ngân hà.

Bà mẹ không những chỉ truyền cuộc sống cho con: bà mẹ còn dạy cho con học một ngôn ngữ, ký thác cho con gói hành tranh thu nhật bao ngày trải qua bao thế kỷ, cái kho di sản tinh thần mà bà đã đón nhận, gồm những truyền thống, những khái niệm, những truyền kỳ, tất cả những gì làm nên sự chia biệt giữa Newton, Shakespeare và con người thái cổ ở trong hang tối.

Cái điều ta cảm thấy lúc ta đói, cái cơn đói của khát vọng đã giục những người lính Tây Ban Nha lướt qua lửa đạn mà học bài thực vật, cái cơn đói đã xui Mermoz bay qua Nam Đại Tây Dương, hoặc khiến kẻ nọ tới gạ gẫm với nàng thơ, cái điều ta cảm thấy đó là: cuộc phôi dục chưa hoàn tất, và chúng ta còn phải ý thức về mình và về vũ trụ. Chúng ta phải bắc cầu gieo nhíp trong đêm tăm. Những kẻ không biết tới điều đó, là riêng những kẻ thờ ơ vị kỷ mà làm nề nếp cho lối sống họ tưởng là khôn ngoan, là minh trí. Nhưng khôn ngoan đó là khôn vật. Thảy thảy trong đời đều chối bỏ cái loại khôn kia. Ô, những bạn hữu, những bạn hữu thân mến của tôi, xin các anh làm chứng giúp: chúng ta thật sự cảm thấy sung sướng là những lúc nào?

#### 4

Và tới đây, tại trang cuối cuốn sách này, tôi nhớ lại những công chức già đã “tháp tùng” tôi, buổi bình minh chuyển thư đầu tiên nọ, thuở may mắn được chọn đi, chúng tôi soạn sửa lột xác để nên người. Họ vẫn rất giống chúng tôi, nhưng lại không biết rằng mình đói.

Quá nhiều là cái đám người mà thiên hạ để ngủ yên.

Cách đây mấy năm, nhân một chuyến viễn du bằng xe lửa, tôi có ý muốn viếng cái quê hương đang chạy trên đường rầy, trong đó tôi giam mình ba ngày, chịu đựng ba ngày cái tiếng sào sạo bên tai. Tôi đứng dậy. Tôi đi dọc suốt con tàu đêm, từ đầu tới cuối, khoảng một giờ khuya. Những toa giường ngủ, trống vắng cả. Những toa hạng nhất cũng trống vắng.

Nhưng những toa hạng ba thì chứa ngổn ngang hàng trăm thợ thuyền Ba Lan mất việc làm tại đất Pháp phải tìm về quê hương. Tôi dọc theo hành lang tiến lên, bước qua thân mình những người nằm ngủ. Tôi dừng lại nhìn. Dưới những ngọn đèn tàu, nhìn vào toa chung chạ giống một phòng ngủ công cộng, nghe nong hơi đồn binh hoặc cảnh sát cục, tôi thấy cả một đám người hỗn độn nằm giữa ngang mặt cho tàu tốc hành dôi dặt. Cả một lũ người đắm trong ác mộng, đang quay về cõi khốn cùng. Những cái đầu to cạo trọc gối bừa bãi trên thành gỗ những băng dài. Đàn ông, đàn bà, con nít, lăn lộn từ phải sang trái, như bị dày vò bởi tiếng xe chạy ì ầm, những rung chuyển nhồi xóc hăm dọa mãi không nguôi. Họ tìm không ra chỗ yên thân trong giấc ngủ.

Và tôi thấy dường như họ đã mất hết nửa tính chất con người, bị xô đẩy trôi dạt từ đầu này tới cuối nọ châu Âu bởi những cuồng lưu kinh tế, bị đánh bật ra khỏi căn nhà phương Bắc, ra khỏi khu vườn bé bỏng với ba chậu phong lữ thảo mà ngày xưa tôi đã từng có dịp ngắm xem tại khung cửa sổ những nhà thợ mỏ Ba Lan. Họ chỉ gom góp mang theo những đồ dùng bếp núc, những chăn màn, gói trong những cái bọc cột bó lồi thoi luộm thuộm. Còn những gì họ đã ve vuốt thân yêu, những gì họ đã nuôi dưỡng thuần thực, chăm sóc ân cần suốt bốn năm hay năm năm lưu trú tại đất Pháp, con mèo, con chó và chậu phong lữ thảo, họ đành phải hy sinh bỏ lại, chỉ mang theo những nồi niêu nấu nướng.

Một đứa bé ôm vú mẹ mà bú, người mẹ mỏi mệt quá, trông như đương ngủ. Cuộc sống đang chuyển nhau trong hỗn độn thâm trầm của chuyến đi kia. Tôi nhìn người cha. Một cái sọ trơn trụi nặng nề như một hòn đá. Một thân thể gập lại trong giấc ngủ nham nhở, bọc trong lớp áo quần lao động,

lồi lõm nhấp nhô. Con người anh giống như một khối đất sét. Là thế đó, trong đêm tăm, những vật lênh đênh trôi dạt tấp bừa tại đây, không ra cái hình thù gì cả. Và tôi nghĩ: vấn đề không nằm trong hoàn cảnh khốn cùng nọ, trong dơ bẩn nọ, trong xấu xí hỗn độn nọ. Nhưng chính người đàn ông đó, chính người đàn bà đó, một ngày xưa ngẫu nhĩ gặp nhau, và người đàn ông chắc đã mỉm cười nhìn người đàn bà: sau buổi làm việc, chắc hẳn anh ta có mang hoa tới tặng nàng. Nhút nhát vụng về, có lẽ anh đã run như cây sậy vì sợ bị từ khước. Nhưng người đàn bà, vốn bản chất tự nhiên là đong đưa làm đóm, người đàn bà tin chắc ở cái duyên hấp dẫn của mình, có lẽ nàng đã thích đùa rỡ để chàng đâm lo cưới. Và anh chàng ngày nay chỉ còn là cái máy để cuộc đất, để đập đe bừa củi, anh chàng ấy xưa kia đã từng biết rung động bàng hoàng trong mỗi khắc khoải êm dịu làm sao. Chỗ huyền bí, là những kẻ đó đã biến thành những đồng đất sét nọ. Họ đã chịu qua cái khuôn đúc ác nghiệt nào, như một thứ máy dất, đã tạc ra hình thù oan uổng thế này? Một con vật già, còn giữ cái duyên già lưu lại cho cái duyên trẻ. Thì tại sao cái chất đất thó tốt đẹp của con người lại chịu hủy hoại như điều đứng thế kia?

Tôi tiếp tục đi tuần du giữa cái đám người ngủ hắt hiu thấp thỏm nọ, như nào nùng là chốn... Một tiếng ồn mơ hồ thoang thoảng gồm những giọng ngáy ồ ồ, những than thở âm u, những tiếng giày thô cọ vào gỗ, của những kẻ thân xác rã một bên, trần trọc tìm lẫn sang bên khác. Và mãi mãi vẫn âm thầm gõ nhịp là cái tiếng động liên miên ì ầm của con tàu nghe như tiếng sỏi bị sóng vỗ bật trên bãi biển.

Tôi ngồi đối diện với một cặp vợ chồng. Giữa người cha và người mẹ, đứa con thu hình chen ở giữa mà ngủ. Trong giấc ngủ, nó trở mình, và gương mặt nó hiện ra dưới bóng đèn. A! Một gương mặt thật đáng yêu. Cặp vợ chồng kia đã để ra một thứ trái tươi óng ả. Từ những khối lụm lụm nặng nề rách rưới kia, đã nảy ra một thành tựu viên mãn duyên dáng yêu kiều. Tôi nghiêng mình nhìn vầng trán trơn tru, cái miệng phụng phịu núng nính, tôi tự nhủ: đây là khuôn mặt nhạc sĩ, đây là Mozart lúc nhỏ, đây là một hứa hẹn đẹp đẽ của đời sống. Những hoàng tử thơ dại trong những

câu chuyện thần tiên, cũng vậy mà thôi: Nếu được che chở, nâng niu, bồi dưỡng, nó sẽ thành đạt vô chùng! Khi trong vườn có một đóa hồng nở do nhiều giống ghép thành, một đóa thanh tân, thôi thì các bác làm vườn thi nhau trầm trồ không ngớt tiếng. Người ta để riêng nó ra, người ta chăm sóc, hậu đãi. Nhưng không có kẻ làm vườn chăm sóc cho con người ta. Chú Mozart bé này cũng như bao đứa bé khác, sẽ không thoát khỏi cái máy dặt gọt. Mozart sẽ tìm thấy những khoái cảm tuyệt vời trong thứ âm nhạc thối tha: giữa xú khí những hàng cà phê khiêu vũ, Mozart bị lên án mất rồi.

Tôi quay trở về toa mình. Tôi tự nhủ: những người kia không hề đau đớn với thân phận họ. Và đây không phải lòng bác ái đang xui tôi bứt rứt. Đây không phải việc lân mẫn xót xa trên một vết thương thiên thu còn chảy máu trở lại. Những kẻ mang vết thương kia không hề cảm thấy mình bị thương. Bị tổn thương, bị xúc phạm tại đây, dường như là toàn thể nhân loại, chứ không phải là một cá nhân. Tôi không tin ở lòng thương hại. Cái xui tôi bứt rứt là quan điểm kẻ làm vườn. Điều xui tôi bứt rứt không phải là sự khốn cùng kia, vì con người ta dù sao rồi cũng nằm yên trong đó được như bọn lười biếng ôm bông cái “con lười biếng” mà nằm yên. Bao nhiêu thế hệ người Đông Phương sống trong hăm hiu hiu hắt mà vẫn hài lòng. Điều xui tôi bứt rứt, những tổ chức tô cháo bình dân không giải tỏa được. Điều xui tôi bứt rứt, không phải chuyện đói rách lòi lõm đó, không phải cảnh xấu xa tồi tàn đó. Điều xui tôi bứt rứt là trong mỗi con người kia, có một Mozart bị giết hại.

Chỉ có Tinh Thần thối qua đất thó, là có thể tạo nên con Người.

---

<sup>[1]</sup> cf. Nguyễn Du:

“Ai ngờ một phút tan tành thịt xương”

Biển mây vùng vẫy ngang tang.

Dẫn mình đi bỏ suối vàng như không.

<sup>[2]</sup>

André Malraux, trong *Les Voix du Silence*, ở cuối tập, trang 639, có tỏ ý không hài lòng với câu này. Malraux chắc là không đọc cuốn sách Saint-Exupéry, nên lầm nghĩa lời nói; tách rời khỏi tiết mạch câu chuyện dị thường, lời nói cô lập chơ vơ, mất hết chân trời viễn vọng. Một kẻ vào sinh ra tử, vừa thoát tay thần chết mở môi nói lời đó lúc nhìn thấy mặt bạn bên mình, **bình diện lập tức ở về phía-bên-kia**. Nghĩa là?

- “Anh Saint-Exupéry, anh thấy đó chứ? Bạn anh đây, tôi giỏi hơn con vật “một chút”, anh hài lòng vì thắng bạn của anh đi. Không bao giờ một con vật làm cái việc tôi đã làm. Vậy mọi con người hãy hân hoan hài hòa đi chứ.” Nếu đẩy sang bình diện lập luận trí thức, ắt là cái tinh thần vừa bi tráng, vừa tươi vui kia sẽ bị tổn thương, hoặc biến mất.

Camus cũng cuộc sống một lần bác một câu nói của Saint-Exupéry (xem L'Été). Nhưng do một phép lập ngôn của trường hợp yêu sách. Vốn hoàn toàn chấp thuận nhau, mà người tư tưởng đôi khi phải giả vờ bác nhau trước mặt mọi người. Điều bài bác kia không hề hiểm độc. Trái lại, nó phơi mở những chân trời giúp kẻ khác lên đường tư tưởng nhận định lại phương hướng, phương vị của mình.

<sup>[3]</sup>

### **Cước chú**

Đến đây tôi cảm thấy cần trở lại với **cước chú** ở trong trang 57. André Malraux viết như thế này:

“Nhân bản chủ nghĩa, không phải là nói: “Cái điều tôi đã làm, không một con vật nào ắt đã làm”; nhân bản chủ nghĩa, là nói: “Chúng tôi đã khước từ cái mà con thú vật trong chúng tôi đã muốn, và chúng tôi muốn tìm thấy trở lại con người ở mọi nơi nào chúng tôi đã tìm thấy những gì chà đạp nó”.

**Nguyên văn:** *L' humanisme, ce n'est pas dire: "Ce que j'ai fait, aucun animal ne l'aurait fait", c'est dire: "Nous avons refusé ce que voulait en nous la bête, et nous voulons retrouve l'homme partout où nous avons tronvé ce qui L'écrase".*

*"Cái điều tôi đã làm, không một con vật nào ắt đã làm", câu đó, lúc Malraux trích dẫn, ông bỏ bớt vài lời không cần yếu. Số là Saint-Exupéry viết trong Terre des Hommes thế này: "Ce que j'ai fait, je te le jure, jamais aucune bête ne l'éaurait fait" (trang 51). Và tới trang 59, ông bỏ bớt chữ "te" (Ce que j'ai fait, je le jure, jamais aucune bête ne l'aurait fait).*

Kể ra, danh từ "**nhân bản chủ nghĩa**" cũng là một danh từ nên tránh, vì cũng như tiếng "**giá trị**", nó đã bị đầu độc bởi biết bao nhiêu thế kỷ triết học Tây Phương (Xem Martin Heidegger – Lettre sur l'Humanisme).

Nhưng muốn dùng chơi, cũng chẳng sao. Miễn là dùng trong một dòng suy tư xa thăm hơn về cõi nguồn.

Tuy nhiên, cái điều đáng trách Malraux nhất là ở chỗ: câu nói của ông đưa ra hoàn toàn đúng – cái mới chết! – đúng theo tinh thần của chính Saint-Exupéry nữa, nhưng lại không thể đúng với một linh hồn thuần phác anh-dũng-sơ nguyên như Guillaumet, đương vùng vẫy chống với Tử Thần vì tinh thần trách nhiệm. Và chính Saint-Exupéry mẫn phục tuyệt đối người bạn chí thiết của mình, cũng là bởi lẽ đó.

Còn Camus? Ông không thuận nghe theo câu nói của Saint-Exupéry? Ông viết **theo điệu nào?**

*... "Je hais mon époque", écrivait avant sa mort Saint-Exupéry, pour des raisons qui ne sont pas très éloignées de celles don't j'ai parlé. Mais, si bouleversant que se soit ce cri, venant de lui qui a aimé les homes dans ce qui'ils ont d'admirable, nous ne le prendrons pas à notre compte. Quelle tentation, pourtant, à certaines heures, de se détourner de ce monde morne et décharné! Mais cette époque est la nôtre et nous ne pouvons vivre en nous haissant".*

(L'ÉTÉ – trang 117)



Xin dịch:

... “Tôi thù ghét thời đại tôi”, không bao lâu trước ngày ông chết, Saint-Exupéry đã viết thế, vì những lý do không quá xa biệt với những lý do tôi vừa nói tới. Nhưng, cho dẫu tiếng kêu kia xui cảm kích bằng hoàng tráng thốt bao nhiêu đi nữa, tiếng kêu vọng tới từ ông ta, là kẻ đã yêu thương con người trong những gì đáng kính phục nhất nơi con người, tiếng kêu kia chúng ta vẫn sẽ không nhận về phần mình được. Tuy nhiên, quyến rũ xiết bao là, đôi giờ đôi lúc, niềm mong muốn quay mặt lánh xa cái cõi trần u buồn và xương xấu đến cõi căn này! Nhưng thời đại này là thời đại chúng ta và chúng ta không thể sống mà căm thù, đày đọa nhau”.

Camus nhìn nhận sự cao nhã hoẵng viễn của Saint-Exupéry, nhưng ông phải buộc lòng viết câu cuối – thể theo một phép lập ngôn mà trạng huống thời đại nọ ở Âu Châu đương đòi hỏi thiết tha, sau những cuộc đau đớn của Saint-Exupéry, của Nietzsche... đã đành lòng chịu mang tất cả những nguyên rủa của nhân gian – để cho trong nhân gian, con người còn có thể sống trở lại.

Đó chính là cái phần *Im-pensé* (*Ungedachte*) trong tác phẩm của nhà tư tưởng sâu rộng. Đó cũng chính là cái chỗ xui nhà tư tưởng đau lòng: “*Il n'est pas une vérité qui ne porte avec elle son amertume*”. (Camus): không một chân lý nào không mang theo với mình niềm cay đắng của nó.

Còn đối với những người lơ đãng, không bao giờ chịu chậm rãi tư lự, thì chúng ta có thể lý luận theo lối trực tiếp này – và như vậy, đành phải cay đắng làm tổn thương Camus một cách tối ư bất công:

Chẳng hạn, ta thử nói thế này: “Ông Camus nghe lộn rồi. Ông bảo: “*Nous ne pouvons vivre en haissant*”. Chúng ta không thể căm thù đày đọa nhau mà sống được. Nhưng Saint-Exupéry có căm thù ai đâu. Ông căm thù cái thời đại ông đã xui con người này, con người nọ biến thành những sài lang. Mà những thị, phi, đen, trắng đều bị xô đẩy lộn phèo đi tất cả. Kẻ vô tội phải vào tù. Kẻ giết người lại lên án người khác sát nhân. Nếu thỉnh thoảng Saint-Exupéry có công kích liệt một vài kẻ, cũng là với tinh thần nọ, ở tầng thâm viễn nọ. Ông không hề căm giận con người”.

Nhưng lý luận như vậy là lý luận theo lối hời hợt thông thường trên bình diện tục tũ, rất cần thiết đối với số đông – và cũng làm tổn thương chân lý không phải ít. Vì chân lý uyên viễn bao giờ cũng phải hiện ra trong tính chất bội nhị, hàm hỗn – đó là cái mà người Tây Phương gọi là: *La Duplicité de l'Être*: tính chất bội nhị của Tồn Thế.

Vì sao như vậy? Đó không phải là điều có thể giải đáp tại đây. Vì vội vã giải đáp tại đây là phản bội câu hỏi ngay – ngay từ trên cơ sở, suy tư vậy. Câu đáp, nó nằm tại trong suy gẫm lặng lẽ của từng người soạn sửa tương ứng về sau.

Và trường hợp: một **lời cước chú** mà phải chia ra làm hai đoạn, ấy cũng là trong tinh thần tôn trọng tính cách bội nhị của Tồn Thế trường lưu vậy. Nhưng cái “vậy” lặp lại hai lần, ba lượt, bốn phen, năm trận, chưa chắc gì đã đúng là cái “hết”. Vì sao như vậy? Xin bỏ lửng lời đáp. Vì: câu hỏi, tự trong tinh thể của nó đã mang ý nghĩa một lời đáp – theo nghĩa một tặng vật hàm hỗn vô song cánh mây khép mở.

Nói vậy nghe chừng không hợp lý. Nhưng cái Lý nguyên sơ trong tình thế của nó là gì? Khi cái lý nguyên sơ biến thành luận lý hoặc nhà trường (*logique*) rồi cái luận lý học nhà trường biến thành tiểu luận lý nhà trại (*logistique*) – thì chúng ta sa ngay vào giữa mê hồn trận ngày nay.

Tôi xin đưa một thí dụ cụ thể, cho thấy cái luận lý nó có thể đưa ta tới Ngõ Cụt nào của lý luận:

Ông Jésus, ông Lão Tử, cũng nhận thấy và nhìn ra rằng trẻ con là Thánh, trẻ con theo cho nghĩa **con trẻ**, chứ không phải trẻ con là ù lì trẻ con. Mà thánh là kẻ “dạy” người. Vậy thì trẻ con phải dạy người. Ngược lại, người nào đòi dạy trẻ con là người đó làm loạn xã hội, cần phải bài trừ. Muốn bài trừ bọn người đông đảo đó, cần phải tổ chức những đoàn thể lớn, những đảng phái mạnh thì mới có cơ chống nổi và bài trừ. Bài trừ ai? Những kẻ dạy trẻ con. Những kẻ đó là ai? Là giáo sư vậy. Giáo sư ở đâu? Ở tại các nhà trường. Làm sao rúc vào trường để bài trừ họ? Trước tiên, phải đập phá nhà trường!!!

*Hỡi ôi! Đó là luận lý! Buồn thay!*

*Jean Walh bài bác Heidegger cũng lý luận gần giống như vậy, Sartre bài bác Camus cũng giống như vậy.*

*Xin cử ra một thí dụ đơn sơ hơn nữa:*

*Dịch văn thơ bao giờ cũng phải tôn trọng nguyên tác tận trong mạch ngầm tinh thể của tinh thần nó. Vậy bản dịch đúng tất nhiên phải là bản dịch phơi mở được mọi tinh túy của nguyên tác trên mọi bình diện nó di chuyển ở mọi chốn, mọi nơi. Và do đó mọi bản dịch đúng về một tác phẩm phải có một nội dung hình thể giống hệt như nhau. Nhưng xét ra, tự cổ chí kim, chưa hề có hai bản dịch nào, lại giống hệt nhau về cả nội dung lẫn hình thức. Vậy biết làm sao mà nhìn cho ra cái bản dịch đúng. Vì cái đúng, cái chân xác bao giờ cũng là chỗ để mọi cái “**phải**” chịu đồng quy. Mà như ta thấy, trong hàng triệu bản dịch chẳng có bản nào là đồng quy cho một bản nào. Vậy tất nhiên mọi bản đều sai be bét cả. Đã sai, còn giữ làm gì. Phải nên vội vã đốt hết một cách thật hấp tấp. Không còn một bản dịch nào còn lý do để tồn tại.*

*Hỡi ôi! Đó là luận lý! Thật đáng buồn thay.*

*Bởi đâu mà có tình huống thảm thê nọ? Nguyên do có lẽ bởi vì: chúng ta quên suy gẫm về tiếng tồn tại. Tồn tại không hẳn là tồn lưu. Chúng ta quên suy gẫm về tiếng lý do. Lý (lý) do không hẳn là Do Lý. Chúng ta quên suy gẫm về tiếng “hấp tấp vội vã”. Vội vã không hẳn là vội vàng. Chúng ta quên suy gẫm về tiếng sai và tiếng đúng. Sai không hẳn là quấy; đúng không hẳn là chính xác; chính xác không hẳn là xác thực; xác thực không hẳn là nghiêm mật – nghĩa là lầm lẫn một cách tai hại hai tiếng: l’exactitude và la pensée. L’exactitude scientifique không phải là la rigueur de la pensée, chúng cùng thiết yếu ở lĩnh vực mình, nhưng hoàn toàn không có gì gần nhau – từ trong bản chất. Hai tiếng đó hoàn toàn biệt lập nhau. Tại sao vậy? Có lẽ tại vì bấy lâu nay người ta thấy chúng gần nhau quá! Và có lẽ nhất, là tại nhà tư tưởng biến thành triết học gia. Mà triết-học-gia là quên mất “gia” là “nhà”, mà chỉ còn nhớ “bác” là “học”. Triết gia biến làm bác học giả. Và cả học giả, cả triết gia cũng có mặc cảm tự-ti-*

điên-đảo trước khoa học. Như vậy vừa phụ mình lại vừa phụ khoa học. Nhưng khoa học hoẵng viễn tự buộc mình phải chọn lĩnh vực mình, mà vẫn nguyện cầu cho nhà tư tưởng phải trưởng thành mà thành tựu cho tư tưởng để cùng nhau góp sức giải cứu con người trong hiểm họa về sau, để cùng mong sớm có ngày trùng ngộ bắt tay nhau qua bốn biển giữa một nhà. Nhưng nhà tan và biển mất. Vâng. Mọi nhà khoa học hoẵng viễn hẳn phải nguyện cầu chừng đó. Ngờ đâu nhà tư tưởng lại ưa làm nô lệ ru rú theo đuổi khoa học: lúc nào thấy tư tưởng có-vẻ-không-khoa-học, thì vội vã cho đó không phải là tư tưởng. Do đó, cố công gắng sức làm sao chứng minh cho rõ ràng rằng: tư tưởng của mình thật có tinh thần khoa học một cây! Rồi lại cố công chứng minh một việc thừa, một việc ai ai cũng rõ: phân biệt **khoa học** và **tinh thần khoa học**!

Người tư tưởng triết gia nào, trong thời đại chúng ta, mang nặng mặc cảm nhiều nhất đối với khoa học? Ấy không ngờ lại là Merleau-Ponty! Ông khá hơn Sartre ở chỗ ông không có mauvaise foi. Ông thua hẳn Sartre về cái thông minh và tài hoa. Cả hai ông cùng thiếu mất cái tinh thần – là cái cốt yếu của tư tưởng Phương Đông. Phương Đông không hẳn là của riêng đông phương. Nerval, Hoelderlin vẫn là những thi nhân tư tưởng Đông Phương. Parménide, Héraclite, Homère, cũng vậy. Ngược lại người Đông Phương ngày nay phần đông lại là người nô lệ cho Tây Phương. Suốt đời viết tiếng Việt mà vẫn là văn sĩ Pháp. Cũng như có kẻ suốt đời – tức là một trăm năm – viết tiếng Pháp mà vẫn là văn sĩ Việt. Trở lại với Merleau-Ponty. Xem lại cái bài ông công kích Einstein mà buồn cười vỡ mật. (Và phải bấm bụng nín cho khỏi cười). Và cái việc buồn cười nhất lại là: ông công kích kịch liệt nhà khoa học Einstein, mà lại vô tình đưa những luận chứng do tinh thần khoa học hạ đẳng đã ngấm ngấm tác động tâm linh ông ở tiềm thức, mặc dù bao lần ông vùng vẫy để thoát ly. Trường hợp Sartre cũng khó mà phân biệt được là ông cũng quá nhiều mauvaise foi (mauvaise foi không hẳn là ác ý) hoặc là ông ta muốn mở một cuộc đùa (đùa không hẳn là chơi) hoặc chịu chơi trong **nhất cuộc kỳ** - vẫn một cuộc đùa đồ sộ

giữa mê hồn trận hiện đại – theo tinh thần ông gán cho một nhân vật: “Tại sao anh làm điều xấu? Vì điều tốt, thiên hạ đã làm rồi”.

*Cái nguy nhất là tới đây, ta lại phải nêu câu hỏi: Biết đâu chính Merleau-Ponty cũng lại thử đùa rờn-một-trận với tinh thần hùng vĩ của Einstein??? Nếu không thì tại sao ông lại lý luận như trẻ con, theo lối Platon bàn việc Thi Ca???*

*Nêu được câu hỏi đó, là biết luận lý tồn lưu, theo nghĩa: luận lý về cái **Lý-Lô-Gô** sơ nguyên ban thủy (nên nhớ sơ, nguyên, ban, thủy, xin được hiểu mỗi tiếng theo hai nghĩa bội nhị khác nhau – hai nghĩa vừa xa vừa gần nhau).*

*Có thể giải thích cụ thể hơn, rõ ràng hơn nữa không? Về cái lối luận lý tồn lưu? Có thể lắm. Xin cử một thí dụ cụ thể về cái lối luận lý tồn-lưu-phiêu-bồng vì rất mực cụ thể mà biến thành siêu thể:*

*Bấy lâu nay ta nghĩ rằng ta-tư-tưởng. Làm sao có thể tin như thế được? Bởi vì thật ra ta không tư tưởng, mà chính tư tưởng về với chúng ta. Vậy ư? Chính vậy. Ai chẳng thường kinh nghiệm điều này: nhiều lúc ta vò đầu, bứt tóc, ngắt lông, mà nào có nghĩ ra cái tư tưởng nào đâu. Bỗng một bình minh (theo nghĩa bóng: bình minh có thể là hoàng hôn, có thể là nửa đêm gà gáy bỗng dừng sau một giấc chiêm bao, từ đâu chẳng rõ) ta – “A ha! Gặp rồi! Nhận thấy rồi”. Thử hỏi: nếu tư tưởng không về với ta trong chiêm bao mà ứng mộng, theo lối Đạm Tiên về với Kiều, thì làm sao ta lại thấy ra, mà kêu to như thế? Lúc ta tìm thì nó không tới; ta tìm dữ, thì chính ta điên đầu. Sau một giấc chiêm bao ta phiêu bồng theo cánh bướm, bỗng tư tưởng đến với ta như đã đến với Trang Tử, hoặc lớn hơn đôi chút, theo cánh bướm diu về.*

*Người bị ảnh hưởng tâm lý học Tây Phương hạ đẳng, sẽ lôi những giải thích lai rai về tâm lý ra mà bác ý kiến trên đây. Họ bảo: “Không thể nói là tư tưởng đến với ta. Chính là ta tìm ra tư tưởng. Bởi đâu? Cứ thử luận lý theo cái thí dụ anh nêu ra. Anh tưởng rằng khi anh ngủ, là anh triệt để ngủ nướng như lá cỏ? Không. Lúc anh ngủ, tiềm thức anh vẫn tiếp tục làm việc một cách sâu thẳm mà mình mãi vô cùng. Rồi tỉnh cơn ngủ, trở giấc trút*

trận chiêm bao, anh tưởng rằng: bỗng dừng mà tư tưởng đến? Không có thể đâu. Vì anh đã từng nghĩ lui, nghĩ tới, nghĩ tỉnh, nghĩ say, nghĩ miên man bồn chồn trong trận ngủ, rồi cuối cùng anh thu hoạch được kết quả, chớ nào đâu có phải là tự dừng mà tư tưởng đến với anh”.

Hồi ôi. Lời ông bạn thật là chí lý. Nhưng có mà quý sứ nó nghe. Bởi đâu? Bởi rằng: hễ người đứng đắn mà nghe câu đó lọt được vào trong cái lỗ tai, thì té ra những lời ông Jésus, ông Lão Tử, tất nhiên phải là sai bét hết. Lời nào của ông Lão, ông Jésus? Xin bỏ lửng lời đáp vậy. Tại sao bỏ lửng? Vì trên đây cũng đã có bỏ lửng một cách không bỏ lửng một chút nào rồi.

- Thôi đừng nói rồn nữa chứ. Sự thật là thế nào? Có thật là tư tưởng tới với ta không? Hay thật là ta tư tưởng tới?

Đáp rằng: thật ra là **thế** (không phải **thế**) thật; thật ra là **thế gọi, ta thừa**; thật ra là ta tạm thế gọi, và tư tưởng tồn thế đáp lời; ta kêu, và tồn lưu gieo giọt; ta xin uống và tồn lưu ban khen ngọt cho. Vậy thì rõ ràng là hai cách nói đều đúng cả, đúng mỗi bên một cách – là bội nhị tịch hợp song liêm. “Vì trong lẽ phải, có người có ta” là vậy.

Và vì vậy, nên cái chỗ tối cao là vô ngôn, không lời. Hoặc có nói lời thì nói bi bô cà lăm theo lối con trẻ không trẻ con.

**Đề ý:** Nên nhớ rằng ngàn ngữ Việt Nam có câu: “Sai một con toán, bán một con trâu”. Nên nhớ thêm rằng: người phẩm bình mà chệch lệch một chút con toán, thì người tư tưởng phải bán hai con trâu. Tôi không thể tự biết mình đã buộc những ông tư tưởng hiện đại phải bán đi mỗi ông là mấy chục con trâu. Nhưng ai ai cũng phải nhận thấy rằng các nhà phê bình – dù chấp nhận, dù kích bác – đã từng buộc tôi bán đứng nhiều nhất là một triệu rưỡi con trâu tồn lưu, và ít nhất là một phần tư con bò tồn thế. Suy rộng ra theo tinh thần đó, chúng ta bỗng chợt thấy rằng từ lâu lắm, người Trung Hoa, người Tây Phương, cũng vì tính sai một con toán tồn lưu, mà Việt Nam và một số bạn hăm hiu, đã phải bán thật là nhiều con trâu.

Đột nhiên tôi sực nhớ thêm điều này, nó cũng giúp nhiều cho cuộc tồn lưu tư tưởng: Đọc Saint-Exupéry, lúc nào ta thấy ông nói nghe đúng, rành rẽ, ấy chính là chỗ ông phải buộc lòng hạ thấp tư tưởng của mình. Trái lại, lúc nào xem chừng ông viết có vẻ ba rơi hoặc ba gai ba góc, ấy chính là lúc tư tưởng lên tới tột cao tồn thể phiêu bồng. Thí dụ? Như lúc ông nói về cứu cánh và phương tiện là lúc tư tưởng xuống thấp tới mức thông thường. Trái lại, lúc tư tưởng lên cao viển nhất là lúc ông nói tới gái Sa Mạc, người Maure và Bonnafous. Vì sao? Vì Maure đọc trại ra thành Mô. Mà “mô” có nghĩa là một câu hỏi tự tại, nghĩa là tự mình tìm ra lời đáp ngay ở trong mình. Bởi vì “mô” vừa có ý nghĩa nghi vấn (**Mi ở mô?**), vừa có nghĩa xác định lẽ hư vô (**Tôi có biết chi mô!**). Còn Bonnafous có nghĩa là Bon-à-faire-le-fou. Et comment est le fou? Leftou est foudroyant comme la foudre est ondoyante. (Chấm dứt Cước chú).

<sup>[4]</sup> Saint-Exupéry đưa ra cái lý do duy nhất đã quyết định sự chọn lựa của ông. Đối với chúng ta, câu hỏi nêu ra tại đây là: vì sao cái lý do kia lại đủ sức quyết định? Đáp: chính bởi lúc chọn lựa là nhắm mắt theo linh cảm, nghĩa là: sự chọn lựa mang tính chất tin-yêu-không-chọn-lựa. Nghĩa là: cái lý do sơ thủy đã bất chấp cái lý do của luận-lý-lý-trí eo hẹp nhà trường..

Trên một bình diện tư tưởng khác, cũng rất âm thầm, cũng theo thể điệu chiêm bao mộng triệu ta lại nhận thấy rằng trước kia, cách Saint-Exupéry một thế kỷ, Gérard de Nerval và Hoelderkin cũng đã từng linh cảm như vậy... Ngày nay, người Tây Phương tìm tới chúng ta, để xin một bài học tư tưởng, thì họ lại ngạc nhiên thấy chúng ta không chịu đóng vai bậc thầy, lại cứ đòi theo đuôi họ, ở mọi lĩnh vực. Những chủ nghĩa, những học thuyết của họ, họ vốn biết là căn bã của văn minh Tây Phương đang điêu tàn, thì chúng ta o bế như đào tiên. Họ tự hỏi: tại sao Đông Phương có một lực lượng tinh thần khủng khiếp trong truyền thống, lại không chịu sử dụng nó để đánh lại chúng ta, thì không bao giờ người Tây Phương chúng ta chịu

đầu hàng cả. Trái lại, nếu họ đưa tinh thần Á Đông ra, thì lập tức chúng ta buông tay.

<sup>[5]</sup> Trong võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, thường thấy những nhân vật chính trong giờ bị khốn đốn, trong nguy cơ thập tử nhất sinh, đột nhiên giác ngộ được thứ võ công giáp trĩ thượng thừa, bước vào quai nhai cảnh giới, tự giải phóng kinh mạch một cách huyền diệu, và thành tựu tinh thể của cái đẹp Võ Công Siêu Đẳng.

<sup>[6]</sup> Quê ngoại của Saint-Exupéry.

Bạn đọc cũng nên giữ lại đoạn 4 chương IV (trang...) nhìn lại gương mặt U già... Và, một câu nói riêng biệt của Saint-Exupéry: “*Mon plus lointain souvenir? J’avais une gouvernante Tyrolienne, qui s’appelait Paula. Kỷ niệm xa xôi xưa cũ nhất của tôi? Xưa kia tôi có một người vú già vốn quê quán ở Tyrol, và tên gọi là Paula ạ*”.

<sup>[7]</sup> ***Nons sommes embarqués*** – lời bất hủ của Pascal, có nghĩa là: “***chúng ta đáp tàu***”, dù muốn dù không, bị xô ra đời sống là suốt trăm năm phải lên đường, phiêu du trong cõi, phiêu dạt biển khơi, phiêu linh lục hải, phiêu lạt thường hồ, phiêu bồng vào hố thẳm của Cực Chung.

<sup>[8]</sup> Chắc là Saint-Exupéry rất quên và rất nhớ hai người con gái tại một Oasis xứ Argentine, gần quận Concordia, tao phùng buổi nọ...(Xem lại chương V ở trước, trang 112-113...)



## Cước chú

Ý tại ngôn ngoại – hoặc ngôn tại ý ngoại – là ở tại đây. Xin bạn đọc đoán ý chỗ ý tại ngôn ngoại trong câu trên của Saint-Exupéry, theo viễn tượng Tồn Lưu Tây Phương.

“... Das zunaechst Befremdliche bleibt jedoch dies: Sein schickt sich uns zu, indem es zugleich sein Wesen entzieht dieses im Entzug verbirgt”.

Dịch theo thông thường, thì rằng: “Cái đầu tiên đáng xui ngạc nhiên vẫn lại là cái này: Tồn Lưu tự trao thân cho chúng ta, chính trong lúc mà Tinh Thể của nó, thì nó lại để vắng thiếu mất, nó che giấu Tinh Thể của nó trong sự vắng bóng kia”.

Diễn dịch nghiêm mật ý đó theo những yêu sách của Ngôn Ngữ Việt thì rằng:

“Điều đầu tiên đáng ngạc nhiên  
 Ấy là cái vậ tuy nhiên thế này:  
 Tồn Lưu tự cấp hai tay  
 Hai hàng khếp mở hai dày mỏng dâng  
 Tặng trao Tinh Thể ngại ngùng  
 Xuân Vân nép mặt, Thu Mồng dấu mi”.

Dịch sang Hán văn, thì rằng:

Ban sơ khả dĩ thị Lưu Tồn  
 Tự phó thân ban cấp tử tôn  
 Sa hợp tức phân hồn hướng hậu  
 Lộ nùng tinh thể ẩn tinh thôn.

# Table of Contents

TIỂU SỬ SAINT – EXUPÉRY

TỰA

Mở Đầu

I: DẶM ĐƯỜNG BAY

II: BẠN ĐỒNG NGHIỆP

III: PHI CƠ

IV TÀU BAY VÀ TRÁI ĐẤT

V: MÀU XANH SA MẠC

VI: TRONG SA MẠC

VII: GIỮA LÒNG SA MẠC

VIII: NGƯỜI TA